



**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VINH LONG  
BAN CHỈ HUY PCTT&TKCN TỈNH VINH LONG**

**KẾ HOẠCH PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI  
VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN TỈNH VINH LONG  
GIAI ĐOẠN 2021-2025**





**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VINH LONG  
BAN CHỈ HUY PCTT&TKCN TỈNH VINH LONG**

**KẾ HOẠCH PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI  
VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN TỈNH VINH LONG  
GIAI ĐOẠN 2021-2025**

**CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN  
CHI CỤC THUY LỢI – VĂN PHÒNG  
THƯỜNG TRỰC BAN CHỈ HUY  
PCTT&TKCN TỈNH VINH LONG**

**TƯ VẤN THỰC HIỆN DỰ ÁN  
VIỆN QUY HOẠCH THUY LỢI  
MIỀN NAM**

Chủ nhiệm: Trần Duy An  
Xây dựng Kế hoạch: Trần Duy An  
Bùi Ngọc  
Trần Quang Thọ

Cán bộ Phòng QHTL ĐBSCL





## MỤC LỤC

Trang

MỤC LỤC	i
DANH MỤC BẢNG BIỂU .....	vii
DANH MỤC HÌNH VẼ .....	ix
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT .....	xi
PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN .....	1
PHẦN 2: NỘI DUNG KẾ HOẠCH PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN TỈNH VĨNH LONG GIAI ĐOẠN 2021-2025 .....	3
CHƯƠNG 1. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU.....	7
1.1 MỤC ĐÍCH.....	7
1.2 YÊU CẦU.....	7
CHƯƠNG 2. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, DÂN SINH, KINH TẾ - XÃ HỘI, CƠ SỞ HẠ TẦNG CHỦ YẾU.....	9
2.1 VỊ TRÍ ĐỊA LÝ.....	9
2.2 ĐẶC ĐIỂM ĐỊA HÌNH, ĐỊA CHẤT .....	9
2.2.1 Địa hình .....	9
2.2.2 Địa chất.....	10
2.3 ĐẶC ĐIỂM KHÍ TƯỢNG, THỦY VĂN .....	11
2.3.1 Khí tượng.....	11
2.3.2 Thủy văn .....	12
2.4 ĐẶC ĐIỂM DÂN SINH.....	12
2.4.1 Dân số.....	12
2.4.2 Biến động dân số .....	13
2.5 ĐẶC ĐIỂM XÃ HỘI.....	13
2.5.1 Mức sống dân cư .....	13
2.5.2 Y tế và chăm sóc sức khỏe.....	13
2.5.3 Giáo dục và Đào tạo .....	13
2.6 QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ.....	14
2.7 CÁC NGÀNH KINH TẾ CHÍNH BỊ ẢNH HƯỞNG BỞI THIÊN TAI.....	15
2.7.1 Nông nghiệp .....	15

2.7.2	Công nghiệp.....	17
2.7.3	Thương mại, dịch vụ.....	18
2.7.4	Du lịch .....	18
2.8	<b>ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI.....</b>	<b>18</b>
2.8.1	Mục tiêu tổng quát.....	18
2.8.2	Mục tiêu cụ thể .....	19
2.9	<b>ĐẶC ĐIỂM KẾT CẤU HẠ TẦNG.....</b>	<b>20</b>
2.9.1	Giao thông .....	20
2.9.2	Thuỷ lợi .....	21
2.9.3	Hạ tầng y tế.....	22
2.9.4	Hạ tầng về giáo dục, đào tạo.....	22
2.9.5	Năng lượng .....	22
2.9.6	Bưu chính viễn thông.....	23
2.9.7	Hệ thống phát thanh, truyền hình .....	23
2.9.8	Hệ thống cấp nước sạch, tiêu thoát nước, xử lý môi trường .....	23
2.9.9	Hạ tầng về Văn hoá, Thể thao và Du lịch.....	24
2.10	Đánh giá chung .....	25
	<b>CHƯƠNG 3. HIỆN TRẠNG VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN TỈNH VĨNH LONG .....</b>	<b>27</b>
3.1	<b>TÌNH HÌNH THIÊN TAI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH LONG .....</b>	<b>27</b>
3.1.1	Sét, lốc xoáy .....	27
3.1.2	Sạt lở đất.....	28
3.1.3	Xâm nhập mặn.....	30
3.1.4	Hạn hán.....	32
3.1.5	Triều cường, mưa lớn .....	32
3.2	<b>HỆ THỐNG VĂN BẢN PHÁP LUẬT, CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN.....</b>	<b>34</b>
3.3	<b>HỆ THỐNG CHỈ HUY PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN ..</b>	<b>36</b>
3.3.1	Hệ thống chỉ huy Phòng, chống thiên tai các cấp:.....	36
3.3.2	Nguyên tắc, cơ chế phối hợp giữa các thành viên Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh.....	37
3.4	<b>CÔNG TÁC DỰ BÁO, CẢNH BÁO SỚM .....</b>	<b>39</b>

3.5	PHƯƠNG TIỆN, VẬT TƯ, TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI.....	39
3.5.1	Chuẩn bị vật tư, phương tiện, trang thiết bị.....	39
3.5.2	Hiện trạng dự trữ nhu yếu phẩm.....	39
3.5.3	Đảm bảo y tế.....	40
3.6	CÔNG TÁC CỨU HỘ, CỨU NẠN .....	40
3.7	CÔNG TÁC THÔNG TIN, TRUYỀN THÔNG TRONG PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN.....	41
3.8	NĂNG LỰC VÀ NHẬN THỨC CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN.....	43
3.9	ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CÁC CƠ SỞ HẠ TẦNG PCTT.....	47
3.9.1	Hệ thống công trình thuỷ lợi và PCTT .....	47
3.9.2	Hệ thống quan trắc, đo đạc, cảnh báo.....	49
3.9.3	Hệ thống giám sát, cảnh báo thiên tai.....	52
3.9.4	Hệ thống giao thông phục vụ cứu hộ, cứu nạn.....	52
3.9.5	Hệ thống điện, thông tin liên lạc, truyền thanh, truyền hình .....	54
3.9.6	Nhà tránh trú thiên tai cộng đồng.....	56
3.10	ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN LỒNG GHÉP NỘI DUNG PCTT TRONG CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN, KẾ HOẠCH, QUY HOẠCH CỦA CÁC NGÀNH, PHÁT TRIỂN KTXH .....	56
3.11	ĐÁNH GIÁ VỀ CÔNG TÁC PHỤC HỒI, TÁI THIẾT SAU THIÊN TAI.....	64
3.12	NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH.....	66
	<b>CHƯƠNG 4. ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI .....</b>	<b>69</b>
4.1	PHẠM VI ĐÁNH GIÁ .....	69
4.2	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ.....	69
4.3	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ .....	70
4.3.1	Độ lớn của các loại hình thiên tai .....	70
4.3.2	Các đối tượng bị ảnh hưởng (dân sinh, KT-XH, CSHT).....	74
4.3.3	Năng lực phòng, chống thiên tai.....	79
4.3.4	Nhận định tình hình thiên tai trong tương lai .....	80
4.3.5	Đánh giá rủi ro theo khu vực hành chính .....	85
	<b>CHƯƠNG 5. CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN.....</b>	<b>87</b>

5.1	BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, GIẢM THIỂU .....	87
5.1.1	Biện pháp chung .....	87
5.1.2	Biện pháp cụ thể .....	88
5.2	BIỆN PHÁP ỨNG PHÓ .....	106
5.2.1	Đối với bão, ATNĐ .....	106
5.2.2	Đối với lốc xoáy, sét .....	107
5.2.3	Đối với lũ.....	110
5.2.4	Đối với hạn hán, xâm nhập mặn.....	114
5.2.5	Đối với sạt lở đất do dòng chảy.....	120
5.2.6	Đối với mưa lớn, triều cường .....	123
5.2.7	Phân giao trách nhiệm ứng phó với từng cấp độ rủi ro .....	126
5.2.8	Xác định nguồn lực thực hiện.....	127
5.3	TỔ CHỨC TÌM KIẾM CỨU NẠN VÀ KHẮC PHỤC HẬU QUẢ, TÁI THIẾT SAU THIÊN TAI .....	127
5.3.1	Triển khai công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, nhu yếu phẩm thiết yếu .....	127
5.3.2	Thống kê, đánh giá thiệt hại, nhu cầu hỗ trợ .....	128
5.3.3	Xây dựng và tái thiết.....	128
5.3.4	Vệ sinh môi trường sau thiên tai.....	129
5.4	BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI LIÊN VÙNG .....	129
<b>CHƯƠNG 6. LỒNG GHÉP NỘI DUNG PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN.....</b>		<b>131</b>
6.1	YÊU CẦU VÀ NGUYÊN TẮC LỒNG GHÉP .....	131
6.1.1	Yêu cầu lồng ghép .....	131
6.1.2	Nguyên tắc lồng ghép .....	132
6.2	QUY TRÌNH CÁC BƯỚC THỰC HIỆN LỒNG GHÉP .....	132
6.2.1	Rà soát lồng ghép nội dung PCTT trong các quy hoạch, kế hoạch ngành, phát triển Kinh tế - xã hội.....	132
6.2.2	Phân tích tình trạng và khả năng chống chịu thiên tai của các đối tượng dễ bị tổn thương trong tương lai về kinh tế, xã hội và môi trường.....	132
6.2.3	Xác định các nguyên nhân dẫn đến thiệt hại của từng lĩnh vực (kinh tế, xã hội và môi trường):.....	133
6.2.4	Xác định các giải pháp phòng, chống thiên tai theo thứ tự ưu tiên phù hợp với các loại hình thiên tai thường xuyên xảy ra.....	133

6.2.5	Giám sát, đánh giá việc thực hiện nội dung lồng ghép.....	134
6.3	NỘI DUNG LỒNG GHÉP .....	135
6.4	NHIỆM VỤ LỒNG GHÉP CỦA CÁC NGÀNH .....	136
6.4.1	Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn .....	136
6.4.2	Ngành Y tế .....	138
6.4.3	Ngành Công thương.....	140
6.4.4	Ngành Xây dựng.....	141
6.4.5	Ngành Giáo dục .....	142
6.4.6	Ngành Giao thông vận tải .....	143
6.4.7	Ngành Tài nguyên và Môi trường .....	144
6.4.8	Ngành Thông tin và Truyền thông.....	144
6.4.9	Ngành Khoa học và Công nghệ.....	145
6.4.10	Ngành Lao động, Thương binh và Xã hội .....	146
6.5	LỒNG GHÉP NỘI DUNG PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀO QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI.....	146
6.5.1	Lồng ghép nội dung phòng chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu vào Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh	146
6.5.2	Lồng ghép nội dung phòng chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (dài hạn, trung hạn và ngắn hạn) và Kế hoạch phát triển ngành: .....	147
<b>CHƯƠNG 7. NGUỒN LỰC VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN .....</b>		<b>149</b>
7.1	XÁC ĐỊNH NGUỒN LỰC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH .....	149
7.1.1	Nguồn lực về tài chính.....	149
7.1.2	Nhu cầu nguồn lực về tài chính để thực hiện Kế hoạch .....	149
7.1.3	Nguồn nhân lực.....	150
7.2	PHÂN KỲ THỰC HIỆN .....	150
<b>CHƯƠNG 8. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....</b>		<b>155</b>
8.1	NHIỆM VỤ CHUNG .....	155
8.2	NHIỆM VỤ CỤ THỂ .....	155
8.2.1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.....	155
8.2.2	Văn phòng thường trực Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh .....	156
8.2.3	Các thành viên Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh.....	156
8.2.4	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Vĩnh Long.....	157

8.2.5	Công an tỉnh.....	158
8.2.6	Sở Thông tin và Truyền thông .....	158
8.2.7	Sở Giao thông vận tải .....	158
8.2.8	Sở Công thương.....	158
8.2.9	Sở Xây dựng .....	158
8.2.10	Sở Tài chính.....	158
8.2.11	Sở Kế hoạch và Đầu tư .....	159
8.2.12	Sở Giáo dục và Đào tạo .....	159
8.2.13	Sở Y tế .....	159
8.2.14	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội .....	159
8.2.15	Sở Tài nguyên và Môi trường.....	159
8.2.16	Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên.	159
8.2.17	Công ty Điện lực Vĩnh Long .....	160
8.2.18	Viễn thông Vĩnh Long .....	160
8.2.19	Đài Khí tượng Thủy văn Vĩnh Long.....	160
8.2.20	Đài Phát thanh và Truyền hình Vĩnh Long, Báo Vĩnh Long .....	160
8.2.21	Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố .....	160
8.2.22	Công ty Cổ phần Công trình Công cộng Vĩnh Long.....	161
8.2.23	Công ty cổ phần Cấp nước Vĩnh Long và các doanh nghiệp, đơn vị cung cấp nước sạch.....	161
8.3	<b>CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH.....</b>	<b>161</b>
8.3.1	Báo cáo định kỳ .....	161
8.3.2	Báo cáo đột xuất .....	162
8.3.3	Công tác giám sát và đánh giá thực hiện kế hoạch.....	162
	<b>KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....</b>	<b>163</b>
	<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>165</b>
	<b>PHỤ LỤC 2</b>	
	<b>PHỤ LỤC ATLATS SƠ ĐỒ - BẢN ĐỒ.....</b>	<b>52</b>

**DANH MỤC BẢNG BIỂU**

	Trang
Bảng 1: Phân bố diện tích theo thang cao độ địa hình tỉnh Vĩnh Long.....	10
Bảng 2: Tổng hợp diện tích, dân số tỉnh Vĩnh Long năm 2020 .....	12
Bảng 3: Tổng giá trị sản phẩm (GRDP) giai đoạn 2010-2020 phân theo khu vực kinh tế (tỷ đồng).....	14
Bảng 4: Bảng tổng hợp thiệt hại do lốc xoáy giai đoạn 2011-2020.....	27
Bảng 5: Diễn biến sạt lở tỉnh Vĩnh Long, giai đoạn 2011-2020 .....	29
Bảng 6: Độ mặn lớn nhất tại các trạm đo tỉnh Vĩnh Long, GD 2016-2020 (‰) .....	30
Bảng 7: Thiệt hại SXNN do XNM trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long năm 2016 và năm 2020.....	31
Bảng 8: Tình hình thiệt hại do triều cường, mưa lớn từ năm 2011 đến 2020 (Triệu đồng).....	33
Bảng 9: Hiện trạng dữ trữ lương thực, thực phẩm phục vụ PCTT.....	40
Bảng 10: Hiện trạng nguồn nhân lực phục vụ công tác PCTT&TKCN tỉnh Vĩnh Long.....	41
Bảng 11: Kết quả thực hiện Đề án 1002 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long .....	44
Bảng 12: Danh mục trạm quan trắc, đo đạc, cảnh báo thiên tai.....	50
Bảng 13: Tổng số thuê bao điện thoại trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long .....	55
Bảng 14: Tổng hợp các chương trình, dự án thực hiện lồng ghép nội dung PCTT của các sở, ngành tỉnh Vĩnh Long.....	57
Bảng 15: Tổng hợp các chương trình, dự án thực hiện lồng ghép nội dung PCTT của UBND các huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh Vĩnh Long .....	60
Bảng 16: Kinh phí sử dụng khắc phục hậu quả thiên tai hàng năm của tỉnh Vĩnh Long, giai đoạn 2016-2020 (Triệu đồng) .....	66
Bảng 17: Kết quả thu và chi Quỹ phòng chống thiên tai tỉnh Vĩnh Long các năm.....	66
Bảng 18: Bảng tổng hợp số nhà tạm, nhà ven sông tỉnh Vĩnh Long.....	76
Bảng 19: Diện tích các loại cây trồng bị ảnh hưởng do thiên tai trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2011-2020 (ha) .....	77
Bảng 20: Số điểm trường, cơ quan, trường học, trụ sở cơ quan, chợ bị ngập trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2011-2020 .....	78
Bảng 21: Tổng hợp đánh giá tính dễ tổn thương xã/thị trấn/phường trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long. ....	78
Bảng 22: Tổng hợp kết quả đánh giá năng lực PCTT xã/thị trấn/phường trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long .....	79
Bảng 23: Cấp độ rủi ro thiên tai theo mức độ tăng dần.....	85
Bảng 24: Phân công nhiệm vụ đối với các cơ quan, đơn vị đối với thiên tai là bão, ATNĐ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.....	89

Bảng 25: Phân công nhiệm vụ đối với các cơ quan, đơn vị đối với thiên tai là lốc xoáy, sét trên địa bàn tỉnh.....	93
Bảng 26: Phân công nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị thực hiện công tác PCTT&TKCN khi có lũ.....	96
Bảng 27: Bảng phân công nhiệm vụ ứng phó với cấp độ rủi ro do hạn hán, xâm nhập mặn trên địa bàn tỉnh.....	99
Bảng 28: Bảng phân công nhiệm vụ ứng phó với từng cấp độ rủi ro của sạt lở đất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021-2025 .....	101
Bảng 29: Phân công nhiệm vụ đối với các cơ quan, đơn vị đối với thiên tai là triều cường, mưa lớn trên địa bàn tỉnh.....	104
Bảng 30: Danh mục các xã/phường/thị trấn có nguy cơ xảy ra hạn hán, thiếu nước (ứng với mức độ rủi ro trung bình và lớn) cho sinh hoạt, sản xuất trong mùa khô .....	118
Bảng 31: Tổng hợp nhu cầu nguồn lực về tài chính thực hiện Kế hoạch PCTT&TKCN tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021-2025 .....	150
Bảng 32: Kế hoạch xây dựng các Kế hoạch, phương án phục vụ công tác PCTT&TKCN tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021-2025 .....	151
Bảng 33: Nhiệm vụ cụ thể thực hiện Kế hoạch truyền thông về PCTT&TKCN tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021-2025.....	152



## DANH MỤC HÌNH VẼ

	Trang
Hình 1: Bản đồ hành chính tỉnh Vĩnh Long.....	9
Hình 2: Bản đồ địa hình tỉnh Vĩnh Long.....	10
Hình 3: Một số hình ảnh về thiệt hại do lốc xoáy gây ra chiều ngày 11/9/2020 tại ấp An Hiệp, Xã Lộc Hòa, Huyện Long Hồ (nguồn: BCH PCTT&TKCN tỉnh Vĩnh Long).....	28
Hình 4: Sạt lở đất tại xã Tân Bình, huyện Bình Tân – tháng 3/2021 (nguồn: Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Vĩnh Long). .....	30
Hình 5: Mưa lớn đầu mùa mưa gây ngập úng tại xã Trung Ngãi, huyện Vũng Liêm, ngày 7/5/2020 (nguồn: Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Vĩnh Long năm 2021) .....	34
Hình 6: Sơ đồ hệ thống chỉ đạo, chỉ huy điều phối liên ngành về PCTT&TKCN.....	38
Hình 7: Giao diện trang Web phòng chống thiên tai tỉnh Vĩnh Long .....	42
Hình 8: Trang facebook phòng chống thiên tai tỉnh Vĩnh Long .....	43
Hình 9: Áp phích, băng rôn tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng và QLRR thiên tai dựa vào cộng đồng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long. ....	45
Hình 10: Tổ chức các lớp dạy bơi – phòng, chống đuối nước cho khối học sinh THCS trên địa bàn Tp Vĩnh Long và huyện Vũng Liêm, huyện Long Hồ tháng 11/2020 (nguồn BCH PCTT&TKCN tỉnh Vĩnh Long) .....	46
Hình 11: Tập huấn về quản lý và đánh giá RRTT dựa vào cộng đồng 11/2020 tại xã Đổng Phú-huyện Long Hồ (nguồn BCH PCTT&TKCN tỉnh Vĩnh Long) .....	46
Hình 12: Bản đồ hiện trạng hạ tầng thủy lợi và phòng chống thiên tai tỉnh Vĩnh Long.....	48
Hình 13: Trạm quan trắc, cảnh báo độ mặn tự động công nghệ 4.0 trên sông Cổ Chiên – huyện Long Hồ.....	51
Hình 14: Hệ thống quan trắc, cảnh báo thiên tai tỉnh Vĩnh Long .....	52
Hình 15: Bản đồ hiện trạng hạ tầng giao thông tỉnh Vĩnh Long.....	54
Hình 16: Công trình nhà tránh trú bão (Nguồn: Văn phòng thường trực BCH PCTT&TKCN tỉnh Vĩnh Long năm 2021) .....	56
Hình 17: Mối quan hệ giữa RRTT và các tác động liên quan, Nguồn: ICPP (2014). .....	69
Hình 18: Diễn biến độ mặn lớn nhất tại các trạm đo trên sông Tiền, sông Hậu .....	71
Hình 19: Diễn biến quy mô sạt lở đất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2011-2020.....	73
Hình 20: Mức biến đổi nhiệt độ trung bình năm giai đoạn 2025 – Kịch bản RCP 4.5 (nguồn Kịch bản BĐKH tỉnh Vĩnh Long). .....	81
Hình 21: Bản đồ xâm nhập mặn cao nhất thời kỳ 2025 – kịch bản RCP 4.5 (nguồn Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050) ...	83
Hình 22: Bản đồ dự báo ngập do triều cường ở tỉnh Vĩnh Long năm 2025 – RCP4.5.....	84

Hình 23: Diện tích ngập lớn nhất do triều cường tại các huyện, thị ở Vĩnh Long giai đoạn đến năm 2025 – RCP4.5 ..... 85

## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Ký hiệu	Nội dung
1	ATNĐ	Áp thấp nhiệt đới
2	BCĐ-TW PCTT	Ban chỉ đạo Trung ương phòng, chống thiên tai
3	BCH	Ban chỉ huy
4	BĐKH	Biến đổi khí hậu
5	BKHĐT	Bộ Kế hoạch đầu tư
6	BNNPTNT	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
7	BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
8	CN-XD	Công nghiệp - Xây dựng
9	CTTL	Công trình thuỷ lợi
10	ĐBSCL	Đồng bằng sông Cửu Long
11	ĐT	Đường tỉnh
12	ĐVT	Đơn vị tính
13	GĐ	Giai đoạn
14	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
15	GTNT	Giao thông nông thôn
16	HTTL	Hệ thống thuỷ lợi
17	KCN-CCN	Khu công nghiệp - Cụm công nghiệp
18	KHCN	Khoa học công nghệ
19	KHTL	Khoa học thuỷ lợi
20	KTTV	Khí tượng thuỷ văn
21	KTXH	Kinh tế xã hội
22	NĐ-CP	Nghị định Chính phủ
23	NGTK	Niên giám thống kê
24	NN&PTNT	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
25	NTTS	Nuôi trồng thuỷ sản
26	PCTT&TKCN	Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn
27	QĐ	Quyết định
28	QHTL	Quy hoạch thuỷ lợi
29	QL	Quốc lộ
30	SLĐ	Sạt lở đất
31	TN&MT	Tài nguyên và Môi trường
32	TP	Thành phố
33	TTYT	Trung tâm y tế
34	TX	Thị xã
35	UBND	Ủy ban nhân dân
36	VHTT&DL	Văn hoá thể thao và du lịch
37	XNM	Xâm nhập mặn



# PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

## 1. Tên dự án

Dự án: Xây dựng “Kế hoạch Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021-2025”.

## 2. Mục tiêu của dự án

**2.1. Mục tiêu chung:** Xây dựng và ban hành Kế hoạch phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021-2025 phù hợp với thực tiễn địa phương và các hướng dẫn, quy định của pháp luật.

### 2.2. Mục tiêu cụ thể:

- Đánh giá được đặc điểm tự nhiên, dân sinh kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

- Đánh giá được hiện trạng công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2016-2020.

- Xác định được rủi ro thiên tai và đề xuất được nội dung các biện pháp phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021-2025.

- Xây dựng được nhiệm vụ và lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai ở các sở, ban ngành.

- Xác định được nguồn lực, tiến độ thực hiện và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân liên quan.

## 3. Nội dung thực hiện

Dự án thực hiện với 3 nội dung chính sau:

- Nội dung 1: Khảo sát thực tế, thu thập dữ liệu phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

- Nội dung 2: Phân tích rủi ro thiên tai và đề xuất giải pháp.

- Nội dung 3: Xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

## 4. Sản phẩm của dự án

Sản phẩm của dự án, bao gồm:

- “Kế hoạch phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021-2025”.

- Bản đồ: Thông tin kế hoạch phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021-2025.

## 5. Chủ đầu tư dự án:

Chi cục Thủy lợi - Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Vĩnh Long.

## 6. Đơn vị Tư vấn thực hiện dự án

Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam – Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

## 7. Thời gian thực hiện

Thời gian thực hiện dự án: 06 tháng (01/7/2021-31/12/2021).



**PHẦN 2: NỘI DUNG KẾ HOẠCH PHÒNG,  
CHỐNG THIÊN TAI VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN  
TỈNH VĨNH LONG GIAI ĐOẠN 2021-2025**





## CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ LẬP KẾ HOẠCH

- Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19/6/2013;
- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 10/7/2017;
- Luật Đê điều số 79/2006/QH11 ngày 29/11/2006;
- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật đê điều số 60/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;
- Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững đồng bằng Sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu;
- Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;
- Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21/3/2017 của Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động Ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;
- Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác Phòng, chống thiên tai;
- Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng chống thiên tai;
- Quyết định số 02/QĐ-TWPCCTT ngày 18/2/2020 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống thiên tai về việc ban hành sổ tay hướng dẫn xây dựng phương án ứng phó tương ứng với các cấp độ rủi ro thiên tai;
- Quyết định số 379/QĐ-TTg ngày 17/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược Quốc gia Phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 633/QĐ-TTg ngày 12/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Hiện đại hóa hệ thống thủy lợi phục vụ chuyển đổi, phát triển nông nghiệp bền vững tại các tiểu vùng sinh thái vùng Đồng bằng sông Cửu Long”;
- Quyết định số 467/QĐ-BNN-PCTT ngày 22/01/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Kế hoạch phòng, chống thiên tai Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giai đoạn 2021–2025;
- Quyết định số 1061/QĐ-TTg ngày 01/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Phòng, chống thiên tai;
- Quyết định số 18/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai;
- Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai;

- Công văn số 26/TWPCTT ngày 19 tháng 3 tháng 2020 của Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng, chống thiên tai về việc rà soát Kế hoạch phòng, chống thiên tai cấp tỉnh giai đoạn 2016 - 2020 và góp ý mẫu kế hoạch PCTT cấp tỉnh;

- Công văn số 1362/UBND-KTNV ngày 26/3/2020 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc triển khai thực hiện Công văn số 26/TWPCTT ngày 19/3/2020 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống thiên tai;

- Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 16/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố kết quả cập nhật phân vùng bão, xác định nguy cơ bão, nước dâng do bão và phân vùng gió cho các vùng ở sâu trong đất liền khi bão mạnh, siêu bão đổ bộ;

- Công văn số 1145/BXD-KHCN ngày 28/5/2015 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn nhà an toàn theo các cấp bão;

- Thông tư 02/2021/TT-BNNPTNT ngày 07/6/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc Hướng dẫn xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương;

- Quyết định số 2335/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc ban hành Phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão đổ bộ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;

- Quyết định số 553/QĐ-TTg ngày 06/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, đến năm 2030”;

- Quyết định số 2402/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

## CHƯƠNG 1. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

### 1.1 MỤC ĐÍCH

Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, các sở, ban, ngành tỉnh và các địa phương trong công tác PCTT, đảm bảo kịp thời, toàn diện và có tầm nhìn chiến lược.

Tiếp tục phát huy những kết quả đạt được và khắc phục những mặt còn hạn chế, yếu kém trong công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai thời gian qua; tăng cường thực thi pháp luật, các cơ chế, chính sách trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; nâng cao công tác dự báo, cảnh báo, theo dõi, giám sát, cập nhật cơ sở dữ liệu, đầu tư nâng cấp trang thiết bị và công cụ hỗ trợ; xử lý, khắc phục các vị trí xung yếu, tăng cường khả năng chống chịu của công trình phòng, chống thiên tai; ứng dụng khoa học công nghệ, tăng cường hợp tác quốc tế; tập trung huy động mọi nguồn lực để thực thi các chương trình, dự án, đề án; thực hiện các quy hoạch, kế hoạch phát triển KT-XH phải quan tâm đến yêu cầu phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.

Chú trọng công tác thông tin, tuyên truyền, đào tạo, nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền về tầm quan trọng, tính phức tạp, khẩn cấp của thiên tai; nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước; nâng cao năng lực, nhận thức của người dân trong công tác phòng, chống thiên tai.

Nâng cao năng lực, chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm tổn thất về người và tài sản của nhân dân và Nhà nước; tạo điều kiện phát triển bền vững, góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh và từng bước xây dựng cộng đồng, xã hội an toàn trước thiên tai.

### 1.2 YÊU CẦU

Triển khai thực hiện các mục tiêu cụ thể đến năm 2025 theo nội dung Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về công tác phòng, chống thiên tai, cụ thể:

- Giảm 30% thiệt hại về người đối với các loại hình thiên tai có cường độ, quy mô tương đương đã xảy ra trong giai đoạn 2015 - 2020.

- Phần đầu 100% chính quyền các cấp, cơ quan, tổ chức và hộ gia đình trong tỉnh được tiếp nhận đầy đủ thông tin về thiên tai.

- Phần đầu 100% lực lượng làm công tác phòng, chống thiên tai được đào tạo, tập huấn, phổ biến kỹ năng về phòng, chống thiên tai, đặc biệt là với các loại hình thiên tai thường xuyên xảy ra trên địa bàn.

- Nâng cao khả năng chống chịu thiên tai của cơ sở hạ tầng, công trình phòng chống thiên tai, nhất là đê điều, cống, khu neo đậu tránh trú bão,...

- Phần đầu 100% số hộ dân thuộc khu vực đông dân cư thường xuyên xảy ra thiên tai có nơi ở đảm bảo an toàn.

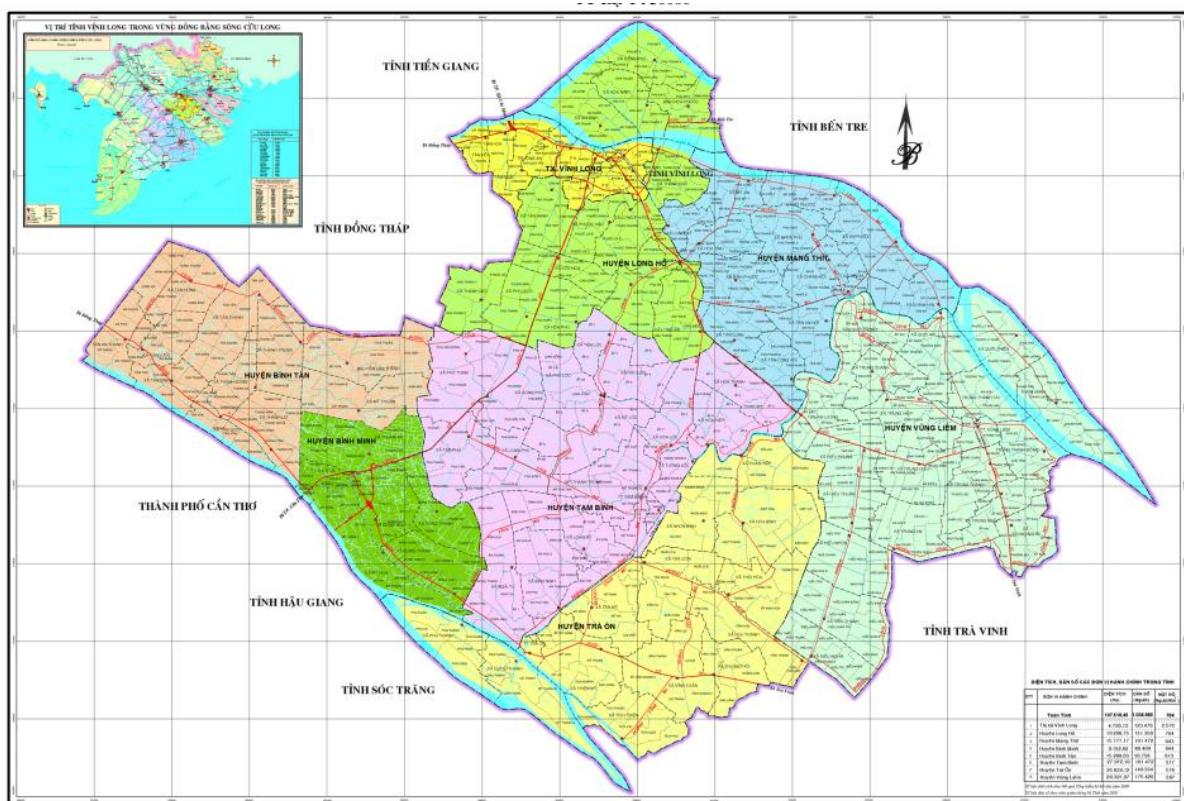


## CHƯƠNG 2. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, DÂN SINH, KINH TẾ - XÃ HỘI, CƠ SỞ HẠ TẦNG CHỦ YẾU

### 2.1 VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Vĩnh Long thuộc hạ lưu sông Mê Công, nằm ở khu vực trung tâm vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Tỉnh có tọa độ địa lý từ  $9^{\circ} 52' 45''$  đến  $10^{\circ} 19' 50''$  vĩ độ Bắc và từ  $104^{\circ} 41' 25''$  đến  $106^{\circ} 17' 03''$  kinh độ Đông. Ranh giới hành chính được giới hạn bởi:

- Phía Bắc và Đông Bắc giáp các tỉnh Tiền Giang và Bến Tre;
- Phía Tây Bắc giáp tỉnh Đồng Tháp;
- Phía Đông Nam giáp với tỉnh Trà Vinh;
- Phía Tây Nam giáp các tỉnh Hậu Giang, Sóc Trăng và Thành phố Cần Thơ.



Hình 1: Bản đồ hành chính tỉnh Vĩnh Long.

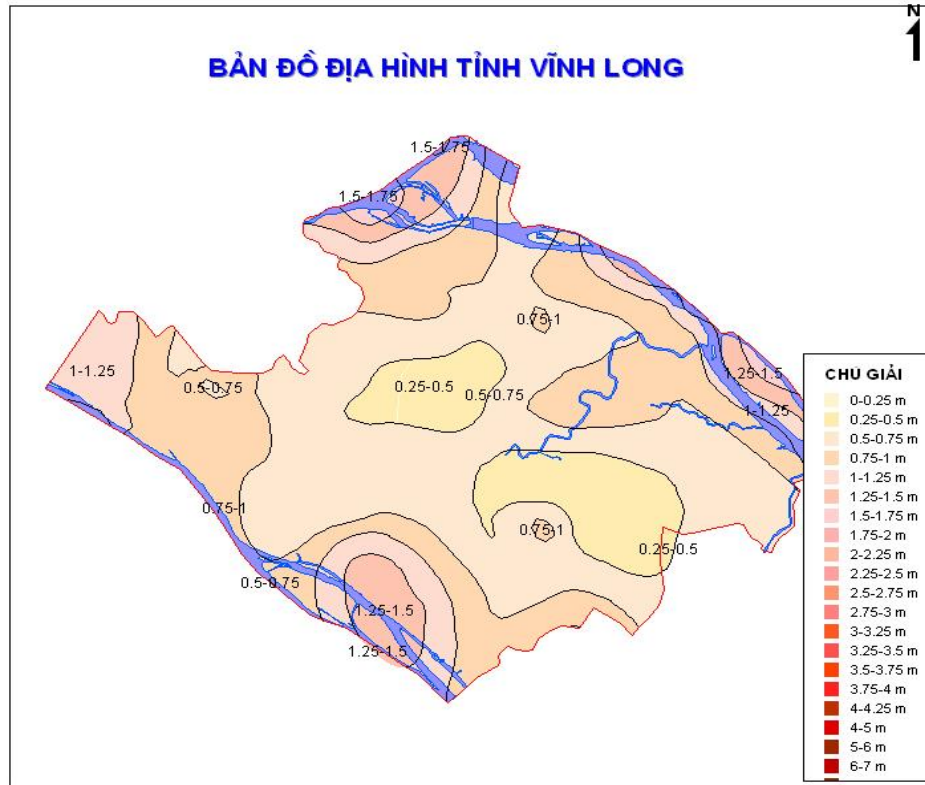
Tỉnh có 8 đơn vị hành chính gồm: Thành phố Vĩnh Long, Thị xã Bình Minh và 06 huyện (gồm Long Hồ, Mang Thít, Vũng Liêm, Tam Bình, Trà Ôn, Bình Tân) với 14 phường, 06 thị trấn và 87 xã. Diện tích tự nhiên toàn tỉnh là 1.525,73 km<sup>2</sup> chiếm 3,7% diện tích vùng ĐBSCL, tổng dân số là 1.022.909 người, với mật độ dân số trung bình là 670 người/km<sup>2</sup> (Niên giám thống kê tỉnh Vĩnh Long năm 2020).

### 2.2 ĐẶC ĐIỂM ĐỊA HÌNH, ĐỊA CHẤT

#### 2.2.1 Địa hình

Tỉnh Vĩnh Long có địa hình tương đối bằng phẳng, cao độ đất trung bình từ 0,5 - 1,25m, có xu thế thoải dần theo hướng Bắc - Nam, cao ở ven sông Tiền, sông Hậu, sông

Cổ Chiên và thấp dần vào trung tâm, tạo thành địa hình lòng máng chạy song song với hướng sông Tiền, sông Hậu. Địa hình cao nhất nằm ở ven sông Tiền (1,75m), tập trung ở phường Tân Ngãi (Tp Vĩnh Long) và thấp nhất (<0,5m) nằm ở xã Song Phú, Mỹ Lộc, Hậu Lộc (huyện Tam Bình).



Hình 2: Bản đồ địa hình tỉnh Vĩnh Long

Bảng 1: Phân bố diện tích theo thang cao độ địa hình tỉnh Vĩnh Long

TT	Cao độ (m)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Chú dẫn
1	< 0,5	6.120	4,60	
2	0,5 - 0,75	59.688	45,80	
3	0,75 - 1,00	38.056	29,30	
4	1,00 - 1,25	15.440	11,80	
5	1,25 - 1,50	1.220	0,90	
6	>1,50	360	0,20	
7	Sông, kênh rạch	15.839	10,74	
8	Chưa có tài liệu địa hình	9.597	7,40	Các cù lao

### 2.2.2 Địa chất

Cũng như nhiều khu vực khác ở ĐBSCL, đất đai ở tỉnh Vĩnh Long thuộc loại trầm tích bờ rời Kanozoi nằm trên nền đá gốc Mezoic, với chiều dày khá lớn, khoảng 800-1.000m. Các dạng trầm tích có thể chia thành những tầng chính sau:

- Tầng Holocene (QIV): nằm trên mặt đến độ sâu khoảng 35 - 48m, thuộc loại trầm tích trẻ, bao gồm sét và cát. Thành phần hạt từ mịn đến trung bình.

- Tầng Pleitocene (QI-III): Chiều sâu từ 88 đến 207m, có chứa cát sỏi lẫn sét, bùn với trầm tích biển.

- Tầng Pliocene (N2): Chiều dày tầng từ 304 đến 359m, có chứa sét lẫn cát hạt trung bình.

- Tầng Miocene (N1): Chiều dày tầng thay đổi từ 420 đến 440m, có chứa sét và cát hạt trung bình.

ĐBSCL nói chung và tỉnh Vĩnh Long nói riêng, nền địa chất được xem là nền đất yếu. Vì vậy, ảnh hưởng của nền đất đến tính ổn định của các công trình nói chung và công trình PCTT là khá lớn.

## 2.3 ĐẶC ĐIỂM KHÍ TƯỢNG, THỦY VĂN

### 2.3.1 Khí tượng

Vĩnh Long nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa, quanh năm nóng ẩm, có chế độ nhiệt tương đối cao và lượng bức xạ dồi dào. Thời tiết trong năm chia làm 2 mùa rõ rệt:

- Mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau: chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.

- Mùa mưa: từ tháng 5 đến tháng 11: chịu ảnh hưởng của gió mùa Tây Nam.

**Nhiệt độ:** Tỉnh Vĩnh Long có nhiệt độ trung bình hàng năm cao, xấp xỉ 27<sup>0</sup>C. Tháng IV nóng nhất, nhiệt độ bình quân biến đổi từ 28,3 - 28,5<sup>0</sup>C. Tháng I lạnh nhất, nhiệt độ bình quân biến đổi từ 25,2<sup>0</sup>C - 25,4<sup>0</sup>C. Chênh lệch nhiệt độ trung bình tháng trong năm biến đổi 2,9<sup>0</sup>C - 3,5<sup>0</sup>C.

**Độ ẩm:** Chế độ ẩm có liên quan mật thiết với chế độ mưa. Độ ẩm tương đối trung bình năm từ 83,1- 84,7%. Tháng IX, X độ ẩm tương đối trung bình cao nhất trong năm từ 88,0 - 89,4%. Tháng I và II độ ẩm tương đối trung bình thấp nhất 76,0 - 81,2%.

**Đặc điểm gió:** Trong năm có hai mùa gió, gió mùa Đông Bắc thịnh hành từ tháng XI đến tháng IV và gió mùa Tây Nam thịnh hành từ tháng V đến tháng X.

Người dân địa phương thường gọi gió mùa Đông Bắc là Gió Chướng. Gió Chướng cũng là một trong các nguyên nhân chính đẩy nước mặn xâm nhập sâu vào dòng chính sông Mê Công và các sông rạch vùng ven biển.

**Bốc hơi:** Lượng bốc hơi (Piche) trung bình hàng năm ở mức thấp (948 - 1.148 mm) so với toàn Đồng bằng, tại Vĩnh Long: 948 mm, Trà Vinh: 1.137 mm, Cần Thơ: 1.148 mm). Mùa khô, do nắng nhiều và độ ẩm không khí thấp nên lượng bốc hơi lớn, trong đó tháng III lớn hơn cả, khoảng 115 - 149 mm. Mùa mưa, lượng bốc hơi giảm nhiều so với mùa khô, tháng IX-X lượng bốc hơi thấp nhất (72 - 81 mm)

**Đặc điểm mưa:** Theo kết quả từ các trạm đo cho thấy lượng mưa năm trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long là khá lớn, vào khoảng 942,2 – 2.313,9 mm/năm.

Số ngày mưa trong năm cũng khá nhiều, từ 91 - 155 (ngày/năm). Những tháng có nhiều ngày mưa là tháng 7, 8, 9 và 10. Thống kê tại trạm đo mưa Vĩnh Long cho thấy số ngày mưa trong mùa mưa nhiều hơn ở trạm Trà Ôn. Số ngày mưa trong mùa mưa trạm Trà Ôn lại nhiều hơn số ngày mưa trong mùa mưa trạm Tam Bình.

### 2.3.2 Thủy văn

- Mùa lũ hàng năm trùng với mùa mưa, thường khoảng tháng VII, tháng VIII nước lũ từ thượng nguồn sông Mê Công tràn vào Đồng Tháp Mười, Tứ Giác Long Xuyên, theo hai sông Tiền và sông Hậu đổ ra Biển. Vùng dự án vào mùa lũ hướng chảy từ phía sông Tiền vào đồng, một phần theo các kênh dọc đưa xuống sông Măng Thít, một phần chuyển ra sông Hậu. Do ảnh hưởng triều truyền từ hai phía sông tạo nên các vùng ngập nước, gây tiêu thoát chậm và gây ngập úng. Đỉnh lũ thường đạt mức cao nhất vào tháng X. Độ ngập sâu trong vùng từ 0,7m đến 1,5 m thời gian ngập từ 2 đến 3 tháng.

- Mùa khô: dòng chảy trên kênh rạch nội đồng chịu sự chi phối mạnh từ thủy triều Biển Đông từ sông Tiền và sông Hậu và dòng nguồn sông Mê Công chảy về.

- Xâm nhập mặn: Ranh mặn 2g/l xâm nhập tới đầu các kênh ở phía Nam sông Măng Thít nên độ mặn trên kênh trục thường nhỏ, không đáng kể.

## 2.4 ĐẶC ĐIỂM DÂN SINH

### 2.4.1 Dân số

Tổng dân số tỉnh Vĩnh Long năm 2020 là 1.022.909 người, chiếm 3,7% dân số vùng ĐBSCL (Dân số vùng ĐBSCL 17.314.200 người); mật độ dân số bình quân đạt 670 người/km<sup>2</sup> đứng thứ 3 trong vùng ĐBSCL chỉ sau Cần Thơ (862 người/km<sup>2</sup>) và Tiền Giang (693 người/km<sup>2</sup>). Tỷ lệ dân số đô thị chiếm 22,71% trên tổng dân số của tỉnh, thấp hơn vùng ĐBSCL (25,84%) và toàn quốc (36,8%). Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên tỉnh Vĩnh Long năm 2020 đạt 4,6‰, thấp hơn bình quân vùng ĐBSCL (6,27‰); Tốc độ tăng dân số tự nhiên của tỉnh có xu thế giảm, bình quân giai đoạn (2010 – 2020) giảm -3,69%/năm, đến giai đoạn 2015-2020 giảm -9,79%/năm.

*Bảng 2: Tổng hợp diện tích, dân số tỉnh Vĩnh Long năm 2020*

Đơn vị hành chính	Diện tích (km <sup>2</sup> )	Dân số trung bình (người)	Mật độ dân số (người/km <sup>2</sup> )	Dân số thành thị (người)	Dân số nông thôn (người)	Tỷ lệ DS thành thị (%)
<b>Tổng</b>	<b>1.525,73</b>	<b>1.022.909</b>	<b>670</b>	<b>232.268</b>	<b>790.641</b>	<b>22,7</b>
TP. Vĩnh Long	47,82	137.981	2.885	137.981	0	100,0
H. Long Hồ	196,34	167.740	854	7.088	160.652	4,2
H. Mang Thít	162,48	96.159	592	10.789	85.370	11,2
H. Vũng Liêm	309,60	149.351	482	7.304	142.047	4,9
H. Tam Bình	290,65	151.522	521	4.918	146.604	3,2
TX. Bình Minh	93,63	94.910	1.014	35.842	59.068	37,8
H. Trà Ôn	267,14	129.535	485	9.120	120.415	7,0
H. Bình Tân	158,07	95.711	605	19.226	76.485	20,1

Nguồn: NGTK tỉnh Vĩnh Long năm 2020



## 2.4.2 Biến động dân số

Tình trạng di cư trong tỉnh có chiều hướng giảm; số người xuất cư năm 2015 là 10.927 người đến năm 2020 giảm xuống còn 9.167 người (bình quân giai đoạn 2015-2020 giảm 3,45%/năm); số người nhập cư tăng lên rõ rệt, tỷ lệ bình quân tăng 14,19%/năm trong giai đoạn 2015-2020 (năm 2015 là 2.456 người; năm 2020 là 4.768 người). Đây là một dấu hiệu vui cho phát triển nguồn nhân lực của tỉnh trong giai đoạn tới.

## 2.5 ĐẶC ĐIỂM XÃ HỘI

### 2.5.1 Mức sống dân cư

Đời sống của dân cư tiếp tục được cải thiện, chất lượng cuộc sống được tăng lên. Thu nhập bình quân đầu người trên tháng theo giá hiện hành năm 2010 chỉ 1,24 triệu đồng/tháng, năm 2015 là 2,34 triệu đồng/tháng đến năm 2020 là 3,67 triệu đồng/tháng, tăng 10,24% so với năm 2019; Tuy nhiên vẫn thấp hơn so với mức thu nhập bình quân toàn ĐBSCL (4,03 triệu đồng) và cả nước (4,23 triệu đồng). Mức thu nhập bình quân đầu người của tỉnh chỉ đứng thứ 10/13 tỉnh vùng ĐBSCL.

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều tiếp tục giảm theo từng năm trong giai đoạn 2016 – 2020. Cụ thể: năm 2016 là 4,77%, năm 2017 là 3,71%, năm 2018 là 2,63%, năm 2019 là 1,76 % và năm 2020 là 1,16%, thấp hơn bình quân cả nước (4,80%) và vùng ĐBSCL (2,36%).

### 2.5.2 Y tế và chăm sóc sức khỏe

Mạng lưới y tế trong tỉnh từng bước phát triển trong giai đoạn 2010-2020, các chỉ tiêu về y tế ngày càng được cải thiện. Năm 2020 mạng lưới khám chữa bệnh trên toàn tỉnh là 124 cơ sở khám chữa bệnh, có tổng số 3.385 giường. Trong đó:

- Tuyến tỉnh: Có 6 cơ sở gồm: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Vĩnh Long được xây dựng mới với quy mô 9 tầng; bệnh viện Mắt; bệnh viện Y dược Cổ truyền; bệnh viện Đa khoa khu vực kết hợp Quân Dân y; bệnh viện Tâm Thần; bệnh viện Phổi.

- Tuyến huyện, thị, thành phố: Bệnh viện Đa khoa khu vực Hòa Phú và 2 bệnh viện đa khoa tư nhân (Bệnh viện Đa khoa tư nhân Triều An – Loan Trâm; bệnh viện Đa khoa Xuyên Á Vĩnh Long) và 08 Trung tâm y tế.

- Tuyến xã, phường: Gồm 107 Trạm Y tế với tổng số 545 giường bệnh.

### 2.5.3 Giáo dục và Đào tạo

Hệ thống giáo dục trong tỉnh phát triển mạnh trong những năm qua. Tỷ lệ học sinh đi học chung năm 2020 đạt 95,38%, năm 2015 là 88,90%; Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi tăng lên theo từng năm, năm 2015 là 87,47%, năm 2020 đạt 97,45%. Cụ thể năm 2020 là: Cấp tiểu học đạt 97,17%; cấp trung học cơ sở đạt 97,02%; cấp trung học phổ thông đạt 99,15%.

Chất lượng giáo dục ngày càng được nâng cao. Ngành giáo dục và đào tạo đã chủ động thực hiện các giải pháp phòng chống dịch bệnh Covid-19 gắn với đảm bảo chất

lượng và tiến độ chương trình năm học 2019 - 2020 như điều chỉnh lịch học, dạy học trên sóng truyền hình. Tỷ lệ tốt nghiệp THPT quốc gia năm 2020 đạt 99,4%; số trường đạt chuẩn quốc gia đạt tỷ lệ 57,77%.

## 2.6 QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Tốc độ tăng trưởng bình quân tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) theo giá so sánh năm 2010 giai đoạn 2010-2015 là 4,37%/năm, đến giai đoạn 2016-2020 có tốc độ tăng hơn đạt 5,32%/năm. Trong đó: Khối ngành Nông - Lâm - Ngư tăng 3,62%/năm, Công nghiệp - Xây dựng là 10,8%/năm, Dịch vụ là 7,9%/năm.

Quy mô GRDP theo giá hiện hành năm 2020 đạt 58.235 tỷ đồng; GRDP bình quân đầu người đạt 56,93 triệu đồng/người/năm, tương đương 2.358 USD (tăng 111 USD so với năm 2019), cao hơn bình quân ĐBSCL (56,33 triệu đồng/người/năm) và thấp hơn bình quân cả nước (64,49 triệu đồng/người/năm). Về cơ cấu kinh tế, tỷ trọng ngành nông lâm nghiệp và thủy sản là 36,24%; ngành công nghiệp và xây dựng là 17,25%; các ngành dịch vụ là 46,51%. Cơ cấu kinh tế của tỉnh tiếp tục chuyển dịch theo đúng hướng trong giai đoạn 2015-2020. Giảm dần tỷ trọng ngành Nông - Lâm - Ngư (giảm 0,89%), tăng tỷ trọng các ngành CN-XD (+2,26%) và Dịch vụ (giảm 0,46%). Nhìn chung, sự chuyển dịch còn chậm và Nông nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng lớn thứ 2 trong cơ cấu kinh tế của tỉnh; Trong cơ cấu kinh tế khu vực dịch vụ trong giai đoạn 2010-2015 có tốc độ dương (+0,40%), tuy nhiên đến giai đoạn 2015-2020 có tốc độ âm (-0,46%). Đây cũng là xu thế khu vực dịch vụ đã phát triển đạt mức ổn định và chuyển dịch sang hướng phát triển chất lượng dịch vụ.

*Bảng 3: Tổng giá trị sản phẩm (GRDP) giai đoạn 2010-2020 phân theo khu vực kinh tế (tỷ đồng)*

Chi tiêu	Năm			Tốc độ tăng trưởng bình quân/năm (%)	
	2010	2015	2020	2010-2015	2015-2020
GRDP (Giá so sánh 2010)	21.535	26.669	34.554	3,63	4,41
Nông nghiệp	8.001	10.001	11.945	3,79	3,00
Công nghiệp & Xây dựng	3.814	4.423	6.383	2,50	6,30
Dịch vụ	8.719	10.842	14.081	3,70	4,45
Thuế trừ phụ cấp sản phẩm	1.001	1.402	2.146	5,77	7,35
GRDP (Giá hiện hành)	21.535	38.403	58.235	10,12	7,19
Nông nghiệp	8.001	14.682	21.105	10,65	6,23
Công nghiệp & Xây dựng	3.814	5.792	10.044	7,21	9,61
Dịch vụ	8.719	15.921	23.485	10,56	6,69
Thuế trừ phụ cấp sản phẩm	1.001	2.007	3.601	12,29	10,23
Cơ cấu GRDP (%)					

Chỉ tiêu	Năm			Tốc độ tăng trưởng bình quân/năm (%)	
	2010	2015	2020	2010-2015	2015-2020
Nông nghiệp	37,15	38,23	36,24	0,48	-0,89
Công nghiệp & Xây dựng	17,71	15,08	17,25	-2,64	2,26
Dịch vụ	40,49	41,46	40,33	0,40	-0,46
Thuế trừ phụ cấp sản phẩm	4,65	5,23	6,18	1,97	2,84
GRDP / người (Tr.đ/ người)	20,98	37,53	56,93		

Nguồn: NGTK tỉnh Vĩnh Long từ năm 2010 đến năm 2020

## 2.7 CÁC NGÀNH KINH TẾ CHÍNH BỊ ẢNH HƯỞNG BỞI THIÊN TAI

### 2.7.1 Nông nghiệp

Tiếp tục thực hiện Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới. Triển khai các chương trình, dự án hỗ trợ, phát triển các sản phẩm chủ lực, chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), xây dựng các vùng sản xuất, vùng nguyên liệu quy mô lớn. Theo dõi sát tình hình hạn hán, xâm nhập mặn để kịp thời hướng dẫn người dân thay đổi lịch mùa vụ, chủ động tưới tiêu. Tập trung kiểm soát dịch bệnh trên gia súc, gia cầm, đặc biệt là ở các vùng có nhiều trang trại, tổng đàn lớn, đảm bảo con giống để tái đàn sau khi hết dịch. Hỗ trợ chuyển dịch thị trường tiêu thụ, tháo gỡ khó khăn cho các loại nông, thủy sản xuất khẩu.

Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) khu vực nông, lâm, thủy sản ước tính năm 2020 (theo giá so sánh 2010) đạt 0,85 % vào mức tăng GRDP chung của tỉnh, tăng 2,58% so với năm 2019. Trong đó, tăng chủ yếu ở ngành nông nghiệp, riêng ngành lâm nghiệp và thủy sản đều bị sụt giảm so với cùng kỳ. Giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản năm 2020 (theo giá so sánh 2010) tăng 2,44% so với năm 2019.

Cơ cấu kinh tế, GRDP ngành nông, lâm, thủy sản (theo giá hiện hành) chiếm tỷ trọng 35,90% trong tổng giá trị GRDP của tỉnh; tăng 1,38 % so với năm 2019.

#### **\*Trồng trọt:**

Trong lĩnh vực trồng trọt của tỉnh đã chuyển đổi đúng định hướng, giảm dần diện tích đất lúa kém hiệu quả, tăng dần diện tích cây lâu năm đã nâng cao hiệu quả sản xuất, giá trị sản phẩm thu được trên một đơn vị trồng trọt tăng từ 135,57 triệu đồng/ha năm 2015, lên 323,71 triệu đồng/ha năm vào năm 2020.

Diện tích gieo trồng lúa cả năm trên toàn tỉnh năm 2020 là 145,8 nghìn ha, giảm 34,6 nghìn ha so với năm 2015 (180,4 nghìn ha) và giảm 9,6 nghìn ha so với năm 2019 (155,4 nghìn ha), sản lượng năm 2020 đạt 895 nghìn tấn giảm 199,6 nghìn tấn so với năm 2015 (1.094,6 nghìn tấn). Trong đó: diện tích lúa Đông Xuân chiếm 52,4 nghìn ha, sản lượng đạt 360,2 nghìn tấn; diện tích lúa Hè Thu đạt 49,1 nghìn ha, sản lượng đạt 288,9 nghìn tấn; diện tích Thu Đông đạt 44,3 nghìn ha, sản lượng đạt 245,8 nghìn tấn. Nhiều địa phương trong tỉnh đã hình thành được một số vùng trồng lúa chất lượng cao,

diện tích sử dụng giống chất lượng cao chiếm 60 đến 70% diện tích gieo trồng trong từng vụ; hình thành chuỗi giá trị sản phẩm cây lúa với hệ thống cung ứng đầu ra, sơ chế, xay xát, đóng gói chuyên nghiệp, liên kết trong sản xuất tiêu thụ...

Nổi bật là diện tích cây lâu năm tăng từ 49,75 nghìn ha năm 2015 lên 60,05 nghìn ha vào năm 2020 và đã hình thành nhiều vùng chuyên canh như bưởi năm roi (thị xã Bình Minh), bưởi da xanh, sầu riêng và xoài (huyện Vũng Liêm), nhãn, chôm chôm (huyện Long Hồ và Trà Ôn)... Một số sản phẩm đã xây dựng được nhiều hợp tác xã, có thương hiệu để tổ chức tiêu thụ sản phẩm. Trong năm 2020 do ảnh hưởng xâm nhập mặn kéo dài từ đầu tháng 02 đến cuối tháng 05 và tiến sâu hơn so năm 2016 làm cho cây chôm chôm trên địa bàn tỉnh giảm diện tích cho sản phẩm, giảm năng suất và chất lượng. Tuy nhiên, nhờ giá bán một số sản phẩm cây lâu năm chủ yếu của tỉnh ổn định và tăng so cùng kỳ đem lại nguồn thu nhập đáng kể cho người sản xuất, góp phần phát triển cây lâu năm trên địa bàn tỉnh.

Cây màu (các loại cây hàng năm khác): Diện tích gieo trồng màu cả năm 2020 đạt 58,7 nghìn ha, đạt 97,8% kế hoạch (giảm 848 ha) so với năm 2019. Trong đó: diện tích cây thực phẩm (rau đậu các loại) tương đương cùng kỳ; diện tích khoai lang giảm 7,5%; diện tích bắp giảm 10,9%; diện tích mía giảm 5,1% so với năm 2019. Nguyên nhân giảm diện tích là do tình hình xâm nhập mặn năm 2020 kéo dài đến cuối tháng 05 và tiến sâu hơn so năm 2016 nên một số vùng có truyền thống trồng rau các loại không thể trồng được nên diện tích giảm mạnh.

#### **\*Chăn nuôi:**

Tình hình phát triển chăn nuôi trong năm 2020 của tỉnh gặp nhiều khó khăn, nhất là chăn nuôi heo. Nguyên nhân là do dịch tả heo Châu Phi còn diễn biến phức tạp, đặc biệt vào cuối năm 2019 và đầu năm 2020, trong khi hầu hết các ổ dịch bị chôn hủy ngay trong khu đất vườn nhà nên mầm bệnh vẫn còn tồn lưu và nguy cơ tái phát dịch rất cao nếu không thực hiện tốt các biện pháp ATSH trong điều kiện không có vaccine phòng bệnh; Về quy mô phát triển đàn như sau:

Đàn bò phát triển ổn định trong giai đoạn 2015-2020 tăng 1,87%/năm, đến năm 2020 tổng đàn bò của tỉnh có 83,89 nghìn con;

Đàn heo giai đoạn 2015-2020 giảm bình quân 7,94%/năm trên tổng đàn; năm 2020 đàn heo dần phục hồi sau đợt dịch cuối năm 2019 đầu năm 2020; hiện tổng đàn heo có 236,98 nghìn con, giảm 121,36 nghìn con so với năm 2015;

Đàn gia cầm của tỉnh hiện có 10,707 triệu con, chăn nuôi gia cầm có mức tăng trưởng khá trong những năm qua.

#### **\*Lâm nghiệp:**

Vĩnh Long không có rừng nên hoạt động lâm nghiệp chủ yếu là trồng cây phân tán trên đất trồng cây nông nghiệp để che nắng, chống sạt lở và có sản phẩm để sử dụng.

Do vậy sản phẩm lâm nghiệp chiếm chưa đến 1% trong giá trị sản xuất nông lâm nghiệp và thủy sản nên ảnh hưởng không đáng kể đến tăng trưởng của toàn ngành.

### **\*Thủy sản:**

Diện tích nuôi thủy sản năm 2020 đạt 2.350 ha, giảm 5,8 ha (giảm 0,2%); sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 146.438 tấn, giảm 4.432 tấn (giảm 2,94%) so với năm 2019. Trong đó:

- Nuôi cá tra thâm canh: Toàn tỉnh hiện có 217 cơ sở nuôi với diện tích 297 ha đang thả nuôi trong tổng số 458 ha, giảm gần 44 ha (giảm 12,8%) so với năm 2019;

- Nuôi cá lồng, bè: Năm 2020 toàn tỉnh có 1.217 chiếc lồng, bè đang thả nuôi (trong tổng số 1.714 chiếc); thể tích đang nuôi 259.914 m<sup>3</sup> trong tổng số 365.717 m<sup>3</sup>, giảm 9.778 m<sup>3</sup> (giảm 3,6%) so với cùng kỳ.

Ngoài nuôi cá thâm canh và lồng, bè, tỉnh cũng phát triển đa dạng hóa các đối tượng và mô hình nuôi thủy sản, khuyến khích người dân nuôi cá mương vườn, ao hồ như phát triển nuôi đặc sản với diện tích hơn 78 ha;

### **2.7.2 Công nghiệp**

Tình hình sản xuất khu vực công nghiệp của tỉnh trong năm 2020 có nhiều biến động, do ảnh hưởng chung của dịch bệnh Covid 19 trong nước cũng như trên toàn thế giới. Chỉ số sản xuất công nghiệp năm 2020 giảm 2,54% so với năm trước, trong đó: ngành sản xuất, phân phối điện, khí đốt tăng 6,89%; cung cấp nước, quản lý và xử lý nước thải, rác thải tăng 9,42%; riêng ngành khai khoáng giảm 29,21%, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 3,13%. Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo năm 2020 giảm 4,45% so với năm trước.

### **Khu công nghiệp:**

Hiện trên toàn tỉnh có 05 khu công nghiệp đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt quy hoạch, với tổng diện tích 1.335,79 ha. Trong đó: Có 02 khu công nghiệp đã đi vào hoạt động gồm: Khu công nghiệp Hòa Phú (giai đoạn 1 và 2), diện tích 250,1 ha và khu công nghiệp Bình Minh, diện tích 134,8 ha. Tỷ lệ lấp đầy đạt 96,78% đã thu hút 63 dự án đầu tư trong nước và nước ngoài. Riêng Tuyên công nghiệp Cổ Chiên khu IV và V đã san lấp mặt bằng 86%, bố trí 27 cơ sở sản xuất và thu 05 dự án đầu tư. Có 03 khu công nghiệp đang triển khai gồm: Khu công nghiệp Đông Bình, đã có quyết định phê duyệt thành lập và đầu tư, với diện tích là 350 ha; Khu công nghiệp An Định, diện tích 200 ha, đã được phê duyệt quy hoạch phân khu xây dựng; Khu công nghiệp Bình Tân, diện tích 400 ha, Đang được lập quy hoạch phân khu xây dựng.

### **Cụm công nghiệp:**

Theo quy hoạch phát triển cụm công nghiệp của tỉnh đến năm 2020, tầm nhìn 2030, toàn tỉnh quy hoạch phát triển 14 CCN với tổng diện tích 641,08 ha. Đến nay đã có 01 CCN Trung Nghĩa tại xã Trung nghĩa, huyện Vũng Liêm đã hoàn thành đầu tư và đi vào

hoạt động, tổng vốn đầu tư 1.108 tỷ đồng, chuyên ngành năng lượng tái tạo, sản lượng điện hàng năm trên 71 triệu KWh.

### **2.7.3 Thương mại, dịch vụ**

Năm 2020 hoạt động thương mại, dịch vụ phát triển khá. Giá trị các ngành dịch vụ tăng 2,49% so với năm 2019; Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2020 đạt 56.837 tỷ đồng, tăng 5,22% so với năm 2019; trong đó bán lẻ hàng hóa tăng 9,74%, dịch vụ lưu trú và ăn uống giảm 10,81%, du lịch lữ hành giảm 43,54% và dịch vụ khác giảm 1,95%. Nếu loại trừ biến động giá (bình quân năm 2020 tăng 3,22% so với năm 2019) thì tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng thực tế tăng 1,94%; Tổng kim ngạch xuất khẩu ước đạt 570 triệu USD, đạt 103,7% kế hoạch năm.

Đến cuối năm 2020 hệ thống hạ tầng thương mại toàn tỉnh có 170 đơn vị, trong đó có 01 Trung tâm thương mại hạng 2; 05 siêu thị gồm 02 siêu thị tổng hợp và 03 siêu thị chuyên doanh; 49 cửa hàng tiện lợi kinh doanh thực phẩm tổng hợp và 115 chợ gồm 01 chợ hạng 1; 17 chợ hạng 2; 97 chợ hạng 3 và chợ tạm; đảm bảo đủ cung ứng hàng hóa, nhu yếu phẩm cho dân.

### **2.7.4 Du lịch**

Vĩnh Long có cảnh quan sông nước, vườn sinh thái, khí hậu – thủy văn rất phong phú, những cánh đồng lúa rộng lớn, vườn cây ăn trái xanh tốt, ruộng vườn có thể nuôi thủy sản chế biến ẩm thực giàu chất Nam bộ. Các di tích, đền chùa có giá trị kiến trúc nghệ thuật, cùng các làng nghề thủ công truyền thống, nhà sàn, vườn cảnh bonsai, vườn cây ăn trái vừa là những địa điểm thăm quan vừa là nơi cung cấp các sản phẩm địa phương. Đây là những điểm du lịch sinh thái hấp dẫn, kết nối du lịch với Tp. HCM và vùng ĐBSCL.

Từ năm 2019, dịch COVID-19 bùng phát trên thế giới và đã ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động của ngành du lịch toàn cầu. Năm 2020 tổng lượt khách du lịch tới tỉnh chỉ đạt 665.000 lượt, giảm 55,5% so với năm 2019; doanh thu đạt 190 tỷ đồng, giảm 335 tỷ đồng so với cùng kỳ. Một số cơ sở du lịch trong tỉnh đã phải ngưng hoạt động. Đội ngũ lao động của ngành cũng có sự biến động lớn do ảnh hưởng dịch, nhiều lao động phải tạm ngưng công việc, nghỉ không hưởng lương trong thời gian giãn cách, một số đã phải chuyển sang các ngành nghề khác, chiếm trên 30%.

## **2.8 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI**

### **2.8.1 Mục tiêu tổng quát**

- Phát triển kinh tế nhanh, bền vững, sớm rút ngắn khoảng cách chênh lệch và tiến kịp trình độ phát triển chung của cả nước; xây dựng Vĩnh Long phát triển theo hướng nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ hiện đại. Phát triển phải dựa trên mô hình tăng trưởng bao trùm, lấy con người làm trung tâm, phát triển nền kinh tế số và kinh tế tri thức, tăng cường ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật của cuộc Cách mạng Công

ng nghiệp 4.0 trong phát triển kinh tế và nâng cao chất lượng cuộc sống toàn diện của nhân dân.

- Tạo bước đột phá về chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi cơ cấu sản xuất trong từng ngành, từng lĩnh vực; hình thành và phát triển rõ nét những ngành, sản phẩm mũi nhọn, chủ lực. Phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp công nghệ cao, xanh, sinh thái, hiệu quả, quy mô sản xuất hàng hóa lớn. Phát triển công nghiệp với nhịp độ cao, trở thành động lực cho tăng trưởng kinh tế. Phát triển các loại hình dịch vụ hiện đại, trong đó từng bước đưa du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh.

- Tiếp tục phát huy tối đa nguồn nội lực, đẩy mạnh thu hút nguồn lực từ bên ngoài để đầu tư kết cấu hạ tầng đồng bộ và hiện đại, chủ động thích ứng với BĐKH và nước biển dâng. Gắn phát triển kinh tế Vĩnh Long trong mối quan hệ tổng thể với các tỉnh trong vùng ĐBSCL để phát triển nông nghiệp và du lịch; phát triển các đô thị trong tỉnh thành trung tâm, là hạt nhân, động lực lan tỏa để phát triển các vùng trong tỉnh.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, quản lý đối với đội ngũ cán bộ công chức, viên chức; nâng cao tay nghề, kỹ năng làm việc cho công nhân và lao động kỹ thuật; đào tạo đội ngũ chuyên gia về khoa học - công nghệ, đội ngũ doanh nhân giỏi; thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao về làm việc, đóng góp cho tỉnh.

- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với phát triển xã hội; xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, củng cố an ninh - quốc phòng, giữ vững ổn định chính trị, trật tự - an toàn xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái. Phát triển kinh tế - xã hội phải gắn với ứng phó BĐKH và nước biển dâng, phù hợp với từng ngành, lĩnh vực nhằm đảm bảo tính đa mục tiêu, hiệu quả và phát triển bền vững.

### **2.8.2 Mục tiêu cụ thể**

Để thực hiện các mục tiêu trên cần tập trung thực hiện 03 khâu đột phá và phát triển 05 lĩnh vực trọng điểm sau:

#### ***Về đột phá chiến lược:***

1. Phát triển nguồn nhân lực phục vụ đổi mới mô hình tăng trưởng, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tập trung nguồn nhân lực lãnh đạo, quản lý và lao động có tay nghề cao.

2. Đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trọng tâm là phát triển kết cấu hạ tầng đô thị, giao thông phục vụ sản xuất nông nghiệp và du lịch.

3. Thu hút các dự án đầu tư vào đô thị, thương mại, nông nghiệp chất lượng cao, công nghiệp chế biến và dịch vụ du lịch.

#### ***Phát triển các lĩnh vực trọng điểm:***

1. Phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp sạch, nông nghiệp công nghệ cao, chất lượng và năng suất cao. Hình thành các vùng sản xuất các sản phẩm chủ lực

của tỉnh (3 cây, 3 con) nhằm phục vụ phát triển công nghiệp chế biến, nâng cao giá trị gia tăng các sản phẩm nông nghiệp của tỉnh.

2. Phát triển công nghiệp chế biến nguyên liệu của ngành nông nghiệp, công nghiệp phục vụ nông nghiệp và nông thôn. Đầu tư phát triển các khu, cụm công nghiệp theo quy hoạch được duyệt, trong đó chú trọng các khu công nghiệp Hòa Phú (giai đoạn 3), KCN Đông Bình, KCN Bình Tân, KCN An Định và cụm công nghiệp Thành phố Vĩnh Long.

3. Tiếp tục đẩy mạnh phát triển du lịch một cách bền vững, trong đó tập trung phát triển: du lịch sinh thái sông nước miệt vườn; du lịch nghỉ dưỡng tại nhà dân (homestay), kết hợp tham quan các di tích lịch sử văn hóa, danh nhân, làng nghề truyền thống và du lịch nghỉ dưỡng để Vĩnh Long trở thành điểm đến hấp dẫn về du lịch của vùng ĐBSCL.

4. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, đặc biệt là dự án nâng cấp đô thị thành phố Vĩnh Long; các dự án nâng cấp, cải tạo hệ thống các tuyến đường quan trọng nội tỉnh (đường tỉnh 902, đường Võ Văn Kiệt, đường vành đai 4 xã cù lao huyện Long Hồ, đường từ Quốc lộ 53 đến KCN Hòa Phú,...) và hệ thống giao thông đối ngoại nhằm tăng cường kết nối với các thành phố lớn (đường quốc lộ 53, 54, 57), giao thông nông thôn tạo sự kết nối thuận lợi cho giao thương hàng hóa và phát triển kinh tế - xã hội.

5. Cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử đáp ứng yêu cầu phát triển. Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ, phát triển kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là đội ngũ cán bộ quản lý, điều hành ở các cơ quan quản lý công và khu vực doanh nghiệp. Nâng cao tiềm lực khoa học công nghệ của tỉnh.

## **2.9 ĐẶC ĐIỂM KẾT CẤU HẠ TẦNG**

### **2.9.1 Giao thông**

#### **2.9.1.1 Giao thông đường bộ**

Hệ thống giao thông đường bộ của tỉnh rất thuận lợi cho việc vận chuyển, giao thương hàng hóa trong và ngoài tỉnh. Hiện toàn tỉnh có 05 tuyến quốc lộ đi qua tỉnh, dài 139,2 km gồm: QL1A, QL53, QL54, QL57, QL80; Tuyến đường tỉnh có 10 tuyến dài 430,85 km gồm: ĐT 901, ĐT902, ĐT903, ĐT904, ĐT905, ĐT906, ĐT907, ĐT908, ĐT909, ĐT910, trên các tuyến đường tỉnh có 114 cầu, với tổng chiều dài các cầu là 5.282 m; Tuyến đường đô thị có tổng chiều dài là 101km, có 22 cầu trên tuyến với tổng chiều dài cầu là 864m; Tuyến đường huyện gồm 83 tuyến, tổng chiều dài là 401,062 km. Ngoài ra còn có các tuyến đường liên xã và GTNT, hiện ô tô về được đến trung tâm xã là 131km, đường đi được xe 2 bánh nối các ấp và liên ấp đạt 2.151km. Kết cấu mặt đường là đá, đan, nhựa, xe hai bánh có thể lưu thông dễ dàng.



### 2.9.1.2 Giao thông đường thủy

Hệ thống giao thông thủy trên toàn tỉnh khá phong phú với hệ thống sông, kênh rạch chằng chịt, đa dạng với khoảng 10 con sông lớn nhỏ, 40 kênh và 152 rạch. Bao gồm: sông Hậu, sông Tiền, sông Cổ Chiên và sông Măng Thít, là các tuyến giao thông thủy quốc gia, quốc tế do Bộ giao thông vận tải quản lý với tổng chiều dài 215 km; tỉnh quản lý các tuyến còn lại, trong đó Sở giao thông vận tải quản lý 25 tuyến với tổng chiều dài 179 km; UBND các huyện, thành phố quản lý các tuyến còn lại ước chiều dài khoảng 1.500 km. Ngoài ra, còn có trên 500 km kênh cấp I và 1.100 km kênh cấp II (mật độ đường thủy 4,2km/km<sup>2</sup>) hợp thành hệ thống giao thông thủy rất thuận lợi, có cước phí vận chuyển thấp, đã hỗ trợ tích cực cho giao thông đường bộ, thúc đẩy phát triển KTXH của tỉnh.

- Toàn tỉnh hiện có 5 bến phà (ô tô có thể qua lại) gồm phà Phà Đình Khao (sông Cổ Chiên), Phà Trà Ôn (qua cù lao Lục Sĩ Thành), Phà Vũng Liêm (qua cù lao Quới Thiên), Phà Mang Thít (sông Mang Thít - ĐT 902) và phà An Bình qua sông Cổ Chiên.

- Bến cảng: Toàn tỉnh hiện có 3 cảng chính gồm: Cảng Vĩnh Long (bờ phải sông Cổ Chiên, thuộc phường 9 thành phố Vĩnh Long, năng lực 450 ngàn tấn/năm, tiếp nhận được tàu 3.000 tấn; Cảng Bình Minh (bờ trái sông Hậu, thuộc xã Mỹ Hòa, huyện Bình Minh) hiện tại chủ yếu là vật liệu xây dựng, năng lực 250 ngàn tấn năm; Cảng An Phước (bờ phải sông Cổ Chiên, xã An Phước huyện Măng Thít), năng lực 250 ngàn tấn/năm.

### 2.9.2 Thủy lợi

Theo số liệu điều tra từ Chi cục Thủy lợi tỉnh Vĩnh Long, hiện trạng hệ thống thủy lợi của tỉnh đến tháng 8 năm 2021 như sau:

- **Hệ thống kênh:** Có tổng 4.397 tuyến, chiều dài: 5.326 km, diện tích phục vụ tưới, tiêu: 206.171 ha, trong đó:

+ Kênh trục, kênh cấp I: Số lượng: 57 tuyến, chiều dài: 492.741m, số kênh trục phục vụ tốt: 28 kênh, dài 217.626m (chiếm 50% tổng số kênh trục, cấp I). Năng lực phục vụ tưới, tiêu: 206.171ha.

+ Kênh cấp II: Có 342 tuyến; chiều dài: 1.045.062m; Năng lực phục vụ tưới, tiêu: 101.259 ha (cao nhất ở Vũng Liêm 27.440ha).

+ Kênh cấp III: Tổng số có 3.998 tuyến; dài: 3.799.783m; Năng lực phục vụ tưới, tiêu: 104.872ha.

- **Hệ thống đê bao, bờ bao:** Tổng có 405 tuyến bao gồm quanh các ô bao - ô thủy lợi cơ sở, tổng chiều dài là 3.642 km, đê có kết hợp làm đường giao thông; diện tích bảo vệ 144.620 ha. Trong đó:

+ Đê kết hợp giao thông nông thôn ngăn lũ ở mức báo động III chiếm 90% tổng chiều dài. Trong đó, đê ngăn lũ lớn chiếm 50% trong số 90% chiều dài đê.

+ Đê ngăn dưới báo động III: Chiếm 10% tổng chiều dài, trong đó có gần 200.000m đang bị xuống cấp cần phải nâng cấp sửa chữa.

- **Hệ thống công:** Bao gồm công hở, công tròn và công giao thông có kết hợp thủy lợi, tổng số có 6.135 công các loại, trong đó:

+ **Công hở:** Tổng số lượng công hở trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long là 192 công, bề rộng cửa công chủ yếu từ 2-4 m (đa số là công cấp IV), diện tích phục vụ: 24.000 ha. Những năm gần đây do nhu cầu phát triển hệ thống giao thông thủy, bề rộng các cửa công được xây dựng có kích thước lớn hơn từ 5-10 m. Công Vũng Liêm có 03 cửa, kích thước mỗi cửa rộng 25m, là công lớn nhất tỉnh Vĩnh Long được đưa vào vận hành năm 2020, đã hỗ trợ tốt phòng chống xâm nhập mặn cho huyện Vũng Liêm.

+ **Công tròn (bọng):** Có 5.631 công, kích thước từ  $\Phi 100$ -  $\Phi 120$ cm; công giao thông kết hợp phục vụ tưới tiêu: 379 công;

- **Hệ thống trạm bơm:** Toàn tỉnh hiện có 17 trạm bơm điện đang hoạt động, trong đó có 12 trạm bơm tiêu và 05 trạm bơm tưới; với tổng là 42 máy (bình quân mỗi trạm từ 2-3 máy); công suất từ 2.000- 4.000m<sup>3</sup>/giờ. Phục vụ cho 2.754 ha, trong đó phục vụ tiêu là 1.784 ha, phục vụ tưới là 890 ha và có 24.802 máy bơm di động phục vụ cho 14.179 ha.

- **Hệ thống đập điều tiết:** Tổng có 554 đập (đập kiên cố hóa).

- **Hệ thống kè:** Hiện có 16 tuyến kè kiên cố chống sạt lở (Có vốn đầu tư của nhà nước), dài 13,77 km.

Năng lực phục vụ của hệ thống thủy lợi: Đảm bảo tưới tiêu cho 100% diện tích đất sản xuất nông nghiệp, trong đó khép kín chủ động tưới tiêu 94,24% diện tích (trương đương 112.855 ha), trong đó: diện tích khép kín cây lâu năm 48.880 ha (chiếm 43,31%), diện tích khép kín cây hàng năm 63.975 ha (chiếm 56,69%). Diện tích kém an toàn với lũ lớn: 49 vùng với 11.285 ha.

### 2.9.3 Hạ tầng y tế

Toàn tỉnh hiện có 126 cơ sở khám, chữa bệnh, trong đó có 6 cơ sở tuyến tỉnh, 11 cơ sở tuyến huyện và 109 trạm y tế xã-phường. Hạ tầng y tế của tỉnh nhìn chung cơ bản đáp ứng được nhu cầu về khám, chữa bệnh cho người dân.

### 2.9.4 Hạ tầng về giáo dục, đào tạo

Hiện tại toàn tỉnh có tổng 416 cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông các cấp, bao gồm: 130 trường mầm non; 165 trường tiểu học; 87 trường trung học cơ sở; 24 trường trung học phổ thông và 10 trường trung học. Trong đó có 259/416 cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn quốc gia, chiếm tỷ lệ 62,42%; Khối các trường đào tạo chuyên nghiệp có 01 trường trung cấp chuyên nghiệp; 03 trường cao đẳng và 04 trường đại học.

### 2.9.5 Năng lượng

Về nguồn điện, hiện nay Vĩnh Long không có nguồn điện tại chỗ mà nhận từ lưới điện quốc gia qua trạm nguồn 220/110kV. Trạm Biến áp 110kV: có 05 trạm; trạm biến áp phân phối lưới 22kV: có 3.975 trạm.

Về phân phối điện, hiện nay toàn tỉnh có 143,060 km đường dây cao thế 110kV; 2.041,846 km đường dây trung thế 22kV và 3.320,732 km đường dây hạ thế 0,22kV. Đến cuối tháng 12 năm 2020, 100% số xã và 99,80% số hộ dân trên địa bàn có điện sử dụng.

### **2.9.6 Bưu chính viễn thông**

Hệ thống bưu chính viễn thông trong tỉnh đảm bảo nhu cầu thông tin liên lạc thông suốt, tỷ lệ xã, phường, thị trấn đã được phủ sóng điện thoại là 100%. Tính đến hết năm 2020 toàn tỉnh có tổng số thuê bao điện thoại là 854.451 thuê bao. Trong đó: số thuê bao cố định là 19.272 thuê bao và 835.179 thuê bao di động; số thuê bao internet là 198.116 thuê bao. Các điểm Bưu điện văn hóa xã có khoảng cách trung bình 4,2 km/điểm và bán kính phục vụ một bưu cục là 3,5 km.

Hệ thống hạ tầng viễn thông đến cuối năm 2020, số trạm thông tin di động là 333 trạm; trụ anten của trạm di động là 333 trụ. Công tác thực hiện kiểm định, bảo trì bảo dưỡng trụ anten được thực hiện hàng năm (năm 2020: kiểm định 37 trụ, thay mới 4 trụ) và có kế hoạch thực hiện cho từng năm tiếp theo (sẽ thay mới các trụ kiểm định không đảm bảo an toàn theo kế hoạch).

### **2.9.7 Hệ thống phát thanh, truyền hình**

Hệ thống phát thanh, truyền hình Tỉnh Vĩnh Long hiện có Đài Phát thanh và Truyền hình Vĩnh Long là đơn vị dẫn đầu trong khu vực ĐBSCL và đứng thứ 3 trong cả nước chỉ sau đài truyền hình Việt Nam và đài truyền hình TP. HCM được phát sóng trên kênh THVL1 và THVL2. Hiện nhà đài có 9 phòng nghiệp vụ và 7 đài truyền thanh huyện thị, kênh THVL1 phủ sóng toàn bộ vùng ĐBSCL, một phần các tỉnh vùng ĐNB. Tất cả các chương trình truyền hình và phát thanh đều được phát trực tuyến trên cổng thông tin điện tử, các nội dung được biên tập và cập nhật liên tục và kịp thời các thông tin trong tỉnh.

### **2.9.8 Hệ thống cấp nước sạch, tiêu thoát nước, xử lý môi trường**

Toàn tỉnh hiện có 10 hệ thống cấp nước đô thị, khu công nghiệp. Tổng công suất thiết kế của 10 hệ thống cấp nước này là 69.500 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Trong đó, Công ty CP Cấp nước Vĩnh Long quản lý 6 hệ thống gồm các NMN Hưng Đạo Vương (nguồn nước sông Cổ Chiên) 18.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm; NMN Trường An (nguồn nước sông Tiền) 20.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm; NMN Trà Ôn (nguồn nước sông Hậu) 5.500 m<sup>3</sup>/ngày đêm; Vũng Liêm (nguồn nước sông Măng Thít) 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm; NMN Cái Ngang (nguồn nước sông Cái Ngang) 1.500 m<sup>3</sup>/ngày đêm; NMN Tam Bình (nguồn nước sông Măng Thít) 3.500 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Các hệ thống còn lại do các đơn vị khác quản lý như: Công ty CP Nước và Môi trường Bình Tân - NMN Thành Lợi (nguồn nước sông Hậu) 10.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, Công ty CP Nước và Môi trường Cửu Long- NMN Cầu Vòng (nguồn nước sông Cầu Vòng) 5.800 m<sup>3</sup>/ngày đêm, Công ty CP Nước và Môi trường Mang Thít - NMN thị trấn Cái Nhum (nguồn nước sông Măng Thít) 1.200 m<sup>3</sup>/ngày đêm; Công ty TNHH Cấp

nước Bình Minh – NMN Khu công nghiệp Bình Minh (nguồn nước sông Hậu) 1.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Năm 2020, tỷ lệ hộ đô thị sử dụng nước từ hệ thống nước máy tập trung là 98,7%; tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch đô thị bình quân khoảng 16,5%.

Hệ thống thoát nước còn lạc hậu và thiếu sự đồng bộ cần thiết, hệ thống thoát nước chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội, phần lớn hệ thống chung cho thoát nước mưa và cả nước thải, được xây dựng trên địa hình tự nhiên, nước tự chảy và độ dốc thủy lực thấp. Cho đến nay, chưa đô thị nào có được trạm xử lý nước thải sinh hoạt, hệ quả tất yếu là tình trạng úng ngập xảy ra thường xuyên đặc biệt trong những năm gần đây khi tốc độ xây dựng tăng mạnh, tình trạng lấn chiếm lấp sông rạch, thiếu quy hoạch chiều cao cho từng đô thị, số điểm và thời gian ngập úng cũng kéo dài 2-3 tiếng đồng hồ vào mùa mưa, triều cường dâng cao. Trong tỉnh hiện có một số tuyến đường mới hoặc đường cải tạo, nâng cấp được đầu tư hệ thống thoát nước thải sinh hoạt và thoát nước mưa riêng như: đường Trung Nữ Vương (Phường 1), đường từ QL53 đến đường Võ Văn Kiệt (Phường 3) TP. Vĩnh Long.

Vấn đề ô nhiễm môi trường do chất thải sinh hoạt thu gom chưa phủ kín, chỉ tập trung các khu trung tâm, dân cư 2 bên các đường giao thông chính, khu vực, các ngõ hẻm chưa có kế hoạch thu gom vẫn còn tự chôn lấp vườn nhà, vất rác trên sông rạch.

### **2.9.9 Hạ tầng về Văn hoá, Thể thao và Du lịch**

- Về bảo tàng, nhà truyền thống: Hiện cấp tỉnh có 01 bảo tàng và 01 nhà truyền thống, cấp huyện thị có 4 nhà truyền thống và phòng truyền thống.

- Về cơ sở Thư viện: Vĩnh Long hiện có 01 thư viện tỉnh, 06 thư viện huyện, 01 thư viện thị xã, 01 thư viện thiếu nhi Thành phố và 374 thư viện, phòng đọc sách cơ sở, trong đó có 01 thư viện tư nhân.

- Về Trung tâm văn hoá: Toàn tỉnh có 1 Trung tâm văn hóa, 1 Nhà văn hóa Thành phố, 4 Trung tâm văn hóa huyện, 47 Trung tâm văn hóa cấp xã, 24 Nhà văn hóa, khu thể thao ấp, trong đó có 12 Nhà văn hóa được tỉnh ưu tiên đầu tư xây dựng các thiết chế tại các xã điểm được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới. Về cơ sở vật chất, hiện chỉ có TTVH tỉnh, huyện cơ bản đã được đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị; các Nhà Văn hóa xã có diện tích trung bình từ 1.000 – 3.000 m<sup>2</sup> có một số phòng chức năng cơ bản gồm phòng đọc sách, truyền thanh, phòng truyền thống, phòng tập, sân khấu ngoài trời... nhưng nhìn chung chưa xứng tầm phát triển xã hội và theo quy hoạch của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch. Một số Trung tâm Văn hóa xã có diện tích và phòng chức năng chưa đủ chuẩn, cơ sở chính chưa được duy tu thường xuyên, xuống cấp trầm trọng.

- Về cơ sở lưu trú: Tổng số cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn tỉnh là 81 cơ sở (trong đó có 01 cơ sở đạt cấp hạng 3 sao) với hơn 1.000 phòng đạt chuẩn, công suất sử dụng phòng bình quân là 65%, các cơ sở homestay đang có sức thu hút cao đối với khách trong nước và ngoài nước.

## 2.10 ĐÁNH GIÁ CHUNG

Năm 2020 tình hình phát triển KTXH của tỉnh trong bối cảnh vô cùng khó khăn, hạn chế như sau:

- Tác động kép hạn mặn và dịch bệnh Covid-19 bùng phát đã làm kinh tế của tỉnh bị ảnh hưởng, đời sống nhân dân bị ảnh hưởng rất nhiều.

- Giá cả nông sản thiếu ổn định, thị trường tiêu thụ bị thu hẹp. Việc chuyển đổi giống cây trồng, vật nuôi sang các loại có giá trị kinh tế cao chưa mang tính bền vững. Tình hình dịch bệnh trong tỉnh diễn biến phức tạp, phát sinh gây hại trên cây trồng. Đặc biệt hạn mặn đã ảnh hưởng mạnh, gây hậu quả nặng nề cho sản xuất nông nghiệp (đặc biệt là trên một số loại cây ăn trái như sầu riêng, chôm chôm, bưởi..) và đời sống người dân.

- Tình hình xâm nhập mặn, hạn hán trong mùa khô hàng năm ngày càng gay gắt, mặn xuất hiện sớm, độ mặn lên cao, xâm nhập sâu, kéo dài, diện ảnh hưởng rộng nên gặp nhiều khó khăn trong công tác ứng phó nhất là về kinh phí, lực lượng và trang thiết bị.

- Tình hình lũ, triều cường: Hệ thống thủy lợi, giao thông đã được đầu tư khá lớn, cơ bản đáp ứng nhu cầu sản xuất nông nghiệp, giao thông; tuy nhiên, hàng năm vẫn còn khoảng 200-300 km đê bao, bờ bao kém an toàn để ngăn lũ lớn, còn trên 20.000 - 30.000ha bị ngập úng khi triều cường, lũ lớn. Năng lực ứng phó với ngập lụt các đô thị còn hạn chế, nhất là ở TP. Vĩnh Long, do các công trình chống ngập theo quy hoạch chậm được triển khai thực hiện.

- Tình hình sạt lở bờ sông/kênh/rạch diễn ra ngày càng nghiêm trọng, gây thiệt hại về tài sản, diện tích đất bị mất ngày càng tăng,... để xử lý khắc phục sạt lở phải tốn rất nhiều kinh phí nhưng do nguồn lực của tỉnh còn khó khăn dẫn đến việc đầu tư xây dựng các công trình khắc phục sạt lở trong thời gian qua còn rất hạn chế, chủ yếu thực hiện các biện pháp gia cố, xử lý trước mắt, mang tính tạm thời nhằm hạn chế thiệt hại.

- Tình hình giông, lốc ngày càng phức tạp, ứng phó rất khó khăn, do khó dự báo, còn nhiều nhà dân chưa kiên cố hóa (hàng năm có trên 100 căn nhà bị hư hỏng).

- Sản xuất công nghiệp, dịch vụ du lịch, lưu trú, ăn uống sụt giảm. Số doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã giải thể, tạm dừng hoạt động, thu hẹp quy mô sản xuất hoặc sản xuất cầm chừng tăng cao.

- Nhiều lao động bị thất nghiệp hoặc giảm sâu thu nhập. Công tác tuyển sinh, đào tạo, đưa lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài không đạt kế hoạch năm.

- Tình hình dịch bệnh Covid 19 ngày càng diễn biến phức tạp, có nhiều biến chủng mới, nên từ các cấp chính quyền và mỗi người dân phải có ý thức phòng chống dịch 1 cách triệt để, đẩy lùi dịch bệnh.

Năm 2020 nhiều khó khăn nhưng với sự quyết tâm, đoàn kết của cả hệ thống chính trị, nỗ lực vượt khó của các doanh nghiệp và nhân dân nên nền kinh tế tiếp tục phát triển,

xã hội ổn định, cơ bản hoàn thành các mục tiêu trên các lĩnh vực với 18/22 chỉ tiêu KTXH đạt và vượt mức kế hoạch năm đề ra.

Dự báo trong giai đoạn tới tình hình KTXH thế giới và khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường. Đại dịch covid-19 chưa kết thúc, tác động tiêu cực có thể kéo dài. Việt Nam là nước có nền kinh tế nhỏ và đang hội nhập nên cũng phải đối mặt với những khó khăn và thách thức. Việc kiểm soát được dịch bệnh covid - 19, giải quyết tốt vấn đề an sinh xã hội, duy trì ổn định vĩ mô sẽ là điều kiện, nền tảng tốt để kinh tế trong nước phục hồi, ổn định. Kinh tế xã hội trong tỉnh sẽ đối mặt với những tác động không nhỏ bởi tình hình trong nước và thế giới và các yếu tố nội tại của tỉnh.

Tình hình thiên tai trong thời gian tới diễn biến phức tạp (*chi tiết được trình bày ở mục 4.3.4. Nhận định tình hình thiên tai trong tương lai*).

## CHƯƠNG 3. HIỆN TRẠNG VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN TỈNH VĨNH LONG

### 3.1 TÌNH HÌNH THIÊN TAI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH LONG

#### 3.1.1 Sét, lốc xoáy

Mặc dù không nằm ở khu vực chịu ảnh hưởng thường xuyên của lốc xoáy và sét, nhưng Vĩnh Long vẫn chịu những thiệt hại do lốc xoáy và sét gây ra. Lốc xoáy và sét khi xảy ra có mức độ thiệt hại tương đối cao và không được dự báo trước.

Từ năm 2011 đến nay, lốc xoáy xảy làm hư hỏng 3.368 căn nhà, gây thiệt hại ước tính gần 39 tỷ đồng; lốc xoáy còn gây ảnh hưởng tới 7.749 ha diện tích đất nông nghiệp, làm gãy/đổ lúa, hoa màu, cây ăn trái rụng quả, tổng thiệt hại từ 2011 đến nay do lốc xoáy gây ra hơn 48 tỷ đồng; ngoài ra, lốc xoáy còn làm gãy đổ trụ điện, làm đứt dây điện, hư hỏng điện kế. Theo số liệu thống kê, thiệt hại do giông lốc hiện nay đang có xu hướng tăng, nguyên nhân là do tình hình thời tiết trong những năm gần đây đang có diễn biến theo chiều hướng xấu; ảnh hưởng của BĐKH làm nhiệt độ toàn cầu tăng dẫn đến tần suất xuất hiện giông lốc cũng nhiều hơn.

*Bảng 4: Bảng tổng hợp thiệt hại do lốc xoáy giai đoạn 2011-2020*

Năm	Loại thiệt hại	ĐVT	Số lượng	Thiệt hại (tr.đồng)
2011	Số căn nhà bị hư hỏng	Căn	345,00	2.664,00
2012	Số căn nhà bị hư hỏng	Căn	850,00	10.135,00
	Diện tích nông nghiệp bị ảnh hưởng	ha	39,50	1.286,00
	Thiệt hại về công nghiệp			109,00
2013	Số căn nhà bị hư hỏng	Căn	216,00	2.593,50
	Diện tích nông nghiệp bị ảnh hưởng	ha	420,60	441,00
	Thiệt hại về công nghiệp			113,00
2014	Số căn nhà bị hư hỏng	Căn	180,00	1.946,00
	Diện tích nông nghiệp bị ảnh hưởng	ha	102,30	7.078,00
	Thiệt hại về công nghiệp			113,00
2015	Số căn nhà bị hư hỏng	Căn	140,00	1.403,35
	Diện tích nông nghiệp bị ảnh hưởng	ha	1,80	85,00
2016	Số căn nhà bị hư hỏng	Căn	297,00	3.086,80
2017	Số căn nhà bị hư hỏng	Căn	363,00	3.969,80
	Diện tích nông nghiệp bị ảnh hưởng	ha	4.763,98	16.172,29
2018	Số căn nhà bị hư hỏng	Căn	408,00	4.744,57
	Diện tích nông nghiệp bị ảnh hưởng	ha	492,06	6.701,55

Năm	Loại thiệt hại	ĐVT	Số lượng	Thiệt hại (tr.đồng)
2019	Số căn nhà bị hư hỏng	Căn	237,00	3.551,00
	Diện tích nông nghiệp bị ảnh hưởng	ha	65,34	3.483,85
	Thiệt hại về công nghiệp			1.346,92
2020	Số căn nhà bị hư hỏng	Căn	332,00	4.666,00
	Diện tích nông nghiệp bị ảnh hưởng	ha	1.929,20	13.019,48
	Thiệt hại về công nghiệp			25,72

Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo tổng kết PCTT hàng năm tỉnh Vĩnh Long

Bên cạnh đó, sét đánh cũng đã làm thiệt mạng 4 người và bị thương 1 người giai đoạn 2011-2015; trong 05 năm trở lại đây, sét đánh làm thiệt mạng 4 người (02 người tại TX. Bình Minh, 01 người ở huyện Long Hồ, 01 người ở huyện Tam Bình).



Hình 3: Một số hình ảnh về thiệt hại do lốc xoáy gây ra chiều ngày 11/9/2020 tại ấp An Hiệp, Xã Lộç Hòa, Huyện Long Hồ (nguồn: BCH PCTT&TKCN tỉnh Vĩnh Long)

### 3.1.2 Sạt lở đất

Trong những năm gần đây, do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu làm chế độ dòng chảy mùa khô, mùa mưa biến đổi mạnh; vận tốc dòng chảy lớn hơn mức vận tốc trung bình cho phép không xói của lớp đất cấu tạo bờ sông và duy trì trong khoảng thời gian tương đối dài dẫn đến đào xói lòng dẫn, ảnh hưởng đến kết cấu bờ sông, kênh. Ngoài ra,



sự suy giảm tải lượng phù sa trong những năm gần đây đã tác động bất lợi tới tỉnh Vĩnh Long; theo số liệu so sánh giữa năm 1992 và năm 2014, tải lượng phù sa mịn sông Mê Công đã giảm 50% từ 160 triệu tấn/năm xuống còn 85 triệu tấn/năm (chưa bao gồm thành phần cát, sỏi di chuyển ở đáy sông); Giảm phù sa mịn ngoài việc gây bạc màu đất, ảnh hưởng năng suất nông nghiệp còn ảnh hưởng đến khả năng xói lở lòng dẫn cao hơn.

Bên cạnh đó, tốc độ đô thị hóa diễn ra nhanh chóng làm cho quá trình gia tải trên bờ sông/kênh ngày càng tăng, xây dựng lấn chiếm cản trở dòng chảy làm cho hiện tượng sạt lở xảy ra nhanh hơn, sự gia tăng phương tiện giao thông đường thủy cả số lượng và tải trọng gây sóng vỗ mạnh vào bờ. Vấn đề khai thác cát không theo quy hoạch, khai thác cát tự phát đang là một vấn đề rất khó giải quyết, sự khai thác cát còn làm thay đổi trắc diện (trắc dọc, trắc ngang) tự nhiên lòng sông, tạo nên sự bất thường của dòng chảy, gây xói lở bờ nhanh và không theo quy luật.

Tình hình diễn biến sạt lở trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long trong những năm gần đây xảy ra rất phức tạp và ngày càng nghiêm trọng. Sạt lở gây ảnh hưởng đến nhà cửa của các hộ dân sống dọc theo hai bên bờ sông, làm mất diện tích đất sản xuất, ảnh hưởng cơ sở hạ tầng và luôn đe dọa cuộc sống của người dân. Từ năm 2011 đến nay, toàn tỉnh ghi nhận 879 điểm sạt lở với tổng chiều dài sạt lở hơn 44,2 km là các bờ sông, kênh rạch và các công trình đê bao, đường giao thông nông thôn; ước thiệt hại hơn 69 tỷ đồng.

*Bảng 5: Diễn biến sạt lở tỉnh Vĩnh Long, giai đoạn 2011-2020*

Năm	Số điểm sạt lở	Chiều dài sạt lở (m)	Ước thiệt hại (triệu đồng)
2011	04	260	-
2012	06	263	4.839,0
2013	10	337	56,0
2014	06	712	919,5
2015	39	2.612	3.009,5
2016	110	13.701	12.347,9
2017	65	4.812	9.276,0
2018	215	9.108	18.548,0
2019	203	6.274	8.380,5
2020	225	6.404	11.691,4
Tổng	879	44.222,1	69.067,8

Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo tổng kết PCTT hàng năm tỉnh Vĩnh Long



Hình 4: Sạt lở đất tại xã Tân Bình, huyện Bình Tân – tháng 3/2021 (nguồn: Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Vĩnh Long).

### 3.1.3 Xâm nhập mặn

Là một tỉnh nằm ở vùng giữa ĐBSCL, cách cửa biển hơn 40 km, diễn biến độ mặn trên sông kênh của tỉnh Vĩnh Long phụ thuộc rất lớn vào diễn biến nguồn nước thượng nguồn. Trong những năm gần đây, do tốc độ phát triển của các quốc gia thượng nguồn sông Mê Công, như: xây dựng thủy điện, chuyển nước lưu vực, gia tăng sử dụng nước cho việc phát triển KT-XH... đã tác động rất lớn đến tổng lượng dòng chảy trên sông, từ đó đã gián tiếp làm độ mặn trên sông Cổ Chiên cũng như sông Hậu, diễn biến phức tạp và khó đoán định. Theo số liệu quan trắc nhiều năm của các cơ quan dòng chảy kiệt có xu hướng tăng nhẹ do xả nước phát điện từ các hồ chứa, nhưng khi gặp các năm cực hạn và thay đổi nhu cầu phát điện, dòng chảy kiệt có thể thấp hơn và vì thế làm mặn gia tăng. Tình trạng nước biển dâng đã và đang diễn ra làm mặn lấn vào sâu hơn từ cửa sông và duy trì trong thời gian dài.

Theo số liệu quan trắc tại các trạm đo mặn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long từ năm 2016 đến nay, cho thấy, độ mặn lớn nhất trên sông Cổ Chiên và sông Hậu đều có xu hướng gia tăng; đặc biệt là trên sông Cổ Chiên, mặn xâm nhập sâu và duy trì trong thời gian dài. Từ năm 2016 đến nay đã có 02 đợt mặn lịch sử tác động đến ĐBSCL cũng như tỉnh Vĩnh Long là mùa khô năm 2015-2016 và mùa khô năm 2019-2020.

Bảng 6: Độ mặn lớn nhất tại các trạm đo tỉnh Vĩnh Long, GD 2016-2020 (‰)

Năm	Trên sông Cổ Chiên			Trên sông Hậu	
	Nàng Âm	Vũng Liêm	Quới An	Tích Thiện	Ngã Tư
2016	8,8	8,2	5,5	4,9	4,2
2017	3,2	3	0,9	2,3	0,2
2018	3,6	3,5		2,3	0,1
2019	9,8	7,1	6,1	6,5	5,3

Năm	Trên sông Cỏ Chiên			Trên sông Hậu	
	Nàng Âm	Vũng Liêm	Quới An	Tịch Thiện	Ngã Tư
2020	10	8,5	6,2	7,8	1,8

Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo tổng kết PCTT hàng năm tỉnh Vĩnh Long

Mặn lịch sử là mùa khô năm 2019-2020 xuất hiện sớm, xâm nhập sâu và độ mặn lên cao ở các tháng đầu mùa khô và kéo dài đến tận tháng 5. Mặn cao nhất xuất hiện vào đầu tháng 01/2020 (trên sông Cỏ Chiên), đầu tháng 02 (trên sông Hậu) và đầu tháng 3 (trên sông Tiền). Đỉnh mặn phía sông Cỏ Chiên và sông Hậu đều vượt đỉnh mặn lịch sử mùa khô năm 2015-2016 từ 0,4-2,9‰. Trên sông Hậu, ranh giới mặn 4‰ lấn sâu vào khoảng 60km (sâu hơn năm 2016: 7km); Trên sông Cỏ Chiên, ranh giới mặn 4‰ ảnh hưởng tới xã Mỹ Phước (huyện Mang Thít)- cách cửa biển 70km (sâu hơn năm 2016: 6km); Phía sông Tiền, ranh giới mặn trên 4‰ xuất hiện tại xã Bình Hòa Phước (Long Hồ)-cách cửa biển khoảng 90km.

Xâm nhập mặn diễn ra và gây thiệt hại nặng nề nhất là năm 2016 và 2020, các năm còn lại xâm nhập mặn diễn ra nhưng thiệt hại không đáng kể. So với năm 2016 thì năm 2020 mặn diễn biến gay gắt và duy trì lâu hơn, xâm nhập mặn đã làm ảnh hưởng đến 2.477,82 ha diện tích đất nông nghiệp trong đó chủ yếu là cây ăn trái với 2.059 ha còn lại là lúa và rau màu, ước tính thiệt hại gần 396 tỷ đồng; ngoài ra, xâm nhập mặn cũng đã làm cho 51 trạm cấp nước bị nhiễm mặn ảnh hưởng tới 89.743 hộ dân.

*Bảng 7: Thiệt hại SXNN do XNM trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long năm 2016 và năm 2020*

Thiệt hại sản xuất nông nghiệp	Năm 2020		Năm 2016	
	Diện tích ảnh hưởng (ha)	Thiệt hại (tỷ đồng)	Diện tích ảnh hưởng (ha)	Thiệt hại (tỷ đồng)
<b>Tổng</b>	<b>2.477,8</b>	<b>395,86</b>	<b>23.179,63</b>	<b>277,37</b>
<b>Lúa:</b>	<b>416,3</b>	<b>3,79</b>	<b>18.028,86</b>	<b>116,41</b>
Thiệt hại hoàn toàn (>70%)	100,5	0,60	927,79	22,47
Thiệt hại rất nặng từ (50%-70%)	61,6	0,90	1.255,52	25,11
Thiệt hại nặng từ (30%-50%)	143,8	1,87	1.119,05	13,79
Thiệt hại 1 phần (< 30%)	110,4	0,41	14.726,50	55,04
<b>Màu:</b>	<b>0,3</b>	<b>0,03</b>	<b>518,58</b>	<b>21,43</b>
Thiệt hại hoàn toàn (>70%)	-	-	45,94	6,04
Thiệt hại rất nặng từ (50%-70%)	-	-	5,16	0,32
Thiệt hại nặng từ (30%-50%)	0,3	0,03	0,48	0,03
Thiệt hại 1 phần (< 30%)	-	-	467,00	15,05
<b>Cây ăn trái:</b>	<b>2.059,5</b>	<b>391,94</b>	<b>4.632,19</b>	<b>139,53</b>

Thiệt hại sản xuất nông nghiệp	Năm 2020		Năm 2016	
	Diện tích ảnh hưởng (ha)	Thiệt hại (tỷ đồng)	Diện tích ảnh hưởng (ha)	Thiệt hại (tỷ đồng)
Thiệt hại hoàn toàn (>70%)	850,7	240,72	369,03	35,85
Thiệt hại rất nặng từ (50%-70%)	465,1	83,20	691,96	47,47
Thiệt hại nặng từ (30%-50%)	743,2	68,01	1,20	0,56
Thiệt hại 1 phần (< 30%)	0,5	0,01	3.570,00	55,66
<b>Cây giống:</b>	<b>1,7</b>	<b>0,11</b>	-	-

Nguồn: Tổng hợp từ các báo cáo tổng kết PCTT hàng năm tỉnh Vĩnh Long

### 3.1.4 Hạn hán

Vĩnh Long là tỉnh có nguồn nước ngọt dồi dào quanh năm, tuy vậy hàng năm, vào đầu vụ Hè Thu và cuối vụ Đông Xuân tình trạng hạn vẫn thường xảy ra.

Năm 2020, diện tích cây trồng bị thiếu nước tưới là 18.864,30 ha, trong đó: thiếu nước do mặn xâm nhập là 1.385,21 ha (huyện Long Hồ: xã Bình Hòa Phước là 632,86 ha, xã Đồng Phú là 752,35 ha) và thiếu nước tưới do hạn là 17.479,09 ha (bị thiếu nước tưới trong thời gian ngắn) tập trung ở 5 huyện Vũng Liêm, Trà Ôn, Tam Bình, Mang Thít và TX. Bình Minh; trong đó: Lúa Đông Xuân là 9.010,41 ha, rau màu vụ Đông Xuân: 53,62 ha, lúa vụ Hè Thu là 1.568 ha, cây lâu năm: 6.847,06 ha), thiệt hại không đáng kể

Nguyên nhân tình trạng hạn xảy ra hàng năm một phần là do thiếu nguồn nước (đặc biệt là ở khu vực Nam Măng Thít), nguyên nhân khác là do hệ thống công trình thủy lợi chưa đồng bộ và hoàn chỉnh: kênh mương bị bồi lắng, vào kỳ triều kém hệ thống cống không thể tưới tự chảy, bên cạnh đó, hệ thống trạm bơm còn thiếu... nên chưa đáp ứng được nhu cầu đưa nước vào mặt ruộng của toàn bộ diện tích canh tác, dẫn đến hạn hán cục bộ tại một số nơi.

### 3.1.5 Triều cường, mưa lớn

Bên cạnh hạn hán và xâm nhập mặn thì triều cường và mưa lớn cũng là một loại hình thiên tai gây ra nhiều thiệt hại cho tỉnh Vĩnh Long.

Tại Vĩnh Long, mực nước sông, rạch trong tỉnh đã bắt đầu lên vào cuối tháng 08 trùng với kỳ triều rằm tháng 07 âm lịch. Vào đầu tháng 10, do ảnh hưởng của hai yếu tố cực đại là lũ đầu nguồn sông Cửu Long đạt đỉnh và triều cường 30/8 âm lịch, nên mực nước trên các sông, rạch trong tỉnh lên rất cao. Lượng mưa trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long khá lớn, vào khoảng 1.017 – 1.963 mm/năm; số ngày mưa trong năm cũng khá nhiều 91-155 ngày /năm; mưa lớn nhất thường rơi vào tháng 10 với lượng mưa >400 mm/tháng.

Trong nhiều năm trở lại đây, mực nước tại trạm Mỹ Thuận luôn cao hơn mức +1,8 m (là mức cảnh báo báo động III tại trạm Mỹ Thuận) chỉ duy nhất năm 2017 mực nước cao nhất trạm Mỹ Thuận thấp hơn mức báo động III 0,16m.

Năm 2011, mực nước tại Mỹ Thuận khá cao đạt mức lịch sử với 2,03 m. Lũ kết hợp với triều cường đã làm ngập úng 46,3% diện tích tự nhiên toàn tỉnh trong đó: Vùng Bắc QL 1A ngập 92%, vùng Bắc sông Măng Thít ngập 50%, vùng Nam sông Măng Thít ngập 50%, các khu vực cù lao hệ thống bờ bao cũng bị đe dọa suốt mùa lũ. Tổng thiệt hại do lũ và triều cường gây ra cho tỉnh năm 2011 là hơn 238 tỷ đồng.

Năm 2018, trên sông Tiền tại trạm Mỹ Thuận, đỉnh triều lên mức 2,07m, sông Cỏ Chiên tại cống Cái Hóp (Trà Vinh) lên mức 2m; Trên sông Hậu tại trạm Cần Thơ lên mức 2,23m; Mực nước nội đồng cũng lên mức cao nhất từ trước đến nay hơn báo động III từ 0,28 – 0,48m. Sản xuất nông nghiệp, cơ sở hạ tầng và dân cư tại các vùng trũng, vùng ven các sông, kênh, rạch, các cù lao trên sông lớn bị đe dọa và thiệt hại đáng kể. Các đô thị nằm ven sông lớn như TP. Vĩnh Long, thị xã Bình Minh, thị trấn Cái Nhum, thị trấn Trà Ôn bị ngập nặng. Việc đi lại, sinh hoạt của cộng đồng dân cư đô thị gặp khó khăn; Ước tổng thiệt hại 32,46 tỷ đồng.

*Bảng 8: Tình hình thiệt hại do triều cường, mưa lớn từ năm 2011 đến 2020 (Triệu đồng)*

Năm	Nông nghiệp, chăn nuôi, thủy sản	Cơ sở hạ tầng				Tổng thiệt hại
		Nhà ở	Thủy lợi	Giao thông	Khác	
2011	132.326,46	-	58.281,65	47.485,60		<b>238.093,71</b>
2012	Thiệt hại không đáng kể					
2013	9.109,46	1.000,00	3.545,90	709,88		<b>14.365,24</b>
2014	1.866,50	100,00	996,00	170,00		<b>3.132,50</b>
2015	Thiệt hại không đáng kể					
2016	634,22		678,61			<b>1.312,83</b>
2017	1.450,50		3.585,60	1.074		<b>6.110,10</b>
2018	16.705	240	12.598	2.868	51	<b>32.462,00</b>
2019	6.951		5.111,50	8.607		<b>20.669,50</b>
2020	3.698,80		1.085	541,9		<b>5.325,70</b>
<b>Tổng</b>	<b>172.741,94</b>	<b>1.340,00</b>	<b>85.882,26</b>	<b>61.456,38</b>	<b>51,00</b>	<b>321.471,58</b>

Nguồn: Tổng hợp từ các báo cáo tổng kết PCTT hàng năm tỉnh Vĩnh Long



*Hình 5: Mưa lớn đầu mùa mưa gây ngập úng tại xã Trung Ngãi, huyện Vũng Liêm, ngày 7/5/2020 (nguồn: Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Vĩnh Long năm 2021)*

### **3.2 HỆ THỐNG VĂN BẢN PHÁP LUẬT, CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN**

Trong thời gian qua, để thực hiện tốt công tác PCTT&TKCN, UBND tỉnh Vĩnh Long đã ban hành các Quyết định, Kế hoạch liên quan đến phòng, chống thiên tai, đây là những căn cứ pháp lý, là cơ sở để các cơ quan, ban, ngành và người dân thực hiện công tác phòng, chống thiên tai có hiệu quả. Một số văn bản nổi bật đã được ban hành như sau:

- Quyết định số 424/QĐ-UBND ngày 25/3/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc thành lập Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Vĩnh Long; Quyết định số 425/QĐ-UBND ngày 25/3/2015 của UBND tỉnh Quy định về quản lý, thu - nộp, sử dụng, quyết toán Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Vĩnh Long;

- Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 28/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc kiện toàn Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Vĩnh Long;

- Quyết định số 04/QĐ-PCTT&TKCN ngày 6/7/2016 của Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn về việc ban hành quy chế tổ chức, hoạt động của ban chỉ huy, văn phòng thường trực ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Vĩnh Long;

- Quyết định 2609/QĐ-UBND ngày 27/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc quy định mức trợ giúp xã hội đột xuất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;

- Quyết định số 24/2017/QĐ-UBND ngày 30/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành quy định thời gian xử lý sạt lở, trình tự, thủ tục thực hiện đầu tư các công trình khắc phục thiên tai, sạt lở bờ sông, rạch trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;

- Kế hoạch số 37/KH-UBND ngày 20/08/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc thực hiện nghị quyết 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính Phủ về công tác phòng chống thiên tai;



- Kế hoạch số 01/KHPCTT&TKCN ngày 28/01/2019 của Ban chỉ huy PCTT & TKCN Thực hiện Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai;

- Quyết định số 315/QĐ-UBND ngày 1/2/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long Về việc phê duyệt Kế hoạch phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2019 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;

- Quyết định 2655/QĐ-UBND ngày 24/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Phòng chống thiên tai thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;

- Quyết định 2812/QĐ-UBND ngày 6/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long Phê duyệt quy trình nội bộ thủ tục hành chính lĩnh vực phòng chống thiên tai thuộc nhóm thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;

- Quyết định số 315/QĐ-UBND ngày 2/2/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc ban hành Kế hoạch thực hiện “Quyết định số 957/QĐ-TTg, ngày 06/7/2020 của Thủ Tướng Chính Phủ phê duyệt đề án Phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

- Quyết định số 799/QĐ-UBND ngày 30/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long Về việc kiện toàn Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Vĩnh Long;

- Quyết định số 02/QĐ-PCTT&TKCN ngày 28/5/2020 của Ban chỉ huy, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Về việc phân công nhiệm vụ và địa bàn phụ trách của các thành viên Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh;

- Quyết định số 2401/QĐ-UBND ngày 10/09/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long Ban hành Bộ chỉ tiêu phòng, chống rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu của tỉnh Vĩnh Long.

- Quyết định số 2692/QĐ-UBND ngày 08/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long Về việc ban hành Kế hoạch thực hiện đề án “Hiện đại hóa hệ thống thủy lợi phục vụ chuyển đổi, phát triển nông nghiệp bền vững tại các tiểu vùng sinh thái vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long” trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

- Quyết định số 2713/QĐ-UBND ngày 09/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc thành lập Quỹ phòng chống thiên tai tỉnh Vĩnh Long.

- Quyết định số 32/2020/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành Quy định phân cấp quản lý, sử dụng và quyết toán Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Vĩnh Long.

- Quyết định số 3568/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc đính chính Quyết định số 32/2020/QĐ-UBND, ngày 18/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định phân cấp, quản lý, sử dụng và quyết toán Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Vĩnh Long.

- Quyết định số 43/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định thời gian xử lý sạt lở, trình tự, thủ tục thực hiện đầu tư các công trình khắc phục thiên tai, sạt lở bờ sông, rạch trên địa bàn tỉnh được ban hành kèm theo Quyết định số 24/2017/QĐ-UBND ngày 30/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Quyết định số 04/QĐ-PCTT&TKCN ngày 19/04/2021 của Ban chỉ huy PCTT&TKCN về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động về công tác Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của Ban chỉ huy, Văn phòng thường trực Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Vĩnh Long.

- Quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 29/1/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long Về việc thay đổi kiện toàn Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Vĩnh Long.

- Quyết định số 01/QĐ-PCTT&TKCN ngày 16/3/2021 của Ban chỉ huy, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Về việc phân công nhiệm vụ và địa bàn phụ trách của các thành viên Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Vĩnh Long;

- Quyết định số 2868/QĐ-UBND ngày 26/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc kiện toàn Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Vĩnh Long.

### **3.3 HỆ THỐNG CHỈ HUY PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN**

#### **3.3.1 Hệ thống chỉ huy Phòng, chống thiên tai các cấp:**

Cấp Trung ương: Ban Chỉ đạo Quốc gia về phòng, chống thiên tai do Thủ tướng Chính phủ thành lập, làm nhiệm vụ điều phối liên ngành giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong việc tổ chức, chỉ đạo, điều hành công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai trên phạm vi cả nước. Các thành viên của Ban hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm với Trưởng Ban là Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ NN& PTNT làm Phó Trưởng Ban.

Cấp Tỉnh: Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh được kiện toàn theo Quyết định số 2868/QĐ-UBND ngày 26/10/2021, theo đó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh là Trưởng ban, Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm Phó Trưởng ban thường trực, Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT làm Phó Trưởng ban phụ trách công tác phòng chống thiên tai, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh làm Phó Trưởng ban phụ trách công tác cứu hộ, cứu nạn thiên tai, Phó Giám đốc Công an tỉnh làm phó trưởng ban; các ủy viên là lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh, các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, Hội Phụ nữ, Hội Chữ thập đỏ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên, Ban quản lý các khu công nghiệp và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh. Hiện nay, Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Vĩnh Long có 39 thành viên.



Sở NN&PTNT tỉnh Vĩnh Long là cơ quan Thường trực của Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh; Chi cục Thủy lợi thuộc Sở NN&PTNT làm nhiệm vụ Văn phòng thường trực của Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh.

**Cấp Huyện:** Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp huyện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập với Trưởng Ban là Chủ tịch UBND cấp huyện, Phó Chủ tịch UBND cấp huyện làm Phó Trưởng ban thường trực, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Quân sự và Trưởng Công an cấp huyện làm Phó Trưởng ban, Trưởng Phòng Nông nghiệp và PTNT/Phòng Kinh tế làm Phó Trưởng ban hoặc Ủy viên trực kiêm Chánh Văn phòng Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp huyện. Phòng Nông nghiệp và PTNT/Phòng Kinh tế làm nhiệm vụ Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp huyện.

**Cấp Xã:** Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập với Trưởng ban là Chủ tịch UBND cấp xã, Phó Chủ tịch UBND xã làm Phó Trưởng ban thường trực, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Quân sự và Trưởng Công an xã làm Phó Trưởng ban; các ủy viên là công chức cấp xã và trưởng các tổ chức chính trị, đoàn thể cấp xã; công chức xã làm nhiệm vụ quản lý nhà nước về PCTT kiêm Ủy viên thường trực Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp xã.

### **3.3.2 Nguyên tắc, cơ chế phối hợp giữa các thành viên Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh**

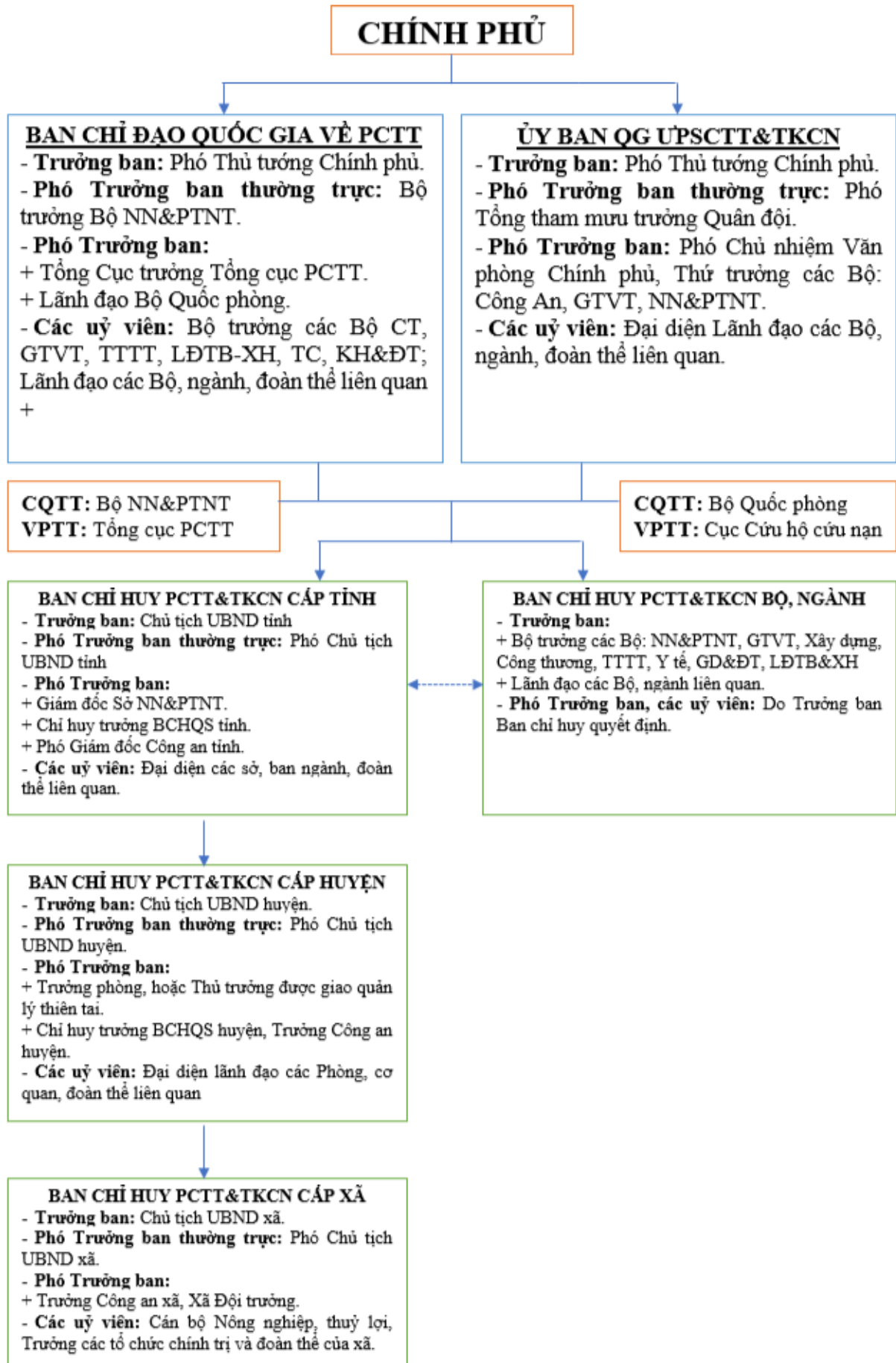
Công tác chỉ đạo PCTT &TKCN được thực hiện theo nguyên tắc:

- Chỉ huy thống nhất, phân công cụ thể, kịp thời, rõ ràng và sát tình hình thực tế của địa phương.

- Thiên tai xảy ra trên địa bàn cấp nào thì cấp đó chủ động huy động mọi nguồn lực tại chỗ để nhanh chóng ứng phó, xử lý theo phương châm “4 tại chỗ” ngay từ giờ đầu; tuyệt đối tránh tư tưởng chủ quan, ỷ lại. Trường hợp vượt quá khả năng tự ứng phó thì kịp thời báo cáo, xin ý kiến cấp trên trực tiếp để hỗ trợ giải quyết.

- Khi có nhiều thành viên Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh cùng tham gia ứng phó tình huống thiên tai trên cùng một địa bàn, Trưởng ban hoặc người được Trưởng ban ủy quyền là người chỉ huy cao nhất.

Các thành viên Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh có trách nhiệm chủ động thông tin, thông báo và phối hợp, hỗ trợ lẫn nhau khi thực hiện nhiệm vụ.



Hình 6: Sơ đồ hệ thống chỉ đạo, chỉ huy điều phối liên ngành về PCTT&TKCN

### **3.4 CÔNG TÁC DỰ BÁO, CẢNH BÁO SỚM**

Các thông tin dự báo, cảnh báo đều do đài KTTV cung cấp; ngoài ra, công tác cảnh báo của Đài KTTV khu vực Nam bộ, Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam...về các loại hình thiên tai như hạn hán, ngập úng, xâm nhập mặn,...khá chính xác, đúng thời điểm đã góp phần quan trọng trong công tác phòng ngừa, ứng phó với thiên tai cho tỉnh Vĩnh Long.

Ngoài việc có thông tin dự báo, cảnh báo sớm phân tích từ nguồn số liệu quan trắc; Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Vĩnh Long còn xây dựng phương hướng, nhiệm vụ cũng như kế hoạch Phòng, chống thiên tai hàng năm nhằm chủ động trong công tác phòng, chống, ứng phó kịp thời, hiệu quả, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra.

Về phương thức, công cụ truyền tin dự báo, cảnh báo thiên tai được trình bày chi tiết ở các mục 3.9.2, mục 3.9.3 và mục 3.9.5.

### **3.5 PHƯƠNG TIỆN, VẬT TƯ, TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI**

Thực hiện tốt phương châm “4 tại chỗ” là nhân tố quyết định đến thành công trong công tác PCTT&TKCN; Trong đó, nhiệm vụ chuẩn bị phương tiện, vật tư, trang thiết bị tại chỗ phục vụ phòng chống thiên tai được xem là nhiệm vụ trọng tâm; vì vậy, hàng năm Ban chỉ huy PCTT&TKCN đều lên kế hoạch chuẩn bị và kiểm tra vật tư, phương tiện cũng như các nhu yếu phẩm cần thiết ngay từ đầu năm nhằm đảm bảo đáp ứng nhanh chóng và kịp thời nhất khi thiên tai xảy ra.

#### **3.5.1 Chuẩn bị vật tư, phương tiện, trang thiết bị**

Về chuẩn bị phương tiện, trang thiết bị đã được đảm bảo, gồm có: 2.951 phương tiện các loại chi viện của các Sở, Ban, ngành tỉnh và phương tiện tại chỗ của các huyện/thị xã/thành phố; 5.858 trang thiết bị như: áo cứu sinh, phao, nhà bạt, máy phát điện, loa cầm tay được phân bổ trên địa bàn các huyện/thị xã/thành phố.

Tất cả các huyện đều có chuẩn bị sẵn các loại vật tư để phục vụ công tác phòng chống thiên tai, cụ thể: 671.654 m<sup>3</sup> gồm đá hộc, đá dăm sỏi, cát, đất; 1.126 rọ thép; 151.320 m<sup>2</sup> vải bạt; 2.933.207 m<sup>2</sup> tôn lợp và 414.834 bao tải.

*(Chi tiết xem phụ lục 01).*

#### **3.5.2 Hiện trạng dự trữ nhu yếu phẩm**

Nhu yếu phẩm được dự trữ tại các doanh nghiệp, các cơ sở kinh doanh tại địa phương,... Gạo: 3.664 tấn; Mì tôm: 27.517 thùng; Lương khô: 327.107 gói; Nước uống đóng chai: 30.868 bình (20 lít). Riêng mặt hàng nhiên liệu (xăng, dầu) được dự trữ và cung ứng theo hệ thống cửa hàng, đại lý bán lẻ xăng dầu trên địa bàn tỉnh.

Bảng 9: Hiện trạng dư trữ lương thực, thực phẩm phục vụ PCTT

TT	Đơn vị	Lương thực, thực phẩm			
		Mì ăn liền (thùng)	Lương khô (gói)	Gạo (tấn)	Nước uống đóng chai (bình 20 lít)
1	Cấp tỉnh				
2	Huyện Long Hồ	83		138	13,887
3	Huyện Tam Bình	3,425	1,407	245	938
4	Huyện Bình Tân	1,000		40	500
5	Huyện Vũng Liêm	5,000		3,000	3,600
6	Huyện Trà Ôn	34	1,000	7	186
7	Huyện Mang Thít	1,575	10,500	6	1,575
8	Thị xã Bình Minh	1,000		50	10,000
9	Thành phố Vĩnh Long	15,400	314,200	158	
	<b>Toàn tỉnh</b>	<b>27,517</b>	<b>327,107</b>	<b>3,644</b>	<b>30,686</b>

Nguồn: Văn phòng thường trực BCH PCTT&TKCN tỉnh Vĩnh Long năm 2020

### 3.5.3 Đảm bảo y tế

Hiện nay, Vĩnh Long có 06 bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến huyện có 02 bệnh viện đa khoa tư nhân, 08 trung tâm Y tế huyện, thị, thành phố (trên cơ sở sát nhập Trung tâm Y tế và Bệnh viện đa khoa huyện, thị, thành phố) thực hiện 02 chức năng khám điều trị và dự phòng với 1.180 giường bệnh. Trong thời gian gần đây, tỉnh cũng đã đầu tư nâng cấp, xây mới một số Trung tâm y tế tuyến huyện như: huyện Bình Tân, thị xã Bình Minh, huyện Tam Bình, huyện Trà Ôn, huyện Vũng Liêm, huyện Long Hồ; đang xây dựng TTYT huyện Mang Thít.

Bên cạnh đó, trên địa bàn tỉnh còn có 109 trạm y tế (TYT) với tổng số 545 giường bệnh. Các TYT xã, phường, thị trấn đã được đầu tư xây dựng mới cũng như cải tạo nâng cấp từ nguồn ngân sách của tỉnh và tổ chức phi chính phủ Atlantic Piantropi (Dự án AP) tài trợ.

Các cơ sở y tế đều có kế hoạch nhằm chủ động ứng phó khi thiên tai xảy ra: di chuyển các phương tiện kỹ thuật, máy móc y tế, thuốc men đến vị trí an toàn khi bão lũ, bố trí máy phát điện để phòng tình huống mất điện, đảm bảo nhu yếu phẩm cần thiết khi cơ sở bị ngập lụt dài ngày... Bên cạnh đó, còn phối hợp với chính quyền các cấp để có kế hoạch sơ tán khẩn cấp tránh bão, tránh lũ cho nhân dân, bệnh nhân.

Sở Y tế đã có kế hoạch dự trữ thuốc, hoá chất, trang thiết bị cho cấp tỉnh khi có bão mạnh xảy ra. Ngoài ra, các Trung tâm y tế huyện, thị xã, thành phố có kế hoạch dự trữ thuốc, hoá chất, trang thiết bị sẵn sàng đối phó với các tình huống xảy ra.

### 3.6 CÔNG TÁC CỨU HỘ, CỨU NẠN

Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Đội xung kích PCTT cấp xã là lực lượng chủ yếu trong công tác cứu hộ, cứu nạn khi thiên tai xảy ra trên địa bàn tỉnh.

Nguồn nhân lực toàn tỉnh phục vụ công tác phòng chống thiên tai là 7.026 người. Chủ yếu là lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng xung kích, đoàn thanh niên. Đây cũng là lực lượng nòng cốt trong công tác cứu hộ, cứu nạn khi thiên tai xảy ra. Các lực lượng này hàng năm đều được huấn luyện các nội dung như: phương pháp di chuyển người, trang bị kỹ thuật và vật chất khỏi vùng lũ lụt, cháy nổ; Bơi cứu người và phương pháp cấp cứu người bị nạn. Đặc biệt là xây dựng lực lượng tại chỗ, trang bị phương tiện, thiết bị, công cụ, hướng dẫn kỹ năng để ứng phó cứu nạn, cứu hộ kịp thời, hiệu quả các tình huống sự cố, thiên tai.

*Bảng 10: Hiện trạng nguồn nhân lực phục vụ công tác PCTT&TKCN tỉnh Vĩnh Long*

TT	Tên mục	Đơn vị	Tổng	Huyện Long Hồ	Huyện Tam Bình	Huyện Bình Tân	Huyện Vũng Liêm	Huyện Trà Ôn	Huyện Mang Thít	Thị xã Bình Minh	Tp. Vĩnh Long
1	Quân đội	Người	248	20	23	15	36	83	30	26	15
2	Công an	Người	256	35	10	10	45	40	44	32	40
3	Dân quân tự vệ	Người	3.038	246	302	330	751	422	202	399	386
4	Phụ nữ	Người	25	3	3	2	5	3	3	2	4
5	Đoàn Thanh niên	Người	1.090	150	160	110	200	140	120	100	110
6	Xung kích	Người	2.114	300	314	160	400	280	240	200	220
7	Y tế	Người	114	13	18	17	20	14	10	17	5
8	Ngành nông nghiệp	Người	67	9	9	6	13	7	8	7	8
9	Hội Chữ thập đỏ	Người	19	2	2	2	3	3	2	2	3
10	Hội Nông dân	Người	55	9	6	3	11	7	7	5	7
	<b>Tổng cộng:</b>	Người	<b>7.026</b>	<b>787</b>	<b>847</b>	<b>655</b>	<b>1.484</b>	<b>999</b>	<b>666</b>	<b>790</b>	<b>798</b>

Nguồn: Văn phòng thường trực BCH PCTT&TKCN tỉnh Vĩnh Long năm 2020

Về cơ sở vật chất, phương tiện, trang thiết bị, công cụ hỗ trợ về phòng, chống thiên tai: còn hạn chế, Văn phòng thường trực Ban chỉ huy PCTT và TKCN cấp huyện chưa có phòng họp trực tuyến; trang thiết bị hỗ trợ công tác trực ban còn thiếu; các vật tư, phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác cứu hộ, cứu nạn chưa đảm bảo; phương tiện phục vụ công tác tìm kiếm cứu nạn trên sông có công suất nhỏ.

### **3.7 CÔNG TÁC THÔNG TIN, TRUYỀN THÔNG TRONG PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN**

Hàng năm, Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh để kiểm tra các trạm tiếp sóng viễn thông nhằm đảm bảo công tác thông tin, truyền thông phục vụ chỉ đạo, điều hành, tiếp nhận, xử lý thông tin thông suốt.

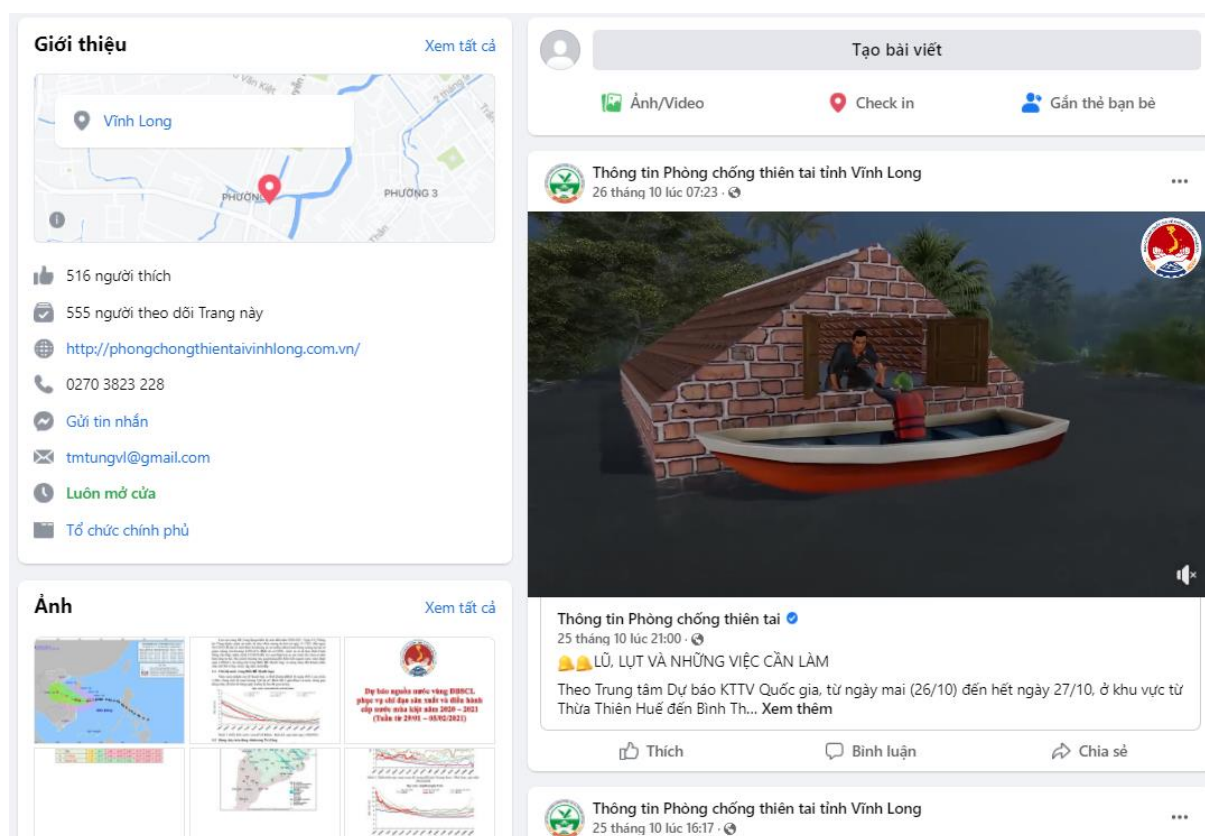
Công tác thông tin, truyền tải các bản tin cảnh báo, dự báo đến các cấp chính quyền và người dân được Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện thông qua hệ thống tin nhắn SMS, công văn, công điện, điện thoại, trang [Webphongchongthientaivinhlong.com.vn](http://Webphongchongthientaivinhlong.com.vn) và trang Facebook *Thông tin phòng chống*

**thiên tai tỉnh Vĩnh Long** của Văn phòng thường trực BCH PCTT&TKCN tỉnh; ngoài ra, các phương tiện thông tin đại chúng như đài phát thanh, truyền hình, báo chí, hệ thống loa truyền thanh của tỉnh, huyện, xã, ấp, khóm cũng đã kịp thời truyền tải các thông tin dự báo, cảnh báo thiên tai đến tận người dân.

Hiện nay, việc quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu PCTT tỉnh Vĩnh Long còn nhỏ lẻ, chưa đồng bộ. Chưa có hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung, gây hạn chế trong quá trình xử lý, phân tích số liệu, từ đó việc đăng tải thông tin PCTT lên các phương tiện truyền thông cũng chậm hơn.

The screenshot shows the official website of the Provincial Disaster Prevention and Relief Committee (BCH Phòng chống thiên tai và TKCN tỉnh Vĩnh Long). The page layout includes a top navigation bar with a logo and menu items such as 'Trang chủ', 'Giới thiệu', 'Quan Trắc', 'Mực nước', 'Mưa', 'Video', 'Liên hệ', and 'Hỏi đáp'. Below this, a news article titled 'Tin cuối cùng về áp thấp nhiệt đới (11h ngày 27/10/2021)' is featured, with a map of Vietnam showing the location of the low-pressure system. A sidebar on the left provides a 'Chuyên mục' (Specialized category) menu with options like 'Chỉ đạo điều hành', 'Công điện', 'Chi thị', 'Quyết định', 'Kế hoạch', 'Báo cáo', 'Công văn', 'Thông báo', 'Văn bản khác', 'Phòng chống thiên tai và TKCN', and 'Kế hoạch PCTT'. On the right, there is an 'Audios' section with a player showing '0:00' and a link to 'Ứng phó sét' (Thunderstorm response).

Hình 7: Giao diện trang Web phòng chống thiên tai tỉnh Vĩnh Long



Hình 8: Trang facebook phòng chống thiên tai tỉnh Vĩnh Long

### 3.8 NĂNG LỰC VÀ NHẬN THỨC CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN

Thực hiện Quyết định số 1002/QĐ-TTg ngày 13/07/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng (Đề án 1002); UBND tỉnh Vĩnh Long đã ban hành Kế hoạch thực hiện “Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” giai đoạn năm 2016-2020 (theo Quyết định số 1746/QĐ-UBND ngày 17/9/2015). Bên cạnh đó, Sở NN&PTNT đã thực hiện ký kết Chương trình phối hợp công tác về phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai trong ngành Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2018-2023 với Sở Giáo dục và Đào tạo; Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh ký kết Chương trình phối hợp với Hội Chữ thập đỏ tỉnh Vĩnh Long trong triển khai, thực hiện Luật Phòng, chống thiên tai.

Trong những năm qua, Ban Chỉ huy PCTT&TKCN đã phối hợp chặt chẽ với Sở GD&ĐT, Hội Chữ thập đỏ tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh để triển khai nhiều hoạt động, như: Tổ chức tập huấn, huấn luyện, tuyên truyền nâng cao nhận thức về phòng chống thiên tai cho cán bộ làm công tác phòng chống thiên tai các cấp, ngành; giáo viên, học sinh.

Kết quả đạt được, như sau: 5.109 lượt người tham dự, trong đó cấp tỉnh 3.898 lượt người, cấp huyện 1.211 lượt người. Chi tiết được tổng hợp trong bảng sau:

*Bảng 11: Kết quả thực hiện Đề án 1002 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2011-2020*

TT	Năm thực hiện	Nội dung hoạt động	Cấp chủ trì tổ chức thực hiện	Kết quả thực hiện (lượt người tham dự)	Kinh phí (đồng)	Nguồn vốn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	2015	Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng	Cấp tỉnh	729	99.940.000	Ngân sách địa phương
2	2016	Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng	Cấp tỉnh	536	178.586.000	Ngân sách địa phương, Tổ chức ADRA
		Tập huấn cho các đối tượng là phụ nữ cấp xã, áp làm công tác phòng chống thiên tai	Cấp tỉnh	480	33.000.000	Quỹ PCTT
		Tổ chức dạy bơi cho học sinh lớp 3, lớp 6 trên địa bàn tỉnh	Cấp tỉnh	300	58.000.000	Quỹ PCTT, Tổ chức ADRA
3	2017	Đào tạo báo viên cấp huyện về Quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng và thích ứng biến đổi khí hậu	Cấp tỉnh	52	40.448.000	Ngân sách địa phương
		Quản lý và đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng xã Tích Thiện, huyện Trà Ôn	Cấp tỉnh	32	40.000.000	Ngân sách địa phương
4	2018	Nâng cao nhận thức và kỹ năng PCTT cho cán bộ quản lý ngành giáo dục	Cấp tỉnh	450	21.285.000	Ngân sách địa phương
		Quản lý và đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng xã Chánh An, huyện Mang Thít	Cấp tỉnh	40	37.566.000	Ngân sách địa phương
		Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng	Cấp huyện	972	111.409.000	Quỹ PCTT tỉnh, Hội Chữ thập đỏ huyện, ngân sách huyện
5	2019	Cộng tác viên tuyên truyền về PCTT và xây dựng trường học an toàn	Cấp tỉnh	50	15.962.000	Quỹ PCTT tỉnh
		Quản lý và đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng xã Nguyễn Văn Thành, huyện Bình Tân	Cấp tỉnh	34	40.001.000	Ngân sách địa phương
		Tổ chức hội thi về kiến thức kỹ năng trong hoạt động phòng, chống, ứng phó thiên tai, thảm họa	Cấp tỉnh	235	35.000.000	Quỹ PCTT tỉnh
		Tổ chức dạy bơi cho học sinh Tiểu học và THCS trên địa bàn tỉnh	Cấp tỉnh	960	195.200.000	Quỹ PCTT tỉnh
		Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng	Cấp huyện	239	43.435.000	Quỹ PCTT tỉnh, Hội Chữ thập đỏ huyện
Tổng cộng				5.109	949.832.000	



Nguồn: Báo cáo số 14/BC-PCTT&TKCN ngày 06/7/2020 của Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Vĩnh Long.



Hình 9: Áp phích, băng rôn tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng và QLRR thiên tai dựa vào cộng đồng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.



*Hình 10: Tổ chức các lớp dạy bơi – phòng, chống đuối nước cho khối học sinh THCS trên địa bàn Tp Vĩnh Long và huyện Vũng Liêm, huyện Long Hồ tháng 11/2020 (nguồn BCH PCTT&TKCN tỉnh Vĩnh Long)*



*Hình 11: Tập huấn về quản lý và đánh giá RRTT dựa vào cộng đồng 11/2020 tại xã Đồng Phú-huyện Long Hồ (nguồn BCH PCTT&TKCN tỉnh Vĩnh Long)*

### **Kết quả đạt được:**

- Trong quá trình triển khai thực hiện Đề án 1002, đã được sự quan tâm chỉ đạo của lãnh đạo UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh; sự phối hợp chặt chẽ của UBND và Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp huyện, xã.

- Qua các đợt tập huấn, huấn luyện, tuyên truyền đã nâng cao năng lực về quản lý, triển khai thực hiện các hoạt động quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng cho cán bộ chính quyền các cấp, trong đó 100% cán bộ trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai được tập huấn, nâng cao năng lực và trình độ về quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng; tăng cường truyền thông giáo dục, nâng cao năng lực cho cộng đồng về quản lý rủi ro thiên tai; trang bị những kiến thức cơ bản để đánh giá các hiểm họa, tình trạng dễ bị tổn thương, khả năng của cộng đồng và nâng cao nhận thức trong công tác phòng, chống thiên tai; nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành và cộng đồng trong quản lý rủi ro thiên tai, nhằm hạn chế thấp nhất những thiệt hại về người, tài sản và cơ sở hạ tầng do thiên tai gây ra.

- Tăng cường sự phối hợp giữa Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp tỉnh với cấp huyện, cấp xã; với các sở, ngành trong quá trình tổ chức thực hiện đề án.

### **Những khó khăn, tồn tại:**

- Về kinh phí thực hiện Đề án cho từng năm là rất hạn chế, cụ thể theo Quyết định 1002/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 13/7/2009 thì tỉnh chưa được phân bổ kinh phí để triển khai thực hiện Đề án; theo Quyết định của UBND tỉnh số 1746/QĐ-UBND ngày 17/9/2015, thì kinh phí thực hiện là hơn 25 tỷ đồng, tuy nhiên trong giai đoạn 2015-2019 tổng kinh phí được cấp là 949,832 triệu đồng (chiếm 3,76% kinh phí được phê duyệt).



- Về nhân lực thực hiện Đề án còn mỏng, cán bộ làm công tác PCTT từ tỉnh đến huyện, xã đều kiêm nhiệm, lực lượng mỏng, chưa được đào tạo, tập huấn chuyên sâu, bài bản, thường xuyên về công tác PCTT và TKCN; thời gian dành cho công tác này còn hạn chế, do đó chưa thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của Đề án.

### **3.9 ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CÁC CƠ SỞ HẠ TẦNG PCTT**

#### **3.9.1 Hệ thống công trình thủy lợi và PCTT**

**Hệ thống kênh, rạch:** Theo thống kê của CCTL tỉnh Vĩnh Long, toàn tỉnh hiện có 4.397 tuyến kênh với tổng chiều dài hơn 5.300 km. Trong đó:

- Kênh trực, cấp I có 57 tuyến do Sở NN & PTT quản lý.
- Kênh cấp II có 342 tuyến với chiều dài là 1.038 km và
- Kênh cấp III có 3.998 tuyến, chiều dài là 3.800 km do huyện quản lý.

Với hệ thống kênh chằng chịt, phục vụ tốt nhiệm vụ tưới, đảm bảo các nhu cầu sản xuất và dân sinh, hệ thống kênh trong các ô bao có khả năng trữ nước đảm bảo công tác chống hạn vào những năm hạn hán. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của thủy triều kết hợp với lũ thượng nguồn sông Mê Công, hệ thống kênh rạch rất dễ bị bồi lắng, đặc biệt là các kênh cấp III có tốc độ bồi lắng cao hơn cả, gây hạn hán cục bộ và ngập úng một số nơi.

**Hệ thống đê bao, bờ bao:** Vĩnh Long có 405 tuyến đê bờ bao, tổng chiều dài là 3.642 km, trong đó, đê cấp IV có 22 tuyến, tổng chiều dài 532 km; đê cấp V: 382 tuyến, tổng chiều dài 3.110 km. Theo quy định về phân cấp quản lý, vận hành và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh ban hành theo quyết định số 19/2018/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 của UBND tỉnh Vĩnh Long thì Sở NN & PTNT quản lý các hệ thống bờ bao lớn là tuyến đê bao cấp IV là các tuyến đê bao ven kênh sông lớn, ven các cù lao và các tuyến đê cấp V ven kênh trực cấp I; Các tuyến còn lại do UBND huyện quản lý.

Một số tuyến đê bao được kết hợp làm đường giao thông nông thôn nên tạo điều kiện đi lại của người dân thuận tiện, dễ dàng và ý thức bảo vệ của người dân cũng tốt hơn.

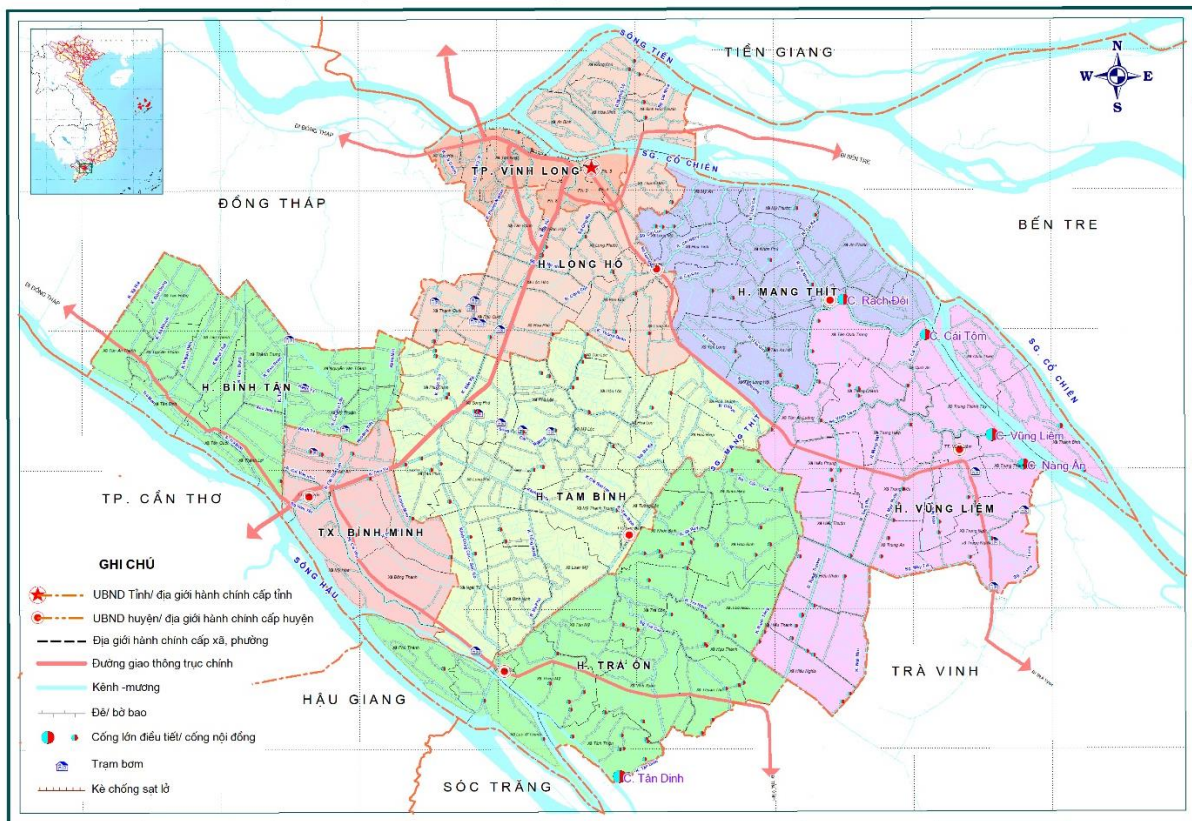
Hiện nay, đa phần các ô bao đã được đầu tư công, bông đầy đủ, đảm bảo khép kín; tuy nhiên, các tuyến đê chủ yếu đắp bằng đất, vật liệu lấy từ lòng kênh nên khó đầm chặt, thường bị xuống cấp nhanh dưới tác động của dòng chảy; tuy tỉnh Vĩnh Long đã ban hành quy định về phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi nhưng tình trạng xâm phạm phạm vi bảo vệ công trình vẫn diễn ra gây tác động không nhỏ đến hệ thống đê bao, bờ bao.

**Hệ thống cống:** Tổng số lượng cống hở trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long là 192 cống, bề rộng cửa cống chủ yếu là 2-4 m đối với các cống được xây dựng trước năm 2015; bề rộng nhỏ, không đảm bảo giao thông thủy dẫn đến một số cống phải ngưng sử dụng; Những năm gần đây do nhu cầu phát triển hệ thống giao thông thủy, bề rộng các cống được xây dựng có kích thước lớn hơn từ 5-10 m. Cống Vũng Liêm là cống lớn nhất tỉnh Vĩnh Long được trung ương đầu tư mới đưa vào vận hành năm 2020, đã hỗ trợ phòng

chống xâm nhập mặn cho huyện Vũng Liêm (huyện chịu thiệt hại lớn nhất vì xâm nhập mặn), ngoài ra, công kết hợp với công Nàng Ân còn hỗ trợ tưới và tiêu nước chống úng cho vùng.

Bên cạnh đó, tỉnh còn đầu tư 394 công ngầm có đập kiên cố cùng với 5.631 công (bọng) bằng bê tông cốt thép. Hệ thống công hở và công ngầm kết hợp với các tuyến đê bao tạo thành hệ thống ô bao khép kín bảo vệ, điều tiết nguồn nước, đảm bảo ổn định sản xuất nông nghiệp và ổn định dân cư trong ô bao.

**Hệ thống trạm bơm :** Các trạm bơm tập trung chủ yếu ở vùng trũng có khả năng tiêu thoát kém và vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng của hạn hán, xâm nhập mặn như vùng ven sông Cổ Chiên thuộc huyện Vũng Liêm. Với tổng số trạm bơm điện là 18 trạm phục vụ tưới tiêu cho 109.500 ha diện tích đất nông nghiệp, công suất 01 máy bơm khoảng 2.000-2.500 m<sup>3</sup>/h, trung bình mỗi trạm bơm có 2-4 máy. Bên cạnh đó, hệ thống bơm di động với đa phần là máy bơm trong dân cũng đóng góp tích cực trong công tác tưới tiêu, chống ngập úng, với hơn 24.977 máy bơm trong đó có 175 máy bơm D15 và 24.802 máy bơm trong dân (theo thống kê của Chi cục Thủy lợi) phục vụ tưới, tiêu và chống úng cho khoảng 14.179 ha diện tích đất nông nghiệp. Thời gian hoạt động trong năm của trạm bơm rất ít khoảng 30 đến 35 giờ/năm, do đó số tiền thu được từ trạm bơm rất thấp hoặc không thu được, nên không đủ chi cho quản lý và trả tiền nhiên liệu, điều đó cũng dẫn đến một số trạm bơm ngưng hoạt động hoặc hoạt động tốt nhưng người dân không đồng ý thu tiền quản lý vận hành.



Hình 12: Bản đồ hiện trạng hạ tầng thủy lợi và phòng chống thiên tai tại tỉnh Vĩnh Long

**Hệ thống kè:** Với 15,2 kmkè như hiện nay đang phát huy tốt nhiệm vụ chống xói lở bờ sông trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long. Thời gian gần đây Tỉnh cũng đang tập trung đầu tư các kè chống sạt lở tại TP. Vĩnh Long và các thị trấn; Đây cũng chính là nhiệm vụ trọng tâm trong công tác phòng chống thiên tai của Tỉnh trong thời gian tới. Một số tuyến kè chống sạt lở đã, đang, chuẩn bị thi công như: kè chống sạt lở thị trấn Long Hồ, kè chống sạt lở ở sông Cái Cá-Kinh Cụt-rạch Cầu Lầu (TP. Vĩnh Long), kè chống sạt lở bờ sông Tắt-Từ Tãi (TT Cái Vồn – Bình Minh), kè chống sạt lở bờ sông khu dân cư Thị trấn Tân Quới (Bình Tân).

**Đánh giá chung:**

Hệ thống công trình thủy lợi và PCTT cơ bản đảm bảo nhu cầu sản xuất, đặc biệt là trong lĩnh vực SXNN và đời sống; Hệ thống kênh mương đủ mật độ cần thiết để chuyển tải nước, hệ thống kênh trong các ô bao có khả năng trữ được lượng nước khá lớn có thể bảo đảm phục vụ cho chống hạn ; Phần lớn các ô bao đã được đầu tư đê bao, bờ bao và cống bọng đầy đủ, bảo đảm khép kín và điều tiết nước theo yêu cầu sản xuất.

Bên cạnh đó, do ảnh hưởng của thủy triều và lũ thượng nguồn nên hệ thống kênh thường xuyên bị bồi lắng; Các cống xây dựng thường có khẩu độ tương đối nhỏ gây cản trở giao thông thủy, thường bị sạt lở ở thượng và hạ lưu cống;

Tình trạng sạt lở bờ sông trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long khá phức tạp, việc đầu tư hệ thống kè chống sạt lở có kinh phí lớn nên chỉ có thể xây dựng kè để bảo vệ tại những điểm sạt lở đặc biệt nguy hiểm và có rủi ro cao, các khu vực còn lại chủ yếu thực hiện các biện pháp gia cố, xử lý trước mắt, mang tính tạm thời nhằm hạn chế thiệt hại.

Đối với lũ, triều cường: cơ bản đáp ứng nhu cầu sản xuất nông nghiệp do thủy lợi, giao thông đã được đầu tư khá lớn, tuy nhiên, hàng năm vẫn còn khoảng 200-300 km đê bao, bờ bao kém an toàn để ngăn lũ lớn, còn trên 20.000-30.000 ha bị ngập úng nếu gặp triều cường, lũ lớn. Năng lực ứng phó với ngập lụt các đô thị còn hạn chế, nhất là ở TP Vĩnh Long, do các công trình chống ngập theo quy hoạch chậm được triển khai thực hiện.

Đối với xâm nhập mặn, hạn hán: hệ thống thủy lợi chỉ ứng phó ở cấp tiểu vùng (ô bao) nhỏ, do các cống lớn ngăn mặn ở đầu các vàm sông, kênh rạch nối với sông Cổ Chiên, sông Hậu và các kênh trực tiếp nước ngọt cho vùng nhiễm mặn Vũng Liêm, Trà Ôn chưa được triển khai xây dựng

**3.9.2 Hệ thống quan trắc, đo đạc, cảnh báo**

Trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long có 21 công trình dự báo, cảnh báo thiên tai; trong đó, có 07 trạm đo mưa, 06 trạm đo mặn, 07 trạm đo mực nước và 01 trạm đo gió do đài khí tượng thủy văn tỉnh Vĩnh Long quản lý (*chi tiết xem bảng dưới*). Nhìn chung, các trạm khí tượng – thủy văn trên địa bàn tỉnh đang hoạt động tốt; tuy nhiên, một số trạm đo chưa tự động hóa, chưa đáp ứng nhu cầu dự báo, cảnh báo thiên tai, đặc biệt là các trạm

đo mặn và đo mực nước nội đồng; Hệ thống chỉ dự báo ngắn hạn, phạm vi dự báo hẹp do trang thiết bị còn hạn chế.

*Bảng 12: Danh mục trạm quan trắc, đo đạc, cảnh báo thiên tai*

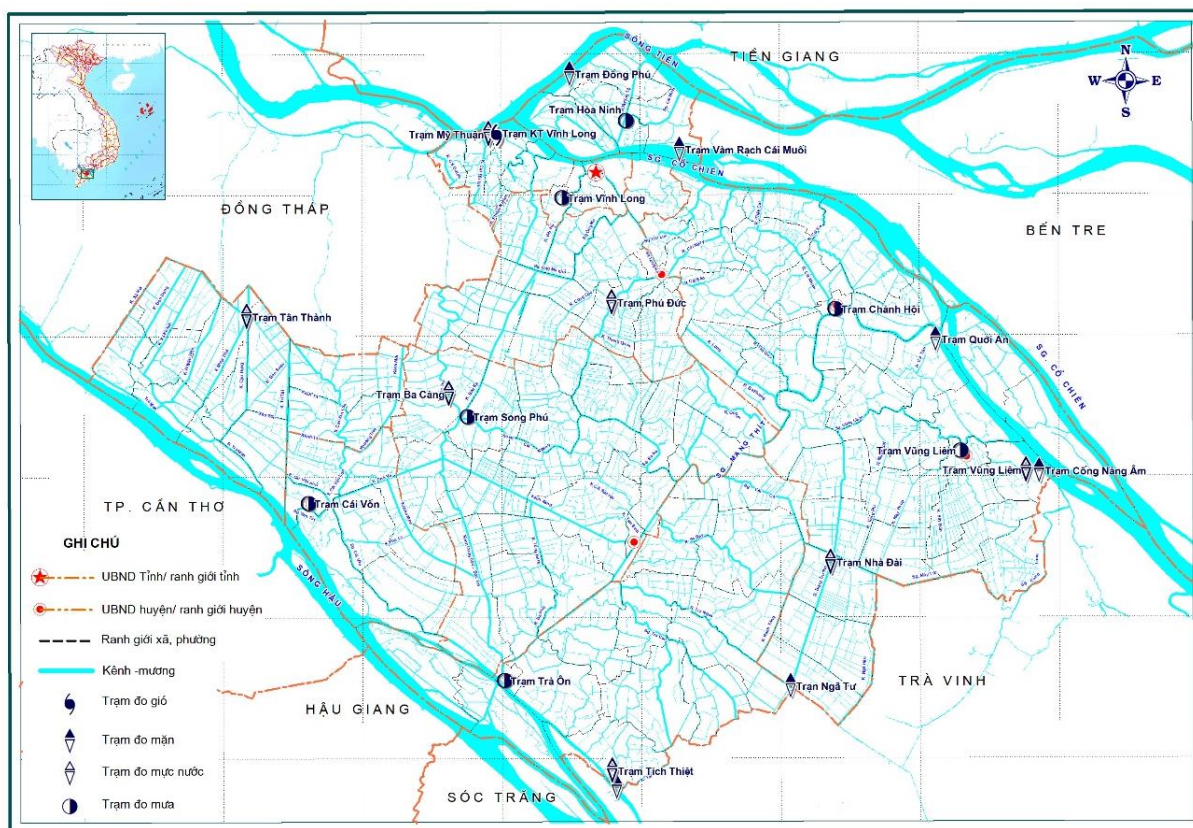
TT	Tên công trình	Vị trí	Nhiệm vụ	Đơn vị quản lý	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Huyện Long Hồ</b>				
1	Trạm Hòa Ninh	Xã Hòa Ninh	Đo mưa	Đài KTTV tỉnh	Tự động
2	Trạm Phú Đức	Xã Phú Đức	Đo mực nước nội đồng	Đài KTTV tỉnh	Thủ công
3	Trạm Vàm rạch Cái Muối	Xã Bình Hòa Phước	Đo mặn	Đài KTTV tỉnh	Tự động
4	Trạm Đồng Phú	Xã Đồng Phú	Đo mặn	Đài KTTV tỉnh	Thủ công
<b>II</b>	<b>Huyện Mang Thít</b>				
1	Trạm Chánh Hội	Thị trấn Cái Nhum	Đo mưa	Đài KTTV tỉnh	Tự động
<b>III</b>	<b>Huyện Tam Bình</b>				
1	Trạm Song Phú	Xã Song Phú	Đo mưa	Đài KTTV tỉnh	Tự động
2	Trạm Ba Càng	Xã Phú Thịnh	Đo mực nước nội đồng	Đài KTTV tỉnh	Thủ công
<b>IV</b>	<b>Huyện Vũng Liêm</b>				
1	Trạm Vũng Liêm	Thị trấn Vũng Liêm	Đo mưa	Đài KTTV tỉnh	Tự động
2	Trạm Vũng Liêm	Xã Trung Thành Đông	Đo mực nước nội đồng	Đài KTTV tỉnh	Thủ công
3	Trạm Nhà Đai	Xã Hiếu Nhơn	Đo mực nước nội đồng	Đài KTTV tỉnh	Thủ công
4	Trạm Cống Năng Âm	Xã Trung Thành Đông	Đo mặn	Đài KTTV tỉnh	Thủ công
5	Trạm Quới An	Xã Quới An	Đo mặn	Đài KTTV tỉnh	Thủ công
6	Trạm Ngã Tư	Xã Hiếu Nghĩa	Đo mặn	Đài KTTV tỉnh	Thủ công
<b>V</b>	<b>Huyện Bình Tân</b>				
1	Trạm Tân Thành	Xã Tân Thành	Đo mực nước nội đồng	Đài KTTV tỉnh	Thủ công
<b>VI</b>	<b>Huyện Trà Ôn</b>				
1	Trạm Trà Ôn	Thị trấn Trà Ôn	Đo mưa	Đài KTTV tỉnh	Tự động
2	Trạm Tích Thiện	Xã Tích Thiện	Đo mặn	Đài KTTV tỉnh	Thủ công
3	Trạm Tích Thiện	Xã Tích Thiện	Đo mực nước nội đồng	Đài KTTV tỉnh	Thủ công
<b>VII</b>	<b>Thị xã Bình Minh</b>				
1	Trạm Cái Vồn	Phường Cái Vồn	Đo mưa	Đài KTTV tỉnh	Tự động
<b>VIII</b>	<b>Tp. Vĩnh Long</b>				
1	Trạm KT Vĩnh Long	Phường Tân Ngãi	Đo gió	Đài KTTV tỉnh	Tự động
2	Trạm Mỹ Thuận	Phường Tân Ngãi	Đo mực nước	Đài KTTV tỉnh	Tự động
3	Trạm Vĩnh Long	Phường 8	Đo mưa	Đài KTTV tỉnh	Tự động

Nguồn: Văn phòng thường trực BCH PCTT&TKCN tỉnh Vĩnh Long năm 2020



*Hình 13: Trạm quan trắc, cảnh báo độ mặn tự động công nghệ 4.0 trên sông Cổ Chiên – huyện Long Hồ*





Hình 14: Hệ thống quan trắc, cảnh báo thiên tai tại tỉnh Vĩnh Long

Nhìn chung: So với yêu cầu của thực tế về công tác quan trắc, dự báo, cảnh báo các diễn biến về khí tượng, thủy văn, ... trên địa bàn tỉnh thì quy mô về trạm quan trắc là còn thiếu, năng lực dự báo, cảnh báo còn ngắn hạn, nhiều trạm còn quan trắc thủ công. Trong tương lai cần bổ sung thêm các trạm quan trắc, cảnh báo.

### 3.9.3 Hệ thống giám sát, cảnh báo thiên tai

Hiện tại Vĩnh Long chưa có hệ thống chung liên kết, kết nối các phần mềm, cơ sở dữ liệu theo một hệ thống, hiển thị, phân tích, cung cấp thông tin theo thời gian thực để thực hiện công tác trực ban, giám sát thiên tai cũng như việc ứng phó khi có những tình huống thiên tai khẩn cấp xảy ra. Việc giám sát và cảnh báo thiên tai chủ yếu thông qua hệ thống tin nhắn SMS, công văn, công điện, điện thoại...

### 3.9.4 Hệ thống giao thông phục vụ cứu hộ, cứu nạn

#### Giao thông đường bộ:

Theo báo cáo của Sở Giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long, toàn tỉnh hiện có 05 tuyến Quốc lộ, 10 tuyến đường tỉnh lộ và 84 tuyến đường huyện phục vụ giao thông phát triển kinh tế xã hội, vừa phục vụ công tác PCTT&TKCN. Cụ thể như sau:

**Quốc lộ:** Vĩnh Long có 5 tuyến Quốc lộ đi qua trong đó có trục Quốc Lộ 1A con đường huyết mạch của ĐBSCL, đoạn chạy qua Vĩnh Long dài 32 km. Ngoài ra còn có Quốc lộ 53 dài 47 km, Quốc lộ 54 dài 49 km, Quốc lộ 57 dài 7,5 km, đoạn QL 80 dài



3,7 km, đã và đang được nâng cấp. Tổng chiều dài các tuyến Quốc lộ chạy trên địa bàn Vĩnh Long là 139,2 km

*Đường tỉnh:* Có 10 tuyến (ĐT: 901, 902, 903, 904, 905, 906, 907, 908, 909, 910) với tổng chiều dài 295,3 km đã và đang được nâng cấp, lưu thông vận chuyển tương đối thuận lợi.

*Đường huyện:* Tổng chiều dài 84 tuyến đường huyện là 401,1 km. Nhìn chung đường huyện đã có nâng cấp, song bề mặt đường còn hẹp chỉ đạt mức bề rộng tối thiểu của cấp kỹ thuật đường huyện, cần được đầu tư nâng cấp và mở rộng.

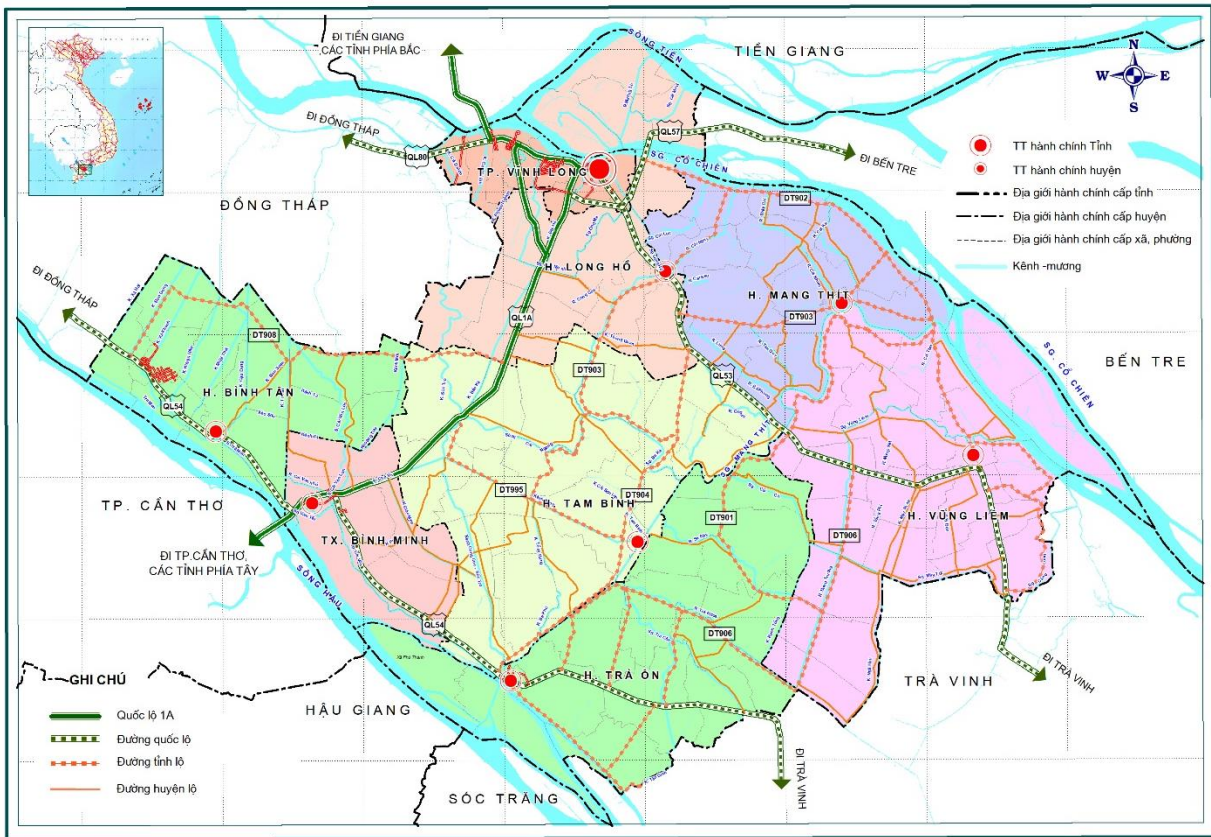
*(Danh mục chi tiết – xem Phụ lục 02).*

Nhìn chung, giao thông đường bộ đã từng bước được nâng cấp, tuy nhiên do địa chất công trình nền đất yếu, sông - kênh - rạch chằng chịt, hàng năm lại bị ngập lũ nên đầu tư xây dựng giao thông (đường, cầu, cống) rất tốn kém. Hiện tại, giao thông nông thôn đã có nhiều cải thiện, đáp ứng ngày một tốt hơn cho các phương tiện tham gia giao thông; nhưng về mùa mưa lũ còn khó khăn vì đường xuống cấp, nhất là lũ tháng 10. Đây chính là vấn đề tồn tại, cần tiếp tục đầu tư trong những năm tới để phục vụ tốt sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn mới.

Ngoài ra, việc quy hoạch mạng lưới giao thông cũng chưa kết hợp chặt chẽ với phát triển thủy lợi nên chưa tận dụng được các tuyến bờ bao kết hợp làm nền đường giao thông, gây lãng phí.

### **Giao thông thủy:**

Vĩnh Long có các sông lớn: sông Hậu, sông Tiền, sông Cổ Chiên và sông Măng Thít, là các tuyến giao thông thủy quốc gia, quốc tế do Bộ giao thông vận tải quản lý với tổng chiều dài 215 km; Ngoài ra, còn có trên 492 km kênh cấp I và 1.038 km kênh cấp II; Trong đó Sở giao thông vận tải quản lý 25 tuyến với tổng chiều dài 179 km; UBND các huyện, thành phố quản lý các tuyến còn lại. Các tuyến kênh hợp thành hệ thống giao thông thủy rất tiện lợi, đã hỗ trợ tích cực cho giao thông đường bộ, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp cũng như hỗ trợ trong công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của tỉnh.



Hình 15: Bản đồ hiện trạng hạ tầng giao thông tỉnh Vĩnh Long

Nhìn chung giao thông thủy, bộ tỉnh Vĩnh Long phát triển khá tốt đáp ứng được công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của tỉnh. Tuy nhiên, do địa chất công trình nền đất yếu, sông - kênh - rạch chằng chịt, hàng năm lại bị ngập lũ nên đầu tư xây dựng giao thông (đường, cầu, cống) rất tốn kém. Ngoài ra, việc quy hoạch mạng lưới giao thông đường bộ cũng chưa kết hợp chặt chẽ với phát triển thủy lợi nên chưa tận dụng được các tuyến bờ bao kết hợp làm nền đường giao thông, gây lãng phí. Việc đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi cũng tác động lớn đến giao thông thủy, làm giảm khả năng lưu thông vận chuyển hàng hóa, cứu trợ, nhất là vào mùa mưa bão.

### 3.9.5 Hệ thống điện, thông tin liên lạc, truyền thanh, truyền hình

Tỉnh Vĩnh Long được cấp điện chủ yếu từ 2 trạm trung gian 110kV gồm: Trạm Vĩnh Long 110/22kV-2x25 MVA đặt tại Thành phố Vĩnh Long nhận điện từ đường dây 110 kV Vĩnh Long 2 -Vĩnh Long, dài 7,34 km; Trạm Vung Liem 110/22kV-1x25 nhận điện từ đường dây 110kV Vĩnh Long-Vung Liem, dài 24,42 km. Về lưới phân phối, hiện nay toàn tỉnh hiện có 1.806,5 km đường dây trung thế. Lưới điện phân phối đang vận hành ở 2 cấp điện áp 15 kV và 22kV, toàn bộ lưới trung thế được thiết kế ở cấp 22 kV. Lưới điện hạ thế có tổng chiều dài 2.499,7 km. Bán kính cung cấp điện của mạng lưới trung bình từ 300-400m tại khu vực thành phố, thị trấn và 600-800 m khu vực nông thôn. Đến nay, điện lưới quốc gia đã phủ khắp 100% ấp, khóm trong tỉnh, tỷ lệ hộ dân sử dụng điện toàn tỉnh đạt 99,3%.

Mạng lưới bưu chính toàn tỉnh hiện có 234 điểm phục vụ; các mạng di động đã triển khai được 992 trạm BTS phủ sóng trên toàn tỉnh; đến nay có 854.451 thuê bao di động và cố định; bình quân số thuê bao cố định và di động đạt 84 máy/100 dân. Các điểm Bưu điện văn hóa xã có khoảng cách trung bình 4,2 km/điểm và bán kính phục vụ một bưu cục là 3,5 km.

*Bảng 13: Tổng số thuê bao điện thoại trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long*

TT	Khu vực	Số thuê bao cố định	Số thuê bao di động
1	Thành phố Vĩnh Long	9.916	163.748
2	Thị xã Bình Minh	1.448	70.630
3	Huyện Bình Tân	998	64.911
4	Huyện Trà Ôn	1.646	101.663
5	Huyện Tam Bình	1.179	116.863
6	Huyện Long Hồ	1.899	134.986
7	Huyện Mang Thít	784	69.048
8	Huyện Vũng Liêm	1.402	113.330
	<b>Tổng</b>	<b>19.272</b>	<b>835.179</b>

Nguồn: Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Vĩnh Long tháng 9 năm 2021

Các đài phát thanh, truyền hình của tỉnh Vĩnh Long, đặc biệt là các đài truyền thanh cơ sở giữ vai trò quan trọng trong công tác tuyên truyền, cảnh báo khi thiên tai xảy ra cũng như phổ biến kiến thức về phòng tránh thiên tai trong cộng đồng. Hiện nay, hạ tầng hệ thống các trạm thu phát sóng phát thanh, truyền hình đã phát triển đến các huyện thị, thành phố trên địa bàn tỉnh, được xây dựng khá quy mô, diện tích xây dựng khoảng vài trăm m<sup>2</sup>/đài. 100 % các xã/phường/thị trấn có đài truyền thanh, trong đó có 11 xã là đài truyền thanh có ứng dụng công nghệ thông tin – viễn thông. Tuy nhiên hạ tầng hệ thống nhà trạm, cột ăng ten thu phát sóng phát thanh, truyền hình do được đầu tư xây dựng từ lâu và trong giai đoạn gần đây cũng được đầu tư nâng cấp, cải tạo.

#### **Đánh giá chung:**

Trong nhiều năm qua, cơ sở hạ tầng của hệ thống điện, thông tin liên lạc, phát thanh, truyền hình đã đáp ứng được cơ bản các nhiệm vụ trong công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn. Hệ thống thông tin liên lạc phục vụ công tác chỉ đạo điều hành được đảm bảo thông suốt, không để tình trạng gián đoạn thông tin diễn ra khi thiên tai xảy ra. Hệ thống phát thanh, truyền hình thể hiện tốt vai trò trong công tác phòng chống thiên tai cũng như các mặt khác của đời sống xã hội. Đến nay, điện lưới quốc gia đã phủ khắp 100% ấp, khóm trong tỉnh, tỷ lệ hộ dân sử dụng điện toàn tỉnh đạt 99,3%.

Hệ thống điện, thông tin liên lạc, phát thanh, truyền hình giữ một vai trò rất quan trọng trong công tác phòng ngừa thiên tai, đặc biệt là công tác phòng tránh thiên tai dựa vào cộng đồng. Do vậy, hệ thống này đã được quan tâm đầu tư từ sớm, đến nay, một số công trình cũng đã xuống cấp cần được nâng cấp, bên cạnh đó, việc ứng dụng công nghệ

trong thông tin liên lạc, phát thanh, truyền hình cũng cần được đẩy mạnh để nâng cao hiệu quả, thông tin đến với người dân được kịp thời, nhanh chóng.

### 3.9.6 Nhà tránh trú thiên tai cộng đồng

Toàn tỉnh hiện có 510 cơ sở giáo dục – đào tạo, nhà văn hoá công cộng có thể sử dụng để làm nơi trú ẩn an toàn khi có thiên tai xảy ra. Trong đó:

- + Hệ thống các trường học là 341 trường.
- + Hội trường, nhà văn hoá: 169 điểm.

+ Nhà kiên cố: 194.854 căn (Theo Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Vĩnh Long giai đoạn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 – Được UBND tỉnh Phê duyệt tại Quyết định số 3052/QĐ-UBND, ngày 09/11/2020).



Hình 16: Công trình nhà tránh trú bão (Nguồn: Văn phòng thường trực BCH PCTT&TKCN tỉnh Vĩnh Long năm 2021)

### 3.10 ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN LÒNG GHÉP NỘI DUNG PCTT TRONG CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN, KẾ HOẠCH, QUY HOẠCH CỦA CÁC NGÀNH, PHÁT TRIỂN KTXH

Việc lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào các chương trình, dự án, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội nhằm tăng thêm tính liên thông, kết nối giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với nhiệm vụ PCTT; Hình thành các biện pháp phòng chống thiên tai vào các quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội; Đồng thời, định hướng huy động được các nguồn lực để thực hiện các biện pháp phòng chống thiên tai khi đã lồng ghép vào các quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội.

Thông tư số 05/2016/TT-BKHĐT ngày 06/06/2016 của Bộ Kế hoạch Đầu tư về việc hướng dẫn lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội được ban hành đã góp phần nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, công chức trong việc phòng chống thiên tai ngay khi xây dựng các quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội.

Trong nhiều năm qua, việc thực hiện lồng ghép nội dung PCTT vào quy hoạch, kế hoạch phát triển KTXH, ngành, các chương trình, dự án đầu tư, ... đã được chính quyền

các cấp, các ngành triển khai. Một số chương trình, dự án thực hiện lồng ghép của các cấp, các ngành được tổng hợp như sau:

*Bảng 14: Tổng hợp các chương trình, dự án thực hiện lồng ghép nội dung PCTT của các sở, ngành tỉnh Vĩnh Long*

Ngành, lĩnh vực	Quy hoạch/Kế hoạch/Chương trình, dự án, ...	Các chương trình/ dự án lồng ghép	
		Địa phương	Trung ương
(1)	(2)	(3)	(4)
Giao thông vận tải	<b>Xây dựng, nâng cấp các công trình giao thông kết hợp phòng chống thiên tai:</b>		
	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 904.	2504/QĐ-UBND ngày 21/9/2020 của UBND tỉnh	
	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 905 tỉnh Vĩnh Long (Đoạn km0+000 - km15+300 (mố A Cầu Mỹ Phú 1)).	2503/QĐ-UBND ngày 21/9/2020 của UBND tỉnh	
	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 910B tỉnh Vĩnh Long.	2505/QĐ-UBND ngày 21/9/2020 của UBND tỉnh	
	Cầu Quới An trên đường tỉnh 902 tỉnh Vĩnh Long.	1749/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 của UBND tỉnh	
	Đường từ Quốc lộ 53 - Khu Công nghiệp Hòa Phú (Đường tỉnh 909B) - Đường Phú Lộc Bàu Gốc - Quốc lộ 1.	1837/QĐ-UBND ngày 13/7/2020 của UBND tỉnh	
	Đường từ ngã ba Quốc lộ 54 và Đường tỉnh 907 đến Sông Hậu huyện Trà Ôn (ĐT.907 nối dài).	2501/QĐ-UBND ngày 21/9/2020 của UBND tỉnh	
Công thương (công nghiệp, thương mại)	Duy trì hệ thống sản xuất, kinh doanh liên tục.	<p>Đề án tái cơ cấu ngành Công thương tỉnh Vĩnh Long giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.</p> <p>Chương trình khuyến công tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021-2025.</p> <p>Chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021-2025</p>	<p>Chương trình khuyến công quốc gia giai đoạn 2021-2025.</p> <p>Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ từ năm 2016 đến năm 2025.</p>
Giáo dục và Đào tạo	Nâng cấp hệ thống trường học.	Phê duyệt chủ trương đầu tư 136 dự án xây dựng trường học công lập (mầm non, phổ thông) theo hướng đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2021-2025, với vốn đầu tư khoảng 2.200 tỷ đồng.	
Khoa học công nghệ	Dự báo tác động của xâm nhập mặn và biến đổi khí hậu đối với phát triển kinh tế - xã hội, môi trường của tỉnh Vĩnh Long và giải pháp ứng phó.		
	Nghiên cứu ứng dụng vật liệu tái chế từ rác thải nhựa và phế thải nông nghiệp để chống sạt lở bờ sông trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.		
Kế hoạch và đầu tư	Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng-an ninh của tỉnh Vĩnh Long 5 năm 2011-2015.		

Ngành, lĩnh vực	Quy hoạch/Kế hoạch/Chương trình, dự án, ...	Các chương trình/ dự án lồng ghép	
		Địa phương	Trung ương
(1)	(2)	(3)	(4)
	Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng-an ninh của tỉnh Vĩnh Long 5 năm 2016-2020.	158/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015	
	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Vĩnh Long đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.		1824/QĐ-TTg ngày 25/12/2018
Lao động, thương bình và xã hội	Cơ chế hỗ trợ các đối tượng dễ bị tổn thương		Nghị định 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.
Tài nguyên và môi trường	Kế hoạch hành động ứng phó biến đổi khí hậu tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2050	Quyết định số 637/QĐ-UBND ngày 23/3/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch hành động ứng phó biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2050	
Xây dựng; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chính sách hỗ trợ xây dựng nhà an toàn PCTT	Chương trình xây dựng Cụm tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ giai đoạn 2018-2025 (UBND tỉnh đã góp ý dự thảo theo yêu cầu của Bộ Xây dựng tại công văn số 1625/BXD-QLN ngày 12/5/202	Quyết định số 714/QĐ-TTg ngày 14/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung một số cơ chế, chính sách thuộc Chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2018-2020; Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 01/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 714/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung một số cơ chế, chính sách thuộc Chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở

Ngành, lĩnh vực	Quy hoạch/Kế hoạch/Chương trình, dự án, ...	Các chương trình/ dự án lồng ghép	
		Địa phương	Trung ương
(1)	(2)	(3)	(4)
			vùng ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2018-2020.
	Nâng cao trình cốt xây dựng; Xây dựng nhà kết hợp PCTT an toàn	Trong công tác thẩm định hồ sơ, cấp phép xây dựng đặc biệt quan tâm mức cao độ phòng chống lũ cho trình xây dựng.	
	Đảm bảo an toàn công trình xây dựng và kết hợp phòng chống thiên tai	Trong công tác thẩm định hồ sơ đặt biệt quan tâm mức cao độ phòng chống lũ cho trình xây dựng.	
	Chương trình tái định cư, sắp xếp lại nơi ở mới	Tiếp tục thực hiện Chương trình xây dựng Cụm tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ giai đoạn 2018-2025	
	Nâng cấp công trình cấp, thoát nước cho khu vực đô thị, công nghiệp, kinh tế, chính trị quan trọng	1/QĐ số 752/QĐ-UBND ngày 31/3/2021 về việc Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị thành phố Vĩnh Long đến năm 2030 2/ QĐ số 753/QĐ-UBND ngày 31/3/2021 Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị thị xã Bình Minh đến năm 2030	Quyết định số 785/QĐ-TTg ngày 08/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về chủ trương đầu tư dự án “Phát triển đô thị và tăng cường khả năng thích ứng biến đổi khí hậu thành phố Vĩnh Long” do WB và Chính phủ Hà Lan (thông qua RVO) tài trợ;
	Quy hoạch xây dựng tỉnh Vĩnh Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	387/QĐ-UBND ngày 28/02/2018	
Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Vĩnh Long theo hướng nâng cao giá trị, hiệu quả và phát triển bền vững giai đoạn 2014-2020.	Đề án số 03-ĐA/TU, ngày 20-2-2014.	Quyết định số 899/QĐ-TTg, ngày 10-6-2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Đề án cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững”
	Điều chỉnh quy hoạch thủy lợi tỉnh Vĩnh Long đến năm 2030 và định hướng đến năm 2030	Nghị quyết số 114/NQ-HĐND ngày 06/7/2018	
	Điều chỉnh quy hoạch phát triển nông nghiệp tỉnh Vĩnh Long đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030	Nghị quyết số 112/NQ-HĐND ngày 06/7/2018	



Ngành, lĩnh vực	Quy hoạch/Kế hoạch/Chương trình, dự án, ...	Các chương trình/ dự án lồng ghép	
		Địa phương	Trung ương
(1)	(2)	(3)	(4)
	Điều chỉnh quy hoạch cấp nước sạch nông thôn tỉnh Vĩnh Long đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030	Nghị quyết số 115/NQ-HĐND ngày 06/7/2018	
	Các dự án ĐTXD hệ thống thủy lợi, công trình thủy lợi kết hợp PCTT		

Nguồn: Tổng hợp từ phiếu điều tra cấp sở, ngành phục vụ xây dựng Kế hoạch PCTT&TKCN tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021-2025.

*Bảng 15: Tổng hợp các chương trình, dự án thực hiện lồng ghép nội dung PCTT của UBND các huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh Vĩnh Long*

TT	Giải pháp	Ngành, lĩnh vực	Các chương trình/dự án lồng ghép		
			Cấp huyện	Cấp tỉnh	Trung ương
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
<b>I</b>	<b>Huyện Bình Tân</b>				
1	Lồng ghép các chỉ tiêu phát triển KTXH có xem xét đến yếu tố PCTT	Kinh tế xã hội	Kế hoạch phát triển KTXH hàng năm của huyện	Kế hoạch phát triển KTXH hàng năm của tỉnh	
2	Điều chỉnh cơ cấu cây trồng, vật nuôi, lịch thời vụ có xét đến yếu tố BĐKH và PCTT	Nông nghiệp	Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp huyện	Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Vĩnh Long	Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp toàn quốc
3	Nâng cấp các công trình PCTT	Thủy lợi; PCTT	<p>QĐ số 671/QĐ-UBND ngày 13/3/2020 của UBND huyện về việc phê duyệt BCKT-KT công trình Nâng cấp, sửa chữa bờ bao kênh Bờ Chuối</p> <p>QĐ số 656/QĐ-UBND ngày 12/3/2020 của UBND huyện về việc phê duyệt BCKT-KT công trình Nâng cấp, sửa chữa bờ bao kênh Rạch Súc Nhỏ, QĐ số 660/QĐ-UBND ngày 12/3/2020 của UBND huyện về việc phê duyệt BCKT-KT công trình Nâng cấp, sửa chữa bờ bao kênh Bà Chử, QĐ số 1600/QĐ-UBND ngày 26/7/2021 của UBND huyện về việc phê duyệt BCKT-KT công trình Nạo vét kết hợp đắp bờ bao kênh Xã Liễu.</p> <p>QĐ số 1226/QĐ-UBND ngày 07/6/2021 của UBND huyện về việc phê duyệt BCKT-KT công trình Nâng cấp, sửa chữa bờ bao kênh Bàu Trắng, QĐ số 1227/QĐ-UBND ngày 07/6/2021</p>		



TT	Giải pháp	Ngành, lĩnh vực	Các chương trình/dự án lồng ghép		
			Cấp huyện	Cấp tỉnh	Trung ương
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
			của UBND huyện về việc phê duyệt BCKT-KT công trình Nạo vét kết hợp đắp bờ bao kênh Năm Trăm.		
4	Nâng cao trình cốt xây dựng; Xây dựng nhà kết hợp PCTT an toàn	Xây dựng	Nâng cấp mở rộng đường Tỉnh đoạn từ QL54 đến Cầu Bông Vải, TT Tân Quới		
<b>II</b>	<b>Huyện Long Hồ</b>				
1	Lồng ghép các chỉ tiêu phát triển KTXH có xem xét đến yếu tố PCTT	Kinh tế xã hội	Kế hoạch phát triển KTXH hàng năm của huyện		
2	Điều chỉnh cơ cấu cây trồng, vật nuôi, lịch thời vụ có xét đến yếu tố BĐKH và PCTT	Nông nghiệp	Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp huyện	Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Vĩnh Long	Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp toàn quốc
3	Nâng cấp các công trình PCTT	TL; PCTT	Dự án công trình thủy sản Tam Bình- Long Hồ thuộc 3 Xã Lộc Hòa, Phú Quới, Thạnh Quới. Dự án hệ thống thủy lợi nông thôn mới xã Hòa Ninh. Dự án kênh xã Tàu - Sóc Tro xã Thạnh Quới. Dự án hệ thống thủy lợi nông thôn mới xã Phước Hậu. Dự án kè Sông Cổ Chiên. Dự án đê bao 4 xã cù lao		
4	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng	Nông nghiệp	Chuyển đổi cây nhân da bò sang cây nhân xoài, com và vàng		
5	Thực hiện Chiến lược quốc gia ứng phó biến đổi khí hậu	Tài nguyên và môi trường	Kế hoạch trồng cây xanh		
6	Phương án xử lý sự cố công trình phòng chống thiên tai, công trình thủy lợi	Thủy lợi và PCTT	Sử dụng hình thức kè mềm, bờ rọ đá, nâng cấp và sửa chữa		
7	Nâng cấp an toàn các công trình đảm bảo phòng chống thiên tai	Thủy lợi và PCTT	Dự án công trình thủy sản Tam Bình- Long Hồ thuộc 3 Xã Lộc Hòa, Phú Quới, Thạnh Quới. Dự án kênh xã Tàu- Sóc Tro xã Thạnh Quới. Dự án hệ thống thủy lợi nông thôn mới xã Phước Hậu. Dự án hệ thống thủy lợi nông thôn mới xã Hòa Ninh. Dự án kè Sông Cổ Chiên. Dự án đê bao ngoài 4 xã cù lao.		
<b>III</b>	<b>Huyện Mang Thít</b>				

TT	Giải pháp	Ngành, lĩnh vực	Các chương trình/dự án lồng ghép		
			Cấp huyện	Cấp tỉnh	Trung ương
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Lồng ghép các chỉ tiêu phát triển KTXH có xem xét đến yếu tố PCTT	Kinh tế xã hội	Kế hoạch phát triển KTXH hàng năm của huyện		
2	Điều chỉnh cơ cấu cây trồng, vật nuôi, lịch thời vụ có xét đến yếu tố BĐKH và PCTT	Nông nghiệp	Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp huyện	Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Vĩnh Long	Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp toàn quốc
3	Nâng cao nhận thức và kiến thức của cán bộ, người dân về an toàn PCTT	PCTT, các tổ chức liên quan	Kế hoạch số 14/KH-PCTT, ngày 6/5/2021. V/v Tập huấn nâng cao nhận thức cộng đồng và QLRRTT dựa vào cộng đồng.		
4	Khơi thông dòng chảy đảm bảo tiêu thoát lũ	NN&PTNT; GT; TNMT	Danh mục nạo vét kênh TLNĐ năm 2021		
5	Xây dựng nông thôn mới đảm bảo tiêu chí PCTT	Nông nghiệp nông thôn	Kế hoạch số 09/KH-VP.NTM, ngày 25/02/2021. V/v Khảo sát, đánh giá kết quả thực hiện TC xã NTM, NTM nâng cao, ấp NTM kiểu mẫu trên địa bàn huyện năm 2021.		
<b>IV</b>	<b>Huyện Tam Bình</b>				
1	Lồng ghép các chỉ tiêu phát triển KTXH có xem xét đến yếu tố PCTT	Kinh tế xã hội	Kế hoạch phát triển KTXH hàng năm của huyện		
2	Điều chỉnh cơ cấu cây trồng, vật nuôi, lịch thời vụ có xét đến yếu tố BĐKH và PCTT	Nông nghiệp	Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp huyện	Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Vĩnh Long	Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp toàn quốc
3	Xây dựng nông thôn mới đảm bảo tiêu chí PCTT	Nông nghiệp nông thôn	Quyết định về việc xây dựng các Trường học trên địa bàn huyện; Quyết định đầu tư các công trình thủy lợi, giao thông	Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Vĩnh Long	Chương trình xây dựng nông thôn mới toàn quốc
4	Nâng cấp an toàn các công trình đảm bảo phòng chống thiên tai	Thủy lợi, PCTT	Quyết định đầu tư nâng cấp các công trình thủy lợi		
<b>V</b>	<b>Huyện Trà Ôn</b>				
1	Lồng ghép các chỉ tiêu phát triển KTXH có xem xét đến yếu tố PCTT	Kinh tế xã hội	Kế hoạch phát triển KTXH hàng năm của huyện		
2	Điều chỉnh cơ cấu cây trồng, vật nuôi, lịch thời vụ có xét đến yếu tố BĐKH và PCTT	Nông nghiệp	Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp huyện	Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Vĩnh Long	Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp toàn quốc
<b>VI</b>	<b>TP. Vĩnh Long</b>				

TT	Giải pháp	Ngành, lĩnh vực	Các chương trình/dự án lồng ghép		
			Cấp huyện	Cấp tỉnh	Trung ương
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Lồng ghép các chỉ tiêu phát triển KTXH có xem xét đến yếu tố PCTT	Kinh tế xã hội	Kế hoạch phát triển KTXH hàng năm của thành phố Vĩnh Long	Kế hoạch phát triển KTXH hàng năm của tỉnh	
2	Điều chỉnh cơ cấu cây trồng, vật nuôi, lịch thời vụ có xét đến yếu tố BĐKH và PCTT	Nông nghiệp	Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp thành phố	Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Vĩnh Long	Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp toàn quốc
3	Nâng cấp an toàn các công trình đảm bảo phòng chống thiên tai	Thủy lợi, PCTT	Quyết định đầu tư nâng cấp các công trình thủy lợi		
<b>VII</b>	<b>TX. Bình Minh</b>				
1	Lồng ghép các chỉ tiêu phát triển KTXH có xem xét đến yếu tố PCTT	Kinh tế xã hội	Kế hoạch phát triển KTXH hàng năm của thị xã	Kế hoạch phát triển KTXH hàng năm của tỉnh	
2	Điều chỉnh cơ cấu cây trồng, vật nuôi, lịch thời vụ có xét đến yếu tố BĐKH và PCTT	Nông nghiệp	Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp thị xã	Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Vĩnh Long	Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp toàn quốc
<b>VII</b>	<b>Huyện Vũng Liêm</b>				
1	Lồng ghép các chỉ tiêu phát triển KTXH có xem xét đến yếu tố PCTT	Kinh tế xã hội	Kế hoạch phát triển KTXH hàng năm của thị xã	Kế hoạch phát triển KTXH hàng năm của tỉnh	
2	Điều chỉnh cơ cấu cây trồng, vật nuôi, lịch thời vụ có xét đến yếu tố BĐKH và PCTT	Nông nghiệp	Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp thị xã	Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Vĩnh Long	Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp toàn quốc

Nguồn: Tổng hợp từ phiếu điều tra cấp huyện phục vụ xây dựng Kế hoạch PCTT&TKCN tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021-2025

### **Thuận lợi:**

Được sự quan tâm, chỉ đạo của các cấp lãnh đạo trong việc quán triệt thực hiện lồng ghép các nội dung PCTT và quy hoạch, kế hoạch phát triển KT-XH, phát triển ngành.

Thông tư số 05/2016/TT-BKHĐT ngày 06/06/2016 của Bộ Kế hoạch Đầu tư về việc hướng dẫn lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội được ban hành đã góp phần nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, công chức trong việc phòng chống thiên tai ngay khi xây dựng các quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội.

Kính bản BĐKH-NBD được bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành năm 2016 là cơ sở để các tỉnh xây dựng Kế hoạch ứng phó với BĐKH-NBD cho riêng

tình mình. Đây là cơ sở quan trọng để lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội.

Luật quy hoạch mới ban hành năm 2017, theo đó thì đa số các quy hoạch chuyên ngành cấp tỉnh quản lý phê duyệt bị bãi bỏ, tất cả sẽ tích hợp vào quy hoạch chung của tỉnh. Do vậy, việc lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai vào quy hoạch sẽ đồng bộ giữa các ngành cũng như thuận lợi hơn cho việc triển khai thực hiện quy hoạch sau này.

### **Khó khăn:**

Việc thực hiện lồng ghép chưa được tiến hành đồng bộ ở các ngành, chỉ có những ngành có liên quan trực tiếp hoặc chịu ảnh hưởng lớn về quy hoạch và kế hoạch của ngành như: Nông nghiệp (thủy lợi, trồng trọt, chăn nuôi, NTTS, ...), Giao thông, Xây dựng, Cấp nước, Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông, Công thương, Y tế, Giáo dục... mới có sự lồng ghép tuy nhiên cũng chưa có đánh giá về mặt chất lượng của sự lồng ghép và chưa có đơn vị thẩm định, điều tra, thu thập thông tin về việc lồng ghép, quản lý thiên tai trong các quy hoạch, kế hoạch của các ngành.

Nhu cầu kinh phí để thực hiện công tác phòng, chống thiên tai rất lớn, nên khi lồng ghép vào các chương trình, đề án của các ngành cũng gặp nhiều khó khăn trong việc triển khai thực hiện các giải pháp cũng như các dự án ưu tiên.

### **3.11 ĐÁNH GIÁ VỀ CÔNG TÁC PHÒNG HỒI, TÁI THIẾT SAU THIÊN TAI**

Bên cạnh việc phòng ngừa, ứng phó thiên tai, việc phục hồi, tái thiết sau thiên tai cũng rất quan trọng, vì vậy nhiệm vụ này được Lãnh đạo tỉnh và Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh rất quan tâm. Để đảm bảo cho công tác này, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản chỉ đạo gồm:

- Quyết định số 1450/QĐ-UBND ngày 06/10/2014 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc Quy định về kinh phí hỗ trợ ổn định dân cư vùng thiên tai.

- Quyết định số 424/QĐ-UBND ngày 25/03/2015 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc thành lập Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Vĩnh Long.

- Quyết định số 425/QĐ-UBND ngày 25/03/2015 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc Ban hành quy định về quản lý, thu-nộp, sử dụng, quyết toán Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Vĩnh Long.

- Quyết định số 2713/QĐ-UBND ngày 09/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc thành lập Quỹ phòng chống thiên tai tỉnh Vĩnh Long (thay thế Quyết định số 424/QĐ-UBND ngày 25/03/2015).

- Quyết định số 32/2020/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành Quy định phân cấp quản lý, sử dụng và quyết toán Quỹ phòng,

chống thiên tai tỉnh Vĩnh Long (thay thế Quyết định số 425/QĐ-UBND ngày 25/03/2015).

- Quyết định số 3568/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc đính chính Quyết định số 32/2020/QĐ-UBND, ngày 18/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định phân cấp, quản lý, sử dụng và quyết toán Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Vĩnh Long.

- Quyết định số 2609/QĐ-UBND ngày 27/10/2016 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc quy định mức trợ giúp xã hội đột xuất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

- Chương trình phối hợp số 03/CTPH-UBND-MTTQ ngày 07/11/2016 của UBND tỉnh Vĩnh Long và UBMTTQ VN tỉnh Vĩnh Long về việc thực hiện hỗ trợ, cứu hộ gia đình bị thiên tai, hỏa hoạn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Khi thiên tai xảy ra, Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT&TKCN phối hợp với huyện, xã tiến hành khảo sát, kiểm tra hiện trường, kịp thời đưa ra phương án xử lý trước mắt, sau đó báo cáo ngay với UBND tỉnh để có hướng chỉ đạo khắc phục. Khi UBND cấp huyện không đủ nguồn lực hỗ trợ thiệt hại cho người dân và có văn bản đề nghị tỉnh xem xét hỗ trợ. Khi đó Văn phòng thường trực sẽ kiểm tra và tiến hành các thủ tục cần thiết, nhanh chóng để kịp thời hỗ trợ cho các hộ dân bị thiệt hại trên địa bàn.

Trong những năm gần đây, thiệt hại trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long chủ yếu do hạn hán, xâm nhập mặn (vào mùa khô 2015-2016 và 2019-2020), sạt lở, ngập úng; Các loại hình thiên tai khác (bão, giông lốc, sét...) có xảy ra nhưng thiệt hại không đáng kể. Ước tính thiệt hại do thiên tai trong giai đoạn 2011-2015 là 292,3 tỷ đồng và tăng mạnh trong giai đoạn 2016-2020 là 888,6 tỷ đồng (chủ yếu là thiệt hại do xâm nhập mặn năm 2016 và 2020 chiếm 76% tổng thiệt hại trong giai đoạn này).

Trước tình hình thiên tai như trên, Ban Chỉ huy PCTT&TKCN đã phối hợp, hướng dẫn các đơn vị liên quan tổ chức thống kê, tổng hợp thiệt hại và huy động mọi nguồn lực để khắc phục hậu quả thiên tai. Trong giai đoạn 2016-2020, tổng kinh phí đã chi cho công tác phục hồi, tái thiết sau thiên tai của tỉnh là 189 tỷ đồng (từ nguồn do Trung ương hỗ trợ, dự phòng ngân sách của địa phương, Quỹ PCTT tỉnh, vận động nguồn xã hội hóa...). Bên cạnh đó, còn có một số hoạt động sau thiên tai trong những năm qua như:

- Cứu chữa người bị thương, thăm hỏi, động viên gia đình có người bị nạn.
- Giúp sửa chữa lại nhà cửa bị hư hỏng của người dân, khôi phục cơ sở hạ tầng bị ảnh hưởng bởi thiên tai.
- Vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh.
- Kịp thời hỗ trợ người dân về giống cây trồng, vật nuôi để người dân có thể tái sản xuất mùa vụ tiếp theo.
- Gia cố khắc phục các vị trí sạt lở khẩn cấp do sóng, dòng chảy sông, kênh gây ra.
- Hỗ trợ người dân di dời vào khu tái định cư, di dời tại chỗ.

Bảng 16: Kinh phí sử dụng khắc phục hậu quả thiên tai hàng năm của tỉnh Vĩnh Long, giai đoạn 2016-2020 (Triệu đồng)

TT	Loại hình thiên tai	2016	2017	2018	2019	2020	Tổng
	<b>Tổng số</b>	<b>72.894,88</b>	<b>32.454,08</b>	<b>27.105,53</b>	<b>18.639,78</b>	<b>37.946,94</b>	<b>189.041,21</b>
1	Lốc, mưa lớn	1.100,2	4.513,6	4.246,8	1.902,1	2.046,7	<b>13.809,4</b>
2	Sạt lở	7.669,3	27.054,5	16.380,0	13.918,6	10.412,3	<b>75.434,7</b>
3	Xâm nhập mặn	64.125,4				25.442,5	<b>89.567,9</b>
4	Hạn hán		78,5	-	-	-	<b>78,5</b>
5	Triều cường		807,5	6.478,7	2.819,0	45,5	<b>10.150,7</b>

Nguồn: Báo cáo tổng kết hàng năm của Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Vĩnh Long

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện công tác khắc phục hậu quả, phục hồi, tái thiết sau thiên tai cũng gặp nhiều khó khăn, tồn tại cần khắc phục. Trong đó, việc cung cấp thông tin, công tác báo cáo, thống kê, tổng hợp, lập hồ sơ thiệt hại do thiên tai gây ra còn chậm, chưa kịp thời, chưa chính xác; mức hỗ trợ còn thấp so với mặt bằng chung của địa phương và chưa bù đắp tương đối chi phí sản xuất của người dân; chi phí khắc phục hậu quả do sạt lở cao, vượt quá khả năng của các huyện, thị xã và thành phố.

### 3.12 NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH

Nguồn tài chính sử dụng cho công tác PCTT được quy định tại Luật Phòng chống thiên tai bao gồm: Ngân sách nhà nước, quỹ phòng chống thiên tai và nguồn đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân. Hiện nay, mặc dù chính sách hiện hành vẫn đảm bảo nguồn chi cho các nhiệm vụ khắc phục hậu quả thiên tai, song nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước chỉ đáp ứng được một phần. Phần lớn thiệt hại của khu vực doanh nghiệp và dân cư không được hỗ trợ bởi ngân sách Nhà nước thì thực hiện thông qua cơ chế khác như tự khắc phục hoặc thông qua cơ chế chuyển giao rủi ro.

Bên cạnh đó, nguồn tài chính thực hiện công tác PCTT tại còn được đầu tư gián tiếp (thông qua nội dung lồng ghép) như: ngân sách chi thường xuyên, ngân sách đầu tư phát triển, nguồn vốn ODA hay các nguồn vốn hỗ trợ của các tổ chức quốc tế.

Quỹ phòng chống thiên tai: từ khi thành lập đến nay đã huy động tốt các nguồn lực kinh tế xã hội tham gia vào công tác PCTT; phát huy phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, tinh thần trách nhiệm của doanh nghiệp đối với xã hội trong công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; UBND các cấp hàng năm đã triển khai tốt công tác thu, nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai; bên cạnh đó, còn có sự đóng góp của các cá nhân, doanh nghiệp trên địa bàn.

Bảng 17: Kết quả thu và chi Quỹ phòng chống thiên tai tỉnh Vĩnh Long các năm

Năm	Tổng thu (triệu đồng)	Đạt chỉ tiêu (%)	Tổng chi (triệu đồng)
2015	7.345,9		1.566,1
2016	7.889,1	90,5	11.026,9
2017	12.574,7	71,1	12.913,1
2018	14.267,5	83,5	10.937,2

Năm	Tổng thu (triệu đồng)	Đạt chỉ tiêu (%)	Tổng chi (triệu đồng)
2019	14.223,7	91,8	15.313,5
2020	18.085,63	91,9	16.357,19

Nguồn: Báo cáo tổng kết hàng năm của BCH PCTT&TKCN tỉnh Vĩnh Long





## CHƯƠNG 4. ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI

### 4.1 PHẠM VI ĐÁNH GIÁ

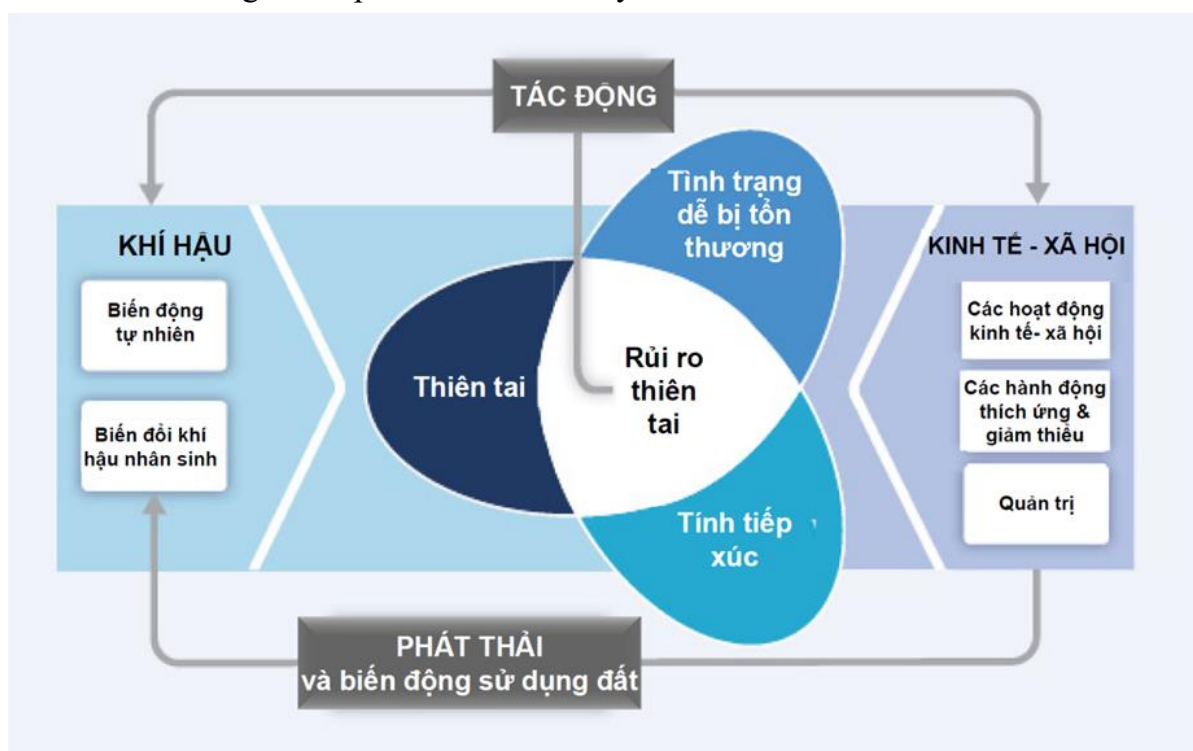
Phạm vi về không gian: Phạm vi đánh giá trên toàn địa bàn tỉnh Vĩnh Long, tài liệu được thu thập từ cấp xã lên tới huyện, thị xã, thành phố để làm cơ sở đánh giá cho toàn tỉnh.

Phạm vi về thời gian: Đánh giá rủi ro thiên tai trong tương lai (giai đoạn đến năm 2025) dưới tác động của biến đổi khí hậu (theo kịch bản BĐKH mới nhất được Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố, và Kịch bản BĐKH tỉnh Vĩnh Long phiên bản mới nhất của tỉnh Vĩnh Long công bố), chuỗi số liệu về loại hình thiên tai, cường độ của thiên tai, thiệt hại do thiên tai gây ra trong quá khứ được cập nhật trong 10 năm (từ năm 2011-2020) để làm căn cứ đánh giá.

### 4.2 PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

**Rủi ro** là sự kết hợp giữa khả năng một sự kiện có thể xảy ra với các hậu quả tiêu cực của nó. Rủi ro là hàm số giữa khả năng xảy ra cụ thể và những thiệt hại từng trường hợp sẽ xảy ra.

**Rủi ro thiên tai** là những tổn thất tiềm ẩn về tính mạng, tình trạng sức khỏe, các hoạt động sinh kế, tài sản và các dịch vụ do thiên tai gây ra cho một cộng đồng hoặc một xã hội cụ thể trong một khoảng thời gian nhất định. Mối quan hệ giữa rủi ro thiên tai và các tác động thành phần được trình bày như sau:



Hình 17: Mối quan hệ giữa RRTT và các tác động liên quan, Nguồn: ICPP (2014).

Rủi ro thiên tai sẽ tăng lên nếu thiên tai tác động đến một cộng đồng dễ bị tổn thương và có khả năng ứng phó hạn chế.

Để đánh giá rủi ro thiên tai, áp dụng phương pháp tiếp cận từ dưới lên. Thông qua hệ thống bảng dữ liệu thu thập được từ các xã/phường/thị trấn và huyện/thị xã/thành phố trên địa bàn tỉnh. Dựa vào số liệu các trận thiên tai xảy ra trong quá khứ, tác động đến con người, kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng làm cơ sở để đánh giá mức độ rủi ro do từng loại hình thiên tai.

Phương pháp đánh giá rủi ro thiên tai được mô tả theo 4 bước sau:

- Bước 1: Đánh giá cường độ của từng loại hình thiên tai điển hình tại địa phương dựa vào quy định về cấp độ rủi ro thiên tai do Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/04/2021. Căn cứ vào số liệu thu thập các trận thiên tai lịch sử, thiên tai lớn đã xảy ra trong quá khứ, kết quả tính toán để đánh giá cường độ của từng loại hình thiên tai điển hình ở địa phương.

- Bước 2: Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương của từng đối tượng chịu tác động như: con người, nhà ở, một số ngành kinh tế chính (nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, du lịch), cơ sở hạ tầng chủ yếu (giao thông, xây dựng, điện lực, viễn thông, thủy lợi, phòng, chống thiên tai, y tế, giáo dục, văn hóa). Mỗi một đối tượng này bị tác động bởi 1 đến nhiều loại hình thiên tai. Tình trạng dễ bị tổn thương của từng đối tượng được phân tích dựa vào số liệu thiệt hại thu thập được, nguy cơ bị tác động và phân thành 3 mức độ tổn thương: thấp, trung bình và cao.

- Bước 3: Đánh giá tổng hợp mức độ rủi ro của từng loại hình thiên tai tác động lên từng đối tượng do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến hoạt động kinh tế - xã hội trong phạm vi quản lý.

- Bước 4: Sử dụng bản đồ hành chính của địa phương để mô tả mức độ rủi ro của từng loại hình thiên tai tác động lên từng đối tượng mô tả ở Bước 3.

## **4.3 NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ**

### **4.3.1 Độ lớn của các loại hình thiên tai**

#### **4.3.1.1 Bão, Áp thấp nhiệt đới**

Theo Quyết định 2901/QĐ-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường, tỉnh Vĩnh Long thuộc vùng VIII, tần suất cơn bão hàng năm rất thấp (<0,5 cơn/năm), cấp gió mạnh nhất đã ghi nhận được là cấp 10, giật mạnh tới cấp 12 – 13. Trong 10 năm qua, có xuất hiện nhiều cơn bão, đặc biệt năm 2017 có bão lớn Tembin xuất hiện (bão số 14 ngày 18/11/2017), hoàn lưu cơn bão này gây thiệt hại nặng ở huyện Tam Bình ảnh hưởng đến 14 xã, làm 51 căn nhà hư hỏng (09 căn nhà sập, 41 căn nhà và 1 trụ sở áp tốc mái), 01 người bị thương; thiệt hại 125,01 ha hoa màu, rau màu, ước thiệt hại là 10.974,5 triệu đồng.

### 4.3.1.2 Lốc xoáy, sét

Lốc, sét là loại hình thiên tai thường xảy ra bất thường, diễn biến khó lường và mức độ ảnh hưởng có thể rất lớn, đe dọa tính mạng, thiệt hại tài sản của người dân trên địa bàn tỉnh. Lốc, sét thường kéo theo mưa rào, mưa dông và có thể có cả mưa đá kèm theo cát, bụi...

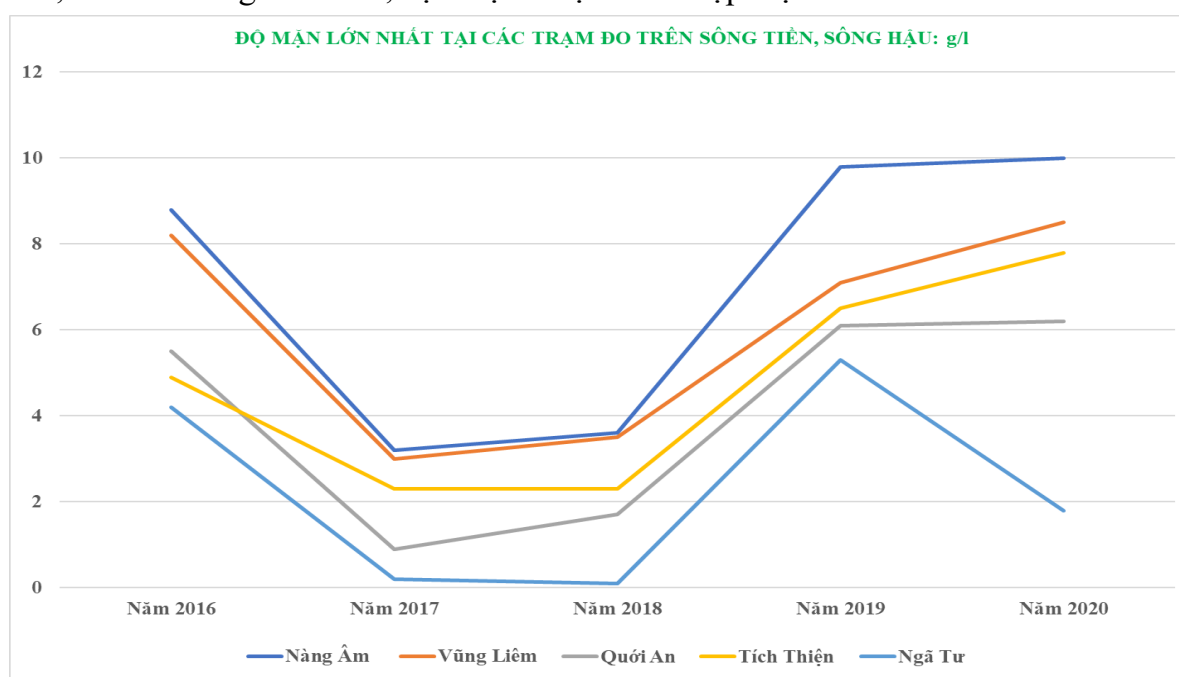
Về Lốc xoáy: trong 10 năm qua (2011-2020) thiệt hại do lốc xoáy gây ra trên địa bàn tỉnh là khoảng 87 tỷ (39 tỷ đồng thiệt hại về cơ sở hạ tầng: nhà cửa, cột điện, dây điện ...; 48 tỷ đồng thiệt hại về sản xuất nông nghiệp: lúa, rau màu ...).

Về sét đánh: trong giai đoạn 2011-2020 đã làm thiệt mạng 8 người và bị thương 1 người.

### 4.3.1.3 Xâm nhập mặn

Tỉnh Vĩnh Long là tỉnh nằm ở khu vực trung tâm của đồng bằng, chế độ thủy văn nguồn nước của tỉnh chịu tác động bởi chế độ thủy văn sông Mê Công, triều Biển Đông và chế độ mưa nội đồng. Hàng năm vào mùa khô, khi dòng nguồn trên sông Mê Công chảy về thấp, mưa nội đồng rất nhỏ, xu thế triều Biển Đông lặn át, làm cho hiện tượng mặn lên cao trên dòng chính (sông Tiền và sông Hậu) và xâm nhập sâu vào nội đồng ảnh hưởng đến cấp nước sinh hoạt và các hoạt động sản xuất nông nghiệp của người dân.

Trong khoảng một thập kỷ nay mặn có diễn biến phức tạp, với xu thế xuất hiện sớm, kéo dài trong mùa khô, đặc biệt là đợt xâm nhập mặn 2015-2016 và 2019-2020.



Hình 18: Diễn biến độ mặn lớn nhất tại các trạm đo trên sông Tiền, sông Hậu

Xâm nhập mặn diễn ra và gây thiệt hại nặng nề nhất là năm 2016 và 2020, các năm còn lại xâm nhập mặn diễn ra nhưng thiệt hại không đáng kể. So với năm 2016 thì năm 2020 mặn diễn biến gay gắt và duy trì lâu hơn, xâm nhập mặn đã làm ảnh hưởng đến

2.477,82 ha diện tích đất nông nghiệp trong đó chủ yếu là cây ăn trái với 2.059 ha còn lại là lúa và rau màu, ước tính thiệt hại gần 396 tỷ đồng; ngoài ra, xâm nhập mặn cũng đã làm cho 51 trạm cấp nước bị nhiễm mặn ảnh hưởng tới 89.743 hộ dân.

#### **4.3.1.4 Hạn hán**

Là tỉnh nằm giữa 2 con sông lớn, là sông Tiền và sông Hậu, nên Vĩnh Long có nguồn nước ngọt dồi dào quanh năm. Tuy nhiên, hàng năm vào thời kỳ cuối vụ Đông xuân và đầu vụ Hè Thu vẫn xảy ra tình trạng thiếu nước cho sinh hoạt và sản xuất do hạn hán xảy ra.

Nguyên nhân tình trạng hạn xảy ra hàng năm một phần là do thiếu nguồn nước (đặc biệt là ở khu vực Nam Măng Thít), nguyên nhân khác là do hệ thống công trình thủy lợi chưa đồng bộ và hoàn chỉnh: kênh mương bị bồi lắng, vào kỳ triều kém hệ thống cống không thể tưới tự chảy, bên cạnh đó, hệ thống trạm bơm còn thiếu... nên chưa đáp ứng được nhu cầu đưa nước vào mặt ruộng của toàn bộ diện tích canh tác, dẫn đến hạn hán cục bộ tại một số nơi.

Diễn hình như năm 2020, tỷ lệ diện tích cây trồng thiếu nước do hạn hán chiếm tới 92,6% tổng diện tích cây trồng thiếu nước (18.864 ha cây trồng thiếu nước). Các địa phương chịu ảnh hưởng nặng nề nhất, gồm huyện Vũng Liêm, Trà Ôn, Tam Bình, Mang Thít và Thị xã Bình Minh.

#### **4.3.1.5 Sạt lở đất do dòng chảy**

Sạt lở đất ở ĐBSCL nói chung và ở tỉnh Vĩnh Long nói riêng có liên quan mật thiết đến chế độ thủy văn nguồn nước, đặc điểm địa chất, các hoạt động phát triển kinh tế xã hội diễn ra hàng ngày.

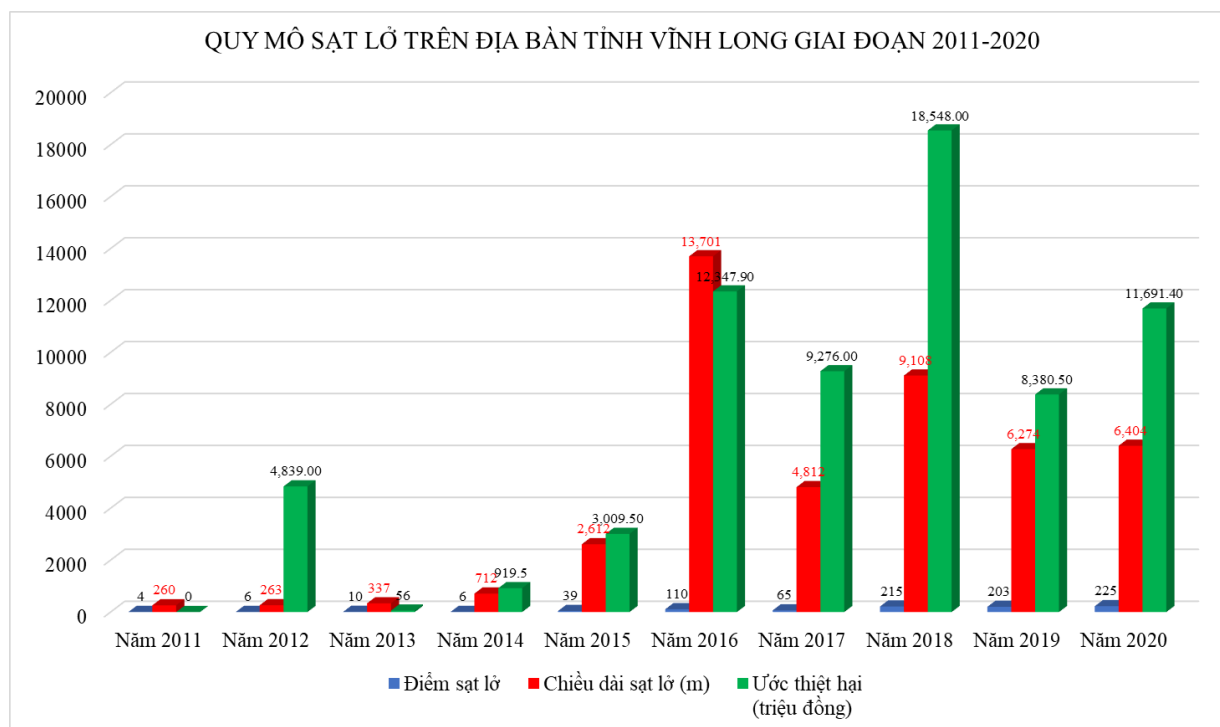
Trong đó, chế độ thủy văn nguồn nước tỉnh Vĩnh Long biến đổi phức tạp theo mùa (mùa khô và mùa mưa), chịu sự chi phối của chế độ thủy văn sông Mê Công, triều Biển Đông và sự biến đổi của mưa nội đồng. Sự biến đổi chế độ thủy văn trên mạng lưới sông ngòi đã tác động tới sự ổn định của bờ sông, kênh, hệ thống kết cấu hạ tầng (đê bao, bờ bao, đường giao thông, nhà cửa, ...).

ĐBSCL nói chung có nền đất yếu, nên dễ xảy ra tình trạng sụt, lún gây sạt lở nếu chịu tác động lớn từ các tổ hợp lực gây trượt.

Các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội đang diễn ra hàng ngày, như khai thác cát, xây dựng nhà cửa lấn chiếm hành lang bảo vệ công trình làm gia tải, ... là những hoạt động làm gia tăng nguy cơ sạt lở bờ sông, bờ kênh, đê bao, bờ bao, đường giao thông, ...

Theo số liệu thống kê, trong giai đoạn 2011-2020 tình trạng sạt lở trên địa bàn tỉnh diễn biến rất phức tạp, có 879 điểm sạt lở, với tổng chiều dài sạt lở 44,2 km. Ước tổng thiệt hại 69 tỷ đồng.

Các địa phương có quy mô sạt lở lớn với tần suất xuất hiện nhiều là các huyện Măng Thít, Tam Bình, Bình Tân, Trà Ôn, Vũng Liêm, Long Hồ. Các năm có tình trạng sạt lở nhiều là năm 2017, 2018, 2019 và 2020.



Hình 19: Diễn biến quy mô sạt lở đất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2011-2020

#### 4.3.1.6 Triều cường, mưa lớn

Tại Vĩnh Long, mực nước sông, rạch trong tỉnh đã bắt đầu lên vào cuối tháng 8 trùng với kỳ triều rằm tháng 07 âm lịch. Vào đầu tháng 10, do ảnh hưởng của hai yếu tố cực đại là lũ đầu nguồn sông Cửu Long đạt đỉnh và triều cường 30/8 âm lịch, nên mực nước trên các sông, rạch trong tỉnh lên rất cao. Lượng mưa trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long khá lớn, vào khoảng 1.017 – 1.963 mm/năm; số ngày mưa trong năm cũng khá nhiều 91-155 ngày /năm; mưa lớn nhất thường rơi vào tháng 10 với lượng mưa >400 mm/tháng.

Trong nhiều năm trở lại đây, mực nước tại trạm Mỹ Thuận luôn cao hơn mức +1,8 m (là mức cảnh báo báo động III tại trạm Mỹ Thuận) chỉ duy nhất năm 2017 mực nước cao nhất trạm Mỹ Thuận thấp hơn mức báo động III là 0,16m.

Do ảnh hưởng của triều cường, mưa lớn nên mực nước trên sông, kênh rạch lên cao, làm ngập các đô thị ven sông (thành phố Vĩnh Long, thị xã Bình Minh, thị trấn Cái Nhum), khu thấp trũng sản xuất nông nghiệp, đường xá, ảnh hưởng đến vấn đề đi lại của người dân. Tổng thiệt hại do triều cường, mưa lớn gây ra trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011-2020 ước khoảng 321,47 tỷ, trong đó đối với sản xuất nông nghiệp là 172,74 tỷ đồng, nhà ở 1,34 tỷ đồng, công trình thủy lợi 85,88 tỷ đồng, công trình giao thông 61,46 tỷ đồng và các loại khác là 51 triệu đồng.

## **4.3.2 Các đối tượng bị ảnh hưởng (dân sinh, KT-XH, CSHT)**

### **4.3.2.1 Khu vực dễ bị tổn thương**

Qua điều tra, thu thập tài liệu từ cấp xã/thị trấn/phường và cấp huyện/thị trong toàn tỉnh, kết quả cho thấy toàn bộ 107 xã/thị trấn/phường của tỉnh đều dễ bị tổn thương bởi một trong các loại hình thiên tai, như bão, áp thấp nhiệt đới, lốc xoáy, sét, hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở đất do dòng chảy, triều cường, mưa lớn. Mức độ tổn thương giữa các đơn vị hành chính cấp xã, phường là khác nhau, tùy thuộc vào đặc điểm của loại thiên tai, năng lực PCTT của địa phương.

Các khu vực dễ bị tổn thương do bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, lốc xoáy, sét là gần như toàn bộ địa bàn của tỉnh, trong đó các khu vực chịu ảnh hưởng mạnh nhất, gồm địa bàn các huyện Bình Tân, Long Hồ, Tam Bình, Trà Ôn, Vũng Liêm.

Các khu vực dễ bị tổn thương do hạn hán, xâm nhập mặn gồm: Măng Thít, Trà Ôn, Vũng Liêm, Tam Bình, Long Hồ, Bình Minh.

Các khu vực dễ bị tổn thương do sạt lở đất, gồm: tập trung chủ yếu ở các huyện Măng Thít, Tam Bình, Bình Tân, Trà Ôn, Vũng Liêm, Long Hồ.

Các khu vực dễ bị tổn thương do nước dâng (triều cường, mưa lớn), gồm thị xã Bình Minh, các huyện Bình Tân, Tam Bình, Trà Ôn, Vũng Liêm, Long Hồ.

### **4.3.2.2 Con người**

Để đánh giá tính dễ bị tổn thương do thiên tai gây ra đối với con người, chúng tôi sử dụng hệ thống các loại dữ liệu sau đây:

- Tỷ lệ trẻ em trên tổng số dân của địa phương chiếm bao nhiêu phần trăm (%);
- Tỷ lệ người già trên tổng số dân của địa phương chiếm bao nhiêu phần trăm (%);
- Tỷ lệ người khuyết tật trên tổng số dân của địa phương chiếm bao nhiêu phần trăm (%);
- Tỷ lệ hộ nghèo (hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số, hộ nghèo thuộc đối tượng chính sách, hộ nghèo thuộc đối tượng bảo trợ xã hội) trên tổng số dân của địa phương chiếm bao nhiêu phần trăm (%);
- Tập quán sinh sống (nơi cư trú, sinh hoạt) của người dân trong địa phương.
- Nguồn cấp nước cho ăn uống, sinh hoạt (tắm, giặt, ...) của người dân trong địa phương.
- Số lượng các loại hình công trình cấp nước sinh hoạt trong các địa phương.

Qua kết quả điều tra, thu thập thông tin cho thấy toàn tỉnh hiện có: Trẻ em (dưới 16 tuổi) là 80.016 người, người già (trên 60 tuổi) là 47.929 người. Toàn tỉnh hiện còn 3.449 hộ nghèo, đây là những hộ thiếu công việc ổn định, thu nhập rất thấp, nhà cửa tạm bợ. Người khuyết tật là 10.766 người. Là những đối tượng dễ bị tổn thương nhất khi có thiên tai xảy ra.

Về tập quán sinh sống, ngoại trừ các khu dân cư tập trung (thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư, ...) khu vực nông thôn thì tập quán sinh sống phần lớn là bố trí theo dọc các tuyến sông, kênh, phân tán.

Về nguồn cấp nước cho sinh hoạt: Toàn tỉnh hiện có 10 hệ thống cấp nước tập trung. Tổng công suất thiết kế của 10 hệ thống cấp nước này là 69.500 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Trong đó, Công ty cổ phần Cấp nước Vĩnh Long quản lý 06 hệ thống gồm các nhà máy nước Hưng Đạo Vương (nguồn nước sông Cổ Chiên) có công suất 18.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm; Trường An (nguồn nước sông Tiền) công suất 20.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm; Trà Ôn (nguồn nước sông Hậu) công suất 5.500 m<sup>3</sup>/ngày đêm; Vũng Liêm (nguồn nước sông Măng Thít) công suất 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm; Cái Ngang (nguồn nước sông Cái Ngang) công suất 1.500 m<sup>3</sup>/ngày đêm; Tam Bình (nguồn nước sông Măng Thít) công suất là 3.500 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Các hệ thống còn lại do các đơn vị khác quản lý như: Công ty cổ phần Nước và Môi trường Bình Tân- Nhà máy nước Thành Lợi (nguồn nước sông Hậu) 10.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, Công ty CP Nước và Môi trường Cửu Long- Nhà máy nước Cầu Vòng (nguồn nước sông Cầu Vòng) 5.800 m<sup>3</sup>/ngày đêm, Công ty CP Nước và Môi trường Mang Thít- Nhà máy nước thị trấn Cái Nhum (nguồn nước sông Măng Thít) 1.200 m<sup>3</sup>/ngày đêm; Công ty TNHH Cấp nước Bình Minh- Nhà máy nước Khu công nghiệp Bình Minh (nguồn nước sông Hậu) 1.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Về cấp nước sinh hoạt nông thôn: Công trình cấp nước nông thôn trên địa bàn tỉnh chủ yếu là các trạm cấp nước tập trung do Trung tâm Nước sạch và VSMTNT, Công ty cổ phần, Doanh nghiệp tư nhân quản lý, khai thác. Tổng số công trình cấp nước tập trung hiện có trên địa bàn tỉnh là 118 trạm, liên trạm (trong đó Trung tâm Nước sạch và VSMTNT quản lý khai thác 101 trạm và 17 trạm do tư nhân quản lý). Tổng số hộ sử dụng nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh là 78.050 hộ với 635.564 nhân khẩu. Trong đó, Trung tâm Nước sạch và VSMTNT cung cấp: 73.840 hộ với 618.723 nhân khẩu và các trạm cấp nước tư nhân phục vụ cho 4.210 hộ với 16.841 nhân khẩu; Bên cạnh đó, có hệ thống công trình cấp nước nhỏ lẻ, gồm 15.972 giếng khoan, 163 giếng đào và 9.825 lu, bể chứa nước.

#### **4.3.2.3 Cơ sở hạ tầng**

Đối với hệ thống cơ sở hạ tầng, để đánh giá tính dễ tổn thương khi có thiên tai xảy ra, chúng tôi sử dụng các chỉ tiêu sau:

- Tỷ lệ số nhà tạm, dễ sập trên tổng số nhà ở có trên địa bàn.
- Tỷ lệ số nhà ven sông trên tổng số nhà ở có trên địa bàn.
- Tỷ lệ số nhà kiên cố trên tổng số nhà ở có trên địa bàn.
- Tỷ lệ tổng số kilomet đường đất trên tổng số kilomet đường nhựa (bê tông) có trên địa bàn.

- Hiện trạng hệ thống đê bao, bờ bao: cao trình đỉnh đê bao, bờ bao, các vị trí xung yếu (đoạn sông cong, đoạn có số lượng nhà cửa xây dựng trên bờ và lòng kênh nhiều, đoạn thường xuyên bị sạt lở).

- Tỷ lệ số nhà (nhà ở, trụ sở cơ quan, trường học, bệnh viện, ...) trên tổng số nhà có trên địa bàn có nguy cơ bị ngập khi xảy ra thiên tai (bão, ATNĐ; lũ, nước dâng).

- Tỷ lệ số công trình cấp nước bị thiếu nguồn cấp (do hạn hán, xâm nhập mặn) trên tổng số công trình cấp nước có trên địa bàn.

Hiện nay, tỉnh Vĩnh Long có khoảng 2.792 nhà tạm, dễ sập không đáp ứng được yêu cầu phòng, chống thiên tai. Đây là những đối tượng dễ bị tổn thương nhất khi bão, áp thấp nhiệt đới, lốc xoáy, sét, sạt lở đất, lũ... xuất hiện trong tỉnh. Ngoài ra, số nhà ven sông của tỉnh vào khoảng 4.617 căn. Đây là số lượng rất lớn, là loại hình cơ sở hạ tầng dễ bị ảnh hưởng nhất khi xuất hiện triều cường dâng cao gây ra ngập lụt, sạt lở, hoặc bị sập hay tốc mái nhà do ảnh hưởng của lốc xoáy từ đó ảnh hưởng tới tính mạng cũng như cuộc sống của người dân.

*Bảng 18: Bảng tổng hợp số nhà tạm, nhà ven sông tỉnh Vĩnh Long*

TT	Huyện/thị	Loại nhà	
		Nhà tạm, dễ sập	Nhà ven sông
1	Huyện Bình Tân	1.630	692
2	Huyện Long Hồ	45	243
3	Huyện Mang Thít	311	764
4	Huyện Tam Bình	684	2.023
5	Thành phố Vĩnh Long	10	187
6	Thị xã Bình Minh	Không có thông tin	Không có thông tin
7	Huyện Vũng Liêm	117	648
8	Huyện Trà Ôn	Không có thông tin	60
Toàn tỉnh		2.797	4.617

Nguồn: Số liệu điều tra từ xã/thị trấn/phường trên toàn tỉnh tháng 9/2021.

Hàng năm, vào mùa mưa lũ hoặc kỳ triều cường hoạt động mạnh, nhiều vị trí đê bao, bờ bao bảo vệ dân cư, hạ tầng và sản xuất bị vỡ, tràn gây mất an toàn, tập trung ở các huyện như Măng Thít, Tam Bình, Bình Tân, Trà Ôn, Vũng Liêm, Long Hồ và thị xã Bình Minh. Trong đó đặc biệt là khu vực xã tuyến đê bao, bờ bao nằm gần sông Tiền, sông Hậu.

Sau mỗi mùa mưa lũ, hệ thống kênh rạch ở ĐBSCL nói chung và tỉnh Vĩnh Long nói riêng, do ảnh hưởng của phù sa nên tốc độ bồi lắng nhanh, làm giảm năng lực dẫn nước tưới, tiêu, cũng như khả năng trữ nước ngọt phục vụ phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn bị giảm.



#### 4.3.2.4 Kinh tế - xã hội

Đối với kinh tế - xã hội thì dễ xác định tính dễ bị tổn thương thấp, tổn thương trung bình hay tổn thương cao, chúng tôi căn cứ vào:

- Diện tích đất SXNN chưa thu hoạch khi có thiên tai xảy ra.
- Số lượng tàu thuyền đánh bắt thủy sản, số lượng lồng bè nuôi trồng thủy sản trên sông có nguy cơ bị cuốn trôi.
- Số lượng đàn gia súc, gia cầm có nguy cơ bị tác động (chết, bị thương, thiếu nước uống) khi có thiên tai xảy ra.
- Thiệt hại về kinh tế được quy đổi từ thiệt hại về cơ sở hạ tầng.

Dưới tác động của một hay nhiều loại hình thiên tai thì hoạt động phát triển kinh tế - xã hội luôn là một trong những đối tượng chịu nhiều tổn thương nhất. Và trong phát triển kinh tế - xã hội nói chung thì hoạt động sản xuất nông nghiệp là đối tượng bị ảnh hưởng và tác động mạnh nhất. Qua tài liệu thu thập từ Văn phòng Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và TKCN tỉnh Vĩnh Long cho thấy, trong giai đoạn 2011-2020, tổng giá trị thiệt hại khoảng 910,244 tỷ đồng. Trong đó riêng ngành trồng trọt là 874,256 tỷ đồng, chăn nuôi là 249 triệu và nuôi trồng thủy sản là 35,738 tỷ đồng.

Tổng diện tích các loại cây trồng chính bị ảnh hưởng (cây lúa, rau màu, cây ăn trái) trong giai đoạn 2011-2020 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long do các loại hình thiên tai gây ra, được tổng hợp như sau:

*Bảng 19: Diện tích các loại cây trồng bị ảnh hưởng do thiên tai trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2011-2020 (ha)*

TT	Loại thiên tai	Diện tích cây trồng bị thiệt hại do các loại hình thiên tai gây ra trong giai đoạn 2011-2020 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long (ha)		
		Lúa	Rau màu	Cây ăn trái
1	Lốc, mưa lớn, gió mạnh	13,724	468	38
2	Xâm nhập mặn	18,455	519	6,692
3	Hạn hán	75,828	204	-
4	Triều cường	6,060	2,181	15,074
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>114,067</b>	<b>3,372</b>	<b>21,804</b>

Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo tổng kết PCTT hàng năm tỉnh Vĩnh Long

Từ số liệu tổng hợp ở bảng trên cho thấy, cây lúa và cây ăn trái là hai loại cây trồng có tổng diện tích bị ảnh hưởng lớn nhất. Xâm nhập mặn và triều cường là hai loại hình thiên tai gây tổn thương lớn nhất cho sản xuất nông nghiệp của tỉnh trong giai đoạn 2011-2020.

Về cấp nước sinh hoạt: năm 2016 có 71.526 hộ, năm 2020 là 179.485 hộ thiếu nước ngọt cho ăn uống và sinh hoạt. Số trạm cấp nước bị mặn ảnh hưởng là 102 trạm.

Số điểm trường, trụ sở cơ quan, chợ - trung tâm thương mại và nhà dân bị ngập trong giai đoạn 2011-2020 là khá lớn, được tổng hợp như sau:

*Bảng 20: Số điểm trường, cơ quan, trường học, trụ sở cơ quan, chợ bị ngập trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2011-2020*

TT	Đối tượng bị ngập do triều cường	Đơn vị	Quy mô
1	Nhà dân bị ngập	căn	63.577
2	Trường học bị ngập	điểm	249
3	Trụ sở cơ quan bị ngập	căn	96
4	Chợ - trung tâm thương mại bị ngập	căn	138
5	Cơ sở y tế bị ngập	căn	40

Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo tổng kết PCTT hàng năm tỉnh Vĩnh Long

#### **4.3.2.5 Tổng hợp đánh giá tính dễ tổn thương đối với dân sinh, cơ sở hạ tầng và kinh tế do các loại hình thiên tai gây ra trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**

Kết quả đánh giá tính dễ tổn thương đối với dân sinh, cơ sở hạ tầng, kinh tế - xã hội do các loại hình thiên tai gây ra như sau:

*Bảng 21: Tổng hợp đánh giá tính dễ tổn thương xã/thị trấn/phường trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.*

TT	Loại thiên tai	Số lượng xã/phường/thị trấn có mức độ dễ tổn thương			
		Tổn thương thấp	Tổn thương trung bình	Tổn thương cao	Tổng cộng
1	Bão, ATNĐ	0	47	60	107
2	Lốc xoáy, sét	94	13	0	107
3	Lũ	32	75	0	107
4	Hạn hán, XNM	79	20	8	107
5	Sạt lở đất do dòng chảy	52	55	0	107
6	Nước dâng (triều cường, mưa lớn)	77	30	0	107

Nhận xét:

- Đối với thiên tai là bão, ATNĐ thì không có xã/phường/thị trấn nào tổn thương ở mức thấp, chỉ có 47 đơn vị hành chính cấp xã/phường/thị trấn tổn thương ở mức độ trung bình và 60 đơn vị ở mức độ tổn thương cao tập trung ở khu vực ven sông lớn (sông Tiền, sông Hậu, sông Măng Thít).

- Đối với thiên tai là lốc xoáy, sét và mưa lớn, mặc dù có tần suất xuất hiện nhiều hơn rất nhiều so với bão, ATNĐ, tuy nhiên phạm vi ảnh hưởng khi xảy ra lại không lớn như bão và ATNĐ, kết quả đánh giá cho thấy có 94 đơn vị tổn thương ở mức độ thấp,

13 đơn vị tổn thương ở mức độ trung bình và không có đơn vị nào tổn thương ở mức độ cao.

- Đối với thiên tai là lũ, mức độ tổn thương chỉ gây ra ở mức thấp và trung bình. Trong mức thấp có 32 đơn vị và mức trung bình có 75 đơn vị. Những đơn vị tổn thương ở mức trung bình tập trung chủ yếu ở các xã/phường/thị trấn thuộc các huyện, thị giáp với sông Hậu, sông Măng Thít như huyện Bình Tân, thị xã Bình Minh, huyện Tam Bình và huyện Trà Ôn.

- Đối với thiên tai là hạn hán, xâm nhập mặn kết quả đáng giá cho thấy, toàn tỉnh có 79 đơn vị cấp xã/phường/thị trấn tổn thương ở mức thấp (tập trung các huyện phía Tây-Bắc của tỉnh), 20 đơn vị tổn thương ở mức trung bình (tập trung ở huyện Trà Ôn, Tam Bình, Vũng Liêm, thị xã Bình Minh) và 8 đơn vị tổn thương ở mức cao là các xã ven sông Tiền, sông Hậu thuộc huyện Vũng Liêm, Trà Ôn, Tam Bình.

- Đối với thiên tai là sạt lở đất, có 52 đơn vị tổn thương ở mức thấp, 55 đơn vị tổn thương ở mức trung bình, không có đơn vị nào tổn thương ở mức cao. Các khu vực có số lượng đơn vị tổn thương nhiều gồm các huyện Mang Thít, Vũng Liêm, Trà Ôn, Tam Bình, Bình Tân, Long Hồ.

- Đối với thiên tai là nước dâng (triều cường), có 77 đơn vị tổn thương ở mức thấp, 30 đơn vị tổn thương ở mức trung bình, và không có đơn vị tổn thương ở mức cao.

#### 4.3.3 Năng lực phòng, chống thiên tai

Để đánh giá năng lực phòng, chống thiên tai của địa phương, chúng tôi căn cứ vào các dữ liệu sau:

- Nguồn nhân lực phục vụ công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của địa phương (xem mục 4.3. Hệ thống chỉ huy, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn).

- Thực trạng cơ sở hạ tầng phục vụ công tác phòng, chống thiên tai của địa phương (xem mục 4.9. Đánh giá năng lực sơ sở hạ tầng PCTT).

- Phương tiện, vật tư và trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của địa phương (xem mục 4.5. Phương tiện, vật tư, trang thiết bị phục vụ PCTT).

Kết quả đánh giá năng lực phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của địa phương được tổng hợp trong bảng dưới đây:

*Bảng 22: Tổng hợp kết quả đánh giá năng lực PCTT xã/thị trấn/phường trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long*

TT	Loại thiên tai	Phân loại năng lực PCTT&TKCN của xã/phường/thị trấn			
		Năng lực thấp	Năng lực trung bình	Năng lực cao	Tổng cộng
1	Bão, ATNĐ	0	107	0	107

TT	Loại thiên tai	Phân loại năng lực PCTT&TKCN của xã/phường/thị trấn			
		Năng lực thấp	Năng lực trung bình	Năng lực cao	Tổng cộng
2	Lốc xoáy, sét	0	79	28	107
3	Lũ, ngập lụt	0	45	62	107
4	Hạn hán, XNM	0	23	84	107
5	Sạt lở đất do dòng chảy	0	3	104	107
6	Nước dâng (triều cường, mưa lớn)	5	16	86	107

#### **Nhận xét:**

- Đối với bão, ATNĐ năng lực PCTT ở mức thấp và cao là không có đơn vị nào, ở mức trung bình có 107 đơn vị cấp xã/phường/thị trấn.

- Đối với thiên tai là lốc xoáy, sét, mưa lớn:

+ Năng lực thấp có 0 xã.

+ Năng lực trung bình có 79 đơn vị xã/phường/thị trấn.

+ Năng lực cao có 28 đơn vị xã/phường/thị trấn.

- Đối với thiên tai là lũ:

+ Năng lực thấp: không có đơn vị nào.

+ Năng lực trung bình có 45 đơn vị xã/phường/thị trấn

+ Năng lực cao có 62 đơn vị xã/phường/thị trấn

- Đối với thiên tai là hạn hán, xâm nhập mặn:

+ Năng lực thấp không có đơn vị xã/phường/thị trấn

+ Năng lực trung bình có 23 đơn vị xã/phường/thị trấn

+ Năng lực cao có 84 đơn vị xã/phường/thị trấn

- Thiên tai là sạt lở đất:

+ Năng lực thấp không có đơn vị nào

+ Năng lực trung bình có 03 đơn vị xã/phường/thị trấn

+ Năng lực cao có 104 đơn vị xã/phường/thị trấn

- Thiên tai là nước dâng (triều cường):

+ Năng lực thấp có 5 đơn vị xã/phường/thị trấn

+ Năng lực trung bình có 16 đơn vị xã/phường/thị trấn

+ Năng lực cao có 86 đơn vị xã/phường/thị trấn

#### **4.3.4 Nhận định tình hình thiên tai trong tương lai**

##### **a). Về bão, ATNĐ, lốc xoáy, sét:**

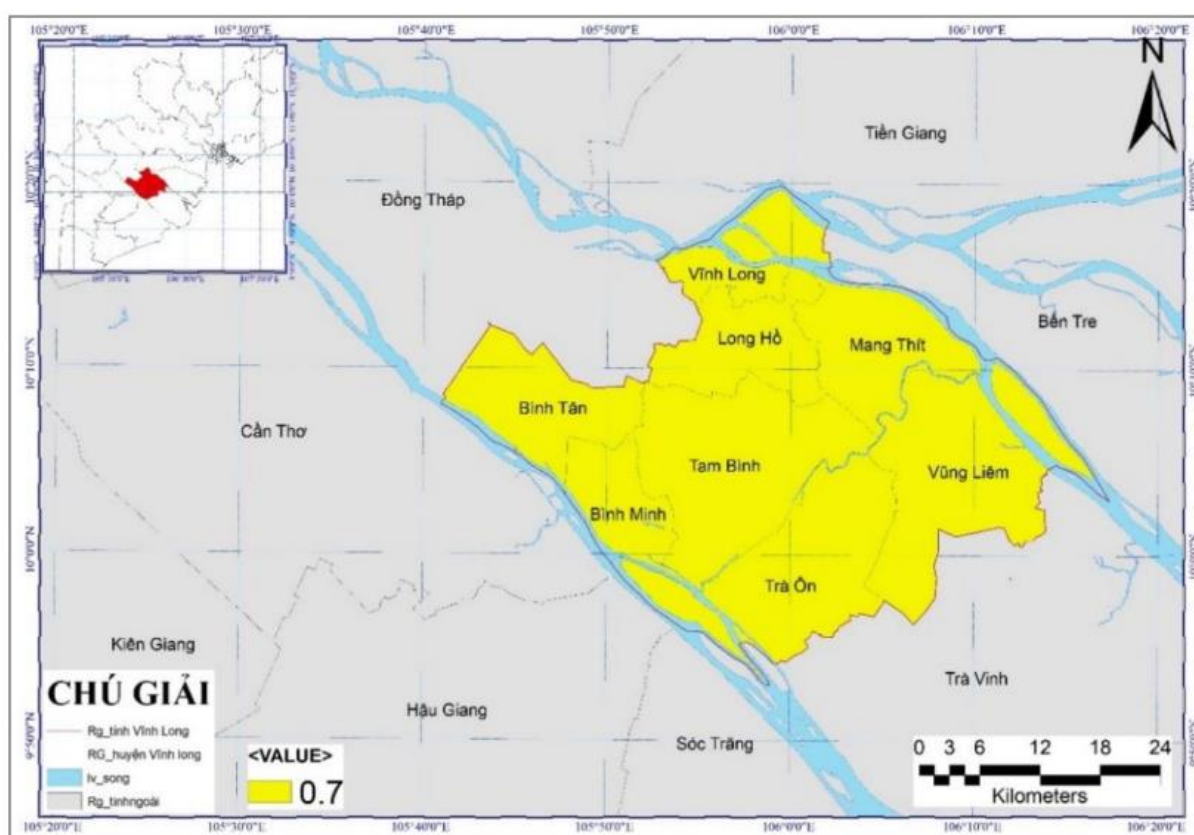
Các loại hình thiên tai như bão, ATNĐ, lốc xoáy, sét là những loại thiên tai rất khó dự báo cho kỳ dài hạn. Theo nhận định của ngành Khí tượng thủy văn, do ảnh hưởng của Biến đổi khí hậu, trong thời gian tới số lượng các cơn bão hoạt động trên biển Đông

có xu hướng tăng về cường độ, tốc độ, đường đi của bão phức tạp và có xu thế dịch chuyển về phía Nam.

**b). Về hạn hán, xâm nhập mặn:**

***Biến đổi nhiệt độ:***

Theo Kịch bản BĐKH tỉnh Vĩnh Long, mức độ biến đổi nhiệt độ trung bình theo năm, mùa mưa và mùa khô giai đoạn đến năm 2025 tăng 0,7<sup>0</sup>C (kịch bản RCP 4.5). Về không gian, mức biến đổi nhiệt độ trung bình năm là đồng nhất trên toàn tỉnh Vĩnh Long (xem bản đồ dưới). Như vậy trong tương lai gần (2025) thì xu thế chung là nhiệt độ gia tăng, từ đó kéo theo lượng bốc hơi sẽ gia tăng, nhu cầu sử dụng nước cho dân sinh và sản xuất kinh doanh cũng gia tăng, nguy cơ hạn hán do thiếu hụt nước trong mùa khô sẽ gia tăng



Hình 20: Mức biến đổi nhiệt độ trung bình năm giai đoạn 2025 – Kịch bản RCP 4.5 (nguồn Kịch bản BĐKH tỉnh Vĩnh Long).

***Biến đổi dòng chảy thượng nguồn sông Mê Công trong mùa khô:***

Theo nghiên cứu của Viện QHTLMN (năm 2021), nhận thấy một số vấn đề chính về biến đổi dòng chảy sông Mê Công, như sau:

- Vào thời kỳ đầu mùa lũ, phần lớn nước lũ được tích lại trong các hồ chứa, khiến không những ĐBSCL mất hẳn lũ đầu vụ (từ đầu tháng 7 đến cuối tháng 8) đồng thời việc tích nước vào cuối mùa mưa khiến dòng chảy cuối mùa lũ sẽ giảm nhanh từ đó khiến Biển Hồ ở Campuchia mất/giảm khả năng điều tiết nước tự nhiên cho

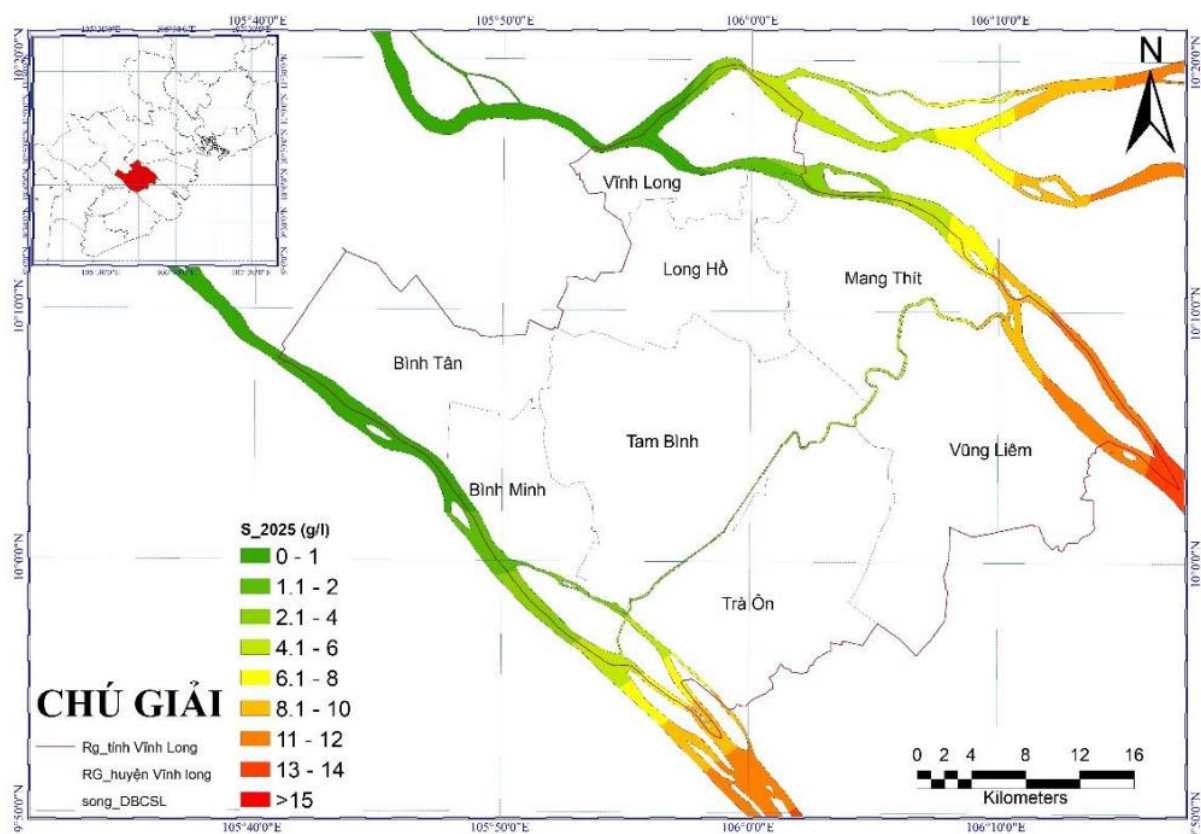
vùng ĐBSCL vào mùa kiệt, và đây là điều đáng báo động cho ĐBSCL nói chung và tỉnh Vĩnh Long nói riêng.

- Nhu cầu gia tăng sử dụng nước trên thượng lưu mang tính chất chắc chắn và tương đối cao, sử dụng nước gia tăng thêm đến 20 tỷ m<sup>3</sup> chiếm đến 60% tổng lượng dòng chảy mùa khô sẽ góp phần làm dòng chảy kiệt về ĐBSCL ngày càng có xu thế nhỏ đi.

- Tuy dòng chảy mùa kiệt cơ bản tăng do xả phát điện từ các hồ chứa, nhưng một khi gặp các năm cực hạn và thay đổi nhu cầu phát điện, dòng chảy kiệt có thể thấp hơn cả trong điều kiện tự nhiên và vì thế làm mặn gia tăng, đặc biệt trên các cửa sông.

***Xâm nhập mặn:***

Theo “Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050” đánh giá, giai đoạn đến năm 2025 Trên Sông Cổ Chiên, độ mặn tại ranh giới Vĩnh Long với tỉnh Trà Vinh lớn nhất khoảng 11,3-12‰, trên sông Hậu tại ranh giới Vĩnh Long với tỉnh Trà Vinh đạt lớn nhất khoảng 8,9‰. Ranh mặn 4‰ trên sông Cổ Chiên đi qua ranh giới của sông Măng Thít hơn 10,5km, còn ranh mặn 4‰ trên sông Hậu qua khu vực huyện Trà Ôn. Ranh mặn tại Bình Phước Hòa, một phần xã Đồng Phú (Huyện Long Hồ) lên đến 5‰



Hình 21: Bản đồ xâm nhập mặn cao nhất thời kỳ 2025 – kịch bản RCP 4.5 (nguồn Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050)

Với diễn biến xâm nhập mặn như trên, các huyện phía Đông – Nam của tỉnh, như Vũng Liêm, Trà Ôn, Tam Bình, Măng Thít, Bình Minh sẽ chịu ảnh hưởng lớn đến cấp nước sinh hoạt, sản xuất so với các huyện còn lại của tỉnh.

**c). Về lũ:** Trong điều kiện tự nhiên (trước năm 2000), phân bố lũ lớn-trung bình-nhỏ theo tỷ lệ tương ứng là 40,6%-46,2%-13,2%, thì nay, do tác động của BĐKH và hồ chứa thượng lưu, tỷ lệ này có xu hướng giảm nhanh tỷ lệ lũ lớn, thậm chí giảm cả tỷ lệ lũ trung bình, chuyển phần lớn sang lũ nhỏ. Tuy nhiên, khi gặp lũ cực lớn (như lũ 2000), do khả năng điều tiết hạn chế vào nửa cuối mùa lũ khi các hồ phân lớn đã tích đầy, khiến lũ có thể bằng, thậm chí lớn hơn tự nhiên.

**d). Về sạt lở đất:** Trong tương lai, xu thế sẽ gia tăng, do ảnh hưởng của vấn đề khai thác cát trên dòng chính sông Mê Công, hoạt động gia tải (xây dựng nhà cửa, công trình ...), việc vận hành các hồ chứa ở thượng nguồn cũng làm mất cân bằng bùn cát, phù sa về hạ du cũng là nguyên nhân làm gia tăng tình trạng sạt lở bờ sông.

**e). Về nước dâng:**

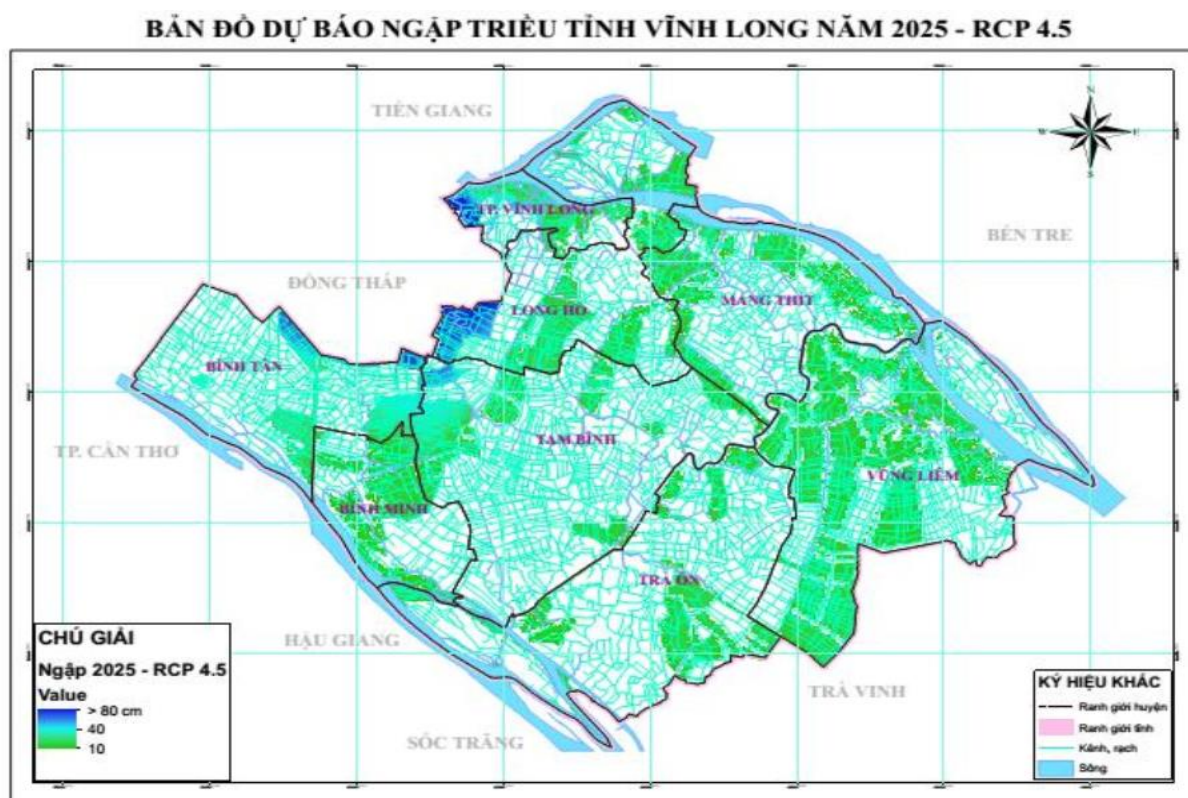
**Mưa:** Theo RCP4.5: Lượng mưa năm vào 2025 tăng 11,6% (trong đó mùa mưa tăng 7,9% và mùa khô tăng 33,6%).

**Mực nước biển dâng:** Theo kịch bản RCP4.5: Vào đầu thế kỷ 21 (2025), mực nước biển dâng trung bình 9,92cm (khoảng dao động từ 5,97 ÷ 14,5 cm).



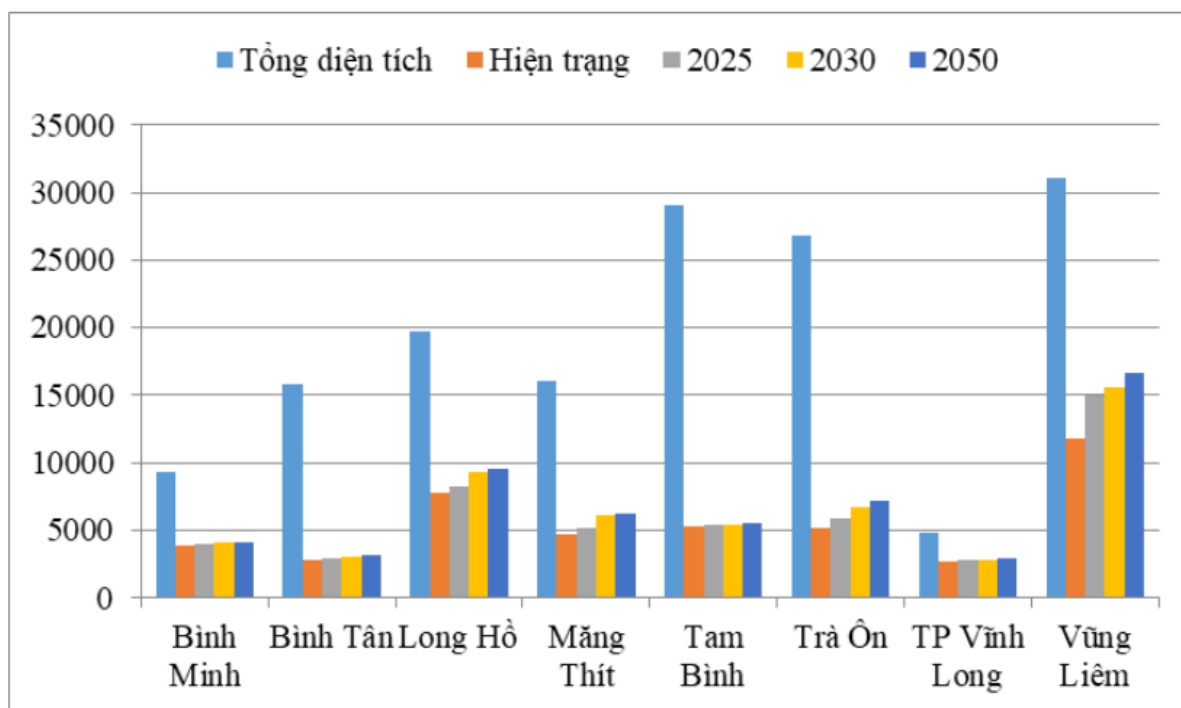
Tình trạng ngập úng do nước dâng (mưa lớn, triều cường) ngày một gia tăng trong tương lai.

Theo “Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050”, đến năm 2025 (ứng với kịch bản RCP4.5 và RCP8.5), các địa phương có diện tích ngập lớn nhất Vĩnh Long là Vũng Liêm (14.982ha), Long Hồ (8.225ha) và Trà Ôn (5.865ha). Hai địa phương có tỷ lệ ngập lớn nhất là Thành phố Vĩnh Long và huyện Vũng Liêm lần lượt là 57,52% và 48,29% diện tích. Tam Bình và Bình Tân có tỷ lệ ngập thấp nhất.



Hình 22: Bản đồ dự báo ngập do triều cường ở tỉnh Vĩnh Long năm 2025 – RCP4.5





Hình 23: Diện tích nông nghiệp lớn nhất do triều cường tại các huyện, thị ở Vĩnh Long giai đoạn đến năm 2025 – RCP4.5

#### 4.3.5 Đánh giá rủi ro theo khu vực hành chính

Mức độ rủi ro thiên tai của từng địa phương chủ yếu đánh giá dựa vào tổng hợp, phân tích tác động của thiên tai đến 3 đối tượng chính là con người, cơ sở hạ tầng và các ngành kinh tế chính. Để đánh giá mức độ rủi ro cho từng đối tượng tương ứng với từng loại hình thiên tai tại địa phương, trước hết sử dụng các bảng biểu đã thu thập tại từng địa phương. Cấp độ rủi ro thiên tai càng lớn nếu tình trạng dễ bị tổn thương càng lớn trong khi năng lực ứng phó hạn chế; do đó có thể giảm bớt được cấp độ rủi ro thiên tai ở những khu vực dễ bị tổn thương bằng cách tăng cường năng lực ứng phó với thiên tai. Cấp độ rủi ro thiên tai tỷ lệ thuận với tình trạng dễ bị tổn thương và tỷ lệ nghịch với năng lực ứng phó với thiên tai, được đánh giá ở 5 mức như sau:

Bảng 23: Cấp độ rủi ro thiên tai theo mức độ tăng dần

Cấp độ rủi ro thiên tai	Màu sắc đặc trưng	Mức độ rủi ro	Mã màu
Cấp 1	Xanh dương nhạt	Nhỏ	(175, 225, 255)
Cấp 2	Vàng nhạt	Trung bình	(250, 245, 140)
Cấp 3	Da cam	Lớn	(255, 155, 0)
Cấp 4	Đỏ	Rất lớn	(255, 10, 0)
Cấp 5	Tím	Thảm họa	(160, 40, 160)

Kết quả đánh giá rủi ro thiên tai ứng với mỗi loại hình thiên tai ở tỉnh Vĩnh Long như sau:

- Bão, áp thấp nhiệt đới: Rủi ro thiên tai cấp độ 3 và 4;
- Lốc, sét: Rủi ro thiên tai cấp độ 1, cấp độ 2;
- Lũ: Rủi ro thiên tai cấp độ 1, cấp độ 2 và cấp độ 3;
- Hạn hán, xâm nhập mặn: Rủi ro thiên tai cấp độ 1, cấp độ 2 và cấp độ 3;
- Sạt lở đất (do dòng chảy): Rủi ro thiên tai cấp độ 1 và cấp độ 2;
- Nước dâng (triều cường, mưa lớn): Rủi ro thiên tai cấp độ 1, cấp độ 2 và cấp độ

3.

Căn cứ vào kết quả đánh giá mức độ rủi ro thiên tai, tiến hành xác định rủi ro đối với từng loại hình thiên tai lên bản đồ.

Kết quả đánh giá được thể hiện trên bản đồ rủi ro thiên tai – Xem Phụ lục bảng biểu số và Atlats bản đồ ở phụ lục.

## **CHƯƠNG 5. CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN**

### **5.1 BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, GIẢM THIỂU**

#### **5.1.1 Biện pháp chung**

##### **5.1.1.1 Biện pháp phi công trình**

- Hàng năm tổ chức rà soát, cập nhật kế hoạch, phương án ứng phó với thiên tai theo các cấp độ rủi ro thiên tai (phương án/kế hoạch phòng chống hạn hán – xâm nhập mặn, phương án/kế hoạch ứng phó với bão mạnh, siêu bão; phương án/kế hoạch phòng chống sạt lở đất; ...).

- Tổ chức kiện toàn Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các cấp địa phương theo quy định của Luật Phòng, chống thiên tai.

- Quy hoạch vùng dân cư và tổ chức sản xuất thích ứng với thiên tai;

- Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với đặc điểm nguồn nước, đặc điểm thổ nhưỡng và tình hình thiên tai;

- Nghiên cứu các loại cây, con giống thích ứng với thiên tai và BĐKH, triển khai áp dụng và nhân rộng ở địa phương;

- Rà soát, xây dựng kế hoạch di dời dân cư vùng có rủi ro thiên tai cao: vùng thường xuyên sạt lở, khu vực nhà ở ven sông, kênh, vùng thường xuyên ngập, ...

- Chuẩn bị về nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị và nhu yếu phẩm phục vụ ứng phó thiên tai.

- Tổ chức thường trực, cập nhật thông tin diễn biến thiên tai; kịp thời ban hành các công văn thông báo, cảnh báo thiên tai.

- Tổ chức thực hiện công tác tập huấn, huấn luyện, diễn tập kỹ năng phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

- Tiếp tục triển khai các Đề án, Chương trình, Kế hoạch, ... về nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng giai đoạn 2021-2025.

- Bảo đảm thông tin liên lạc trên địa bàn tỉnh phục vụ công tác chỉ huy, điều hành phòng ngừa, ứng phó thiên tai.

- Tăng cường công tác thông tin, truyền thông về thiên tai và kỹ năng phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tới các cấp, các ngành và người dân từ người già, trẻ em và người trong độ tuổi lao động.

- Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai cấp tỉnh.

- Triển khai công tác thu Quỹ phòng, chống thiên tai của tỉnh theo quy định.

- Và một số biện pháp khác.

### 5.1.1.2 Biện pháp công trình

- Đầu tư, nâng cấp công trình thủy lợi: tiếp tục đầu tư, xây dựng các công trình thủy lợi (nạo vét hệ thống kênh rạch định kỳ, hệ thống trạm bơm tưới-tiêu, hệ thống đê bao-bờ bao, công kiểm soát nguồn nước), đê điều, cấp nước nhằm đảm bảo nguồn nước ngọt cho SXNN và dân sinh trong mùa khô hàng năm cũng như các dự án có lồng ghép mục tiêu phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

- Công trình hạ tầng cấp, thoát nước: đảm bảo cấp nước phục vụ người dân trong mùa hạn mặn; tiêu thoát nước chống ngập úng tại các khu dân cư tập trung (công trình chống ngập úng thành phố Vĩnh Long).

- Đầu tư, nâng cấp công trình xây dựng có xem xét đến phòng chống thiên tai: phải đảm bảo tiêu chuẩn an toàn về PCTT theo quy định; có xem xét đến điều kiện sinh kế bền vững của người dân; Hướng dẫn người dân các mô hình nhà ở an toàn; xây dựng các trụ sở, cơ quan trên địa bàn kết hợp là nơi tránh trú an toàn cho cộng đồng khi thiên tai xảy ra.

- Tiếp tục đầu tư xây dựng các tuyến kè phòng chống sạt lở bờ sông, kênh.

- Đầu tư, nâng cấp công trình giao thông kết hợp phòng chống thiên tai, là đường cứu hộ, cứu nạn, sơ tán để người dân tránh trú tạm thời; đảm bảo tiêu chuẩn an toàn về PCTT theo quy định.

- Ngoài ra, việc tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới cũng góp phần rất lớn trong việc nâng cao năng lực phòng chống, ứng phó thiên tai ở các lĩnh vực như: giao thông, điện, trường học, y tế, nhà ở, bưu điện, môi trường,...

## 5.1.2 Biện pháp cụ thể

### 5.1.2.1 Đối với bão, áp thấp nhiệt đới

#### a) Biện pháp phi công trình:

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến kiến thức cho người dân thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, công tác tập huấn nâng cao năng lực, nhận thức của người dân trong việc phòng tránh, ứng phó với bão, kết hợp kinh nghiệm dân gian và khoa học để phổ biến cho người dân chủ động phòng ngừa; tập huấn về sử dụng hệ thống thông tin liên lạc, máy tần số vô tuyến điện, radio, bản đồ...

- Rà soát các chính sách cứu trợ phục hồi sau thiên tai.

- Rà soát các chính sách hỗ trợ vùng thường xuyên bị thiên tai.

- Tăng cường năng lực dự báo, cảnh báo bão, áp thấp nhiệt đới; Nâng cao năng lực cho đội ngũ dự báo viên và cán bộ cấp chính quyền cơ sở trực tiếp làm công tác quản lý rủi ro thiên tai, lụt, bão.

- Cung cấp thông tin liên lạc, các thiết bị an toàn như máy Icom, phao cứu sinh...

- Trang bị các tàu cứu hộ, tăng cường đầu tư về thiết bị và nâng cao năng lực cho các lực lượng cứu hộ hiện có.

- Nâng cao ý thức cộng đồng về bảo hiểm thiên tai, đảm bảo chính sách bảo hiểm thiên tai phù hợp.

- Thiết lập bộ tiêu chuẩn xây dựng phù hợp với từng vùng, địa phương nhằm giảm thiểu thiệt hại có thể gây ra do bão.

- Xây dựng và phổ biến sổ tay hướng dẫn xây dựng nhà ở nhằm giảm thiểu thiệt hại có thể gây ra do bão.

- Đảm bảo sự tuân thủ tiêu chuẩn xây dựng công trình theo đúng quy định nhà nước.

- Đảm bảo việc qui hoạch xây dựng các công trình có tính đến phòng chống thiên tai (nhất là về phòng, chống bão).

*b) Biện pháp công trình:*

- Gia cố, nâng cấp, đầu tư xây dựng hệ thống đê bao;

- Xây dựng, nâng cấp các tuyến đê, đập ngăn mặn chống triều cường, nước dâng do ảnh hưởng của bão, áp thấp nhiệt đới;

- Nạo vét các tuyến kênh trực, kênh cấp I đảm bảo mục tiêu chuyển tiếp nước gắn với lưu thông tàu thuyền tránh, trú bão an toàn và thuận lợi khi cứu hộ, cứu nạn;

- Xây dựng kè (kè kiên cố, kè mềm) phòng, chống, khắc phục sạt lở, đảm bảo an toàn khi có bão, ATNĐ xảy ra;

- Kiên cố hóa các công trình công cộng làm nơi tránh bão cho nhân dân.

*c) Phân công nhiệm vụ các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan:*

Đối với từng cấp độ rủi ro do bão, ATNĐ gây ra trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, việc phân công nhiệm vụ cho các tổ chức, đơn vị, cá nhân tham gia công tác PCTT&TKCN như sau:

*Bảng 24: Phân công nhiệm vụ đối với các cơ quan, đơn vị đối với thiên tai là bão, ATNĐ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.*

<b>Thiên tai, cấp độ</b>	<b>Vị trí</b>	<b>Nội dung nhiệm vụ</b>	<b>Cơ quan chủ trì/tham mưu, đề xuất</b>	<b>Cơ quan phối hợp/tổ chức thực hiện</b>
Bão: cấp độ 3, 4	Vào biển Đông hoặc bắt đầu hình thành ở biển Đông	Ban hành công điện, văn bản chỉ đạo các địa phương, đơn vị tổ chức liên quan phòng tránh, ứng phó	Sở NN&PTNT	Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND cấp huyện, xã
		Thông kê số người, các phương tiện, tàu, thuyền đang hoạt động trên sông	Chi cục Chăn nuôi Thú y và Thủy sản	UBND các huyện, các xã ven sông
		Hướng dẫn các phương tiện, tàu, thuyền đang hoạt động trên sông vào nơi tránh trú an toàn	Chi cục Chăn nuôi Thú y và Thủy sản	UBND các huyện, các xã ven sông

Thiên tai, cấp độ	Vị trí	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/tham mưu, đề xuất	Cơ quan phối hợp/tổ chức thực hiện
		Hướng dẫn, đôn đốc người dân chằng chống nhà cửa, phát dọn cây cối, thu hoạch mùa màng, NTTS ...	UBND cấp huyện	Sở Xây dựng, Sở NN&PTNT, UBND cấp xã; Các tổ chức chính trị xã hội trên địa bàn
		Chuẩn bị sẵn sàng phương án sơ tán dân	UBND cấp huyện	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Công an tỉnh; Đội xung kích PCTT cấp xã; UBND cấp xã; Các tổ chức chính trị xã hội trên địa bàn
		Sẵn sàng nguồn lực 4 tại chỗ ứng phó với thiên tai	UBND cấp huyện	Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh có liên quan; Đội xung kích PCTT cấp xã; UBND cấp xã; Các tổ chức chính trị xã hội có trên địa bàn
		Chuẩn bị sẵn sàng phương án cứu hộ, cứu nạn	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Công an tỉnh; Đội xung kích PCTT cấp xã; Sở Y tế; Hội Chữ thập đỏ; Các sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh khác có liên quan; UBND cấp huyện, xã, các tổ chức chính trị, xã hội trên địa bàn
		Thực hiện các phương án bảo vệ an toàn các công trình, chuẩn bị sẵn sàng nguồn lực xử lý khi có sự cố: công trình xây dựng, giao thông, viễn thông, điện lực, khu công nghiệp, công trình công cộng (trường học, bệnh viện, ...), đặc biệt các công trình đang xây dựng dang dở, công trình xuống cấp, công trình xung yếu	Các sở, ngành; Địa phương, đơn vị được giao trực tiếp quản lý; Các chủ công trình	Sở Xây dựng; Sở Giao thông vận tải; Sở Công thương; Sở NN&PTNT; Sở VH TT và Du lịch; UBND cấp huyện, xã
		Thực hiện các phương án chống lũ: an toàn hệ thống đê điều, các cống, ...	Sở NN&PTNT	Chi cục Thủy lợi tỉnh Vĩnh Long, UBND cấp huyện, xã và các chủ công trình
		Cảnh báo về thiên tai và thông báo, tuyên truyền, hướng dẫn ứng phó trên các phương tiện truyền thông	Đài Phát thanh và truyền hình Vĩnh Long; Báo Vĩnh Long	Các Đài Truyền thanh địa phương, Đài KTTV tỉnh, UBND cấp huyện, xã

Thiên tai, cấp độ	Vị trí	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/tham mưu, đề xuất	Cơ quan phối hợp/tổ chức thực hiện
Vào gần bờ và nguy cơ ảnh hưởng trực tiếp		Đi kiểm tra, đôn đốc các địa phương chuẩn bị phương án ứng phó theo phân công	Các Thành viên Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh được phân công phụ trách địa bàn	Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh có liên quan; UBND cấp huyện, xã
		Tiếp nhận và xử lý các công điện, chỉ đạo của Trung ương; Lập bộ phận chỉ đạo tiền phương	Sở NN&PTNT	
		Lập bộ phận chỉ đạo tiền phương tại vùng có nguy cơ bão, ATNĐ đổ bộ	Sở NN&PTNT	Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh; Các thành viên Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh
		Tiếp tục chỉ đạo, đôn đốc chuẩn bị ứng phó; Hoãn tất cả các cuộc họp chưa cần thiết	Sở NN&PTNT	Các thành viên Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh; Lãnh đạo các huyện/thị/thành phố
		Ra lệnh nghỉ học đối với các trường có trên địa bàn	Sở GD&ĐT	Các sở, ngành có liên quan; UBND các huyện, xã
		Hướng dẫn tàu, thuyền neo đậu an toàn	Chi cục Chăn nuôi Thú y và Thủy sản	UBND các huyện, các xã ven sông
		Ra lệnh cấm tàu thuyền hoạt động trên sông	Chi cục Thủy lợi-VPTT BCH PCTT&TKCN tỉnh	Sở Giao thông vận tải, Công an tỉnh, UBND các huyện/thị xã/thành phố, UBND các xã ven sông.
		Sơ tán người dân ở những vùng xung yếu, những hộ có nhà ở yếu, tạm bợ, chòi canh NTTS, lều trại, trên các tàu, thuyền, bè, địa điểm có nguy cơ sạt lở, vùng trũng, thấp, ... đến nơi tránh trú an toàn	UBND cấp huyện	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; Công an tỉnh; Đội xung kích PCTT cấp xã; UBND cấp huyện, xã ven sông; Các tổ chức chính trị xã hội trên địa bàn
		Đảm bảo hậu cần cho người dân tại các địa điểm tránh trú	UBND cấp huyện	Các đoàn thể cấp tỉnh có liên quan; Đội xung kích PCTT cấp xã; UBND các huyện, xã; Các tổ chức chính trị, xã hội trên địa bàn
		Tổ chức lực lượng ứng cứu, sẵn sàng triển khai công tác cứu hộ, cứu nạn	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	Công an tỉnh; Đội xung kích PCTT cấp xã; UBND cấp huyện, xã
	Bố trí lực lượng, phân luồng, hướng dẫn giao	Công an tỉnh	Công an cấp huyện, xã; Đội xung kích PCTT cấp xã;	

Thiên tai, cấp độ	Vị trí	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/tham mưu, đề xuất	Cơ quan phối hợp/tổ chức thực hiện
		thông, tổ chức canh trực các điểm nguy hiểm		
		Sẵn sàng lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm, thuốc men cần thiết để cứu trợ, đặc biệt vùng có khả năng bị chia cắt	Các sở, ngành tỉnh tổ chức thực hiện theo phân công và chức năng, nhiệm vụ được giao	UBND cấp huyện, xã; Đội xung kích PCTT cấp xã;
Bão: cấp độ 5		Triển khai các nội dung như trên căn cứ vào thời gian, địa điểm ảnh hưởng của bão.		
		Thực hiện phương án ứng phó thảm họa.		

### 5.1.2.2 Đối với lốc xoáy, sét

#### a) Biện pháp phi công trình:

- Tăng cường năng lực dự báo, cảnh báo về các hiện tượng thời tiết nguy hiểm.
- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về sự nguy hiểm của lốc xoáy, sét.
- Rà soát các chính sách hỗ trợ khẩn cấp và cứu trợ phục hồi sau thiên tai.
- Nâng cao ý thức cộng đồng về bảo hiểm thiên tai, đảm bảo chính sách bảo hiểm thiên tai phù hợp.

- Thường xuyên kiểm tra chặt tia cành, nhánh của các cây cao, dễ gãy đổ, cây nằm gần nhà ở, lưới điện...; kiểm tra mức độ an toàn, vững chắc của các biển quảng cáo, pa nô, áp phích; các khu vực nhà lá, nhà tạm bợ và các giàn giáo của công trình cao tầng đang thi công;

Khi có mưa kèm theo giông, cần sơ tán người già và trẻ em ra khỏi những căn nhà tạm bợ, đến những nơi an toàn, vững chắc hơn; tránh núp dưới bóng cây, trú ẩn trong nhà tạm bợ dễ bị ngã đổ gây tai nạn;

Khuyến cáo người dân thường xuyên theo dõi tình hình thời tiết, thiên tai trên các phương tiện thông tin đại chúng để kịp thời có biện pháp phòng, tránh và ứng phó hiệu quả. Đồng thời hướng dẫn một số biện pháp phòng tránh sét đánh như:

Khi đang ở nhà: khi có mưa giông, lốc xảy ra nên tránh xa cửa sổ, cửa ra vào, các đồ dùng điện, nơi ẩm ướt; tránh sử dụng điện thoại và các thiết bị điện; nên rút phích cắm các thiết bị điện; Không nên ra ngoài lúc trời có mưa kèm theo sấm sét;

Khi đang ở ngoài trời: tìm chỗ trú ẩn an toàn; không trú dưới tàn cây cao, không đứng ở những khoảng đất trống, rộng rãi như cánh đồng, sân chơi, tránh xa các vật kim loại, những nơi có nhiều nước như sông, rạch, ao, hồ,...; không nên đứng thành từng nhóm người gần nhau.



Các cơ quan chức năng thông báo, yêu cầu và kiểm tra các chủ phương tiện tàu thuyền hoạt động trên sông phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Toàn bộ người trên tàu thuyền phải mặc áo phao và chuẩn bị đầy đủ phao cứu sinh trên thuyền khi đang ở trên sông;

- Khi thấy ỏ mây giông thì phải nhanh chóng di chuyển tìm nơi tránh, trú an toàn;

*b) Biện pháp công trình:*

- Tăng cường chất lượng của các công trình hiện có: Xây dựng các công trình, nhà ở kiên cố, thường xuyên chằng chống nhà cửa để tăng độ vững chắc nhằm đề phòng giông gió, lốc xoáy. Ở khu vực ven sông, nơi trồng trái, nếu nhà ở lợp bằng lá, tôn tráng kẽm, fibroximăng, ngói có thể dẫn lên mái nhà các loại thanh nẹp bằng gỗ, sắt, dây kẽm cỡ lớn hoặc các bao chứa cát để hạn chế tốc mái khi có giông gió, lốc xoáy;

- Tiếp tục xây dựng, lắp đặt hệ thống công trình cảnh báo tự động (cảnh báo lốc, sét).

*c) Phân công nhiệm vụ các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan:*

Tuỳ từng cấp độ rủi ro thiên tai, phân công nhiệm vụ cho các tổ chức, đơn vị có liên quan, như sau:

*Bảng 25: Phân công nhiệm vụ đối với các cơ quan, đơn vị đối với thiên tai là lốc xoáy, sét trên địa bàn tỉnh*

Thiên tai, cấp độ	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/đề xuất	Cơ quan phối hợp tổ chức thực hiện
Cấp độ 1	Ban hành công điện, văn bản chỉ đạo các địa phương, đơn vị tổ chức liên quan phòng ngừa, giảm thiểu	Sở NN&PTNT	Các sở, ngành; UBND các huyện, xã
	Hướng dẫn, đôn đốc người dân sơ tán đến vị trí an toàn trước khi có thiên tai xảy ra	Ủy ban nhân dân cấp huyện	UBND cấp huyện, xã; các tổ chức chính trị, xã hội trên địa bàn
	Sẵn sàng ứng phó theo phương châm "4 tại chỗ" với thiên tai	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Các Sở, Ban, ngành, Đoàn thể tỉnh có liên quan; Đội xung kích PCTT cấp xã; UBND cấp xã; các tổ chức chính trị, xã hội trên địa bàn.
	Chuẩn bị sẵn sàng phương án cứu hộ, cứu nạn	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Công an tỉnh, Sở Y tế, Hội Chữ thập đỏ; Các Sở, Ban ngành, Đoàn thể cấp tỉnh khác có liên quan; UBND cấp huyện,

			xã; Đội xung kích PCTT cấp xã; các tổ chức chính trị, xã hội trên địa bàn.
	Thực hiện các phương án bảo vệ an toàn công trình xây dựng, giao thông khu vực bị ảnh hưởng	Các Sở, ngành; địa phương, đơn vị được giao trực tiếp quản lý; các chủ công trình	Sở Xây dựng; Sở Giao thông Vận tải; Sở NN&PTNT; UBND cấp huyện, xã
	Cảnh báo về thiên tai và thông báo, tuyên truyền, hướng dẫn ứng phó trên các phương tiện truyền thông	Đài Phát thanh và Truyền hình Vĩnh Long; Báo Vĩnh Long.	Các Đài Truyền thanh địa phương, Đài KTTV tỉnh, UBND cấp huyện, xã
	Đi kiểm tra, đôn đốc các địa phương chuẩn bị phương án ứng phó theo phân công	Các Thành viên Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh được phân công phụ trách địa bàn.	Các Sở, Ban, ngành, Đoàn thể tỉnh có liên quan; UBND cấp huyện, xã
Cấp độ 2 và 3	Huy động nguồn lực tại chỗ để cứu hộ, cứu nạn; sơ cấp cứu người bị thương và kịp thời chuyển lên các bệnh viện gần nhất	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Công an tỉnh, Sở Y tế, Hội Chữ thập đỏ; Các Sở, Ban, ngành, Đoàn thể cấp tỉnh khác có liên quan; Đội xung kích PCTT cấp xã; UBND cấp xã; các tổ chức chính trị, xã hội trên địa bàn.
	Bố trí lực lượng canh gác, hướng dẫn nhân dân qua lại tại các khu vực bị ảnh hưởng bởi lốc xoáy; cấm các biển cảnh báo tại các khu vực nguy hiểm	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Quân sự, Công an, cấp huyện; UBND cấp xã; Đội xung kích PCTT cấp xã; các tổ chức chính trị, xã hội trên địa bàn
	Tổ chức thăm hỏi, động viên gia đình có người gặp nạn do lốc xoáy, sét	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Sở Lao động, TB và XH, Hội Chữ Thập đỏ, các Ban, ngành, Đoàn thể tỉnh có liên quan; UBND cấp xã
Cấp độ 2 và 3	Các nội dung thực hiện giống như trên nhưng phạm vi, độ lớn và mức độ thiệt hại sẽ lớn hơn. Do đó cần huy động nguồn lực của cả tỉnh		Cả hệ thống chính trị từ cấp tỉnh, huyện, xã để thực hiện các biện pháp ứng phó

	Cập nhật thường xuyên các thông tin ứng phó tại các địa phương để có phương án chỉ đạo kịp thời	Văn phòng Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh	Các thành viên Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh; Các Sở, Ban, ngành, Đoàn thể tỉnh có liên quan; UBND các huyện, xã bị ảnh hưởng
--	---	--------------------------------------	--

### 5.1.2.3 Đối với lũ

#### a) Biện pháp phi công trình:

- Tăng cường tuyên truyền, giáo dục, phổ biến kiến thức cho người dân thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, công tác tập huấn nâng cao năng lực, nhận thức của người dân trong việc phòng tránh, ứng phó với lũ.

- Tổ chức các đợt tập huấn với nội dung về giải pháp phòng tránh đuối nước, nhất là cho trẻ em, học sinh. Xác định các điểm trông giữ trẻ em tập trung, lên kế hoạch đưa đón học sinh đi học trong mùa mưa lũ.

- Các khu vực có nguy cơ ngập sâu, sạt lở, dòng chảy siết lên kế hoạch cho học sinh nghỉ học, xây dựng kế hoạch di dời dân vào các khu vực cụm tuyến dân cư vượt lũ.

- Chủ động chuyển đổi cơ cấu mùa vụ để giảm thiểu thiệt hại và phát huy tối đa lợi thế từ lũ, nhất là trong nuôi trồng thủy sản.

- Có kế hoạch thu hoạch sớm diện tích lúa hè thu, nhất là các khu vực thấp, trũng, hệ thống đê bao, bờ bao chưa đảm bảo bảo vệ.

- Nâng cao năng lực cảnh báo, dự báo thông tin, diễn biến về lũ.

- Lên kế hoạch kiểm tra thường xuyên trước mùa mưa lũ những khu vực bờ sông, kênh rạch đang có diễn biến sạt lở, có nguy cơ cao xảy ra sạt lở và các khu vực xây dựng nhà ở, công trình lấn chiếm lòng dẫn để tổ chức cấm biển cảnh báo và dự phòng kế hoạch di dời dân đến nơi an toàn.

- Tổ chức, chỉ đạo lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cơ sở triển khai các hoạt động tuyên truyền, phổ biến tại cấp xã, ấp và sẵn sàng hỗ trợ người dân ứng phó có hiệu quả, đảm bảo an toàn về người, tài sản, hạn chế thiệt hại do lũ gây ra.

- Đài truyền thanh, truyền hình tăng cường thời lượng phát sóng, đưa tin về diễn biến lũ và phổ biến các kỹ năng ứng phó để người dân biết, chủ động phòng, chống giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản.

- Luôn luôn đảm bảo công tác tổ chức trực ban nghiêm túc tại cơ sở, thường xuyên báo cáo thông tin về Ban chỉ huy PCTT&TKCN cấp trên.

- Xây dựng kế hoạch chuẩn bị công tác ứng phó theo phương châm “4 tại chỗ”.

#### b) Biện pháp công trình:

- Nâng cấp, xây dựng mới hệ thống cảnh báo, dự báo về lũ.

- Nâng cấp, xây dựng mới hệ thống đê bao, bờ bao đảm bảo cao trình chống lũ bảo vệ dân cư và sản xuất.

- Xây dựng các cụm tuyến dân cư vượt lũ.

c) *Phân công nhiệm vụ các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan:*

Đối với từng cấp độ rủi ro do lũ gây ra trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, việc phân công nhiệm vụ cho các tổ chức, đơn vị, cá nhân tham gia công tác PCTT&TKCN như sau:

Tùy theo độ lớn của lũ (nước dâng) và cấp độ rủi ro tương ứng, việc thực hiện các nhiệm vụ được phân công cụ thể cho từng đơn vị. Chi tiết xem bảng tổng hợp dưới đây:

*Bảng 26: Phân công nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị thực hiện công tác PCTT&TKCN khi có lũ*

<b>Thiên tai, cấp độ</b>	<b>Vị trí bị ảnh hưởng</b>	<b>Nhiệm vụ</b>	<b>Cơ quan chủ trì / tham mưu, đề xuất</b>	<b>Cơ quan phối hợp / tổ chức thực hiện</b>
Lũ cấp độ 1	Xác định vùng bị ảnh hưởng dựa vào hướng dẫn đánh giá rủi ro lũ, ngập lụt	Ban hành công điện, văn bản chỉ đạo các địa phương bị ảnh hưởng, đơn vị, tổ chức có liên quan phòng tránh, ứng phó	Sở NN&PTNT	Các Sở, Ban ngành, Đoàn thể tỉnh; UBND cấp huyện, xã
		Hướng dẫn, đôn đốc người dân sơ tán, di dời lương thực, động vật, vật dùng, ... đến vị trí an toàn	Ủy ban nhân dân cấp huyện	UBND cấp huyện, xã; Đội xung kích PCTT cấp xã; các tổ chức chính trị, xã hội trên địa bàn
		Sẵn sàng nguồn lực "4 tại chỗ" ứng phó với thiên tai	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Các Sở Ban ngành, Đoàn thể tỉnh có liên quan; Đội xung kích PCTT cấp xã; UBND cấp xã; các tổ chức chính trị, xã hội trên địa bàn.
		Chuẩn bị sẵn sàng phương án cứu hộ, cứu nạn	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Công an tỉnh, Sở Y tế, Hội Chữ thập đỏ; Các Sở, Ban ngành, Đoàn thể cấp tỉnh khác có liên quan; Đội xung kích PCTT cấp xã; UBND cấp huyện, xã các tổ chức chính trị, xã hội trên địa bàn
		Bố trí lực lượng canh gác, hướng dẫn nhân dân qua lại tại các khu vực bị ngập lụt; cấm các biển cảnh báo tại các khu vực nguy hiểm	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Quân sự, Công an cấp huyện; Đội xung kích PCTT cấp xã; UBND cấp xã; các tổ chức chính trị, xã hội trên địa bàn

Thiên tai, cấp độ	Vị trí bị ảnh hưởng	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì / tham mưu, đề xuất	Cơ quan phối hợp / tổ chức thực hiện
		Thực hiện các phương án bảo vệ an toàn công trình thủy lợi, đê điều, sẵn sàng nguồn lực xử lý sự cố	Sở NN & PTNT, Chi cục thủy lợi	UBND cấp huyện, xã
		Cảnh báo về thiên tai và thông báo, tuyên truyền, hướng dẫn ứng phó trên các phương tiện truyền thông	Đài Phát thanh và Truyền hình Vĩnh Long; Báo Vĩnh Long	Các Đài Truyền thanh địa phương, Đài KTTV tỉnh, UBND cấp huyện, xã
		Cấm tất cả các phương tiện thủy nội địa lưu thông trên sông, trừ các phương tiện làm nhiệm vụ PCTT & TKCN	Sở Giao thông vận tải	Công an tỉnh, cấp huyện; Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch; UBND cấp huyện, xã
		Đi kiểm tra, đôn đốc các địa phương chuẩn bị phương án ứng phó theo phân công	Các Thành viên Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh được phân công phụ trách địa bàn	Các Sở, Ban ngành, Đoàn thể tỉnh có liên quan; UBND cấp huyện, xã
Lũ cấp độ 2	Vùng và mức độ bị ảnh hưởng rủi ro lũ, ngập lụt lớn hơn cấp độ 1	Các nhiệm vụ như đối với cấp độ 1, vùng ảnh hưởng sẽ rộng hơn, khu vực cấp độ rủi ro 1 tăng lên cấp độ rủi ro 2		
		Sơ tán người dân ở các khu vực có nguy cơ cao bị ảnh hưởng	UBND cấp huyện	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Công an tỉnh; Đội xung kích PCTT cấp xã; UBND các huyện, xã ven sông; các tổ chức chính trị, xã hội trên địa bàn
		Cập nhật thường xuyên các thông tin ứng phó tại các địa phương để có phương án chỉ đạo kịp thời		Các thành viên Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh; Các Sở, Ban, ngành, Đoàn thể tỉnh có liên quan; UBND các huyện, xã bị ảnh hưởng
Lũ cấp độ 3, 4	Vùng và mức độ bị ảnh hưởng rủi ro lũ, ngập lụt ở mức độ lũ lịch sử và trên lịch sử	Các nhiệm vụ như đối với cấp độ 2		
		Huy động nguồn lực toàn tỉnh để ứng phó		Cả hệ thống chính trị từ cấp tỉnh, huyện, xã để thực hiện các biện pháp ứng phó
		Đề xuất hỗ trợ từ Trung ương	Sở NN&PTNT	Các Sở, Ban ngành, Đoàn thể tỉnh; UBND cấp huyện, thành phố; Thành viên Ban chỉ huy

Thiên tai, cấp độ	Vị trí bị ảnh hưởng	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì / tham mưu, đề xuất	Cơ quan phối hợp / tổ chức thực hiện
				PCTT&TKCN tỉnh
Lũ cấp độ 5	Cấp độ thảm họa có phạm vi ảnh hưởng trên toàn tỉnh, khu vực	Triển khai các nội dung như cấp độ 3, 4. Thực hiện phương án ứng phó thảm họa		

#### 5.1.2.4 Đối với hạn hán, xâm nhập mặn

##### a) Biện pháp phi công trình:

- Theo dõi chặt chẽ diễn biến, tình hình xâm nhập mặn; kịp thời thông tin, dự báo, cảnh báo tình hình hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn đến các cơ quan, đơn vị có liên quan và trên các phương tiện thông tin đại chúng để người dân biết nhằm chủ động phòng, tránh, ứng phó với hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn.

- Chuyển đổi cơ cấu, giống cây trồng, vật nuôi, điều chỉnh mùa vụ, kỹ thuật sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững, thích ứng với BĐKH, trong đó tăng cường sử dụng các giống cây trồng ngắn ngày, chịu hạn, mặn, điều chỉnh lịch thời vụ gieo trồng linh hoạt nhằm hạn chế tác động của thiên tai.

- Tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn nông dân các biện pháp phòng, ứng phó với hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn.

- Xây dựng bản đồ phân vùng đánh giá rủi ro hạn hán.

- Rà soát, bổ sung quy hoạch công trình thủy lợi nhỏ khác phục vụ cấp nước sản xuất nông nghiệp.

- Hướng dẫn người dân sử dụng nước tiết kiệm, chủ động tích trữ nguồn nước để cung cấp cho vụ Đông Xuân và Hè Thu. Việc trữ nước thực hiện ngay từ cuối mùa mưa nhằm bảo đảm nguồn nước cho sinh hoạt và sản xuất trong các tháng mùa khô, không để bị đọng, bắt ngờ.

- Xây dựng phương án, kế hoạch cấp nước, đảm bảo đủ nước sinh hoạt cho nhân dân, nhất là các khu vực nông thôn, vùng không có tuyến ống cấp nước, điều kiện giao thông đi lại không thuận tiện để lấy nước.

##### b) Biện pháp công trình:

- Rà soát, kịp thời duy tu, sửa chữa các công trình thủy lợi bị hư hỏng, xuống cấp; thực hiện việc nạo vét khu vực cửa cống lấy nước, hệ thống kênh mương, đắp đập ngăn mặn,... tận dụng tối đa nguồn nước, giảm thất thoát, lãng phí; đặc biệt là các cửa cống phải đảm bảo an toàn, hiệu quả trong việc ngăn mặn, trữ ngọt.

- Kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp các hệ thống cấp nước của các nhà máy nước; chuẩn bị đầy đủ vật tư dự phòng để kịp thời khắc phục những hư hỏng trên các tuyến ống, đảm bảo vận hành liên tục phục vụ nhu cầu sinh hoạt của nhân dân.

- Kiểm tra tình hình nạo vét kênh cấp 3, kênh nội đồng đảm bảo khả năng tích trữ, điều tiết, cung cấp nước, hoàn thành đưa vào vận hành khai thác để kịp thời ngăn mặn, trữ ngọt phục vụ sản xuất và dân sinh vào đầu mùa khô.

- Đầu tư xây dựng hệ thống trạm bơm tưới, các cống kiểm soát mặn – trữ ngọt đã được phê duyệt.

*c) Phân công nhiệm vụ các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan:*

Đối với từng cấp độ rủi ro do hạn hán – xâm nhập mặn gây ra trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, việc phân công nhiệm vụ cho các tổ chức, đơn vị, cá nhân tham gia công tác PCTT&TKCN như sau:

*Bảng 27: Bảng phân công nhiệm vụ ứng phó với cấp độ rủi ro do hạn hán, xâm nhập mặn trên địa bàn tỉnh*

<b>Thiên tai, cấp độ</b>	<b>Nhiệm vụ</b>	<b>Cơ quan chủ trì / Tham mưu, đề xuất</b>	<b>Cơ quan phối hợp / Tổ chức thực hiện</b>
Cấp độ 1	Ban hành công điện, văn bản chỉ đạo các địa phương có nguy cơ hạn hán, đơn vị, tổ chức có liên quan tổ chức phòng tránh, ứng phó	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban ngành, Đoàn thể tỉnh; UBND cấp huyện, xã
	Tăng cường công tác quan trắc độ mặn, mực nước trên các sông, kênh; theo dõi chặt chẽ tình hình nguồn nước; vận hành công trình lấy nước phù hợp	Đài KTTV tỉnh; Chi cục Thủy lợi; Công ty CP Cấp thoát nước; Trung tâm Nước sạch và VSMT Nông thôn tỉnh Vĩnh Long.	Phòng Nông nghiệp và PTNT, phòng Kinh tế; UBND cấp xã.
	Tổ chức công tác thủy lợi nội đồng: nạo vét kênh mương, duy tu bảo dưỡng các tuyến đê bao, bờ bao, các biện pháp trữ, tích nước	Sở NN&PTNT; Chi cục Thủy lợi; Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT	UBND cấp huyện; Phòng Nông nghiệp và PTNT, phòng Kinh tế; UBND cấp xã có nguy cơ.
	Chuẩn bị nhân lực, phương tiện, vật tư, sử dụng nguồn cấp bù thủy lợi phí, ngân sách dự phòng... để thực hiện các giải pháp phòng chống hạn hán, xâm nhập mặn	Sở NN&PTNT; Chi cục Thủy lợi	Sở Tài chính; BQLDA đầu tư xây dựng các công trình NN và PTNT; Các Sở, Ban ngành tỉnh có liên quan; UBND cấp huyện; Phòng Nông nghiệp và PTNT, phòng Kinh tế; UBND cấp xã có nguy cơ.
	Tăng cường công tác quản lý, vận hành các Nhà máy, Trạm cấp nước, đảm bảo	Công ty CP Cấp nước Vĩnh Long; Trung tâm Nước sạch và	UBND cấp huyện, xã

Thiên tai, cấp độ	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì / Tham mưu, đề xuất	Cơ quan phối hợp / Tổ chức thực hiện
	cung cấp nước phục vụ sinh hoạt cho người dân	VSMT Nông thôn; Các Nhà máy nước tư nhân	
	Ưu tiên cung cấp điện cho các nhà máy nước hoạt động	Công ty Điện lực Vĩnh Long	Điện lực cấp huyện; UBND cấp huyện, xã
	Cảnh báo về thiên tai và thông báo, tuyên truyền, hướng dẫn ứng phó trên các phương tiện truyền thông	Đài Phát thanh và Truyền hình Vĩnh Long; Báo Vĩnh Long	Các Đài Truyền thanh địa phương, Đài KTTV tỉnh, UBND cấp huyện, xã
	Đi kiểm tra, đôn đốc các địa phương chuẩn bị phương án ứng phó theo phân công	Các Thành viên Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh được phân công phụ trách địa bàn	Các Sở, Ban, ngành, Đoàn thể tỉnh có liên quan; UBND cấp huyện, xã
Cấp độ 2, 3	Các nội dung thực hiện giống như trên nhưng phạm vi, độ lớn và mức độ thiệt hại sẽ lớn hơn. Do đó cần huy động nguồn lực của cả tỉnh		
	Huy động toàn bộ nguồn lực của tỉnh để thực hiện các biện pháp ứng phó		Cả hệ thống chính trị từ cấp tỉnh, huyện, xã để thực hiện các biện pháp ứng phó
	Báo cáo Trung ương hỗ trợ khi vượt quá khả năng ứng phó của địa phương.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Các Sở, Ban, ngành, Đoàn thể tỉnh; UBND cấp huyện; Thành viên Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh
	Tình trạng khẩn cấp trên toàn tỉnh		
Cấp độ 4	Các nội dung thực hiện giống như trên		
	Tổ chức tiếp nhận và thực hiện phân bổ hỗ trợ từ bên ngoài cho các địa phương bị thiệt hại.	Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam tỉnh Vĩnh Long.	Các Sở, Ban, ngành, Đoàn thể tỉnh; UBND cấp huyện; Thành viên Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh

#### 5.1.2.5 Đối với sạt lở đất

##### a) Biện pháp phi công trình:

- Tuyên truyền, vận động người dân di dời đến các khu tái định cư mới song song với việc xây dựng và ban hành các chính sách, chế độ trợ cấp, ưu đãi, hỗ trợ cho cộng đồng đến nơi định cư mới.

- Cấm biển cảnh báo sạt lở nguy hiểm.



- Cắm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước kết hợp nhiệm vụ bảo vệ công trình nhằm giảm thiểu các tác động gia tải (xây dựng nhà cửa, công trình lấn chiếm lòng, bờ sông, kênh).

- Rà soát, bổ sung quy hoạch dân cư vùng sạt lở bờ sông, kênh.

- Lập bản đồ xác định nguy cơ sạt lở bờ sông, kênh.

- Tăng cường công tác quản lý bờ sông, kênh, rạch, giảm tác động gây xói lở theo hướng quản lý tổng hợp, dành không gian thoát lũ và triều cường, làm đường giao thông, đắp đê.

*b) Biện pháp công trình:*

- Xây dựng các khu tái định cư để di dời dân đến nơi an toàn.

- Gia cố, nâng cấp, sửa chữa và xây dựng mới các kè sông kiên cố, các kè mềm bảo vệ bờ sông, bờ kênh.

*c) Phân công nhiệm vụ các tổ chức, đơn vị, các nhân có liên quan:*

Đối với từng cấp độ rủi ro do sạt lở đất gây ra trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, việc phân công nhiệm vụ cho các tổ chức, đơn vị, cá nhân tham gia công tác PCTT&TKCN như sau:

*Bảng 28: Bảng phân công nhiệm vụ ứng phó với từng cấp độ rủi ro của sạt lở đất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021-2025*

Thiên tai, cấp độ	Trạng thái	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì / Tham mưu, đề xuất	Cơ quan phối hợp / Tổ chức thực hiện
Cấp độ nhỏ	Trước khi thiên tai xảy ra	Ban hành công điện, văn bản chỉ đạo các địa phương có nguy cơ bị sạt lở, đơn vị, tổ chức có liên quan tổ chức phòng tránh, ứng phó	Sở NN&PTNT	Các Sở, Ban, ngành, Đoàn thể tỉnh; UBND cấp huyện, xã
		Hướng dẫn, đôn đốc người dân sơ tán đến vị trí an toàn	Ủy ban nhân dân cấp huyện	UBND cấp huyện, xã; các tổ chức chính trị, xã hội trên địa bàn
		Sẵn sàng ứng phó theo phương châm "4 tại chỗ" với thiên tai	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Các Sở, Ban, ngành, Đoàn thể tỉnh có liên quan; Đội xung kích PCTT cấp xã; UBND cấp xã; các tổ chức chính trị, xã hội trên địa bàn.
		Chuẩn bị sẵn sàng phương án cứu hộ, cứu nạn	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Công an tỉnh, Sở Y tế, Hội Chữ thập đỏ; Các Sở, Ban ngành, Đoàn thể cấp tỉnh khác có liên quan; UBND cấp huyện, xã; Đội xung kích PCTT cấp xã; các tổ chức chính trị, xã hội trên địa bàn.

Thiên tai, cấp độ	Trạng thái	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì / Tham mưu, đề xuất	Cơ quan phối hợp / Tổ chức thực hiện	
		Thực hiện các phương án bảo vệ an toàn công trình xây dựng, giao thông khu vực bị ảnh hưởng	Các Sở, ngành; địa phương, đơn vị được giao trực tiếp quản lý; các chủ công trình	Sở Xây dựng; Sở Giao thông Vận tải; Sở NN&PTNT; UBND cấp huyện, xã	
		Cảnh báo về thiên tai và thông báo, tuyên truyền, hướng dẫn ứng phó trên các phương tiện truyền thông	Đài Phát thanh và Truyền hình Vĩnh Long; Báo Vĩnh Long.	Các Đài Truyền thanh địa phương, Đài KTTV tỉnh, UBND cấp huyện, xã	
		Lên phương án đảm bảo giao thông được thông suốt	Sở Giao thông Vận tải	Công an tỉnh; UBND cấp huyện, xã	
		Đi kiểm tra, đôn đốc các địa phương chuẩn bị phương án ứng phó theo phân công	Các Thành viên Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh được phân công phụ trách địa bàn.	Các Sở, Ban, ngành, Đoàn thể tỉnh có liên quan; UBND cấp huyện, xã	
	Khi thiên tai xảy ra	Huy động nguồn lực tại chỗ để cứu hộ, cứu nạn; sơ cấp cứu người bị thương và kịp thời chuyển lên các bệnh viện gần nhất	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Công an tỉnh, Sở Y tế, Hội Chữ thập đỏ; Các Sở, Ban, ngành, Đoàn thể cấp tỉnh khác có liên quan; Đội xung kích PCTT cấp xã; UBND cấp xã; các tổ chức chính trị, xã hội trên địa bàn.	
		Bố trí lực lượng canh gác, hướng dẫn nhân dân qua lại tại các khu vực bị sạt lở; theo dõi, giám sát các vị trí sạt lở; cắm các biển cảnh báo tại các khu vực nguy hiểm	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Quân sự, Công an, cấp huyện; UBND cấp xã; Đội xung kích PCTT cấp xã; các tổ chức chính trị, xã hội trên địa bàn	
		Tổ chức thăm hỏi, động viên gia đình có người gặp nạn	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Sở Lao động, TB và XH, Hội Chữ Thập đỏ, các Ban, ngành, Đoàn thể tỉnh có liên quan; UBND cấp xã	
	Cấp độ rủi ro lớn hơn	Trước khi thiên tai xảy ra	Các nội dung thực hiện giống như trên nhưng phạm vi, độ lớn và mức độ thiệt hại sẽ lớn hơn. Do đó cần huy động nguồn lực của cấp huyện và tỉnh		

Thiên tai, cấp độ	Trạng thái	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì / Tham mưu, đề xuất	Cơ quan phối hợp / Tổ chức thực hiện
	Khi xảy ra thiên tai	Huy động toàn bộ nguồn lực của tỉnh để thực hiện các biện pháp ứng phó		Cả hệ thống chính trị từ cấp tỉnh, huyện, xã để thực hiện các biện pháp ứng phó
		Báo cáo Trung ương hỗ trợ khi vượt quá khả năng ứng phó của địa phương	Sở NN&PTNT	Các Sở, Ban, ngành, Đoàn thể tỉnh; UBND cấp huyện; Thành viên Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh.

### 5.1.2.6 Đối với mưa lớn, triều cường

#### a) Biện pháp phi công trình:

- Tăng cường tuyên truyền, giáo dục, phổ biến kiến thức cho cộng đồng thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, công tác tập huấn nâng cao năng lực, nhận thức của cộng đồng trong việc phòng tránh, ứng phó với nước dâng do triều cường, mưa lớn.

- Tăng cường năng lực dự báo, cảnh báo nước dâng. Nâng cao năng lực cho đội ngũ dự báo viên và cán bộ cấp chính quyền cơ sở trực tiếp làm công tác quản lý rủi ro thiên tai.

- Đầu tư mua sắm, nâng cấp trang thiết bị văn phòng đảm bảo yêu cầu phục vụ cho công tác quản lý thiên tai; hoàn chỉnh hệ thống thông tin liên lạc hai chiều phục vụ công tác phòng chống và giảm nhẹ thiên tai.

- Đầu tư mua sắm, nâng cấp các trang thiết bị phù hợp với từng vùng, từng địa bàn phục vụ cho công tác ứng cứu, cứu hộ, cứu nạn, sơ tán dân trong ngập do triều cường, mưa lớn.

- Rà soát các chính sách cứu trợ phục hồi sau thiên tai, đảm bảo các chính sách trợ cấp, hỗ trợ cho người dân khi xảy ra ngập úng.

- Rà soát các chính sách hỗ trợ vùng thường xuyên ảnh hưởng bởi thiên tai.

- Lập bản đồ phân vùng ngập lụt, bản đồ ngập lụt và đánh giá rủi ro do triều cường, mưa lớn.

- Thiết lập bộ tiêu chuẩn xây dựng phù hợp với từng vùng, địa phương nhằm giảm thiểu thiệt hại có thể gây ra do triều cường, mưa lớn.

- Xây dựng và phổ biến sổ tay hướng dẫn xây dựng nhà ở nhằm giảm thiểu thiệt hại có thể gây ra do triều cường.

- Xây dựng, bổ sung, hoàn thiện chính sách cho dân vay vốn với lãi suất thấp để kiên cố và cao tầng hóa nhà cửa.

- Nâng cao ý thức doanh nghiệp, cộng đồng về bảo hiểm thiên tai, đảm bảo chính sách bảo hiểm thiên tai phù hợp.

- Đa dạng hóa và chuyển đổi cơ cấu ngành nghề cho cộng đồng phù hợp với đặc điểm của từng vùng, từng địa phương.

- Lồng ghép, điều chỉnh cơ cấu loại cây trồng, lịch mùa vụ, nhằm giảm thiểu thiệt hại do triều cường, mưa lớn có thể gây ra.

- Tổ chức cắm biển cảnh báo khu vực ngập sâu, tuyến đường ngập sâu, vùng nước sâu, xoáy, nguy hiểm.

*b) Biện pháp công trình:*

- Sửa chữa, nâng cấp và xây dựng mới hệ thống đê sông, các công trình đê bao chống triều cường, kè sông và hệ thống tiêu thoát nước phục vụ chống ngập úng do mưa lớn và hoặc do triều cường;

- Nạo vét các trục kênh tiêu thoát nước;

- Nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng giao thông vận tải ở vùng bị ngập lụt và các tuyến đường thường xuyên bị ngập trên địa bàn tỉnh;

- Kiên cố và cao tầng hóa các công trình công cộng (trường học, trạm y tế, trụ sở cơ quan, nhà sinh hoạt cộng đồng...) vừa làm nơi tránh bão vừa làm nơi sơ tán dân đến, tránh ngập lụt do triều cường, mưa lớn cho nhân dân.

- Sửa chữa, nâng cấp, đầu tư xây dựng mới hệ thống các trạm khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh; Tăng cường các điểm đo mưa tự động, các trạm thủy văn ở các vị trí thường xuyên bị ảnh hưởng do triều cường, mưa lớn.

*c) Phân công nhiệm vụ các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan:*

Phân công nhiệm vụ các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan như sau:

*Bảng 29: Phân công nhiệm vụ đối với các cơ quan, đơn vị đối với thiên tai là triều cường, mưa lớn trên địa bàn tỉnh*

Thiên tai, cấp độ	Vị trí bị ảnh hưởng	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì / tham mưu, đề xuất	Cơ quan phối hợp/tổ chức thực hiện
Mưa lớn, triều cường cấp độ 1	Xác định vùng bị ảnh hưởng dựa vào hướng dẫn đánh giá rủi ro mưa lớn, triều cường.	Ban hành công điện, văn bản chỉ đạo các địa phương bị ảnh hưởng, đơn vị, tổ chức có liên quan phòng ngừa, giảm thiểu	Sở NN&PTNT	Các Sở, Ban, ngành, Đoàn thể tỉnh; UBND cấp huyện, xã
		Hướng dẫn, đôn đốc người dân sơ tán, di dời lương thực, động vật, vật dụng, ... đến vị trí an toàn	Ủy ban nhân dân cấp huyện	UBND cấp huyện, xã; Đội xung kích PCTT cấp xã; các tổ chức chính trị, xã hội trên địa bàn

Thiên tai, cấp độ	Vị trí bị ảnh hưởng	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì / tham mưu, đề xuất	Cơ quan phối hợp/tổ chức thực hiện
		Sẵn sàng nguồn lực "4 tại chỗ" ứng phó với thiên tai	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Các Sở, Ban, ngành, Đoàn thể tỉnh có liên quan; Đội xung kích PCTT cấp xã; UBND cấp xã; các tổ chức chính trị, xã hội trên địa bàn.
		Chuẩn bị sẵn sàng phương án cứu hộ, cứu nạn	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Công an tỉnh, Sở Y tế, Hội Chữ thập đỏ; Các Sở, Ban, ngành, Đoàn thể cấp tỉnh có liên quan; Đội xung kích PCTT cấp xã; UBND cấp huyện, xã, các tổ chức chính trị, xã hội trên địa bàn
		Bố trí lực lượng canh gác, hướng dẫn nhân dân qua lại tại các khu vực bị ngập úng, sạt lở; cắm các biển cảnh báo tại các khu vực nguy hiểm	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Quân sự, Công an cấp huyện; Đội xung kích PCTT cấp xã; UBND cấp xã; các tổ chức chính trị, xã hội trên địa bàn
		Thực hiện các phương án bảo vệ an toàn công trình thủy lợi, đê điều, sẵn sàng nguồn lực xử lý sự cố	Sở NN & PTNT, Chi cục Thủy lợi	UBND cấp huyện, xã; Phòng Nông nghiệp và PTNT, phòng Kinh tế
		Cảnh báo về thiên tai và thông báo, tuyên truyền, hướng dẫn ứng phó trên các phương tiện truyền thông	Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh; Đài Phát thanh và Truyền hình Vĩnh Long; Báo Vĩnh Long	Các Đài Truyền thanh địa phương, Đài KTTV tỉnh, UBND và BCH PCTT&TKCN cấp huyện, xã
		Đi kiểm tra, đôn đốc các địa phương chuẩn bị phương án ứng phó theo phân công	Các Thành viên Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh được phân công phụ trách địa bàn	Các Sở, Ban, ngành, Đoàn thể tỉnh có liên quan; UBND và BCH PCTT&TKCN cấp huyện, xã
Mưa lớn, triều cường cấp độ 2	Vùng và mức độ bị ảnh hưởng rủi ro mưa lớn, triều cường lớn hơn cấp độ 1	Các nhiệm vụ như đối với cấp độ 1, vùng ảnh hưởng sẽ rộng hơn, khu vực cấp độ rủi ro 1 tăng		

Thiên tai, cấp độ	Vị trí bị ảnh hưởng	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì / tham mưu, đề xuất	Cơ quan phối hợp/tổ chức thực hiện
		lên cấp độ rủi ro 2		
		Sơ tán người dân ở các khu vực có nguy cơ cao bị ảnh hưởng	UBND cấp huyện	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Công an tỉnh; Đội xung kích PCTT cấp xã; UBND các huyện, xã ven sông; các tổ chức chính trị, xã hội trên địa bàn
		Cập nhật thường xuyên các thông tin ứng phó tại các địa phương để có phương án chỉ đạo kịp thời	Văn phòng BCH PCTT&TKCN	Các thành viên Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh; Các Sở, Ban, ngành, Đoàn thể tỉnh có liên quan; UBND và BCH PCTT&TKCN cấp huyện, xã bị ảnh hưởng
Mưa lớn, triều cường cấp độ 3	Vùng và mức độ bị ảnh hưởng rủi ro mưa lớn, triều cường lớn hơn cấp độ 2	Các nhiệm vụ như đối với cấp độ 2		
		Huy động nguồn lực toàn tỉnh để ứng phó		Cả hệ thống chính trị từ cấp tỉnh, huyện, xã để thực hiện các biện pháp ứng phó
		Đề xuất hỗ trợ từ Trung ương	Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh	Các Sở, Ban, ngành, Đoàn thể tỉnh; UBND cấp huyện; Thành viên Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh

## 5.2 BIỆN PHÁP ỨNG PHÓ

### 5.2.1 Đối với bão, ATNĐ

Công tác triển khai ứng phó với ATNĐ và bão theo cấp độ rủi ro thiên tai cấp độ 3, 4, 5 thực hiện theo Quyết định 2335/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về Ban hành Phương án phòng, chống, ứng phó khi bão mạnh, siêu bão đổ bộ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long. Trong đó, Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh phối hợp với UBND các huyện, thị, các sở ngành hàng năm, trước mùa mưa lũ tiến hành rà soát thông tin, dữ liệu để kịp thời điều chỉnh các số liệu sau:

- Danh sách số nhà cần phải chằng, chống;
- Danh sách các cửa hàng cung cấp lương thực, thực phẩm, nước uống;

- Danh sách các doanh nghiệp cung ứng các vật tư, thiết bị xây dựng;
- Danh sách số máy bơm do nhà nước quản lý;
- Danh sách các bến đò qua sông trên địa bàn tỉnh;
- Danh sách các hộ dân phải sơ tán;
- Danh sách lực lượng tham gia sơ tán;
- Danh sách phương tiện tham gia sơ tán.

Bên cạnh đó, UBND tỉnh, Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh báo cáo và đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Quốc gia về Phòng chống thiên tai và Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn hỗ trợ khi vượt quá khả năng ứng phó của tỉnh.

## **5.2.2 Đối với lốc xoáy, sét**

### **5.2.2.1 Rủi ro cấp độ 1**

Căn cứ theo tình hình thực tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã khẩn trương triển khai Phương án, kế hoạch ứng phó với lốc, sét tại địa phương. Tổ chức triển khai công tác thống kê, đánh giá thiệt hại và tổng hợp, báo cáo về Văn phòng thường trực Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh.

#### **a) Lực lượng, phương tiện và vật tư tại chỗ**

- Đảm bảo an toàn cho người dân:
  - + Khuyến cáo người dân không ở trong những căn nhà tạm, yếu; tìm nơi trú ẩn an toàn khi có lốc (không di chuyển đến dưới các cây lớn, nhà tạm);
  - + Khuyến cáo việc sử dụng điện thoại, điện gia dụng khi có sấm sét (rút phích cắm, ăng ten tivi và những đồ điện tử đang sử dụng. Trường hợp trực trực lưới điện chung thì tốt nhất nên ngắt cầu dao hoặc rút hết phích cắm của các đồ điện trong gia đình ra khỏi ổ điện);
  - + Không nên ra ngoài lúc trời có mưa dông kèm theo sấm sét và không được lại gần nơi có dây điện rơi xuống;
  - + Nếu ở ngoài trời khi mưa dông có nguy cơ bị sét đánh phải tìm chỗ trú ẩn an toàn, không đứng trên đồi cao hay những khoảng đất trống, rộng rãi như cánh đồng, sân chơi... không núp dưới cây cao ngoài đồng trống; không khuân vác vật dụng bằng kim loại như cuốc, xẻng, búa, liềm ...;
  - + Nếu đang làm ngoài đồng, nên chạy đến nơi nào gần nhất để giữ mình được khô ráo. Nếu không kịp đến nơi an toàn, thì nên núp nơi thấp nhất, thu mình và chụm hai chân lại;
  - + Nếu đang đi ngoài đường mà gặp mưa đá, phải dừng lại tìm chỗ ẩn, đội mũ bảo hiểm để tránh đá rơi vào đầu, chờ đá trên đường tan hết mới tiếp tục đi để tránh trơn ngã.
- Đảm bảo an toàn cho nhà cửa, công trình và tài sản:

+ Khuyến cáo người dân, đơn vị, doanh nghiệp... lắp đặt hệ thống cột thu lôi, cột chống sét thích hợp cho từng công trình;

+ Xây dựng các công trình, nhà ở kiên cố, thường xuyên chằng chống nhà cửa để tăng độ vững chắc nhằm đề phòng lốc xoáy, gió giật, mưa đá. Ở các khu vực ven sông nơi trồng trái, nếu nhà ở lợp bằng lá, tôn tráng kẽm, fibro xi măng, ngói có thể giăng lên mái nhà các loại thanh nẹp bằng gỗ, sắt, dây kẽm cỡ lớn hoặc các bao chứa cát để hạn chế tốc mái khi có lốc xoáy, gió giật. Hàng năm rà soát, đánh giá và thống kê danh sách số nhà cần phải chằng, chống cho từng đơn vị hành chính cấp xã/thị trấn/phường.

- Tổ chức cứu hộ, cứu nạn người, nhà cửa bị sập do lốc sét gây ra; hỗ trợ nhà ở tạm cho các hộ dân bị mất nhà ở;

- Khắc phục hậu quả do lốc, sét, mưa đá: huy động lực lượng, phương tiện, vật chất trang bị để nhanh chóng giải quyết hậu quả, tập trung một số công việc như: Thu dọn cành cây đổ; sửa chữa, khắc phục nhà sập, nhà tốc mái...; khắc phục các sự cố tàu thuyền bị đánh chìm, trôi dạt, hư hỏng và tổ chức tìm kiếm người, tàu thuyền bị mất liên lạc; cứu trợ các cá nhân, gia đình khó khăn; thống kê và đánh giá thiệt hại.

#### **b) Công tác chỉ đạo, chỉ huy tại chỗ**

- Chủ động cập nhật các bản tin cảnh báo sớm và ban hành các Công điện, thông báo về chỉ đạo ứng phó với thiên tai lốc, sét tới các cấp, các ngành để chủ động phòng tránh;

- Căn cứ vào dự báo, cảnh báo, tính chất và diễn biến thực tế của thiên tai, UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn sử dụng hệ thống truyền thanh của địa phương để truyền các bản tin dự báo, cảnh báo giông, lốc, sét,... và hướng dẫn kiến thức, kỹ năng phòng chống dông, lốc, sét, mưa đá đến với người dân trên địa bàn.

#### **5.2.2.2 Rủi ro cấp độ 2**

- Thành viên Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh theo nhiệm vụ được giao chủ động phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện triển khai Phương án ứng phó với lốc, sét trên địa bàn các huyện.

- Các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện/thị/thành phố theo chức năng nhiệm vụ được giao triển khai công tác phòng, tránh và ứng phó.

Công tác ứng phó được triển khai với các nội dung chính như sau:

#### **a) Lực lượng, phương tiện và vật tư tại chỗ**

- Công ty Điện lực chủ động cắt điện cục bộ tại nơi xảy ra sự cố ngay khi phát hiện tình trạng mất an toàn trong vận hành lưới điện do bị ảnh hưởng của dông, lốc xoáy, sét. Sau khi khắc phục, sửa chữa và đảm bảo chắc chắn an toàn của hệ thống điện thì phải khôi phục lại ngay việc cung cấp điện cho khu vực để nhân dân ổn định sinh hoạt và sản xuất;



- Thường xuyên kiểm tra hệ thống, thiết bị thông tin liên lạc, đảm bảo luôn hoạt động hiệu quả để kịp thời thông báo cho cơ quan chức năng khi gặp sự cố, tình huống nguy hiểm, bất lợi.

- Lực lượng Quân sự, Công an, Đội xung kích PCTT cấp xã huy động, bố trí lực lượng, phương tiện để hỗ trợ các hộ gia đình sửa chữa gia cố công trình, nhà ở dân cư bị hư hỏng, thu dọn cây xanh bị ngã đổ và xử lý vệ sinh môi trường theo quy định;

- Huy động lực lượng, phương tiện y tế để kịp thời cứu chữa các nạn nhân thương tích trong, sau thiên tai;

### **b) Công tác chỉ đạo, chỉ huy**

Kịp thời thông báo các bản tin dự báo, cảnh báo có khả năng xảy ra lốc, sét, các khu vực bị ảnh hưởng lốc, sét để địa phương chủ động phòng, tránh, ứng phó.

Tổ chức thông tin, tuyên truyền đến nhân dân những bản tin dự báo, cảnh báo để chủ động phòng, tránh an toàn cho người, vật nuôi, cây trồng và các tài sản khác.

Chỉ đạo trực tiếp tại hiện trường; Chỉ huy lực lượng hỗ trợ dân ứng phó và khắc phục hậu quả do lốc, sét gây ra.

Chặt tía cành, nhánh cây cao, dễ gãy đổ, cây nằm gần nhà ở, lưới điện...; kiểm tra mức độ an toàn, vững chắc của các biển quảng cáo, pano, áp phích; các giàn giáo của công trình cao tầng đang thi công;

Qua đánh giá mức độ rủi ro thiên tai do lốc xoáy, sét gây ra trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, xác định các địa phương có rủi ro lớn cần phải đặc biệt chú trọng, gồm các đơn vị hành chính cấp xã, phường sau:

- Huyện Bình Tân, gồm các đơn vị: Tân Thành, Thành Trung, Tân Lược, Nguyễn Văn Thành, Thành Lợi, Mỹ Thuận, Tân Bình, Tân Quới.

- Huyện Long Hồ, gồm các đơn vị: thị trấn Long Hồ, Bình Hoà Phước, Thạnh QUỚI.

- Huyện Mang Thít, gồm các đơn vị: Mỹ An, Mỹ Phước, An Phước, Long Mỹ, Bình Phước, Chánh An, Tân An Hội, Tân Long Hội.

- Huyện Tam Bình: thị trấn Tam Bình, Phú Thịnh, Hoà Thạnh, Song Phú, Hoà Hiệp, Mỹ Lộc, Long Phú, Tường Lộc, Loan Mỹ, Ngãi Tứ, Bình Ninh.

- Huyện Trà Ôn, gồm các đơn vị: thị trấn Trà Ôn, Xuân Hiệp, Nhơn Bình, Tân Mỹ, Thuận Thới, Phú Thành, Lục Sỹ Thành, Tích Thiện.

- Huyện Vũng Liêm: Tân Quới Trung, Quới An, Trung Chánh, Tân An Luông, Thanh Bình, Trung Thành Tây, Trung Thành Đông, Trung Hiếu, Hiếu Thuận, Hiếu Thành.

- Thị xã Bình Minh: Mỹ Hòa, Đông Thành.

### 5.2.3 Đối với lũ

#### 5.2.3.1 Rủi ro thiên tai cấp độ 1

Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã căn cứ theo tình hình thực tế khẩn trương triển khai Phương án, kế hoạch phòng, chống, ứng phó với lũ tại địa phương. Thống kê, đánh giá thiệt hại và tổng hợp, báo cáo về Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh.

#### 5.2.3.2 Rủi ro thiên tai cấp độ 2 và 3

##### a. Công tác chỉ đạo chỉ huy

Công tác chỉ đạo chỉ huy sẽ được thực hiện ở các cấp (Cấp tỉnh, huyện, xã). Nội dung chỉ đạo gồm:

- Chỉ đạo công tác trực ban 24/24h để theo dõi, nắm bắt thông tin, truyền tải thông tin và xử lý các tình huống khi xảy ra sự cố;

- Chỉ đạo công tác thông tin truyền thông về thiên tai: thông báo trên các phương tiện truyền thông về tin lũ, tình hình ngập lụt và những vùng bị ảnh hưởng, những cảnh báo, dự báo về loại hình thiên tai này; thông tin các biện pháp, chỉ đạo đến người dân ở khu vực bị ảnh hưởng; tuyên truyền, hướng dẫn các biện pháp phòng tránh, ứng phó;

- Chỉ đạo công tác phòng, tránh: Tiếp tục chỉ đạo bằng các công điện, thông báo, văn bản chỉ đạo các huyện, xã và các cơ quan có liên quan tổ chức phòng, tránh ứng phó với lũ, ngập lụt;

- Chỉ đạo công tác đảm bảo an toàn cho người dân, hoạt động sinh hoạt, sản xuất của người dân ở vùng lũ, ngập lụt:

- + Rà soát, xác định các khu vực bị ảnh hưởng;

- + Hướng dẫn việc đi lại của người dân trong vùng lũ;

- + Kiểm soát các hoạt động sản xuất, sinh hoạt của người dân:

- Chỉ đạo công tác sơ tán dân (theo từng cấp): Xác định các hộ cần phải sơ tán nếu xảy ra ngập lụt (số hộ/số nhân khẩu), chú trọng đến các đối tượng dễ bị tổn thương, người già, trẻ em, người khuyết tật....

- + Số hộ dân khu vực vùng trũng thấp, sạt lở phải sơ tán;

- Tổ chức các đoàn kiểm tra, rà soát các công trình xung yếu:

- + Cử cán bộ trực tiếp kiểm tra việc tuân tra, canh gác đê theo cấp báo động;

- + Sẵn sàng các phương án đê hộ đê, ứng phó với lũ lụt, ngập úng;

- Phân công nhiệm vụ cho các cơ quan, sở, ngành theo chức năng nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý; xác định rõ vai trò chỉ huy thích hợp theo từng tình huống;

- Chỉ đạo công tác cứu hộ, cứu nạn trong ứng phó với lũ, ngập lụt: Tổ chức và duy trì hoạt động của cơ quan thường trực tìm kiếm cứu nạn ở các cấp;

- Tiếp tục công tác trực ban, theo dõi sát diễn biến mưa lũ và tình hình đê điều;

- Chỉ đạo công tác đảm bảo an toàn các công trình phòng chống thiên tai;

- Chỉ đạo các huyện, xã tiến hành sơ tán dân ở các vùng bị lũ, ngập lụt;

- Chỉ đạo công tác đảm bảo an toàn sản xuất;
- Chỉ đạo công tác đảm bảo an toàn giao thông, thông tin liên lạc....
- Chỉ đạo công tác tìm kiếm, cứu nạn trong ứng phó với lũ.

(i) Cấp tỉnh:

- Tổ chức họp để triển khai các biện pháp ứng phó; triển khai thực hiện các chỉ đạo của Trung ương;

- Thực hiện theo các nội dung công điện của BCD;

- Chỉ đạo các sở, ban, ngành theo nhiệm vụ ngành quản lý để thực hiện các phương án ứng phó;

- Tổ chức các đoàn công tác kiểm tra, rà soát các công trình xung yếu, sự cố các công trình, quy trình vận hành...

- Tùy theo tình hình để đưa ra các quyết định ứng phó;

- Lực lượng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh thực hiện việc ứng phó, cứu hộ, cứu nạn trên địa bàn;

- Ban hành lệnh sơ tán dân; nghỉ học; nghỉ làm,...

- Thực hiện công tác đảm bảo an toàn, an ninh khu vực sơ tán dân;

- Thực hiện công tác đảm bảo về giao thông, thông tuyến đối với các khu vực bị ảnh hưởng;

- Thực hiện công tác khắc phục hậu quả nhanh để đảm bảo cho công tác chỉ huy ứng phó kịp thời.

(ii) Cấp huyện:

- Thực hiện công tác trực ban, theo dõi chặt chẽ diễn biến của lũ, ngập lụt;

- Thực hiện các công điện của Tỉnh và BCD;

- Chỉ đạo các đơn vị, ngành và các xã trong phạm vi quản lý thực hiện công tác cảnh báo về lũ, ngập lụt và các biện pháp ứng phó;

- Chỉ đạo công tác phòng, tránh ứng phó với lũ, ngập lụt:

+ Thực hiện di dời, sơ tán dân;

+ Công tác đảm bảo an ninh, an toàn khu vực di dời;

+ Công tác đảm bảo an toàn nhà cửa, công trình cơ sở hạ tầng khu vực bị ảnh hưởng;

- Chỉ đạo rà soát, kiểm tra và hướng dẫn đối với các hoạt động, sinh hoạt của người dân để đảm bảo không bị thiệt hại xảy ra;

- Chỉ đạo công tác đảm bảo an toàn khu vực trũng thấp, khu vực thường xảy ra sự cố; các công trình trọng điểm;

- Chỉ đạo các đơn vị sẵn sàng lực lượng để cứu hộ, cứu nạn khi có yêu cầu.

(iii) Cấp xã:

- Thực hiện các công điện, thông báo, chỉ đạo của cấp trên;

- Thực hiện các phương án ứng phó về:

- + Thông tin các biện pháp ứng phó về lũ, ngập lụt;
- + Chỉ đạo các ấp/khóm thực hiện công tác đảm bảo an toàn cho người và các hoạt động trên địa bàn đảm bảo an toàn trong vùng ngập lụt;
- + Cử người canh gác tại các khu vực trũng thấp, các khu vực có nguy cơ cao bị ảnh hưởng để kịp thời ứng phó;
- + Thực hiện di dời, sơ tán dân;
- + Thực hiện các biện pháp cưỡng chế khi không thực hiện lệnh;
- + Hỗ trợ quá trình sơ tán;
- + Đảm bảo lương thực, nhu yếu phẩm tại nơi sơ tán.
- Huy động lực lượng Đội xung kích PCTT xã để hỗ trợ di dời dân đến nơi an toàn;
- Chỉ đạo công tác đảm bảo an toàn nơi sơ tán và nơi dân đi sơ tán;
- Chủ động dừng các hoạt động trên sông khi thấy không an toàn.

*b. Công tác huy động lực lượng, phương tiện tại chỗ:*

Công tác chỉ huy động lực lượng, phương tiện tại chỗ cũng được xây dựng cho từng cấp (tỉnh, huyện, xã), với các nội dung chính sau:

- Giao nhiệm vụ cho từng đơn vị, lực lượng để sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ;
- Chuẩn bị phương tiện, vật tư của các huyện/xã, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đóng trên địa bàn để có thể huy động, trưng dụng trong trường hợp cần thiết (danh sách, số lượng, vị trí...).
- Công việc cần giao cho các lực lượng đã huy động bao gồm:
  - + Hỗ trợ, giúp dân sơ tán dân vùng bị ngập lũ nặng (nêu cụ thể các xã bị ngập nặng cần phải sơ tán);
  - + Hỗ trợ dân thu hoạch lúa, hoa màu; di chuyển các lồng bè nuôi trồng thủy sản đến nơi an toàn;
  - + Tổ chức cắm biển cảnh báo, bố trí lực lượng ứng trực chốt, chặn, cấm người, phương tiện qua lại ở những đoạn đường bị ngập và những nơi có dòng chảy xiết;
  - + Kiểm tra các thiết bị điện; di dời các tài sản, lương thực ra khỏi nơi có nguy cơ bị ngập;
  - + Đảm bảo an ninh trật tự tại nơi sơ tán đến, đảm bảo an ninh khu vực dân đi sơ tán; phương án đảm bảo thông tin liên lạc được thông suốt phục vụ quá trình chỉ đạo điều hành; đảm bảo phương án cấp điện, vật tư, nhu yếu phẩm và các vật dụng khác để thực hiện;
  - + Sẵn sàng cứu hộ, cứu nạn: tổ chức tìm kiếm người, phương tiện do lũ cuốn trôi; cứu chữa người bị thương; lập các trạm cấp cứu tạm thời hoặc trưng dụng có thời hạn các trụ sở, cơ quan, trường học, bệnh viện để tiếp nhận cứu người;
  - + Hỗ trợ trông giữ trẻ tập trung; kiểm soát thường xuyên trẻ em để không đi ra các khu vực nguy hiểm.
- Các ngành dọc thực hiện các nhiệm vụ của lĩnh vực mình quản lý:

+ Lực lượng Công an:Đảm bảo an ninh trật tự khu vực bị ảnh hưởng; Quản lý chặt chẽ các loại đối tượng;Bố trí lực lượng bảo vệ tài sản, cơ sở hạ tầng...;

+ Ngành Điện lực:Kiểm tra hệ thống lưới điện tại các địa bàn để xử lý kịp thời tình huống sự cố;Phân công trách nhiệm cho các đơn vị/doanh nghiệp để thực hiện nhiệm vụ.

+ NgànhThông tin:Duy trì thông tin liên lạc tại các trọng điểm xung yếu bằng hệ thống điện thoại cố định, vô tuyến cố định hiện có;Xử lý kịp thời các sự cố về viễn thông;Tăng cường giám sát mạng lưới, khi xảy ra sự cố, chỉ đạo ứng cứu, xử lý kịp thời, theo thứ tự ưu tiên.

+ Ngành Giao thông:Khắc phục, xử lý ách tắc giao thông vùng lũ, ngập lụt; Cấm biển báo hiệu tại khu vực bị ảnh hưởng; bố trí cán bộ điều khiển giao thông; phân luồng giao thông để các phương tiện được lưu thông dễ dàng;Xử lý, khắc phục những tuyến đường bị ách tắc do sạt lở, cây cối gãy đổ hoặc bị các sự cố khác do lũ gây ra;Phân công cụ thể cho các đơn vị, cá nhân thuộc ngành giao thông để xử lý các công việc theo nhiệm vụ.

- Lực lượng cứu hộ, cứu nạn;

- Điều phối các lực lượng vũ trang, dân quân tự vệ, xung kích... trên các địa bàn để tránh chông chéo.

*c. Công tác vật tư, hậu cần tại chỗ:*

- Xác định các loại vật tư có thể trưng dụng để đối phó với lũ, ngập lụt:

+ Vật tư dùng để xử lý sự cố các công trình trọng điểm, công trình PCTT, đặc biệt là các sự cố về đê điều, kè công, công trình phòng chống sạt lở, công trình giao thông...;

+ Vật tư, lương thực hỗ trợ cho các khu vực bị, có thể bị chia cắt.

- Tiếp tục tuần tra, túc trực tại các điểm xung yếu trên địa bàn; Trong trường hợp phát sinh tình huống khẩn cấp thì tích cực ứng phó, hỗ trợ nhân dân ứng phó;

- Bổ sung, dự trữ lương thực, nhu yếu phẩm từ những người dân;

- Đảm bảo hậu cần từ nguồn dự trữ của chính quyền và nhân dân tại nơi sơ tán;

- Đảm bảo vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ phòng chống lũ và ngập lụt:

+ Thống kê vật tư, phương tiện, trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn của các đơn vị và địa phương; Phân giao nhiệm vụ cho các đơn vị/địa phương sẵn sàng nhận nhiệm vụ khi có lệnh điều động;

+ Phân giao nhiệm vụ cho các đơn vị, địa phương bị ảnh hưởng chuẩn bị lương thực như gạo, mì tôm, nước uống và các nhu yếu phẩm khác,... phục vụ công tác hậu cần ứng phó với lũ, ngập lụt;

+ Chỉ đạo các doanh nghiệp trong lĩnh vực thương mại dự trữ hàng hóa thiết yếu; chủ yếu là mì gói, lương khô, nước uống đóng chai, lương thực, xăng dầu... sẵn sàng cung cấp cho các vùng bị chia cắt bởi lũ và ngập lụt kéo dài;

+ Chuẩn bị các nhu yếu phẩm, cơ sở thuốc, hóa chất, dụng cụ y tế để sẵn sàng cung ứng khi có lệnh điều động. Phân giao nhiệm vụ cho các đơn vị trên các địa bàn sẵn sàng cung cấp khi có yêu cầu.

- Sẵn sàng vật tư để ứng phó khi có sự cố xảy ra đối với các công trình phòng chống thiên tai, đê điều;

- Sẵn sàng lương thực, thuốc chữa bệnh, nước uống và nhu yếu phẩm khác tại khu vực bị chia cắt, khu vực ngập lụt nghiêm trọng;

- Sẵn sàng lực lượng, phương tiện để triển khai phương án cứu hộ, cứu nạn.

## **5.2.4 Đối với hạn hán, xâm nhập mặn**

### **5.2.4.1 Rủi ro thiên tai cấp độ 1 và cấp độ 2**

**Kịch bản:** Thời gian thiếu hụt lượng mưa từ 2 đến 6 tháng và mặn xâm nhập sâu vào cửa sông từ 25-50km hoặc thời gian thiếu hụt lượng mưa từ 3- 6 tháng, thiếu hụt nguồn nước từ 50-70% và khoảng cách xâm nhập từ cửa sông trên 50km.

Công tác chỉ đạo chỉ huy:

**a) Cấp tỉnh:** Ban hành các công điện, chỉ thị về phòng chống hạn hán, xâm nhập mặn:

- Sở Nông nghiệp và PTNT:

+ Theo dõi chặt chẽ tình hình khí tượng thủy văn, diễn biến hạn, mặn. Tăng cường công tác khảo sát, đánh giá tình hình xâm nhập mặn trên các tuyến sông, kênh, rạch chính, kịp thời thông báo cho các ngành và địa phương biết nhằm chủ động ứng phó trong sinh hoạt và sản xuất.

+ Xây dựng kế hoạch, phương án thực hiện các giải pháp đảm bảo nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và nước sinh hoạt cho người dân trên địa bàn tỉnh.

+ Tổ chức tập huấn, tuyên truyền hướng dẫn người dân sử dụng nước hợp lý, tiết kiệm, đảm bảo hài hòa, không để người dân thiếu nước sinh hoạt và sản xuất.

+ Kiểm tra, đôn đốc địa phương đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình thủy lợi và công tác thủy lợi nội đồng.

- Đài Phát thanh và Truyền hình Vĩnh Long thường xuyên theo dõi các bản tin dự báo, cảnh báo độ mặn, diễn biến nguồn nước để thông tin đến các ngành, các cấp và người dân biết chủ động ứng phó; Phối hợp với Văn phòng Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh xây dựng tài liệu, phim phóng sự hướng dẫn người dân các biện pháp, kỹ thuật ứng phó với hạn, mặn bảo vệ cây trồng và vật nuôi.

- Chi cục Thủy lợi tỉnh Vĩnh Long:

+ Tăng cường công tác quan trắc độ mặn, dự báo nguồn nước, xây dựng kế hoạch vận hành các cống đầu mối đảm bảo đủ nước phục vụ sản xuất cho người dân.

+ Thường xuyên tổ chức kiểm tra hệ thống cống đầu mối đề xuất các giải pháp xử lý, khắc phục kịp thời tránh tình trạng thất thoát nguồn nước ngọt bên trong nội đồng.

**b) Cấp huyện:**

- Xây dựng kế hoạch, phương án thực hiện các giải pháp đảm bảo nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và nước sinh hoạt cho người dân trên địa bàn quản lý.

- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn tổ chức tập huấn, tuyên truyền hướng dẫn người dân sử dụng nước hợp lý, tiết kiệm, đảm bảo hài hòa, không để người dân thiếu nước sinh hoạt và sản xuất.

- Đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình thủy lợi, đồng thời gia cố bịt kín các nắp bọng, tránh rò rỉ làm tổn thất lượng nước dự trữ bên trong nội đồng và tiến hành điều tiết nước ngọt phục vụ sản xuất hợp lý giữa các kênh nội đồng.

- Thực hiện các công điện của tỉnh và Ban Chỉ đạo Quốc gia về Phòng, chống thiên tai;

- Chỉ đạo bộ phận chuyên môn thực tốt công tác thủy lợi nội đồng; kiểm tra, rà soát hệ thống đê bao, bờ bao nội đồng tránh rò rỉ làm tổn thất lượng nước dự trữ bên trong nội đồng;

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã:

+ Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động người dân chủ động lấy và tích trữ nước phục vụ cho sản xuất, đồng thời tổ chức sản xuất đúng theo lịch thời vụ;

+ Tổ chức thu gom, vớt lục bình, rác thải trên các kênh, rạch nhằm khai thông dòng chảy, giúp điều hòa nguồn nước, giảm độ mặn để phục vụ tiếp nước cho nội đồng;

+ Rà soát, thống kê diện tích lúa cần được hỗ trợ bơm tát, báo cáo thống kê tình hình thiệt hại (nếu có).

- Chỉ đạo Phòng nông nghiệp và PTNT/phòng Kinh tế quản lý chặt chẽ nguồn nước; Thường xuyên kiểm tra hệ thống công trên nội đồng, đề xuất các giải pháp xử lý, khắc phục kịp thời, tránh tình trạng thất thoát lượng nước ngọt bên trong nội đồng.

### **c) Cấp xã:**

- Thực hiện các công điện, thông báo, chỉ đạo của cấp trên;

- Thực hiện các biện pháp tưới tiết kiệm, ưu tiên đảm bảo cấp đủ nước sinh hoạt cho người và gia súc;

- Tuyên truyền, hỗ trợ dân thực hiện sử dụng nước tiết kiệm, chống thất thoát nước;

- Hướng dẫn, tuyên truyền người dân sẵn sàng các trang thiết bị, nhiên liệu để chủ động bơm tát, tiếp nước từ kênh lên đồng ruộng;

- Đảm bảo lương thực, nhu yếu phẩm để hỗ trợ nhân dân bị mất mùa khi cần thiết.

Công tác huy động lực lượng, phương tiện tại chỗ:

- Huy động lực lượng, phương tiện thực hiện các giải pháp đảm bảo sử dụng nước, cung cấp nước:

+ Sử dụng các máy bơm của hộ gia đình bơm nước từ các kênh cấp 2 vào nội đồng phục vụ chống hạn;

+ Đào giếng, ao, hồ nhỏ để cấp nước cho cây ăn trái, vật nuôi;

+ Khoan giếng để cấp nước sinh hoạt cho người dân vùng khô hạn;

- Huy động lực lượng, phương tiện, vật tư để tiến hành nạo vét hệ thống kênh, mương, hệ thống các trục kênh tưới tiêu kết hợp đảm bảo thông thoáng;

- Điều chỉnh cơ cấu cây trồng, vật nuôi, mùa vụ phù hợp với dự báo, cảnh báo và tình hình diễn biến hạn hán và xâm nhập mặn.

Công tác vật tư, hậu cần tại chỗ:

- Cung cấp điện và vật tư, nhiên liệu cần thiết cho các trạm bơm;

- Tính toán lắp đặt thêm hệ thống các trạm bơm dã chiến tại những vị trí thuận lợi về nguồn nước để nâng cao năng lực cấp nước cho hệ thống.

#### **5.2.4.2 Rủi ro thiên tai cấp độ 3**

**Kịch bản:** Thời gian thiếu hụt lượng mưa trên 3-6 tháng, lượng nước thiếu hụt trên 50%.

**Công tác chỉ đạo chỉ huy:**

##### **a) Cấp tỉnh:**

Ban hành các công điện, chỉ thị về phòng chống hạn hán, xâm nhập mặn:

- Sở Nông nghiệp và PTNT:

+ Theo dõi chặt chẽ tình hình khí tượng thủy văn, diễn biến hạn, mặn. Tăng cường công tác khảo sát, đánh giá tình hình xâm nhập mặn trên các tuyến kênh, rạch chính, kịp thời thông báo cho các ngành và địa phương biết nhằm chủ động ứng phó trong sinh hoạt và sản xuất.

+ Tổ chức xây dựng kế hoạch, phương án điều chỉnh sản xuất, cơ cấu mùa vụ; Thực hiện các giải pháp đảm bảo nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và nước sinh hoạt cho người dân trên địa bàn tỉnh.

+ Tổ chức tập huấn, tuyên truyền hướng dẫn người dân sử dụng nước hợp lý, tiết kiệm, đảm bảo hài hòa, không để người dân thiếu nước sinh hoạt và sản xuất.

+ Kiểm tra, đôn đốc địa phương đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình thủy lợi và công tác thủy lợi nội đồng.

+ Tổ chức rà soát nhu cầu sử dụng nước sạch của người dân và khả năng đáp ứng của các trạm cấp nước; đầu tư, nâng cấp, mở rộng các tuyến ống cấp nước, bổ sung giếng khoan đảm bảo cấp đủ nước sinh hoạt cho người dân.

- Đài Phát thanh và Truyền hình Vĩnh Long thường xuyên theo dõi các bản tin dự báo, cảnh báo độ mặn, diễn biến nguồn nước để thông tin đến các ngành, các cấp và người dân biết, chủ động ứng phó; Phối hợp với Văn phòng Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh xây dựng tài liệu, phim phóng sự hướng dẫn người dân các biện pháp, kỹ thuật ứng phó với hạn, mặn bảo vệ cây trồng và vật nuôi.

- Chi cục Thủy lợi tỉnh:

+ Tăng cường công tác quan trắc độ mặn, dự báo nguồn nước, xây dựng kế hoạch vận hành các công đầu mối đảm bảo đủ nước phục vụ sản xuất cho người dân.



+ Thường xuyên tổ chức kiểm tra hệ thống công đầu mối, đề xuất các giải pháp xử lý, khắc phục kịp thời tránh tình trạng thất thoát nguồn nước ngọt bên trong nội đồng.

### **b) Cấp huyện:**

+ Xây dựng kế hoạch, phương án thực hiện các giải pháp đảm bảo nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, chú trọng ưu tiên cấp nước sinh hoạt cho người dân trên địa bàn quản lý.

+ Phối hợp với các cơ quan chuyên môn tổ chức tập huấn, tuyên truyền hướng dẫn người dân sử dụng nước hợp lý, tiết kiệm, đảm bảo hài hòa.

+ Đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình thủy lợi, đồng thời gia cố bịt kín các nắp bông, tránh rò rỉ làm tổn thất lượng nước dự trữ bên trong nội đồng và tiến hành điều tiết nước ngọt phục vụ sản xuất hợp lý giữa các kênh nội đồng.

- Thực hiện các công điện của Tỉnh và Ban Chỉ đạo Quốc gia về Phòng, chống thiên tai;

- Chỉ đạo bộ phận chuyên môn thực tốt công tác thủy lợi nội đồng; kiểm tra, rà soát hệ thống đê bao, bờ bao nội đồng, tránh rò rỉ làm tổn thất lượng nước dự trữ bên trong nội đồng;

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã:

+ Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động người dân chủ động lấy và tích trữ nước phục vụ cho sản xuất, đồng thời tổ chức sản xuất đúng theo lịch điều chỉnh thời vụ;

+ Tổ chức thu gom, vớt lục bình, rác thải trên các kênh, rạch nhằm khai thông dòng chảy, giúp điều hòa nguồn nước, giảm độ mặn để phục vụ tiếp nước cho nội đồng;

+ Rà soát, thống kê diện tích lúa, rau màu, cây ăn trái cần được hỗ trợ tưới, thống kê, báo cáo tình hình thiệt hại (nếu có);

- Chỉ đạo Phòng nông nghiệp và PTNT/phòng Kinh tế quản lý chặt chẽ nguồn nước; Thường xuyên kiểm tra hệ thống bờ bao, cống, đập trên địa bàn, đề xuất các giải pháp xử lý, khắc phục kịp thời các hư hỏng, xuống cấp, tránh tình trạng thất thoát lượng nước ngọt trong nội đồng.

### **c) Cấp xã:**

- Thực hiện các công điện, thông báo, chỉ đạo của cấp trên;

- Thực hiện các biện pháp tưới tiết kiệm, ưu tiên đảm bảo cấp đủ nước sinh hoạt cho người dân và vật nuôi;

- Tuyên truyền, hỗ trợ người dân thực hiện sử dụng nước tiết kiệm, chống thất thoát nước;

- Hướng dẫn, tuyên truyền người dân sẵn sàng các trang thiết bị, nhiên liệu để chủ động bơm tát, tiếp nước từ kênh lên đồng ruộng;

- Đảm bảo lương thực, nhu yếu phẩm để hỗ trợ nhân dân bị mất mùa.

### **Công tác huy động lực lượng, phương tiện tại chỗ:**

- Huy động lực lượng, phương tiện, vật tư để phục vụ chống hạn. Triển khai các biện pháp tích trữ nước:

+ Sử dụng các máy bơm của hộ gia đình bơm nước từ các kênh cấp 2 vào nội đồng phục vụ chống hạn;

+ Đào giếng, ao, hồ nhỏ để cấp nước cho cây ăn trái, vật nuôi;

+ Khoan giếng để cấp nước sinh hoạt cho người dân vùng khô hạn;

- Huy động lực lượng, phương tiện, vật tư để tiến hành nạo vét hệ thống kênh, mương, hệ thống các trục kênh tưới, tiêu kết hợp, đảm bảo thông thoáng;

- Hỗ trợ dân chuyển đổi cây trồng có nhu cầu sử dụng nước ít nhưng hiệu quả kinh tế cao;

- Sửa chữa gấp những công trình bị hư hỏng nặng không đảm bảo dẫn nước, trữ nước, nạo vét kênh mương, đảm bảo không đê rì, thất thoát nước;

- Xây dựng các mô hình với các loại cây, vật nuôi có khả năng chịu khô hạn, tiêu thụ ít nước. Ưu tiên cấp nước cho sinh hoạt và các ngành kinh tế hiệu quả và giá trị cao.

#### **Công tác vật tư, hậu cần tại chỗ:**

- Cung cấp điện và vật tư, nhiên liệu cần thiết cho các trạm bơm;

- Tính toán lắp đặt thêm hệ thống các trạm bơm đã chiến tại những vị trí thuận lợi về nguồn nước để nâng cao năng lực cấp nước cho hệ thống;

- Hỗ trợ người dân các trang thiết bị trữ nước phục vụ cho sinh hoạt.

*Bảng 30: Danh mục các xã/phường/thị trấn có nguy cơ xảy ra hạn hán, thiếu nước (ứng với mức độ rủi ro trung bình và lớn) cho sinh hoạt, sản xuất trong mùa khô*

TT	Tên đơn vị hành chính	Rủi ro	Nguyên nhân
<b>A</b>	<b>Huyện Mang Thít</b>		
1	Xã An Phước	Trung bình	Kênh bị bồi lắng
2	Xã Chánh An	Trung bình	Kênh bị bồi lắng
<b>B</b>	<b>Huyện Tam Bình</b>		
1	Thị trấn Tam Bình	Trung bình	Đất gò cao
2	Xã Tân Lộc	Trung bình	Kênh bị bồi lắng
3	Xã Phú Thịnh	Trung bình	Kênh bị bồi lắng
4	Xã Hậu Lộc	Trung bình	Kênh bị bồi lắng
5	Xã Hòa Thạnh	Trung bình	Kênh bị bồi lắng
6	Xã Hòa Lộc	Trung bình	Kênh bị bồi lắng
7	Xã Phú Lộc	Trung bình	Kênh bị bồi lắng
8	Xã Song Phú	Trung bình	Kênh bị bồi lắng
9	Xã Hòa Hiệp	Trung bình	Đất gò cao
10	Xã Mỹ Lộc	Trung bình	Kênh bị bồi lắng

<b>TT</b>	<b>Tên đơn vị hành chính</b>	<b>Rủi ro</b>	<b>Nguyên nhân</b>
11	Xã Tân Phú	Trung bình	Kênh bị bồi lắng
12	Xã Long Phú	Trung bình	Kênh bị bồi lắng
13	Xã Mỹ Thạnh Trung	Trung bình	Kênh bị bồi lắng
14	Xã Tường Lộc	Trung bình	Kênh bị bồi lắng
15	Xã Loan Mỹ	Trung bình	Đất gò cao
16	Xã Ngãi Tứ	Lớn	Đất gò cao
17	Xã Bình Ninh	Lớn	Đất gò cao
<b>C</b>	<b>Huyện Trà Ôn</b>		
1	Thị trấn Trà Ôn	Lớn	Đất gò cao
2	Xã Xuân Hiệp	Trung bình	Kênh bị bồi lắng
3	Xã Nhơn Bình	Trung bình	Kênh bị bồi lắng
4	Xã Hòa Bình	Trung bình	Kênh bị bồi lắng
5	Xã Thới Hóa	Trung bình	Kênh bị bồi lắng
6	Xã Trà Côn	Trung bình	Đất gò cao
7	Xã Tân Mỹ	Trung bình	Đất gò cao
8	Xã Hưu Thành	Trung bình	Kênh bị bồi lắng
9	Xã Vĩnh Xuân	Trung bình	Đất gò cao
10	Xã Thuận Thới	Trung bình	Kênh bị bồi lắng
11	Xã Phú Thành	Lớn	Kênh bị bồi lắng
12	Xã Thiện Mỹ	Lớn	Đất gò cao
13	Xã Lục Sỹ Thành	Lớn	Kênh bị bồi lắng
14	Xã Tích Thiện	Lớn	Đất gò cao
<b>D</b>	<b>Huyện Vũng Liêm</b>		
1	Thị trấn Vũng Liêm	Trung bình	Kênh bị bồi lắng
2	Xã Tân Quới Trung	Trung bình	Kênh bị bồi lắng
3	Xã Quới Thiện	Trung bình	Đất gò cao
4	Xã Quới An	Trung bình	Kênh bị bồi lắng
6	Xã Tân An Luông	Trung bình	Kênh bị bồi lắng
7	Xã Thanh Bình	Lớn	Kênh bị bồi lắng
8	Xã Trung Thành Tây	Trung bình	Kênh bị bồi lắng
9	Xã Trung Thành Đông	Trung bình	Đóng cống
<b>E</b>	<b>Thị xã Bình Minh</b>		
1	Phường Cái Vồn	Trung bình	Kênh bị bồi lắng
2	Phường Thành Phước	Trung bình	Kênh bị bồi lắng

TT	Tên đơn vị hành chính	Rủi ro	Nguyên nhân
3	Phường Đông Thuận	Trung bình	Kênh bị bồi lắng
4	Xã Đông Thạnh	Trung bình	Đất gò cao
5	Xã Đông Bình	Trung bình	Đất gò cao
6	Xã Mỹ Hòa	Lớn	Kênh bị bồi lắng
7	Xã Đông Thành	Lớn	Đất gò cao
8	Xã thuận An	Trung bình	Kênh bị bồi lắng

## 5.2.5 Đối với sạt lở đất do dòng chảy

### 5.2.5.1 Sạt lở đất do dòng chảy có cấp độ rủi ro thiên tai là cấp độ 1

Thông báo thường xuyên và liên tục các vị trí bờ sông, kênh, rạch có nguy cơ sạt lở để người dân biết, chủ động di dời; tổ chức tuyên truyền, vận động, hỗ trợ người dân di dời ra khỏi khu vực nguy hiểm đến nơi tạm cư an toàn.

Thường xuyên kiểm tra các trường hợp xây dựng công trình trên hành lang bảo vệ bờ sông, kênh, rạch; nếu phát hiện công trình, vật kiến trúc xây dựng, xâm phạm trái phép thì kiên quyết xử phạt, buộc tháo dỡ, khôi phục lại nguyên trạng; tổ chức cưỡng chế tháo dỡ nếu không chấp hành.

Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các chủ đầu tư, chủ dự án thực hiện xây dựng công trình phòng, chống sạt lở, bảo vệ bờ sông, kênh, rạch đúng tiến độ.

Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã căn cứ theo tình hình thực tế khẩn trương triển khai Phương án, kế hoạch phòng, chống, ứng phó với sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy tại địa phương. Thống kê, đánh giá thiệt hại và tổng hợp, báo cáo về Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh.

### 5.2.5.2 Sạt lở đất do dòng chảy có cấp độ rủi ro thiên tai là cấp độ 2

#### a) Công tác tổ chức phòng, tránh, ứng phó

Thường xuyên kiểm tra, rà soát các khu vực có nguy cơ sạt lở tại các tuyến sông, kênh, rạch trên địa bàn tỉnh, tiến hành cấm biển cảnh báo nguy hiểm sạt lở, phân loại mức độ sạt lở và sắp xếp thứ tự ưu tiên xử lý sạt lở theo quy định tại Điều 4 và Điều 5 Quyết định số 01/2011/QĐ-TTg ngày 04 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ, từ đó có biện pháp xử lý sạt lở phù hợp; trong đó, ưu tiên các vị trí tập trung dân cư đông, các công trình phúc lợi công cộng quan trọng, công trình phục vụ quốc phòng - an ninh; tổ chức tuyên truyền cho nhân dân sinh sống xung quanh biết và chủ động phòng, tránh. Cụ thể như sau:

#### **Phân loại mức độ sạt lở:**

- Sạt lở đặc biệt nguy hiểm, gây nguy hiểm trực tiếp đến đối tượng cần bảo vệ trong thời gian ngắn, gồm:

+ Sạt chân đê hoặc trong phạm vi bảo vệ đê từ cấp đặc biệt đến cấp III, đe dọa trực tiếp đến an toàn đê.

+ Gây nguy hiểm trực tiếp đến các khu đô thị, khu dân cư sinh sống tập trung, trụ sở các cơ quan từ cấp huyện trở lên.

+ Đã và đang ảnh hưởng trực tiếp đến các công trình hạ tầng quan trọng đang sử dụng gồm quốc lộ, trường học, bệnh viện từ tuyến huyện trở lên.

-Sạt lở nguy hiểm, gồm:

+ Có nguy cơ ảnh hưởng đến đê nhưng còn ngoài phạm vi bảo vệ đê từ cấp đặc biệt đến cấp III hoặc ảnh hưởng trực tiếp đến đê dưới cấp III.

+ Ảnh hưởng đến các khu đô thị, khu dân cư sinh sống tập trung, trụ sở các cơ quan.

+ Có nguy cơ ảnh hưởng đến các công trình hạ tầng quan trọng đang sử dụng gồm: quốc lộ, tỉnh lộ; di tích lịch sử, văn hóa; trường học, bệnh viện, trạm y tế.

-Sạt lở bình thường: những sạt lở khác, không thuộc 02 trường hợp nêu trên.

#### ***Thứ tự ưu tiên xử lý sạt lở:***

Theo mức độ sạt lở, thứ tự ưu tiên xử lý sạt lở như sau:

-Sạt lở đặc biệt nguy hiểm;

-Sạt lở nguy hiểm;

-Sạt lở bình thường.

Theo đối tượng cần bảo vệ, thứ tự ưu tiên xử lý sạt lở như sau:

-Sạt lở ảnh hưởng đến an toàn đê, nhất là hệ thống đê từ cấp đặc biệt đến cấp III.

- Sạt lở trực tiếp đe dọa an toàn khu đô thị, khu dân cư sinh sống tập trung, trụ sở các cơ quan;

-Sạt lở ảnh hưởng đến công trình hạ tầng quan trọng đang sử dụng.

-Sạt lở ảnh hưởng đến các công trình, đối tượng khác.

#### ***Trình tự xử lý sạt lở:***

Khi xảy ra sạt lở, ảnh hưởng đến phạm vi, trách nhiệm quản lý của cơ quan, đơn vị, địa phương nào, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương đó phải chủ động chỉ đạo xử lý theo trình tự các bước sau:

- Xử lý sạt lở đặc biệt nguy hiểm: Sơ tán khẩn cấp người, tài sản ra khỏi khu vực sạt lở nguy hiểm và khu vực có nguy cơ xảy ra sạt lở nguy hiểm; Thông báo, cấm biển cảnh báo, khoanh vùng ngăn không cho người, phương tiện vào khu vực sạt lở, bố trí cán bộ trực canh theo dõi chặt chẽ diễn biến sạt lở; Chỉ đạo các cơ quan chức năng, đơn vị thuộc thẩm quyền xử lý bước đầu để hạn chế sạt lở; Tổ chức lập phương án xử lý cấp bách, phê duyệt phương án và huy động lực lượng, vật tư xử lý cấp bách theo quy định của pháp luật để đảm bảo an toàn đê, tính mạng, tài sản của nhân dân và nhà nước.

- Xử lý sạt lở nguy hiểm: Tổ chức ngay việc di dời để đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản của nhân dân và nhà nước; Thông báo, cấm biển cảnh báo, khoanh vùng ngăn

không cho người, phương tiện vào khu vực sạt lở, theo dõi diễn biến sạt lở; Chỉ đạo việc xử lý bước đầu để hạn chế sạt lở; Chỉ đạo cơ quan liên quan tổ chức khảo sát, đánh giá để lập dự án đầu tư xử lý sạt lở trong trường hợp cần thiết; Tổ chức lập, phê duyệt dự án đầu tư (nếu có) và triển khai xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Xử lý sạt lở bình thường: Tổ chức theo dõi chặt chẽ diễn biến sạt lở, chủ động di dời dân cư đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản khi cần thiết; Cấm biển cảnh báo, khoanh vùng khu vực đang có diễn biến sạt lở; thực hiện các biện pháp xử lý để hạn chế sạt lở trong trường hợp cần thiết; Tổ chức lập, phê duyệt dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.

***Biện pháp xử lý sạt lở:***

- Biện pháp phi công trình: Tuyên truyền, giáo dục cho cộng đồng dân cư nâng cao ý thức và trách nhiệm trong việc phòng ngừa và xử lý sạt lở bờ sông, kênh, rạch; Nghiên cứu, quan trắc, thông báo diễn biến sạt lở; cảnh báo vùng có nguy cơ xảy ra sạt lở cao để có các biện pháp thích hợp phòng tránh, hoặc giảm thiểu thiệt hại; Di dời dự án, nhà cửa, công trình ra khỏi khu vực đang xảy ra sạt lở nguy hiểm hoặc có nguy cơ sạt lở nguy hiểm; lập quy hoạch, kế hoạch và phương án di dời dân cư, công trình trong vùng sạt lở hoặc có nguy cơ sạt lở; không quy hoạch, xây dựng mới công trình dân dụng hoặc bố trí dân cư ở những vùng có nguy cơ sạt lở; Kiểm tra, ngăn chặn khai thác cát, sỏi, khoáng sản, xây dựng công trình, nhà cửa hoặc thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh trái phép, sai phép làm ảnh hưởng hoặc gây sạt lở bờ sông, kênh, rạch; Trồng cây chắn sóng, trồng cỏ mái bờ sông, kênh, rạch để hạn chế; Nghiên cứu, áp dụng công nghệ mới xử lý sạt lở bờ sông, kênh, rạch.

- Biện pháp công trình: Xây dựng kè, rọ đá và gia cố bằng cừ tràm, cừ dừa.

Biện pháp xây dựng kè phòng, chống sạt lở chỉ được áp dụng trong các trường hợp không thực hiện được biện pháp phi công trình, hoặc có thể thực hiện được nhưng không đảm bảo hiệu quả, hoặc đã thực hiện các giải pháp phi công trình nhưng sạt lở vẫn xảy ra và có khả năng gây ảnh hưởng nghiêm trọng; Việc xây dựng công trình phòng, chống sạt lở phải tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng, quản lý đầu tư xây dựng công trình, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Khẩn trương đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình bảo vệ bờ sông, kênh, rạch; thường xuyên tổ chức kiểm tra các tuyến kè bảo vệ bờ sông, kênh, rạch, đã được đầu tư xây dựng để kịp thời phát hiện các vị trí xuống cấp, hư hỏng và có kế hoạch duy tu, sửa chữa đảm bảo an toàn công trình nhằm phát huy hiệu quả phòng, chống sạt lở, triều cường;

***b) Công tác tổ chức khắc phục hậu quả***

Khẩn trương, kịp thời ứng cứu người, trục vớt tài sản và đảm bảo an ninh, trật tự tại khu vực xảy ra sạt lở;

Tổ chức vận động di dời và hỗ trợ nhân dân di dời ra khỏi khu vực nguy hiểm đến nơi tạm cư an toàn; tổ chức tốt lực lượng thường xuyên chốt chặn tại các vị trí đã xảy ra sạt lở, kiên quyết không để người dân quay lại khu vực sạt lở để di dời tài sản hoặc ở lại các căn nhà có nguy cơ tiếp tục sạt lở, bảo vệ tài sản của hộ dân sau khi đã di dời.

Kịp thời cứu trợ các cá nhân, hộ gia đình bị thiệt hại sau thiên tai;

Thống kê, đánh giá thiệt hại và đề xuất các biện pháp hỗ trợ, khôi phục sản xuất, kinh doanh, ổn định đời sống cho nhân dân.

### **5.2.6 Đối với mưa lớn, triều cường**

#### *a) Công tác chỉ đạo chỉ huy*

Công tác chỉ đạo chỉ huy sẽ được thực hiện ở các cấp (cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã/phường). Nội dung chỉ đạo gồm:

- Công tác trực ban: Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và TKCN các cấp tổ chức trực ban 24/24h, theo dõi chặt chẽ diễn biến tình hình mực nước triều cường và các văn bản, công điện chỉ đạo từ Ban Chỉ đạo Quốc gia về Phòng chống thiên tai, UBND tỉnh, thông tin đến các ngành, các cấp biết chủ động ứng phó;

- Công tác truyền thông: Đài Phát thanh và Truyền hình Vĩnh Long và Đài phát thanh, truyền thanh cấp huyện tổ chức phát các bản tin về diễn biến tình hình mực nước triều cường và các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo để các ngành, các cấp và người dân biết, chủ động phòng tránh; tuyên truyền, hướng dẫn người dân các biện pháp, kỹ thuật, kỹ năng ứng phó với triều cường.

- Công tác đảm bảo an toàn cho người dân, hoạt động sinh hoạt, sản xuất của người dân ở vùng trũng thấp có nguy cơ bị ngập do triều cường dâng cao:

+ Xác định dân khu vực vùng trũng thấp, sạt lở phải sơ tán;

+ Đảm bảo hoạt động sản xuất hỗ trợ dân thu hoạch lúa, hoa màu; các diện tích nuôi trồng thủy sản, bảo vệ bờ bao các ao, hồ...

+ Thường xuyên kiểm tra các phương tiện như phà, đò ngang, đò dọc đảm bảo các trang thiết bị như áo phao, phao cứu sinh,...

+ Thường xuyên kiểm tra hệ thống đê bao, bờ bao; xử lý khắc phục kịp thời các tình huống như sụt lún, sạt lở; Đảm bảo an toàn đi lại của người dân trong vùng bị ngập.

- Tổ chức các đoàn kiểm tra, rà soát các công trình xung yếu; Cử cán bộ trực tại các khu vực xung yếu, trọng điểm; Sẵn sàng các phương án để hộ đê/bờ bao, ứng phó với sự cố đê điều/bờ bao.

- Bộ Chỉ huy Quân sự chủ động xây dựng phương án bố trí lực lượng, vật tư, phương tiện, sẵn sàng hỗ trợ địa phương ứng cứu đối với các khu vực có nguy cơ vỡ đê bao gây ngập trên diện rộng, đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản của người dân.

- Công an tỉnh chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự tại nơi sơ tán đến, đảm bảo an ninh khu vực dân đi sơ tán; Thực hiện các biện pháp bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu, công trình trọng điểm, phòng, chống

tội phạm và các phần tử xấu lợi dụng thiên tai để hoạt động phá hoại, chiếm đoạt tài sản của cơ quan, tổ chức và nhân dân.

- Chi cục Thủy lợi tổ chức triển khai công tác kiểm tra vận hành hệ thống cống đầu mối để chủ động tiêu úng, bảo vệ sản xuất của người dân.

- Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với địa phương tổ chức kiểm tra, rà soát diện tích lúa, hoa màu, thủy sản nhất là đối với các khu vực thấp, trũng không có đê bao bảo vệ, hướng dẫn người dân tiêu úng, di dời lồng bè đảm bảo an toàn sản xuất trước khi mực nước dâng lên cao.

- Công ty Điện lực Vĩnh Long:

+ Tổ chức kiểm tra, khảo sát các công trình do ngành quản lý, tiến hành gia cố, sửa chữa các trường hợp hỏng hóc, mất an toàn.

+ Triển khai các phương án đảm bảo an toàn lưới điện.

+ Sẵn sàng lực lượng, phương tiện khắc phục kịp thời các sự cố.

- Sở Giao thông vận tải: Tổ chức kiểm tra các tuyến đường giao thông, phát hiện kịp thời các chướng ngại vật, ổ gà, ổ lồi, xuống cấp để đưa ra giải pháp duy tu, sửa chữa, đồng thời triển khai các phương án giải phóng mặt đường nhằm đảm bảo giao thông được thông suốt.

- Sở Thông tin và Truyền thông: Chỉ đạo các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông kiểm tra mạng lưới, trang thiết bị, hệ thống thông tin chuyên dùng, phương tiện, nhà trạm, cột ăng ten, máy phát điện, thiết bị bảo an,... đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt phục vụ cho công tác ứng phó, nhất là việc thông tin từ các bộ phận và các huyện về Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh và ngược lại, đảm bảo thông tin liên lạc từ Ban Chỉ huy tỉnh về UBND tỉnh và Trung ương (chú ý không được để mất thông tin liên lạc với cù lao, khu vực ven sông).

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố chỉ đạo bộ phận chuyên môn thường xuyên kiểm tra hệ thống đê bao, bờ bao và các khu vực xung yếu trên địa bàn quản lý; Chuẩn bị máy bơm dầu, trạm bơm điện để tiêu thoát nước; Xử lý, gia cố kịp thời, cũng như triển khai ngay các phương án di dời dân đến nơi an toàn khi triều cường dâng cao; tổ chức trực ban nghiêm túc, theo dõi chặt chẽ các bản tin cảnh báo, dự báo về diễn biến của triều cường; báo cáo tình hình thiệt hại (nếu có) về Văn phòng Thường trực BCH PCTT&TKCN tỉnh để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo kịp thời.

*b) Công tác huy động lực lượng, phương tiện tại chỗ:*

- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh: Chỉ đạo, điều động lực lượng trực thuộc phối hợp hỗ trợ các địa phương gia cố khẩn cấp các công trình phòng chống thiên tai (đê, kè,...) bị hư hỏng, sạt lở, bảo đảm an toàn công trình;

- Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã huy động các lực lượng (nòng cốt là Đội xung kích PCTT cấp xã) trưng dụng các loại phương tiện, vật tư từ các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đóng trên địa bàn quản lý để triển khai các phương án, giải pháp ứng phó, cụ thể:



- + Tuân tra canh gác đê/bờ bao; tổ chức thực hiện phương án hộ đê/bờ bao;
- + Hỗ trợ, giúp dân sơ tán khỏi vùng bị ngập nặng;
- + Hỗ trợ trông giữ trẻ tập trung, theo dõi, quản lý chặt chẽ, đảm bảo an toàn cho các em;
- + Tổ chức cấm biển báo, bố trí lực lượng ứng trực chốt, chặn, cấm người, phương tiện qua lại ở những đoạn đường bị ngập và những nơi có dòng chảy xiết;
- + Di dời các tài sản, lương thực ra khỏi nơi có nguy cơ bị ngập;
- + Đảm bảo an ninh trật tự tại nơi sơ tán đến, đảm bảo an ninh khu vực dân đi sơ tán;
- + Đảm bảo thông tin liên lạc được thông suốt phục vụ quá trình chỉ đạo điều hành;
- + Đảm bảo phương án cấp điện, vật tư, nhu yếu phẩm và các vật dụng khác để thực hiện;
- + Sẵn sàng cứu hộ, cứu nạn: tổ chức tìm kiếm người, phương tiện do nước cuốn trôi; cứu chữa người bị thương; lập các trạm cấp cứu tạm thời hoặc trung dụng có thời hạn các trụ sở, cơ quan, trường học, bệnh viện để tiếp nhận cứu người;
- Các ngành dọc thực hiện các nhiệm vụ của lĩnh vực mình quản lý:
  - + Lực lượng Công an: Đảm bảo an ninh trật tự khu vực bị ảnh hưởng; Đảm bảo an toàn giao thông, khắc phục, xử lý ách tắc giao thông vùng bị ngập; Cấm biển báo hiệu tại khu vực bị ảnh hưởng; bố trí cán bộ điều khiển giao thông; phân luồng giao thông để các phương tiện được lưu thông dễ dàng; Bố trí lực lượng bảo vệ tài sản, cơ sở hạ tầng của nhân dân và Nhà nước,...
  - + Ngành Điện lực: Xử lý các sự cố về hệ thống lưới điện; nhanh chóng khắc phục sự cố mất điện, đặc biệt ưu tiên đối với các vị trí đang chỉ đạo ứng phó;
  - + Ngành Thông tin: Đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt tại các khu vực trọng điểm, xung yếu qua mạng viễn thông cố định, di động và vô tuyến điện hiện có; Xử lý kịp thời các sự cố về viễn thông; Tăng cường giám sát mạng lưới, khi xảy ra sự cố, chỉ đạo ứng cứu, xử lý kịp thời, theo thứ tự ưu tiên;
  - + Ngành Giao thông: Xử lý, khắc phục những tuyến đường bị ách tắc do sạt lở; Phân công cụ thể cho các đơn vị chuyên ngành giao thông để xử lý các công việc theo nhiệm vụ.
  - Lực lượng cứu hộ, cứu nạn: Bố trí lực lượng Quân đội, Công an tại các điểm sơ tán; Cấp cứu kịp thời các đối tượng bị thương; tìm kiếm người, phương tiện mất tích; thành lập các trạm cấp cứu tạm thời hoặc trung dụng có thời hạn trụ sở cơ quan, trường học, cơ sở y tế tại khu vực đang xảy ra thiên tai để tiếp nhận cấp cứu người bị nạn; huy động nguồn lực để tham gia cứu chữa người bị nạn...

*c) Công tác vật tư, hậu cần tại chỗ:*

- Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo bộ phận chuyên môn, Ủy ban nhân dân cấp xã huy động mọi nguồn lực, sẵn sàng đảm bảo vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm:

+ Vật tư dùng để xử lý sự cố các công trình, đặc biệt là các hệ thống đê, các sự cố về đê điều, kè cống, công trình phòng chống sạt lở, công trình giao thông,...;

+ Vật tư, lương thực hỗ trợ cho các khu vực có thể bị chia cắt.

- Tiếp tục tuần tra, túc trực tại các điểm xung yếu trên địa bàn. Trong trường hợp phát sinh tình huống khẩn cấp thì tích cực ứng phó, hỗ trợ nhân dân ứng phó;

- Đảm bảo hậu cần từ nguồn dự trữ của chính quyền và nhân dân tại nơi sơ tán;

- Sẵn sàng vật tư để ứng phó khi có sự cố xảy ra đối với các công trình phòng chống thiên tai, đê điều;

- Sẵn sàng lương thực, thuốc chữa bệnh, nước uống và nhu yếu phẩm khác tại khu vực bị chia cắt, khu vực ngập nghiêm trọng;

- Sẵn sàng lực lượng, phương tiện để triển khai phương án cứu hộ, cứu nạn;

- Huy động khẩn cấp và tuân thủ quyết định chỉ đạo, huy động khẩn cấp về nhân lực, vật tư, phương tiện trang thiết bị, nhu yếu phẩm để kịp thời ứng phó với thiên tai.

### **5.2.7 Phân giao trách nhiệm ứng phó với từng cấp độ rủi ro**

Căn cứ vào cấp độ rủi ro thiên tai được công bố cùng nội dung bản tin dự báo, cảnh báo về thiên tai, Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các cấp địa phương thực hiện phân công, phân cấp trách nhiệm và phối hợp trong ứng phó với các cấp độ rủi ro thiên tai theo quy định. Cụ thể như sau:

#### **5.2.7.1 Phân cấp trực tiếp chỉ huy ứng phó theo các cấp độ rủi ro thiên tai**

Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp xã, phường, thị trấn: có trách nhiệm trực tiếp chỉ huy ứng phó trong trường hợp rủi ro thiên tai cấp độ 1 trên địa bàn phụ trách.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp huyện: có trách nhiệm trực tiếp chỉ huy ứng phó trong trường hợp rủi ro thiên tai cấp độ 1 xảy ra trong phạm vi từ hai xã trở lên hoặc khi nhận được yêu cầu trợ giúp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh: có trách nhiệm trực tiếp chỉ huy các địa phương, cơ quan, đơn vị trên địa bàn triển khai ứng phó trong trường hợp rủi ro thiên tai cấp độ 2.

Riêng rủi ro thiên tai cấp độ 3, 4 sẽ do Trung ương quyết định.

#### **5.2.7.2 Trách nhiệm trong ứng phó thiên tai**

Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các cấp chủ động huy động các nguồn lực theo thẩm quyền (nhân lực, vật tư, trang thiết bị, phương tiện,...) và triển khai các biện pháp ứng phó thiên tai trên địa bàn.

Tuân thủ sự chỉ đạo, chỉ huy của cơ quan cấp trên.

Hướng dẫn và tổ chức sơ tán người đến nơi an toàn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, quyết định tổ chức cưỡng chế sơ tán đối với trường hợp tổ chức, cá nhân không tự giác chấp hành chỉ đạo, chỉ huy, hướng dẫn sơ tán phòng, tránh thiên tai vì mục đích an toàn cho người dân.

Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

Trong trường hợp vượt quá khả năng ứng phó phải kịp thời báo cáo cơ quan cấp trên để được hỗ trợ.

*Bảng phân công trách nhiệm ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai – Xem phụ lục Atlats.*

### **5.2.8 Xác định nguồn lực thực hiện**

Nguồn lực để thực hiện công tác PCTT&TKCN tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021-2025, gồm:

- Về nguồn nhân lực dự kiến huy động – Xem Phụ lục 03;
- Về dự kiến kế hoạch mua sắm phương tiện, trang thiết bị - Xem Phụ lục 04A và Phụ lục 04B.
- Về dự kiến kế hoạch dự trữ lương thực, thực phẩm; nhiên liệu, vật liệu – Xem Phụ lục 05.

## **5.3 TỔ CHỨC TÌM KIẾM CỨU NẠN VÀ KHẮC PHỤC HẬU QUẢ, TÁI THIẾT SAU THIÊN TAI**

### **5.3.1 Triển khai công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, nhu yếu phẩm thiết yếu**

Tiếp tục triển khai công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu trợ, hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, nhu yếu phẩm thiết yếu khác và hỗ trợ tâm lý để ổn định đời sống của người dân:

- Cấp cứu người gặp nguy hiểm; tìm kiếm người, phương tiện mất tích.
- Tiếp tục sơ tán người ra khỏi nơi nguy hiểm, ưu tiên đối tượng dễ bị tổn thương.
- Lập các trạm cấp cứu tạm thời hoặc trung dụng có thời hạn trụ sở cơ quan, trường học, cơ sở y tế tại khu vực có thiên tai để tiếp nhận cấp cứu người bị nạn.
- Xác định đối tượng cần được cứu trợ bao gồm cá nhân bị thương, hộ gia đình có người bị chết; hộ gia đình, cá nhân bị mất nhà ở, không có lương thực, nước uống và nhu yếu phẩm khác có nguy cơ ảnh hưởng tới tính mạng và sức khỏe, đặc biệt quan tâm tới đối tượng dễ bị tổn thương.
- Huy động người, vật tư, trang thiết bị, thuốc chữa bệnh để tham gia cứu chữa người bị nạn.
- Dựng các lán trại tạm thời cho người dân bị mất nhà ở.
- Tiếp tục duy trì hệ thống tiếp nhận các nguồn hàng cứu trợ.
- Cấp phát lương thực, thực phẩm, nước sạch, nhu yếu phẩm, các loại cây, con giống, vật liệu xây dựng...

- Xây dựng các phương án huy động nhân sự, vật tư, phương tiện cho công tác khắc phục hậu quả của từng loại hình cứu nạn, cứu trợ.

### **5.3.2 Thống kê, đánh giá thiệt hại, nhu cầu hỗ trợ**

#### **5.3.2.1 Nguyên tắc thống kê, đánh giá thiệt hại**

Để đảm bảo công tác thống kê được chính xác, kết quả đánh giá thiệt hại được sát với tình hình thực tế, các nguyên tắc sau đây cần được tuân thủ trong quá trình thực hiện, gồm:

- Thống kê, đánh giá thiệt hại phải được thực hiện phù hợp với thực tế, đáp ứng việc chỉ đạo, điều hành, ứng phó với thiên tai. Việc lập báo cáo thống kê thiệt hại phải được thực hiện theo đúng thẩm quyền.

- Đảm bảo tính khách quan, công khai, minh bạch; Phản ánh sát thực tế về mức độ thiệt hại do thiên tai gây ra.

- Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị liên quan đến hoạt động thống kê, đánh giá thiệt hại.

- Đáp ứng được các yêu cầu trong công tác thống kê, đánh giá thiệt hại.

#### **5.3.2.2 Biểu mẫu thống kê**

Biểu mẫu áp dụng trong thống kê thiệt hại do thiên tai gây ra được quy định trong thông tư liên tịch giữa Bộ NN&PTNT với Bộ KH&ĐT số 43/2015/TTLT-BNNPTNN-BKHĐT ngày 23/11/2015. Cụ thể như sau:

- Các loại thiên tai gồm bão, ATNĐ, mưa lớn, lũ, sạt lở đất do dòng chảy, sụt lún đất, nước dâng do triều cường được thống kê theo mẫu số 01/TKTH.

- Đối với thiệt hại do lốc xoáy, sét được thống kê theo biểu mẫu 02/TKTH.

- Đối với thiệt hại do hạn hán, xâm nhập mặn được thống kê theo biểu mẫu 04/TKTH.

### **5.3.3 Xây dựng và tái thiết**

- Căn cứ vào kết quả thống kê, đánh giá thiệt hại, nhu cầu hỗ trợ, tiến hành các thủ tục hỗ trợ người dân bị thiệt hại về người, dân sinh, sản xuất theo quy định (tiến hành ngay). Hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư, trang thiết bị, nhiên liệu thiết yếu khác để phục hồi sản xuất. Cung ứng vật tư, hàng hóa thiết yếu và thực hiện biện pháp quản lý giá, bình ổn thị trường.

- Phân bổ kinh phí hỗ trợ từ Trung ương và nguồn kinh phí dự phòng của địa phương để đầu tư sửa chữa, nâng cấp cơ sở hạ tầng bị thiệt hại sau thiên tai theo thứ tự ưu tiên (tiến hành khắc phục hậu quả khẩn cấp trong thời gian 3 - 6 tháng hoặc muộn nhất là 1 năm sau khi thiên tai xảy ra).

- Dựa vào báo cáo đánh giá thiệt hại, tiến hành rà soát, điều chỉnh lại cấp độ rủi ro và giải pháp phòng ngừa, giảm thiểu cho phù hợp.

- Tổ chức huy động, quyên góp và phân bổ nguồn lực cứu trợ, hỗ trợ.

### 5.3.4 Vệ sinh môi trường sau thiên tai

Môi trường có nguy cơ bị ô nhiễm rất lớn, đặc biệt là môi trường nước, môi trường đất sau mỗi đợt thiên tai xảy ra (nước dâng gây ngập úng, hạn hán – xâm nhập mặn, bão, ATNĐ ...). Tình trạng dịch bệnh có thể xuất hiện và bùng phát trên phạm vi lớn. Do đó, để khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường kéo dài, dịch bệnh ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống của người dân, cần phải thực hiện ngay các công việc sau:

- Huy động lực lượng, phương tiện trên địa bàn, phát động chiến dịch tổng vệ sinh môi trường sau thiên tai (thu dọn cây cối gãy đổ, thu hồi xác gia súc, gia cầm bị chết, tẩy uế nhà cửa, vệ sinh ruộng, vườn; vệ sinh nguồn nước).

- Tổ chức khám, chữa bệnh, phát thuốc miễn phí cho dân vùng bị thiên tai.

- Cung cấp viên lọc nước để khử trùng, lọc nước phục vụ sinh hoạt khẩn cấp.

## 5.4 BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI LIÊN VÙNG

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, Đồng bằng sông Cửu Long nói chung và Vĩnh Long nói riêng đang đối mặt nhiều thách thức do đây là vùng đất mặn cảm với thay đổi tự nhiên. Biến đổi khí hậu và nước biển dâng diễn ra nhanh hơn dự báo, gây ra nhiều hiện tượng thời tiết cực đoan, ảnh hưởng đến sinh kế và đời sống người dân. Vấn đề khai thác tài nguyên trên thượng nguồn, việc xây dựng đập thủy điện đã làm thay đổi dòng chảy, giảm lượng phù sa, suy giảm nguồn lượng thủy sản, xâm nhập mặn sâu vào nội vùng, tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội của vùng. Mặt trái từ hoạt động phát triển kinh tế với cường độ cao ở nội vùng bộc lộ ngày càng gay gắt, gây ra nhiều hệ lụy: ô nhiễm môi trường, sụt lún đất, suy giảm mực nước ngầm... Bên cạnh đó, việc khai thác bùn cát quá mức, xây dựng nhà cửa và hạ tầng sát bờ sông, kênh, rạch làm tăng nguy cơ sạt lở.

Trước tình hình đó, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 593/QĐ-TTG ngày 06 tháng 4 năm 2016 về việc ban hành Quy chế thí điểm liên kết phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2016 – 2020. Trong nội dung thí điểm liên kết vùng có nêu rõ lĩnh vực liên kết: “Đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống thủy lợi phục vụ tưới tiêu; phòng chống lũ; kiểm soát xâm nhập mặn; quản lý, khai thác sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước; nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản trong mùa khô; xây dựng, nâng cấp hệ thống đê biển, đê bao, cống, đập, vành đai rừng ngập mặn và các dự án bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu”.

Phối hợp chặt chẽ với tỉnh Trà Vinh trong việc thực hiện vận hành hệ thống thủy lợi Nam Măng Thít đảm bảo hệ thống hoạt động có hiệu quả, cung cấp đầy đủ nguồn nước cho nhu cầu sản xuất, giảm thiểu xung đột về nguồn nước và phòng, chống thiên tai, đặc biệt là hạn hán, xâm nhập mặn và triều cường.

Phối hợp với tỉnh Tiền Giang, Bến Tre, Sóc Trăng, Hậu Giang và Thành phố Cần Thơ tiến hành xác định, cắm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước sông liên tỉnh (sông Tiền, sông Hậu).

## **CHƯƠNG 6. LỒNG GHÉP NỘI DUNG PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN**

Lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội là một quá trình tích hợp có chọn lọc những đánh giá tác động thiên tai, giải pháp ưu tiên về giảm nhẹ rủi ro thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu vào quá trình xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội.

### **6.1 YÊU CẦU VÀ NGUYÊN TẮC LỒNG GHÉP**

#### **6.1.1 Yêu cầu lồng ghép**

Theo Điều đ, Mục 3, Điều 15 của Luật Phòng chống thiên tai đã quy định việc lồng ghép nội dung PCTT vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

Thông tư số 05/2016/TT-BKHĐT về hướng dẫn lồng ghép nội dung PCTT vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành kinh tế - xã hội của cả nước, các Bộ, ngành.

Những lợi ích của việc lồng ghép PCTT vào quy hoạch, kế hoạch PTKT XH:

- Tạo mức độ bền vững công trình và an toàn xã hội, hạn chế được những hình thái rủi ro mới do các công trình xây dựng tạo nên.

- Đánh giá được rủi ro thiên tai cho từng vùng và xây dựng được các giải pháp phù hợp, có tính khả thi cao.

- Tiên đoán được rủi ro thiên tai và hạn chế được hậu quả do thiên tai mang lại do sự kém hiểu biết hoặc thiếu thông tin.

- Huy động được nguồn lực đóng góp Quỹ phòng chống thiên tai (Quỹ PCTT) từ nhiều nguồn khác nhau.

- Phát triển bền vững, công trình bền vững đem lại hiệu quả tốt hơn cho phát triển kinh tế và an toàn xã hội.

- Giảm lãng phí, thất thoát, tránh được sự chùng chéo trong đầu tư.

- Tăng năng suất, sản lượng cây trồng, vật nuôi, tăng diện tích canh tác.

- Nâng cao tính trách nhiệm, tính chủ động của cấp tỉnh, huyện.

- Đảm bảo tính công bằng xã hội: các tỉnh có điều kiện tự nhiên không thuận lợi sẽ có chính sách ưu tiên hơn trong đầu tư cơ sở hạ tầng.

- Giảm được tình trạng dễ bị tổn thương về mặt xã hội, góp phần xóa đói giảm nghèo bền vững.

- Tăng thêm năng lực đối phó với thiên tai của cộng đồng, giảm nhóm dễ bị tổn thương và tình trạng dễ bị tổn thương.

- Tạo điều kiện để các tỉnh tự xây dựng được các chính sách, thể chế liên quan đến phòng chống thiên tai và phát triển kinh tế - xã hội.

- Gắn kết việc lập kế hoạch phòng, chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai với Kế hoạch Phát triển kinh tế - xã hội sau khi đã được tăng cường ở các cấp địa phương.

### **6.1.2 Nguyên tắc lồng ghép**

Thông tư 05/2016/TT-BKHĐT hướng dẫn lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế-xã hội. Theo đó, việc lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế-xã hội phải dựa trên các nguyên tắc sau đây:

- Nội dung phòng, chống thiên tai phải được lồng ghép vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế-xã hội.

- Căn cứ vào kết quả đánh giá, loại hình rủi ro thiên tai, phân vùng rủi ro thiên tai ứng với mỗi loại hình và cấp độ rủi ro thiên tai của ngành và/hoặc địa phương để lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai.

- Ưu tiên các công trình đa mục tiêu, kết hợp giải pháp công trình và phi công trình, hướng tới phát triển bền vững và đối tượng dễ bị tổn thương trong lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai.

- Nguồn vốn cho công tác phòng, chống thiên tai được lồng ghép, cân đối trong quá trình lập đề cương, nhiệm vụ quy hoạch; trong quá trình xây dựng dự toán ngân sách kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, kế hoạch đầu tư phát triển.

## **6.2 QUY TRÌNH CÁC BƯỚC THỰC HIỆN LỒNG GHÉP**

Quy trình thực hiện lồng ghép, bao gồm các bước như sau:

### **6.2.1 Rà soát lồng ghép nội dung PCTT trong các quy hoạch, kế hoạch ngành, phát triển Kinh tế - xã hội**

Rà soát, đánh giá việc thực hiện nội dung phòng, chống thiên tai trong thực hiện quy hoạch, kế hoạch của giai đoạn trước, bao gồm:

- Rà soát, nghiên cứu các văn bản pháp lý, chương trình kế hoạch có liên quan đến phòng, chống thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu.

- Rà soát các nghiên cứu, báo cáo, dự báo về xu thế thiên tai và biến đổi khí hậu có thể tác động đến sự phát triển ngành, kinh tế - xã hội.

- Đánh giá tình hình thiên tai và thiệt hại do thiên tai gây ra đối với kinh tế, xã hội và môi trường trong kỳ kế hoạch, quy hoạch. Căn cứ vào báo cáo tổng kết công tác phòng, chống thiên tai hàng năm và 5 năm, địa phương dự báo và xác định những loại thiên tai thường xảy ra, bao gồm cả tần suất, cường độ và số liệu thiệt hại của mỗi loại thiên tai: xác định loại thiên tai nguy hiểm nhất, thường xuyên xảy ra nhất và gây tác hại nặng nề nhất; tiến hành phân tích, đánh giá mức độ thiệt hại của thiên tai với từng lĩnh vực.

### **6.2.2 Phân tích tình trạng và khả năng chống chịu thiên tai của các đối tượng dễ bị tổn thương trong tương lai về kinh tế, xã hội và môi trường**

- Sự khác nhau về tình trạng dễ bị tổn thương theo giới tính: giữa nam và nữ; theo mức thu nhập: giữa người giàu và người nghèo; theo độ tuổi: người cao tuổi và người trẻ tuổi; theo trình độ, nhận thức và mật độ dân số.



- Các đối tượng dễ bị tổn thương bao gồm: trẻ em, người cao tuổi, phụ nữ đang mang thai hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi, người khuyết tật, người bị bệnh hiểm nghèo và người nghèo.

- Các nhóm cư trú tại khu vực dễ bị tổn thương do thiên tai như: Vùng thấp, trũng thường bị ngập lụt, vùng hay bị sạt lở đất dọc theo các bờ sông, kênh, rạch hoặc nhóm nghề nghiệp dễ bị tổn thương do thiên tai như: nghề khai thác, đánh bắt thủy trên sông; nuôi trồng thủy trên sông; nghề vận tải đường thủy, các địa điểm du lịch, các hộ không có nghề nghiệp ổn định, thường xuyên di chuyển kiếm việc làm.

### **6.2.3 Xác định các nguyên nhân dẫn đến thiệt hại của từng lĩnh vực (kinh tế, xã hội và môi trường):**

- Tính chính xác của các thông tin dự báo, cảnh báo khí tượng - thủy văn; tính kịp thời và khả năng tiếp nhận thông tin dự báo, cảnh báo đến cơ sở và người dân, đặc biệt với đối tượng dễ bị tổn thương.

- Sự chủ động triển khai các phương án phòng, chống thiên tai.

- Sự phù hợp với các quy hoạch liên quan đến phòng, chống thiên tai; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn phòng, chống thiên tai của công trình.

- Sự sẵn sàng của các trang thiết bị thông tin liên lạc và cứu hộ, cứu nạn.

- Sự tuân thủ các quy định an toàn trong quản lý phương tiện và tham gia giao thông trong thiên tai.

- Sự sẵn có của các địa điểm tránh, trú bão an toàn cho người dân, các điểm cấp cứu tại các khu vực trọng yếu về thiên tai.

- Công tác cứu hộ, cứu nạn đối với con người, công trình đang chịu ảnh hưởng trực tiếp của thiên tai.

- Tình hình thực hiện phương châm “bốn tại chỗ”: Chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ; và hậu cần tại chỗ.

- Năng lực kiểm tra, giám sát của chính quyền địa phương.

### **6.2.4 Xác định các giải pháp phòng, chống thiên tai theo thứ tự ưu tiên phù hợp với các loại hình thiên tai thường xuyên xảy ra**

Sở Kế hoạch và Đầu tư căn cứ theo Thông tư 05/2016/TT-BKHĐT ngày 6/6/2016 về Hướng dẫn lồng ghép nội dung Phòng, chống thiên tai vào Quy hoạch, Kế hoạch phát triển ngành, kinh tế xã hội và nội dung Kế hoạch phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn giai đoạn 2021 - 2025 này, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cùng các Sở, ngành liên quan đề xuất Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh ban hành và hướng dẫn Sở, ngành, chính quyền địa phương các cấp cách thức xác định giải pháp, biện pháp phòng chống thiên tai chi tiết cho từng ngành, lĩnh vực, địa phương để lồng ghép vào Quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội tại địa phương; đề xuất nguồn vốn triển khai thực hiện và tham mưu thành lập bộ phận xét tiêu chí thứ tự ưu tiên triển khai thực hiện hàng năm cho các hạng mục giải pháp đã được đề xuất. Sau đó, tổng hợp đưa vào nội dung rà soát Kế hoạch PCTT cấp tỉnh hàng năm. Làm cơ sở để các cấp

chính quyền, các Sở, ngành thực hiện mục tiêu phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai trong lĩnh vực, phạm vi mình phụ trách đã được đề ra.

### **6.2.5 Giám sát, đánh giá việc thực hiện nội dung lồng ghép**

- Nội dung đánh giá kết quả lồng ghép:

+ Mức độ lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai (bao gồm biện pháp công trình và phi công trình) và thích ứng với BĐKH vào các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội và môi trường.

+ Nguồn lực thực tế đã được huy động để đầu tư cho phòng ngừa, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai và ứng phó với BĐKH, so với nhu cầu thực tế đã đáp ứng được bao nhiêu phần trăm (%) ?

+ Hiệu quả đầu tư của các chương trình, đề án, dự án về phòng, chống thiên tai và BĐKH thuộc lĩnh vực, địa phương mình quản lý đã phát huy tác dụng như thế nào ?

+ So sánh thiệt hại về vật chất do thiên tai và BĐKH gây ra so với tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) hoặc giá trị sản xuất của địa phương, của ngành trước và sau khi đã thực hiện việc lồng ghép;

+ Tác động của thiên tai và BĐKH đối với các vấn đề xã hội, như: thiệt hại về người và tài sản; vấn đề nhà ở của những gia đình bị ảnh hưởng thiên tai; tình hình đói nghèo; sinh kế của người dân; tình hình dịch bệnh; dịch vụ y tế; mức độ ảnh hưởng việc học hành của học sinh; mức độ phải đóng góp của người dân để khôi phục trường học, bệnh viện, trạm xá bị hư hỏng, hỗ trợ cho người bị thiệt hại,... đã có chuyển biến gì sau khi thực hiện lồng ghép;

+ Các tác động tiêu cực đến môi trường do thiên tai và BĐKH gây ra so với trước khi thực hiện lồng ghép;

+ Nhận thức của cộng đồng về phòng, chống thiên tai và BĐKH gây ra so với trước khi thực hiện lồng ghép;

+ Số lượng các quy hoạch, chương trình, dự án đã được lồng ghép và chưa lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai và BĐKH.

- Thời gian thực hiện đánh giá kết quả lồng ghép:

+ Đối với quy hoạch: thực hiện sau mỗi 1/4 kỳ quy hoạch. Kết thúc kỳ quy hoạch đánh giá một lần.

+ Đối với kế hoạch: Mỗi năm đánh giá 01 lần (tổng kết cuối năm), kết hợp cùng với việc đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch của năm trước, xây dựng kế hoạch năm sau. Kết thúc kế hoạch 5 năm đánh giá một lần kết hợp cùng với việc đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch của 5 năm trước để chuẩn bị xây dựng kế hoạch 5 năm tiếp theo.

## **6.3 NỘI DUNG LỒNG GHÉP**

### **6.3.1.1 Lồng ghép trong các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động của thiên tai đến con người và sinh kế gồm**

- Chính sách hỗ trợ xây dựng nhà an toàn phòng chống thiên tai: Sở NN& PTNT, Sở Xây dựng rà soát các chính sách, cung cấp danh sách các dự án hoàn thành, dự án đang triển khai thực hiện. Ngoài ra các tổ chức xã hội, phi chính phủ, ... có liên quan dựa vào các hướng dẫn thực hiện chính sách để kêu gọi các tổ chức quốc tế tài trợ thực hiện tại địa phương.

- Di dời người dân ra khỏi vùng nguy cơ nguy hiểm của thiên tai: Lập quy hoạch, kế hoạch di dời người dân ra khỏi vùng có nguy cơ thiên tai cao cần sự phối hợp của các ngành Nông nghiệp, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, các ngành khác có liên quan và các địa phương.

- Nâng cao tiêu chuẩn an toàn các công trình cơ sở hạ tầng: trong các dự án quy hoạch phát triển cơ sở hạ tầng (thủy lợi, phòng chống thiên tai, xây dựng, giao thông, công thương, viễn thông,...) bao gồm các dự án phát triển ngành đảm bảo an toàn công trình trước thiên tai và các dự án lồng ghép nhằm phòng ngừa, giảm thiểu thiên tai. Liệt kê các dự án lồng ghép này từ các dự án quy hoạch được các cấp có thẩm quyền phê duyệt tại địa phương. Đối với các quy hoạch cũ chưa có nội dung lồng ghép, các ngành rà soát lại và đưa vào trong quy hoạch, kế hoạch điều chỉnh.

- Nâng cao nhận thức và kiến thức của cán bộ, người dân về an toàn phòng chống thiên tai, ứng phó với BĐKH: Liệt kê các dự án trong các quyết định do UBND tỉnh phê duyệt.

- Khơi thông dòng chảy đảm bảo thoát lũ: các dự án kết hợp giữa ngành Giao thông trong nạo vét thông luồng, chỉnh trị dòng chảy với đảm bảo thoát lũ an toàn hoặc các dự án khai thác cát trong quy hoạch tài nguyên cát trong lòng sông với tiêu thoát lũ. Các dự án được liệt kê trong các quy hoạch của ngành Giao thông, ngành Tài nguyên và Môi trường.

### **6.3.1.2 Lồng ghép các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động của thiên tai đến các ngành kinh tế**

- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng: dựa vào kinh nghiệm thực tiễn tại từng địa phương, đánh giá rủi ro thiên tai của từng lĩnh vực, các địa phương có thể lựa chọn được loại cây trồng phù hợp với các điều kiện khí hậu, thời tiết để giảm thiểu thiệt hại. Các dự án quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển loại cây trồng phù hợp, ... trong đó đã lồng ghép nội dung PCTT.

- Các dự án trong phát triển nông thôn mới đảm bảo tiêu chí an toàn PCTT.

- Thực hiện chiến lược quốc gia, kế hoạch ứng phó BĐKH tại địa phương thông qua các dự án, chương trình cụ thể đã được lồng ghép.

- Đưa kiến thức về phòng, chống thiên tai vào chương trình đào tạo nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh, đặc biệt trong lĩnh vực NN&PTNT;

- Đưa việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật, cơ chế, chính sách và kiến thức về phòng chống thiên tai trong các chuyên mục, chương trình truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh;

- Tổ chức tập huấn, diễn tập phòng chống thiên tai cho các lực lượng không thường xuyên tham gia công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;

- Xây dựng hệ thống thông tin theo dõi, cảnh báo thiên tai kết hợp truyền thanh cơ sở;

- Đánh giá và xác định các tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu làm cơ sở cho việc xây dựng pháp luật, cơ chế, chính sách, tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế, kỹ thuật;

- Đảm bảo an toàn thiên tai và không làm gia tăng rủi ro thiên tai đối với việc xây dựng công trình hạ tầng, các hoạt động phục vụ sản xuất, kinh doanh lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn;

- Kết hợp xây dựng cơ sở hạ tầng với xây dựng công trình phòng chống thiên tai đáp ứng yêu cầu đa mục tiêu;

- Bổ sung việc bố trí nguồn lực cho các hoạt động liên quan đến an toàn trước thiên tai, khôi phục và tái thiết sau thiên tai.

- Quy hoạch các khu công nghiệp, sản xuất tập trung, quy hoạch phát triển thương mại, du lịch, làng nghề phải đảm bảo an toàn phòng chống thiên tai.

### **6.3.1.3 Lồng ghép các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động của thiên tai đến cơ sở hạ tầng**

- Nâng cấp, xây dựng các công trình phòng chống thiên tai, nâng cao tiêu chuẩn an toàn trước thiên tai theo tinh thần, mục tiêu của Đảng và Chính phủ qua từng thời kỳ (đê điều, thủy lợi, trạm bơm)...: liệt kê các dự án trong các quy hoạch thủy lợi, quy hoạch đê điều, ... trong đó có lồng ghép nâng cao hiệu quả tưới, tiêu phục vụ nông nghiệp và các ngành kinh tế khác với phòng chống thiên tai.

- Hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng PCTT và thủy lợi, các hạ tầng liên quan đến công tác ứng phó ... cứu hộ, cứu nạn.

## **6.4 NHIỆM VỤ LỒNG GHÉP CỦA CÁC NGÀNH**

### **6.4.1 Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Rà soát tỷ lệ hệ thống sông ngòi, kênh rạch trong vùng chịu ảnh hưởng của lũ vừa có chức năng cấp nước, tiêu úng vừa có chức năng thoát lũ để bổ sung nâng cao tỷ lệ theo hàng năm.

- Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng quản lý, vận hành công ứng phó hạn mặn cho đội ngũ quản lý vận hành công trình, hệ thống công trình trên địa bàn tỉnh.

- Tỷ lệ phường/xã có cán bộ phụ trách công tác quản lý công tác thiên tai được tham gia các chương trình đào tạo nâng cao năng lực về GNRRTT-TUĐDKH

- Tỷ lệ chính xác của hệ thống dự báo, cảnh báo trên địa bàn tỉnh.

- Tỷ lệ khu vực sạt lở bờ sông nguy hiểm có biển cảnh báo sạt lở.

- Đưa kiến thức về phòng, chống thiên tai vào chương trình đào tạo nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức, lao động ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn;

- Đưa việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật, cơ chế, chính sách và kiến thức về phòng chống thiên tai trong các chuyên mục, chương trình truyền thông;

- Phối hợp tổ chức tập huấn, diễn tập phòng chống thiên tai cho các lực lượng không chuyên trách tham gia công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;

- Tập huấn Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.

- Xây dựng hệ thống thông tin theo dõi, cảnh báo thiên tai kết hợp truyền thanh cơ sở;

- Đánh giá và xác định các tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu làm cơ sở cho việc xây dựng pháp luật, cơ chế, chính sách, tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế, kỹ thuật;

- Đảm bảo an toàn thiên tai và không làm gia tăng rủi ro thiên tai đối với việc xây dựng công trình hạ tầng, các hoạt động phục vụ sản xuất, kinh doanh lĩnh vực NN&PTNT;

- Kết hợp xây dựng cơ sở hạ tầng với xây dựng công trình phòng chống thiên tai đáp ứng yêu cầu đa mục tiêu;

- Bổ sung việc bố trí nguồn lực cho các hoạt động liên quan đến an toàn trước thiên tai, khôi phục và tái thiết sau thiên tai.

Vấn đề lồng ghép được đề xuất: bao gồm các vấn đề các đơn vị đã xác định trong quá trình đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực (i) Trồng trọt; (ii) Chăn nuôi; (iii) Nuôi trồng Thủy sản; (iv) và những vấn đề liên ngành khác ...

a) Trồng trọt:

Phát triển nông nghiệp xanh, sạch gắn với khả năng phòng, chống thiên tai:

- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện tự nhiên và diễn biến của thiên tai.

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về sử dụng nước tiết kiệm, khai thác hiệu quả tài nguyên đất, nước gắn với bảo vệ môi trường, hướng tới nền kinh tế xanh cho phát triển bền vững.

- Vận động toàn dân tham gia bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh việc sử dụng rác thải hữu cơ từ nông nghiệp làm phân bón phục vụ sản xuất.

- Phối hợp với các địa phương hỗ trợ chứng nhận các vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao; hỗ trợ lựa chọn giống, kỹ thuật để người dân thực hiện mô hình canh tác các loại cây trồng mới không sử dụng nhà kính nhưng có hiệu quả cao.

b) Chăn nuôi:

- Quy hoạch chuồng trại, nơi ở cao ráo, đảm bảo an toàn cho đàn vật nuôi khi thiên tai xảy ra;

- Giảm đàn vật nuôi: Khi có thiên tai xảy ra thực hiện biện pháp giảm đàn (chọn loại thải những con kém chất lượng, bệnh tật...) để có điều kiện bảo vệ đàn vật nuôi còn lại có chất lượng để khôi phục sau thiên tai.

- Thực hiện cung cấp nhanh dịch vụ thú y để chẩn đoán điều trị bệnh, tiêm vắc xin, hỗ trợ sức khỏe cho đàn vật nuôi để bảo vệ và tái lập đàn vật nuôi.

- Dự trữ, cung cấp thức ăn, nước uống là biện pháp có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ đàn vật nuôi trong khi gặp thiên tai như: lũ lụt, sạt lở đất, hạn hán, xâm nhập mặn ... để tái sản xuất sau thiên tai.

c) Thủy sản:

Lựa chọn các giống thủy sản phù hợp với điều kiện tự nhiên, khí hậu của địa phương.

Hướng dẫn thời vụ nuôi trồng cho nhân dân để tránh thời điểm hạn hán, lũ lụt và tổ chức bảo vệ ao hồ thủy sản khi thiên tai xảy ra.

Một số chương trình dự án cần xem xét lồng ghép đối với ngành Nông nghiệp trong giai đoạn 2021 -2025:

- Kế hoạch tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021-2025 (QĐ 1316 /QĐ-UBND).

- Chương trình xây dựng Nông thôn mới.

- Kế hoạch thực hiện Đề án “Hiện đại hóa hệ thống thủy lợi phục vụ chuyển đổi, phát triển nông nghiệp bền vững tại các tiểu vùng sinh thái vùng Đồng bằng sông Cửu Long” trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

- Xây dựng Kế hoạch, chỉ đạo bố trí cơ cấu sản xuất nông nghiệp phù hợp với điều kiện nguồn nước, góp phần giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực như kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng quản lý rủi ro thiên tai, đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực quản lý, khai thác công trình thủy lợi; Đào tạo dài hạn, ngắn hạn, đào tạo trong nước và nước ngoài.

- Rà soát các hoạt động khuyến nông/khuyến ngư/khuyến lâm và lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào các hoạt động này;

- Xây dựng cơ chế chính sách đối với sau thu hoạch, vay vốn cho các hộ nghèo.

#### 6.4.2 Ngành Y tế

Lồng ghép trong các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động của thiên tai đến con người và sinh kế bao gồm các nội dung nhằm giảm tác động của thiên tai đến các

đối tượng dễ bị tổn thương (Phụ nữ, trẻ em, người nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật...) được chăm sóc sức khỏe nâng cao các chỉ tiêu sau:

- Tỷ lệ phường/xã có cán bộ phụ trách công tác quản lý công tác thiên tai được tham gia các chương trình đào tạo nâng cao năng lực về GNRRTT-TUỖĐKH.

- Kế hoạch và báo cáo thực hiện GNRRTT-TUỖĐKH hàng năm.

- Có bộ tài liệu hướng dẫn lập kế hoạch y tế ứng phó với thiên tai và bộ tài liệu hướng dẫn về qui trình kỹ thuật quản lý thiên tai trong lĩnh vực Y tế theo 3 giai đoạn trước, trong và sau thiên tai phù hợp với đặc điểm tình hình của Vĩnh Long.

- Tỷ lệ các cơ sở y tế có trang thiết bị, hoá chất, thuốc thiết yếu, ngân hàng máu dự trữ cho các tình huống thiên tai và không chế dịch bệnh bùng phát.

- Tỷ lệ số cơ sở y tế (tỉnh đến huyện) có kế hoạch quản lý thiên tai đến năm 2025.

- Tham gia diễn tập định kỳ đáp ứng với các tình huống thiên tai khác nhau khi có yêu cầu.

- Tỷ lệ các cơ sở y tế có phương tiện liên lạc, thiết bị vận chuyển cấp cứu bệnh nhân, cơ chế phối hợp chuyển viện, tuyến trong tình huống thiên tai.

- Tỷ lệ các cơ sở y tế có cơ chế phối hợp giữa bệnh viện, Y tế dự phòng và cộng đồng trong việc xử lý các tình huống trước, trong và sau thiên tai (đặc biệt vấn đề vệ sinh môi trường, ngăn ngừa bệnh dịch bùng phát).

- Tỷ lệ đối tượng dễ bị tổn thương (Phụ nữ, trẻ em, người nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật,...) được ưu tiên chăm sóc sức khỏe nói chung và được chăm sóc sức khỏe trong các đợt thiên tai.

- Tỷ lệ cơ sở y tế có cơ sở thuốc dự phòng tại các cơ sở y tế.

- Tỷ lệ các cơ sở khám chữa bệnh (cấp tỉnh, huyện, xã) kiên cố hóa, có khả năng chống chịu và giảm nhẹ các tác động của thiên tai để vận hành và cung cấp dịch vụ cho người dân trong thiên tai.

- Tỷ lệ phụ nữ sinh đẻ an toàn trong thiên tai.

- Tỷ lệ phụ nữ được khám thai định kỳ và tiêm ngừa phòng chống uốn ván trong thiên tai.

- Tỷ lệ phòng tư vấn dinh dưỡng và vệ sinh cá nhân/môi trường tại các xã, huyện, bệnh viện trong vùng thường xuyên xảy ra thiên tai.

- Tỷ lệ giường bệnh dự phòng cho việc điều trị bệnh nhân trong khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai (cấp huyện: bệnh viện huyện, bệnh viên đa khoa, phòng khám khu vực, trạm y tế xã).

- Tỷ lệ trẻ em được tiêm chủng mở rộng.

- Tỷ lệ phụ nữ được khám thai định kỳ và tiêm ngừa phòng chống uốn ván trong vùng thường xuyên xảy ra thiên tai.

- Tỷ lệ trẻ em từ 0-5 tuổi trong vùng thường xuyên xảy ra thiên tai được bảo đảm dinh dưỡng.

### 6.4.3 Ngành Công thương

- Tỷ lệ các nguồn năng lượng tái tạo trong tổng cung năng lượng sơ cấp đạt khoảng 8-10%.

- Các cơ sở sản xuất kinh doanh trong các khu, cụm công nghiệp tổ chức tuyên truyền, vận động người lao động thực hiện sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, phấn đấu đạt 50%.

- Các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm triển khai áp dụng hệ thống quản lý năng lượng, phấn đấu đạt 70%.

- Đạt 70% khu công nghiệp và 50% cụm công nghiệp được tiếp cận, áp dụng các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

- Các xã, phường, thị trấn tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân về sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả, phấn đấu đạt 70%.

- Tỷ lệ các điểm được xác định là khu vực xung yếu của hệ thống điện (trạm biến thế, đường dây truyền tải và lưới cung cấp) được rà soát, kiểm tra, gia cố (nếu cần thiết) để kịp thời khắc phục các sự cố do thiên tai gây ra.

- Nhằm chủ động ứng phó kịp thời cho các khu vực thường bị chia cắt, cô lập khi xảy ra thiên tai, Sở Công Thương chủ động liên hệ, vận động các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh các mặt hàng thực phẩm, nhu yếu phẩm đóng trên địa bàn tỉnh đảm bảo dự trữ, chuẩn bị một lượng hàng hóa thiết yếu nhất định (UBND tỉnh sẽ chấp thuận cho mua bằng tiền ngân sách tỉnh khi cần thiết), để bảo đảm kịp thời sẵn sàng phục vụ nhân dân ở các vùng khi có thiên tai xảy ra.

- Tỷ lệ địa phương được tuyên truyền về sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và khuyến khích sử dụng các thiết bị tiêu thụ điện có dán nhãn tiết kiệm năng lượng.

- Thực hiện công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác thi công, kiểm tra công tác nghiệm thu trước khi vận hành của các dự án xây dựng Công nghiệp, Cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Cục Quản lý thị trường và các ngành, thành viên chủ động tham gia kiểm tra chặt chẽ vệ sinh an toàn thực phẩm từ khâu sản xuất, chế biến, bảo quản cho đến khâu tiêu thụ nhất là những mặt hàng đóng gói và thực phẩm tươi sống; làm tốt công tác phối hợp giữa các lực lượng chức năng trong công tác chống buôn lậu, sản xuất, mua bán hàng giả và gian lận thương mại trên phạm vi toàn tỉnh, kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện các giải pháp bình ổn giá; phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi lợi dụng thiên tai, lũ lụt để đầu cơ tăng giá vật tư, hàng hoá gây khó khăn cho đời sống nhân dân tại những vùng thiên tai, lũ lụt.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, tập huấn về công tác bảo vệ hành lang an toàn công trình lưới điện cao áp cho các cấp chính quyền ở địa phương; duy trì việc phát thanh tuyên truyền liên tục trong thời gian dài bảo đảm để người dân tiếp thu và có ý



thức trong việc bảo vệ hành lang an toàn lưới điện cao áp một cách có hiệu quả, không để xảy ra các hành vi vi phạm hành lang an toàn lưới điện cao áp.

- Hàng năm rà soát, đề xuất mức giảm số giờ mất điện bình quân/năm/khách hàng (giờ/khách hàng).

**Một số chương trình dự án cần xem xét lồng ghép đối với ngành Công thương trong giai đoạn 2021 -2025:**

- Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long đến năm 2025.

- Chương trình Khuyến công tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021-2025.

- Đề án nâng cao chuỗi giá trị ngành gốm đồ Vĩnh Long giai đoạn 2021-2025.

- Chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021-2030.

- Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 140/NQ-CP ngày 02/10/2020 của Chính phủ và Kế hoạch số 255-KH/TU ngày 16/6/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Vĩnh Long thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/2/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Tích hợp và triển khai thực hiện phương án phát triển kết cấu hạ tầng năng lượng, mạng lưới truyền tải và cấp điện tỉnh Vĩnh Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Dự án cấp điện nông thôn tỉnh Vĩnh Long theo Quyết định số 1740/QĐ-TTg ngày 13/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ (giai đoạn 2021-2025) đã được UBND tỉnh phê duyệt dự án tại Quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 11/01/2018.

- Dự án thành phần theo Quyết định số 717/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 về phê duyệt kết quả thực hiện dự án “Xây dựng kế hoạch hành động tăng trưởng xanh ngành Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030”.

- Dự án thành phần theo Quyết định số 637/QĐ-UBND ngày 23/3/2021 về phê duyệt Kế hoạch hành động ứng phó Biến đổi khí hậu tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”.

- Phối hợp với ngành điện triển khai dự án Cải tạo, nâng cấp và phát triển lưới điện trung hạ thế khu vực trung tâm thị xã, thành phố thuộc tỉnh Vĩnh Long (KfW 3) do ngành điện thực hiện.

#### **6.4.4 Ngành Xây dựng**

Các nội dung đã được Sở xây dựng đề xuất lồng ghép là:

(i) Lồng ghép trong các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động của thiên tai đến con người và sinh kế gồm: Giai đoạn 2021-2025, tiếp tục thực hiện Chương trình xây dựng Cụm tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ giai đoạn 2018-2025 đã được phê duyệt.

(ii) Biện pháp lồng ghép trong các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động của thiên tai đến các ngành kinh tế: Trong giai đoạn 2021-2025, Sở Xây dựng đề xuất nội dung đảm bảo an toàn công trình xây dựng và kết hợp phòng chống thiên tai: Trong công tác thẩm định hồ sơ đặt biệt quan tâm mức cao độ phòng chống lũ cho công trình xây dựng.

(iii) Biện pháp lồng ghép các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động của thiên tai đến cơ sở hạ tầng.

Nâng cấp công trình cấp, thoát nước cho khu vực đô thị, công nghiệp, kinh tế, chính trị quan trọng bao gồm các chương trình dự án sau:

1/. QĐ số 752/QĐ-UBND ngày 31/3/2021 về việc Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị thành phố Vĩnh Long đến năm 2030.

2/. QĐ số 753/QĐ-UBND ngày 31/3/2021 Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị thị xã Bình Minh đến năm 2030.

Quyết định số 785/QĐ-TTg ngày 08/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về chủ trương đầu tư dự án “Phát triển đô thị và tăng cường khả năng thích ứng biến đổi khí hậu thành phố Vĩnh Long” do WB và Chính phủ Hà Lan (thông qua RVO) tài trợ;

Biện pháp đảm bảo an toàn công trình xây dựng kết hợp PCTT;

Bên cạnh đó liên quan đến ngành Xây dựng cần tiếp tục thực hiện các nội dung lồng ghép PCTT vào các kế hoạch sau:

- Tỷ lệ khu vực đô thị được cấp nước trong và sau thiên tai, đặc biệt là các trường học, nhà trẻ, bệnh viện.

- Số hộ dân sống trong vùng có nguy cơ cao xảy ra sạt lở được bố trí nơi ở mới.

- Rà soát kế hoạch liên quan tiêu thoát nước khu vực đô thị nhằm đảm bảo việc chống ngập úng đô thị;

- Kế hoạch cung cấp nước sạch sinh hoạt cho các vùng bị úng ngập khu vực đô thị.

- Phối hợp với UBND cấp huyện xây dựng kế hoạch duy tu, bảo trì và nạo vét hệ thống tiêu thoát nước chính tại các khu vực thường xuyên xảy ra ngập úng cục bộ, khu vực đô thị khi có mưa, bão và có các giải pháp khắc phục tình trạng ngập úng cục bộ khi có mưa lớn;

- Rà soát và kiểm tra các phương án, biện pháp nhằm đảm bảo an toàn cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong đô thị như hào kỹ thuật, tuynel, trạm biến áp, cột điện... khi xảy ra mưa bão;

- Phối hợp với UBND cấp huyện, các chủ thể quản lý vận hành lập phương án đảm bảo an toàn cho các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật khu vực đô thị và có giải pháp bảo vệ, phòng ngừa khắc phục sự cố khi xảy ra mưa bão.

#### **6.4.5 Ngành Giáo dục**

Hiện nay (tính đến 15/10/2021), ngành Giáo dục Vĩnh Long có 413 cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông, phân bố khắp trên địa bàn tỉnh. Trong đó, có 250/413 cơ sở giáo

dục mầm non và phổ thông đạt chuẩn quốc gia, tỷ lệ 60,53%; có 08 trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên.

Lồng ghép các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động của thiên tai đến con người và sinh kế với mục tiêu:

(1) Lồng ghép các nội dung phòng, chống thiên tai vào các môn học/hoạt động ngoại khóa phù hợp với từng đối tượng học sinh ở tất cả các cơ sở giáo dục mầm non đến phổ thông”.

(2) Tổ chức tập huấn cho cán bộ quản lý và giáo viên những kỹ năng phòng, chống, tránh, sơ cứu, cấp cứu người bị nạn khi thiên tai xảy ra; nâng cao nhận thức về công tác PCTT và BDKH.

(3) Thường xuyên theo dõi tình hình khí tượng thủy văn và thông báo kịp thời tới giáo viên, học sinh, học viên, sinh viên và phụ huynh.

(4) Chỉ đạo các Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thị xã, thành phố tổ chức dạy bơi cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở (dạy theo chủ đề tự chọn trong chương trình chính khóa hoặc ngoại khóa, ngoài giờ lên lớp).

Các biện pháp nâng cấp các trường học đảm bảo an toàn PCTT và kết hợp làm nơi tránh trú an toàn:

(1) Các cơ sở giáo dục trong vùng thường xuyên xảy ra thiên tai (trường, lớp, nhà vệ sinh trong trường) được sử dụng là địa điểm để người dân sơ tán trong thiên tai, đảm bảo an toàn cho người dân đến trú ẩn khi có thiên tai xảy ra. Dự kiến đến cuối năm 2025, số trường đạt chuẩn quốc gia là 65%.

(2) Tham mưu các cấp đầu tư xây dựng, nâng cấp các trường học có nguy cơ ngập lụt, có phương án di dời khi ngập lụt xảy ra. Giai đoạn 2021-2025 đã có chủ trương đầu tư 136 dự án xây dựng trường học công lập (mầm non, phổ thông) theo hướng đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2021-2025, với vốn đầu tư khoảng 2.200 tỷ đồng.

(3) Chỉ đạo các cơ sở giáo dục kịp thời sửa chữa, cải tạo, cắt tỉa cây xanh; kiểm tra, sửa chữa hệ thống điện, nước trước mùa mưa bão.

(4) Phối hợp với các cấp chính quyền địa phương trang bị một số thiết bị ứng cứu cho nhà trường để tạo nơi cứu hộ và trú ẩn.

(5) Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Luật phòng chống thiên tai; kế hoạch phòng chống thiên tai của tỉnh, huyện, ngành,...phối hợp cảnh báo kịp thời đến phụ huynh và cộng đồng dân cư, sẵn sàng đón nhận dân cư vào trường học tránh trú khi có thiên tai xảy ra.

#### **6.4.6 Ngành Giao thông vận tải**

Các nội dung đề xuất của Sở Giao thông vận tải tập trung vào nội dung lồng ghép trong các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động của thiên tai đến các ngành kinh tế bao gồm nội dung chính sau:

- Có kế hoạch và báo cáo thực hiện GNRRT - TUBDKH hàng năm.

- Có kế hoạch đảm bảo giao thông trước mùa mưa bão.
  - Tỷ lệ đường bộ và đường thủy trong khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai có biển báo, cảnh báo bảo đảm an toàn.
  - Tỷ lệ đường giao thông nông thôn được cứng hóa.
  - Tỷ lệ người dân đô thị có sử dụng phương tiện công cộng.
- Một số dự án trọng tâm được Sở đề xuất thực hiện nhiệm vụ lồng ghép trong giai đoạn tới, gồm:
- Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 904.
  - Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 905 tỉnh Vĩnh Long (Đoạn km0+000 – km15+300 (mố A Cầu Mỹ Phú 1)).
  - Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 910B tỉnh Vĩnh Long.
  - Cầu Quới An trên đường tỉnh 902 tỉnh Vĩnh Long.
  - Đường từ Quốc lộ 53 - Khu Công nghiệp Hòa Phú (Đường tỉnh 909B) - Đường Phú Lộc Bàu Gốc - Quốc lộ 1.
  - Đường từ ngã ba Quốc lộ 54 và Đường tỉnh 907 đến Sông Hậu huyện Trà Ôn (ĐT.907 nối dài).

#### **6.4.7 Ngành Tài nguyên và Môi trường**

- Kế hoạch phối hợp tuyên truyền về bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu.
- Tổ chức thực hiện quan trắc môi trường (nước mặt, nước ngầm, nước thải đô thị, đất và không khí xung quanh) theo Chương trình quan trắc môi trường hàng năm.
- Thu thập, khai thác và sử dụng dữ liệu về khí tượng thủy văn ở địa phương theo quy định của pháp luật.
- Tham mưu lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước, vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt; bảo đảm nguồn nước phục vụ cung cấp nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước.
- Quản lý tốt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.
- Phối hợp thực hiện tốt các nội dung về thiên tai trong kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu.
- Lồng ghép các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động của thiên tai vào Kế hoạch hành động ứng phó BĐKH tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2050”.

#### **6.4.8 Ngành Thông tin và Truyền thông**

Thực hiện các quy định về trách nhiệm truyền tin; tần suất, thời lượng phát tin theo Điều 3, Điều 4 Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai (Quy định về trách nhiệm tuyên tin, tần suất, thời lượng phát tin,...), đảm bảo việc phát, đưa tin đầy đủ, kịp thời, chính xác nội dung các văn bản chỉ đạo ứng phó, thông tin dự báo, cảnh báo thiên tai của Trung ương

và của tỉnh đến các cấp chính quyền, Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp huyện, cấp xã, cộng đồng dân cư, nhất là các khu vực xung yếu, có nguy cơ cao bị ảnh hưởng thiên tai. Hình thức truyền tin, thông tin: thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như Đài PTTH tỉnh, hệ thống đài phát thanh, truyền thanh, loa cầm tay...của cấp huyện, cấp xã, khóm, ấp; hệ thống tin nhắn SMS, trang Web: phongchongthientaivinhlong.com.vn của Văn phòng thường trực BCH PCTT&TKCN tỉnh để phục vụ cho công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh.

Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng phương án đảm bảo thông tin liên lạc trong mùa mưa bão; chuẩn bị đầy đủ phương tiện, thiết bị, vật tư dự phòng như các thiết bị viba, xe lưu động, máy nổ, máy phát điện, xăng dầu, ắc quy và các thiết bị kỹ thuật khác để sẵn sàng triển khai, ứng phó kịp thời khi thiên tai xảy ra; kiểm tra, bảo dưỡng các máy thuộc dạng ưu tiên phục vụ công tác phòng chống thiên tai;

- Khi đầu tư, xây dựng mới công trình thu phát sóng viễn thông thực hiện các quy định theo Điều 5, Thông tư liên tịch số 15/2016/TTLT-BTTTT-BXD ngày 22/6/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Xây dựng về Hướng dẫn quản lý việc xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

- Thực hiện kiểm định, lập và phê duyệt Quy trình bảo trì công trình tháp thu phát sóng viễn thông, truyền thanh, truyền hình theo hướng dẫn tại Quyết định số 55/QĐ-BXD ngày 25/01/2017 của Bộ Xây dựng.

- Tiến hành rà soát, kiểm tra mức độ an toàn chịu lực, ổn định hiện trạng của công trình, tiến hành các biện pháp gia cố, giằng chống đảm bảo an toàn, tháo dỡ các thiết bị, bộ phận không đảm bảo an toàn khi có mưa bão, có kế hoạch di dời các hộ dân trong phạm vi bị ảnh hưởng đến nơi an toàn khi cần thiết.

- Thời lượng phát thanh tuyên truyền nội dung phòng chống rủi ro thiên tai của Đài truyền thanh huyện/ xã.

- Thời lượng phát thanh nội dung biến đổi khí hậu và ứng phó biến đổi khí hậu của Đài truyền thanh huyện/ xã.

- Thời gian cho phép dự báo, cảnh báo về khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh.

#### **6.4.9 Ngành Khoa học và Công nghệ**

- Phối hợp các ngành, các địa phương, các tổ chức khoa học nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp hữu ích, công nghệ hiệu quả, phù hợp với điều kiện của tỉnh phục vụ cho công tác dự báo, cảnh báo, phòng, chống, ứng phó với thiên tai.

- Nghiên cứu, ứng dụng vật liệu mới, công nghệ tiên tiến, giải pháp mới trong phòng chống thiên tai (xây dựng nhà chống bão, đập ngăn mặn, kè bảo vệ bờ sông, thu và tích trữ nước ngọt,...).

- Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ hiện đại hóa hệ thống thủy lợi;

- Tổ chức triển khai chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm, ưu tiên bố trí nguồn lực khoa học, công nghệ phục vụ công tác nghiên cứu, ứng dụng nhằm phát triển thủy lợi thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Nghiên cứu, phát triển giống cây trồng có khả năng chịu hạn, mặn, úng ngập tốt hơn nhằm chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

#### **6.4.10 Ngành Lao động, Thương binh và Xã hội**

- Tiếp tục rà soát bổ sung các quy định, nghị định liên quan đến cơ chế, chính sách hỗ trợ ổn định cuộc sống, khôi phục sản xuất nông nghiệp vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.

- Hàng năm rà soát, tỷ lệ trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt được can thiệp, trợ giúp, hoà nhập cộng đồng.

- Tỷ lệ hộ gia đình nghèo trong vùng xảy ra thiên tai được dạy nghề, tư vấn việc làm và hỗ trợ/vay vốn khi có nhu cầu để phục hồi kinh tế.

- Tỷ lệ xã, phường, thị trấn được công nhận xã phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.

### **6.5 LÒNG GHÉP NỘI DUNG PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀO QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**

#### **6.5.1 Lòng ghép nội dung phòng chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu vào Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh**

Hiện nay tỉnh đang lập Quy hoạch tỉnh Vĩnh Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung chính sau:

- Phương hướng phát triển các ngành quan trọng trên địa bàn tỉnh.
- Xây dựng và lựa chọn các phương án:
  - + Phương án tổ chức hoạt động kinh tế xã hội.
  - + Phương án quy hoạch và phát triển hệ thống đô thị, nông thôn, các khu vực và khu chức năng; phương án tổ chức lãnh thổ và phân bố dân cư (thực hiện theo đúng quy định tại Điểm d, Khoản 2, Điều 27, Luật Quy hoạch năm 2017).
  - + Phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội (thực hiện theo đúng quy định tại Điểm đ, e, g, h, i, k, Khoản 2, Điều 27, Luật Quy hoạch năm 2017).
  - + Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện.
  - + Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện.
  - + Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh.
  - + Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên trên địa bàn tỉnh.
  - + Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

+ Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

Các nội dung này đều cần được tiến hành lồng ghép các nội dung quản lý rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu vào trong các quy hoạch đó. Cần tiến hành rà soát, bổ sung các nội dung phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu mà trước đây chưa đề cập tới hoặc đã có đề cập nhưng chưa phù hợp với quy hoạch và tiêu chuẩn phòng tránh lũ, bão, sạt lở đất, xâm nhập mặn, nước biển dâng hoặc có nguy cơ gây mất an toàn cho hệ thống công trình chuyên dùng phòng, chống thiên tai. Qua rà soát, nếu phát hiện những nội dung nào trong quy hoạch không thể bảo đảm an toàn, không thể phát triển bền vững trước nguy cơ thiên tai và biến đổi khí hậu thì cần kiên quyết điều chỉnh. Đồng thời cần xem xét lồng ghép ngay các nội dung của Kế hoạch thực hiện Chiến lược Quốc gia về giảm nhẹ rủi ro thiên tai đến năm 2025 của tỉnh Vĩnh Long vào trong quy hoạch.

### **6.5.2 Lồng ghép nội dung phòng chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (dài hạn, trung hạn và ngắn hạn) và Kế hoạch phát triển ngành:**

- Lồng ghép nội dung của bước 1 (Rà soát, đánh giá tình hình thiên tai và biến đổi khí hậu tại địa phương) vào ngay bước điều tra cơ bản, đánh giá thuận lợi, khó khăn, thách thức; xác định nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của kỳ kế hoạch của tỉnh, huyện hoặc nhu cầu phát triển ngành của các Sở, ngành. Để có căn cứ khoa học, thực tiễn đánh giá tình hình thiên tai; lồng ghép nội dung quản lý rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu vào các loại quy hoạch tổng hợp cũng như quy hoạch chuyên ngành, cần ưu tiên đi trước một bước việc lập bản đồ phân vùng nguy cơ thiên tai: ngập lụt; bão; hạn hán, xâm nhập mặn; sạt lở đất.

- Lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào ngay từ Mục tiêu tổng quát và các Mục tiêu cụ thể của Kế hoạch phát triển kinh tế - Xã hội (dài hạn, trung hạn và ngắn hạn) của tỉnh, huyện cũng như Kế hoạch phát triển của ngành.

- Khi xây dựng hệ thống các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, nhất thiết phải kiểm tra xem đã được tính toán đầy đủ đến các tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu chưa? Đã có đủ các giải pháp chủ động phòng ngừa, đối phó, khôi phục và tái thiết chưa? Nếu chỉ tiêu nào chưa được tính toán, tính toán chưa phù hợp hoặc đã tính đúng tính đủ nhưng chưa có các giải pháp tương ứng thì nhất thiết phải điều chỉnh, bổ sung để bảo đảm tính khoa học, tính thực tiễn và tính vững chắc của kế hoạch.

- Lồng ghép về hệ thống các nhóm giải pháp thực hiện kế hoạch: Khi xây dựng các nhóm giải pháp của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, huyện cũng như Kế hoạch phát triển của ngành cần phải lựa chọn, sàng lọc từ các giải pháp đã được nghiên cứu, đề xuất trong Chương trình, Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược Quốc gia giảm nhẹ rủi ro thiên tai của tỉnh Vĩnh Long đến năm 2030, từ Kế hoạch thực hiện

Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng để có được đầy đủ các giải pháp hợp lý nhất, lồng ghép hài hòa với nhau thành một thể thống nhất, đồng thời cũng cần chú ý loại bỏ những giải pháp chồng chéo, trùng lặp giữa kế hoạch ngành với kế hoạch của địa phương (huyện, thị xã, thành phố). Bên cạnh đó hàng năm cũng như trước khi lập Kế hoạch 5 năm cần thu thập thông tin (qua biểu đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và lập Kế hoạch phòng chống giảm nhẹ thiên tai cho từng ngành) và lập Kế hoạch giảm nhẹ thiên tai bổ sung nhằm đáp ứng được những nhu cầu cấp bách nhất.

**Lồng ghép nội dung phòng chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai và thích ứng** với biến đổi khí hậu vào các Chương trình, Dự án.

- Đối với những Chương trình, Dự án, đề án, (kể cả Kế hoạch xây dựng nông thôn mới) đã có: Cần tiến hành rà soát, bổ sung các nội dung phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Qua rà soát, nếu phát hiện những nội dung nào trong Chương trình, Dự án, đề án, kế hoạch không thể bảo đảm an toàn, không thể phát triển bền vững trước nguy cơ của thiên tai và biến đổi khí hậu thì cần kiên quyết điều chỉnh.

- Hồ sơ xin trình duyệt của các Chương trình, Dự án dự định triển khai trên địa bàn tỉnh gửi tới cấp có thẩm quyền để chờ phê duyệt nhất thiết phải có Báo cáo thẩm định, đánh giá tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu cũng như Báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với Chương trình, Dự án cũng như tính hợp lý, tính khả thi và hiệu quả của các giải pháp nhằm hạn chế thiệt hại do thiên tai và biến đổi khí hậu có thể gây ra.

- Đối với những Chương trình, Dự án của các ngành hoặc của các huyện, của các chủ đầu tư khác trên địa bàn tỉnh đang hoặc sẽ tiến hành xây dựng thì cần lồng ghép ngay các nội dung của Chương trình, kế hoạch của tỉnh thực hiện Chiến lược Quốc gia về giảm nhẹ rủi ro thiên tai đến năm 2030 vào trong Chương trình, Dự án đó.



## **CHƯƠNG 7. NGUỒN LỰC VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN**

### **7.1 XÁC ĐỊNH NGUỒN LỰC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH**

#### **7.1.1 Nguồn lực về tài chính**

- Ngân sách TW, vốn vay ODA đầu tư các dự án phòng chống giảm nhẹ thiên tai: đầu tư các dự án tiêu úng, tiêu thoát lũ, đê bao, xây dựng, các dự án giao thông... có quy mô và kinh phí đầu tư lớn (trong trường hợp không cân đối được ngân sách địa phương).

- Ngân sách địa phương: đầu tư nâng cấp hệ thống đê kết hợp giao thông nông thôn, công trình phòng chống sạt lở, dự án di dời dân, mua sắm phương tiện, trang thiết bị, hệ thống thông tin liên lạc phục vụ PCTT&TKCN, cứu hộ, khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra...

- Ngân sách dự phòng của địa phương: xử lý các yêu cầu ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai, phục vụ cho phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai trong trường hợp cần thiết, cấp bách.

- Quỹ Phòng, chống thiên tai: Thực hiện việc xây dựng kế hoạch, phương án phòng chống thiên tai, sử dụng cho giai đoạn phòng ngừa, giảm thiểu, đầu tư xây dựng các công trình phòng, chống thiên tai xung yếu có quy mô nhỏ, mua sắm trang thiết bị, tập huấn, diễn tập PCTT&TKCN, cứu hộ, khắc phục thiệt hại, sự cố do thiên tai gây ra...

- Nguồn kinh phí các tổ chức, cá nhân đóng góp do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huy động (bao gồm toàn bộ các tổ chức chính trị, xã hội): hỗ trợ nhân dân vùng bị thiên tai để khắc phục thiệt hại, giảm bớt khó khăn và ổn định cuộc sống, sinh kế từ việc huy động trong xã hội.

- Vốn đầu tư từ khối tư nhân và khuyến khích người dân đầu tư nâng cấp nhà ở đảm bảo an toàn với thiên tai: xây dựng cơ chế chính sách trong hỗ trợ đầu tư, vay vốn, hợp đồng cung cấp dịch vụ (hợp tác công tư - PPP)...

- Lồng ghép nguồn kinh phí từ các dự án khác thực hiện hoạt động phòng chống giảm nhẹ thiên tai.

Hàng năm, các sở, ngành tỉnh, các địa phương xây dựng kế hoạch nhu cầu phương tiện, trang thiết bị, lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh cần thiết, lập dự toán kinh phí báo cáo Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh tổng hợp, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, đầu tư hoặc báo cáo về Ban chỉ đạo Quốc gia về PCTT, Ủy Ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn hỗ trợ đầu tư theo phân cấp quản lý.

#### **7.1.2 Nhu cầu nguồn lực về tài chính để thực hiện Kế hoạch**

Tổng kinh phí phục vụ công tác PCTT&TKCN tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021-2025 là **16.967.754 triệu đồng**, bao gồm các hạng mục kinh phí sau:

*Bảng 31: Tổng hợp nhu cầu nguồn lực về tài chính thực hiện Kế hoạch PCTT&TKCN tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021-2025*

<b>TT</b>	<b>Hạng mục</b>	<b>Kinh phí (triệu đồng)</b>	<b>Nguồn kinh phí</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Các hoạt động phi công trình trong phòng, chống thiên tai tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021-2025	13.600	Quỹ PCTT, ngân sách tỉnh và các nguồn hợp pháp khác	Phụ lục 06
2	Danh mục các công trình, dự án phục vụ PCTT nguồn vốn Trung ương	4.802.821	Ngân sách Trung ương	Phụ lục 07
3	Danh mục các công trình, dự án phục vụ PCTT nguồn vốn tỉnh.	12.151.333	Ngân sách tỉnh	Phụ lục 08
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>16.967.754</b>		

### **7.1.3 Nguồn nhân lực**

Nguồn nhân lực phục vụ công tác PCTT&TKCN tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021-2025, bao gồm 7.650 người, trong đó cấp tỉnh là 250 người, cấp huyện 7.400 người. (Chi tiết xem Phụ lục số 03).

## **7.2 PHÂN KỲ THỰC HIỆN**

(1). Dựa vào danh mục các biện pháp, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và TKCN tỉnh tổ chức họp với các sở, ban, ngành, cấp huyện tại địa phương để thống nhất về thứ tự ưu tiên, phân kỳ đầu tư, xác định nguồn lực thực hiện; hàng năm rà soát, cập nhật, bổ sung và trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch phòng chống thiên tai cấp tỉnh theo từng năm.

(2). Tổ chức kiện toàn Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các ngành, các cấp hàng năm.

(3). Tiến độ kế hoạch, xây dựng phương án phòng, chống thiên tai cụ thể: các Sở, ngành đề xuất xây dựng các phương án, kế hoạch (đưa vào nhiệm vụ chi thường xuyên hoặc đưa vào kế hoạch chi cho công tác phòng ngừa, ứng phó với thiên tai, chi tiết xem bảng dưới.

*Bảng 32: Kế hoạch xây dựng các Kế hoạch, phương án phục vụ công tác PCTT&TKCN tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021-2025*

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Đơn vị thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Kiểm toàn Ban chỉ huy PCTT&TKCN các cấp.	Hàng năm	Các ngành, các cấp, các địa phương	
2	Rà soát, cập nhật Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai.	Hàng năm	Các ngành, các cấp, các địa phương	
3	Rà soát, cập nhật Phương án ứng phó bão mạnh, siêu bão trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long	Hàng năm	Các ngành, các cấp, các địa phương	
4	Kế hoạch phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn tỉnh Vĩnh Long	Hàng năm	Sở NN&PTNT	
5	Xây dựng Bản đồ quản lý rủi ro thiên tai	2022-2025	Ban chỉ huy PCTT&TKCN các cấp	

(4). Tiến độ kế hoạch đầu tư mua sắm phương tiện, trang thiết bị (PTTTB) phục vụ công tác phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn hàng năm đến năm 2025: Căn cứ Quyết định số 20/2021/QĐ-TTg ngày 03/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Danh mục và quy định về việc quản lý, sử dụng vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng chống thiên tai và cụ thể hóa bằng văn bản của địa phương để mua sắm PTTTB (*Chi tiết xem Phụ lục 04*).

(5). Tiến độ kế hoạch dự trữ lương thực, thực phẩm, nhiên liệu, vật liệu phục vụ công tác phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn hàng năm đến năm 2025 (*Chi tiết xem Phụ lục 05*).

(6). Triển khai thực hiện Quyết định số 2402/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long Về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

(7). Ngoài ra, bổ sung các chương trình đào tạo, tập huấn, huấn luyện, diễn tập nhằm nâng cao nhận thức, kiến thức về PCTT cho người dân, cán bộ quản lý, lực lượng tham gia công tác PCTT&TKCN, Đội xung kích PCTT cấp xã; tổ chức dạy bơi cho học sinh Tiểu học, THCS; tổ chức hội thi về PCTT,... (*Chi tiết xem Phụ lục 06*).

(8). Xây dựng Chương trình, kế hoạch truyền thông về phòng, chống thiên tai giai đoạn 2021-2025:

*Mục đích:*

- Tuyên truyền nhằm nâng cao năng lực xử lý tình huống, sự cố trong việc phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai của các cơ quan, đơn vị, chính quyền các cấp và người dân;

- Tăng cường thông tin, tuyên truyền, cảnh báo, hướng dẫn các biện pháp phòng, tránh ứng phó thiên tai kịp thời đến cộng đồng dân cư;

- Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng để phát huy ý thức tự giác, chủ động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai của toàn dân;

- Tuyên truyền về phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai bằng nhiều hình thức truyền thông phong phú, đa dạng, phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương, đơn vị.

*Nội dung:*

- Tuyên truyền về các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, Chính phủ về công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Tuyên truyền, phổ biến pháp luật, nâng cao nhận thức cho cơ quan, đơn vị, chính quyền các cấp, người dân và cộng đồng trong công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai;

- Tuyên truyền cho người dân các kỹ năng ứng phó trước các tình huống của thiên tai, giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản, chủ động phối hợp với chính quyền về công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai;

- Thông tin việc triển khai các giải pháp thực hiện phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai ở các địa phương như: đảm bảo an toàn cho hệ thống đê điều, hồ đập, khắc phục sạt lở bờ sông, khu vực trọng yếu, di dời dân cư khẩn cấp ra khỏi vùng có nguy cơ cao xảy ra sạt lở, ...;

- Thông tin về việc huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực cho công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai;

- Thông tin việc ứng dụng khoa học, công nghệ trong quan trắc, giám sát, dự báo, cảnh báo thiên tai; hệ thống dự báo khí tượng thủy văn, hệ thống theo dõi, giám sát thiên tai chuyên dùng chuẩn hóa, hiện đại;

- Thông tin về kinh nghiệm của các tổ chức quốc tế, cơ quan chuyên môn nước ngoài trong việc phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.

*Nhiệm vụ cụ thể như sau:*

*Bảng 33: Nhiệm vụ cụ thể thực hiện Kế hoạch truyền thông về PCTT&TKCN tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021-2025*

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Sản phẩm
1	Xây dựng các chương trình, chuyên mục, chuyên đề, tin, bài tuyên truyền về phòng ngừa,	Đài PTTH Vĩnh Long; Báo Vĩnh Long;	Sở Thông tin và Truyền thông; Ban Chỉ huy	2022-2025	Tin, bài tuyên truyền, chuyên

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Sản phẩm
	ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh; Thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác hoạt động của các cơ quan, đơn vị về việc triển khai kế hoạch.	Công thông tin điện tử UBND tỉnh	PCTT&TKCN các cấp và các đơn vị liên quan		trang, chuyên mục
2	Xây dựng chuyên đề phát thanh, tin, bài tuyên truyền về phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai trên hệ thống thông tin cơ sở.	Các Đài phát thanh, tuyên truyền cấp huyện, xã	UBND và Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp huyện, xã và các đơn vị liên quan	2022-2025	Chuyên đề
3	Tổ chức tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ và cung cấp thông tin về phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai cho đội ngũ cán bộ, công chức viên, chức các sở, ngành, địa phương.	Văn phòng thường trực BCH PCTT&TKCN tỉnh	Các sở, ngành; UBND và Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp huyện, xã	2022-2025	Tập huấn
4	Xây dựng các ấn phẩm thông tin tuyên truyền về phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.	Văn phòng thường trực BCH PCTT&TKCN tỉnh	Các sở, ngành liên quan; UBND và Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp huyện, xã	2022-2025	Ấn phẩm, tờ rơi, tờ gấp...

(9). Tiến độ kế hoạch đầu tư xây dựng các công trình phục vụ công tác PCTT, phát triển KTXH của tỉnh (*Chi tiết xem Phụ lục 07, Phụ lục 08*).



## **CHƯƠNG 8. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **8.1 NHIỆM VỤ CHUNG**

Căn cứ vào nội dung Kế hoạch PCTT&TKCN, Bản đồ ngập lụt do nước biển dâng trong tình huống bão mạnh, siêu bão của Trung ương ban hành, đề nghị các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện các nội dung sau:

- Xây dựng phương án ứng phó với các cấp độ rủi ro thiên tai và loại thiên tai thường xảy ra tại địa phương.

- Cập nhật, bổ sung kế hoạch, phương án hàng năm theo quy định.

- Các thành viên Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh chịu trách nhiệm chỉ đạo triển khai thực hiện kế hoạch của ngành, đơn vị mình, đồng thời thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện của các huyện, thị xã, thành phố được phân công phụ trách.

- Chủ động trong công tác phòng ngừa, ứng phó và tổ chức khắc phục hậu quả thiên tai theo trách nhiệm và phạm vi quản lý, đồng thời chuẩn bị sẵn lực lượng, phương tiện, vật tư chủ động tham gia ứng cứu khi có yêu cầu.

- Thực hiện lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, của địa phương thuộc phạm vi quản lý.

- Hàng năm tổ chức củng cố, kiện toàn Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các ngành, các cấp theo quy định.

- Xây dựng, tu bổ, nâng cấp và quản lý, bảo vệ công trình PCTT trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý.

- Tổ chức tốt công tác trực ban, thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

- Tổng hợp và báo cáo kịp thời tình hình thiệt hại do thiên tai gây ra và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu thiệt hại theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 26 tháng 11 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

### **8.2 NHIỆM VỤ CỤ THỂ**

Nhiệm vụ cụ thể của các sở, ngành, các cơ quan, đơn vị có liên quan như sau:

#### **8.2.1 Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

Là cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh, có nhiệm vụ chính như sau:

- Thực hiện nhiệm vụ được phân công tại Điều 5 và Điều 6 Quyết định số 04/QĐ-PCTT&TKCN ngày 19/4/2021 của Trưởng Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh về việc Tổ chức, hoạt động về công tác PCTT&TKCN của Ban chỉ huy, Văn phòng thường trực Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh.

- Kiểm tra, đôn đốc công tác chuẩn bị nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm và tổ chức diễn tập phòng chống thiên tai của các ngành, địa phương.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thực hiện việc lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương.

- Khuyến cáo người dân tuân thủ lịch thời vụ; xây dựng kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với tình hình thiên tai và biến đổi khí hậu.

- Tổ chức tập huấn, hướng dẫn các biện pháp kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp thích ứng với thiên tai.

- Tổ chức thực hiện Đề án 553 về “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng”.

- Theo dõi, tổng hợp tình hình thiên tai, thiệt hại do thiên tai trên địa bàn tỉnh và trình Sở Tài chính, UBND tỉnh xem xét, quyết định hỗ trợ.

- Phối hợp với các ngành có liên quan và địa phương triển khai công tác thu Quỹ Phòng, chống thiên tai của tỉnh theo quy định.

### **8.2.2 Văn phòng thường trực Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh**

- Thực hiện nhiệm vụ được phân công tại Điều 10 và Điều 11 Quyết định số 04/QĐ-PCTT&TKCN ngày 19/4/2021 của Trưởng Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh về việc Tổ chức, hoạt động về công tác PCTT&TKCN của Ban chỉ huy, Văn phòng thường trực Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh.

- Tổ chức trực ban theo quy định. Tiếp nhận và triển khai thực hiện các chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Quốc gia về PCTT, Ủy ban Quốc gia UPSCTT và Tìm kiếm cứu nạn. Thu thập và xử lý kịp thời những thông tin có liên quan đến công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm, cứu nạn.

- Chủ động thông tin, hướng dẫn Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các ngành, địa phương triển khai phương án phòng chống khi có sự cố xảy ra. Chủ động triển khai các phương án phòng, chống thiên tai; kết nối thông tin giúp cho các thành viên Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh triển khai các phương án một cách hiệu quả.

- Cập nhật, tổng hợp các thông tin về khí tượng, thủy văn. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh ban hành quyết định, công điện, thông báo, cảnh báo, báo động và các biện pháp thực hiện công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm, cứu nạn.

- Tổng hợp, báo cáo công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm, cứu nạn theo quy định.

### **8.2.3 Các thành viên Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh**

Các thành viên thuộc các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh có trách nhiệm trực tiếp chỉ huy, điều phối ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai của sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương và lĩnh vực chuyên ngành phụ trách; điều phối, hỗ trợ các địa phương được phân công phụ trách ứng phó thiên tai cấp độ 1; tham gia chỉ huy, ứng phó thiên tai cấp độ 2, 3, 4.



Chỉ huy thông kê số liệu thiệt hại, nhu cầu cứu trợ của sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương và lĩnh vực chuyên ngành phụ trách.

Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của các huyện, thị xã, thành phố được phân công.

Thực hiện tốt nội dung tại Quyết định số 04/QĐ-PCTT&TKCN ngày 19/4/2021 của Trưởng Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh về việc Tổ chức, hoạt động về công tác PCTT&TKCN của Ban chỉ huy, Văn phòng thường trực Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh.

#### **8.2.4 Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Vĩnh Long**

- Thực hiện nhiệm vụ được phân công tại Điều 5 và Điều 6 Quyết định số 04/QĐ-PCTT&TKCN ngày 19/4/2021 của Trưởng Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh về việc Tổ chức, hoạt động về công tác PCTT&TKCN của Ban chỉ huy, Văn phòng thường trực Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh.

- Thực hiện nhiệm vụ thường trực về ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, đồng thời chủ trì phối hợp với đơn vị có liên quan triển khai thực hiện “Chiến lược quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050” tại Quyết định số 379/QĐ-TTg ngày 17/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ Quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

- Trực tiếp chỉ đạo, điều phối ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai và các lĩnh vực khác liên quan đến thiên tai thuộc trách nhiệm của đơn vị.

- Xây dựng kế hoạch phát triển dài hạn, kế hoạch huấn luyện, đào tạo, diễn tập, kế hoạch mua sắm, dự trữ phương tiện, vật tư phục vụ công tác tìm kiếm, cứu nạn.

- Lập phương án bố trí lực lượng, phương tiện sẵn sàng tham gia hộ đê, hộ đập, tìm kiếm, cứu nạn khi có thiên tai xảy ra trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng quy chế phối hợp giữa các lực lượng thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm, cứu nạn (Quân sự, Công an, UBND các huyện/thị,...). Bao gồm cả việc hiệp đồng với các lực lượng trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, các tổ chức tìm kiếm cứu nạn; Phối hợp cùng với địa phương và các lực lượng có liên quan triển khai công tác sơ tán, di dời dân, công tác giúp dân khắc phục hậu quả sau thiên tai.

- Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng phương án và triển khai lực lượng, phương tiện sơ tán, di dời dân để đối phó với các tình huống khẩn cấp do thiên tai, tai nạn gây ra; phối hợp các lực lượng giúp dân khắc phục hậu quả sau thiên tai.

- Sẵn sàng và cơ động lực lượng khắc phục hậu quả thiên tai và tìm kiếm cứu nạn khi có lệnh của Trưởng ban; cất giữ, bảo quản và sử dụng phương tiện, trang thiết bị cho nhiệm vụ phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn đã được cấp phát để thực hiện nhiệm vụ khi có lệnh.

### **8.2.5 Công an tỉnh**

Lập kế hoạch và phương án bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội khi có thiên tai xảy ra, phối hợp với các ngành, địa phương tham gia cứu hộ, cứu nạn và khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra.

### **8.2.6 Sở Thông tin và Truyền thông**

- Lập quy hoạch, kế hoạch và chỉ đạo thực hiện việc bảo đảm an toàn, thông suốt cho mạng thông tin của tỉnh.

- Chuẩn bị dự phòng trang thiết bị thông tin chuyên dùng phục vụ phòng, chống thiên tai trong mọi tình huống thiên tai xảy ra.

- Nghiên cứu phối hợp triển khai ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (IA) trong cảnh báo, phòng chống và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai.

### **8.2.7 Sở Giao thông vận tải**

- Lập quy hoạch, kế hoạch và chỉ đạo thực hiện về phát triển giao thông vận tải phù hợp với chiến lược và kế hoạch phòng, chống thiên tai.

- Chuẩn bị lực lượng, phương tiện, vật tư cứu hộ giao thông, bảo đảm an toàn giao thông vận tải khi thiên tai xảy ra.

- Xây dựng phương án huy động đảm bảo phương tiện thủy, bộ đáp ứng yêu cầu sơ tán dân khi có thiên tai xảy ra; khắc phục kịp thời các đoạn đường bị hư hỏng, sạt lở, đảm bảo lưu thông thông suốt, nhất là các tuyến lộ chính trong tỉnh.

- Tăng cường công tác kiểm tra, đảm bảo an toàn đối với các phương tiện giao thông thủy, tàu thuyền du lịch, các bến đò ngang, đò dọc,... trước mùa mưa bão hàng năm.

### **8.2.8 Sở Công thương**

Phối hợp với các ngành, địa phương và các Doanh nghiệp ngành Công thương xây dựng kế hoạch dự trữ các mặt hàng thiết yếu cung ứng cho nhân dân, đặc biệt là các vùng thường xuyên bị thiên tai; Phối hợp với chính quyền địa phương kiểm tra các Doanh nghiệp ngành công thương việc thực hiện dự trữ lương thực, thực phẩm ...

Xây dựng kế hoạch công tác đảm bảo an toàn điện trong mọi tình huống.

### **8.2.9 Sở Xây dựng**

Yêu cầu các đơn vị quản lý sử dụng công trình tổ chức rà soát, kiểm tra, kiểm định các công trình cũ, xuống cấp, nguy hiểm để có biện pháp xử lý đảm bảo hạn chế thiệt hại, tác hại khi xảy ra thiên tai.

Thực hiện công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân về các biện pháp kỹ thuật chằng chống nhà cửa đảm bảo an toàn khi có thiên tai xảy ra.

### **8.2.10 Sở Tài chính**

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu cấp thẩm quyền bố trí nguồn vốn, kế hoạch vốn hàng năm để thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai.

- Phối hợp với các ngành, địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ thiệt hại cho người dân theo quy định.

#### **8.2.11 Sở Kế hoạch và Đầu tư**

- Hướng dẫn, chủ trì, theo dõi, kiểm tra và đánh giá nội dung lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan thẩm định nội dung lồng ghép phòng, chống thiên tai vào lập quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội theo quy định.

- Tổng hợp danh mục, nhu cầu đầu tư, xác định nguồn vốn, bố trí vốn hàng năm thực hiện Kế hoạch PCTT&TKCN tỉnh.

#### **8.2.12 Sở Giáo dục và Đào tạo**

- Chỉ đạo lập quy hoạch xây dựng các trường học, cơ sở giáo dục, đào tạo kết hợp phòng, chống thiên tai phù hợp với đặc điểm thiên tai của từng vùng, địa phương để bảo đảm an toàn cho người và công trình.

- Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức về phòng chống, ứng phó thiên tai đối với giáo viên và học sinh.

#### **8.2.13 Sở Y tế**

- Dự trữ thuốc, phương tiện y tế, hướng dẫn cho cán bộ y tế và cộng đồng về kỹ thuật cấp cứu thông thường, biện pháp vệ sinh môi trường theo quy định.

- Chỉ đạo việc cấp cứu nạn nhân, phòng, chống dịch, bệnh trước, trong và sau khi thiên tai xảy ra.

#### **8.2.14 Sở Lao động, Thương binh và Xã hội**

Phối hợp với các ngành có liên quan và địa phương thực hiện hỗ trợ đối với các gia đình có người chết, bị thương, bị thiệt hại về nhà ở,... do thiên tai gây theo quy định.

#### **8.2.15 Sở Tài nguyên và Môi trường**

Cung cấp các kịch bản biến đổi khí hậu, tổ chức quan trắc môi trường theo Chương trình quan trắc môi trường hàng năm; phối hợp tổ chức tuyên truyền về bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu; xử lý ô nhiễm môi trường sau thiên tai.

#### **8.2.16 Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên**

Phối hợp với các ngành, địa phương tổ chức tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện công tác PCTT; vận động, tiếp nhận, thực hiện và phân phối hàng cứu trợ kịp thời đến tay người dân bị thiệt hại do thiên tai, giúp họ có điều kiện sớm ổn định cuộc sống, nhất là hộ gia đình chính sách, hộ nghèo, khó khăn.

Tham gia tập huấn, diễn tập tình huống phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn hàng năm khi được phân công.

### **8.2.17 Công ty Điện lực Vĩnh Long**

Hàng năm có kế hoạch kiểm tra, sửa chữa lưới điện trước mùa mưa bão, đồng thời có phương án khắc phục hậu quả sau thiên tai đảm bảo cung cấp điện phục vụ người dân trong thời gian nhanh nhất.

### **8.2.18 Viễn thông Vĩnh Long**

Có phương án đảm bảo thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành cho các cấp chính quyền địa phương trong mọi tình huống; sẵn sàng lực lượng, phương tiện sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu sử dụng cho Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh, kể cả các máy điện thoại vệ tinh, cáp quang, vô tuyến lưu động dự phòng khi có tình huống thiên tai xảy ra.

### **8.2.19 Đài Khí tượng Thủy văn Vĩnh Long**

Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai; thông báo nhanh chóng, kịp thời tình hình thiên tai để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan chức năng và đến người dân để chủ động phòng, chống.

### **8.2.20 Đài Phát thanh và Truyền hình Vĩnh Long, Báo Vĩnh Long**

Phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan và địa phương xây dựng và phát sóng các chương trình nâng cao nhận thức của người dân trong phòng ngừa, ứng phó thiên tai; đồng thời phát sóng các bản tin, thông báo, cảnh báo và văn bản chỉ đạo phòng chống, ứng phó thiên tai của Trung ương và của tỉnh theo quy định.

### **8.2.21 Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố**

- Rà soát, tiếp tục hoàn chỉnh kế hoạch, phương án ứng phó với các cấp độ rủi ro thiên tai trên cơ sở Kế hoạch của tỉnh tùy theo chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị và tình hình thiên tai thực tế tại địa phương.

- Cập nhật, bổ sung kế hoạch, phương án hàng năm theo quy định.

- Căn cứ vào dự báo, cảnh báo, cấp độ rủi ro thiên tai, diễn biến thiên tai, sự chỉ đạo, chỉ huy của Ban Chỉ đạo Quốc gia về Phòng, chống thiên tai; Ủy ban Quốc Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn và Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh, tổ chức triển khai thực hiện một số nội dung sau:

+ Thực hiện phân công, phân cấp trách nhiệm và phối hợp trong ứng phó với các cấp độ rủi ro thiên tai theo quy định của Luật PCTT.

+ Quyết định lựa chọn phương án, biện pháp và tổ chức thực hiện ứng phó phù hợp với diễn biến thiên tai và điều kiện thực tế của địa bàn.

+ Chủ động huy động lực lượng, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm đã được chuẩn bị theo phương châm “bốn tại chỗ” để ứng phó thiên tai và cứu trợ khẩn cấp tại địa phương; có trách nhiệm quyết định việc hoàn trả hoặc bồi thường thiệt hại cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được huy động theo quy định của pháp luật có liên quan và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

+ Tiếp nhận thông tin dự báo, cảnh báo thiên tai từ Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh; chỉ đạo các Đài phát thanh, truyền thanh huyện, thị xã, thành phố thực hiện các quy

định truyền tin về thiên tai có liên quan trực tiếp đến địa phương. Đồng thời chỉ đạo các xã, phường, thị trấn tuyên truyền, phổ biến đến từng cộng đồng dân cư để chủ động trong phòng ngừa, ứng phó và khắc phục thiệt hại do thiên tai trên địa bàn.

- Tổ chức thực hiện công tác trực ban và chế độ thông tin báo cáo theo quy định.

- Chỉ đạo cơ quan chức năng tổng hợp và báo cáo kịp thời tình hình thiệt hại do thiên tai gây ra và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu thiệt hại theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT- BKHĐT ngày 26 tháng 11 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và hướng dẫn của Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh.

- Theo dõi, chỉ đạo việc thu gom, xử lý chất thải, nhất là công tác vệ sinh môi trường trong và sau thiên tai.

- Trường hợp vượt quá khả năng phòng chống, ứng phó, phải báo cáo Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh để xem xét, hỗ trợ.

- Tổ chức tập huấn, diễn tập theo các phương án phòng, chống thiên tai trên địa bàn.

- Phối hợp với các ngành tỉnh có liên quan để triển khai công tác thu Quỹ PCTT của địa phương theo quy định.

### **8.2.22 Công ty Cổ phần Công trình Công cộng Vĩnh Long**

Phối hợp với các địa phương triển khai biện pháp chặt tỉa cây xanh để đổ ngã, dọn dẹp vệ sinh môi trường, khơi thông cống rãnh...

### **8.2.23 Công ty cổ phần Cấp nước Vĩnh Long và các doanh nghiệp, đơn vị cung cấp nước sạch**

Chuẩn bị sẵn sàng hương án đảm bảo cấp nước phục vụ sinh hoạt cho các hộ dân, bệnh viện, trường học, nhà hàng, khách sạn,... các khu công nghiệp trong mùa khô. Đồng thời có phương án hỗ trợ các nhà máy nước nông thôn đầu nối nguồn nước của Công ty để kịp thời cung cấp nước cho người dân trong trường hợp tình hình xâm nhập mặn diễn biến gay gắt, ảnh hưởng đến nguồn nước thô tại các nhà máy.

## **8.3 CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH**

### **8.3.1 Báo cáo định kỳ**

- 06 tháng đầu năm và cuối năm, các sở, ngành và UBND cấp huyện thực hiện báo cáo định kỳ các hoạt động phi công trình, công trình theo kế hoạch của đơn vị, địa phương, trong đó nêu rõ tình hình thiên tai và tác động của thiên tai đến ngành, địa phương mình; công tác triển khai các hoạt động PCTT theo kế hoạch; những thuận lợi, khó khăn, bài học kinh nghiệm và những kiến nghị cần quan tâm, giải quyết, gửi về UBND tỉnh, Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh.

- Trên cơ sở báo cáo của các sở, ngành, địa phương, Thường trực Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh tổng hợp, xây dựng Báo cáo sơ kết công tác phòng, chống thiên tai

và tìm kiếm cứu nạn 6 tháng đầu năm (thực hiện trước ngày 25/6); 9 tháng đầu năm (trước ngày 25/9) và Báo cáo tổng kết công tác phòng chống thiên tai năm (trước ngày 25/12) gửi Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh và Ban Chỉ đạo Quốc gia về Phòng, chống thiên tai, UBND tỉnh, thành viên Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh...

- Mẫu báo cáo được thường trực Ban Chỉ huy PCTT&TKCN xây dựng và gửi cho các Sở, ngành, UBND cấp huyện.

### **8.3.2 Báo cáo đột xuất**

- Khi có tình huống thiên tai khẩn cấp, phải báo cáo ngay bằng điện thoại, fax, sau đó có báo cáo chính thức bằng văn bản về tình hình thiên tai, thiệt hại, đề xuất biện pháp khắc phục, giải quyết.

- Khi cơ quan cấp trên, Lãnh đạo tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh có yêu cầu.

### **8.3.3 Công tác giám sát và đánh giá thực hiện kế hoạch**

- Giao cơ quan Thường trực Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức kiểm tra, đôn đốc các sở, ngành, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các đoàn thể, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội và cá nhân liên quan trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện Kế hoạch này; hàng năm chủ trì đánh giá sơ kết định kỳ hàng năm và 5 năm, rút kinh nghiệm và đề xuất/kiến nghị, tổ chức rà soát, cập nhật bổ sung Kế hoạch, báo cáo và kiến nghị UBND tỉnh ban hành cập nhật kế hoạch hàng năm cho phù hợp với tình hình thực tế và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

- UBND các địa phương, các sở, ngành, đơn vị phân công cán bộ phụ trách giám sát, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch PCTT&TKCN hàng năm để làm căn cứ điều chỉnh Kế hoạch Phòng, chống thiên tai cấp tỉnh.

- Hàng năm, các Sở, ngành và địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý, tổ chức tổng kết đánh giá những tồn tại, hạn chế, các bài học kinh nghiệm, tổ chức nhân rộng các mô hình mang lại hiệu quả, biểu dương các tập thể, cá nhân điển hình trong công tác phòng chống thiên tai.

Trên đây là Kế hoạch phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021-2025. Căn cứ Kế hoạch này, các cấp, các ngành, các địa phương trong tỉnh chủ động xây dựng kế hoạch của ngành, địa phương, đơn vị thật cụ thể, chi tiết sát với tình hình, điều kiện của ngành, địa phương, đơn vị mình quản lý nhằm để chủ động phòng, chống, ứng phó, khắc phục với mọi tình huống thiên tai có thể xảy ra. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các sở, ban, ngành, các địa phương phản ánh, đề xuất, kiến nghị về Thường trực Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp tình hình thực tế. Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các Sở, ban, ngành và địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này./.

## KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Để có thông tin, tài liệu, số liệu phục vụ xây dựng Kế hoạch PCTT&TKCN tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021-2025, đơn vị Tư vấn đã tiến hành điều tra, thu thập dữ liệu tại các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn của tỉnh Vĩnh Long. Kết quả điều tra, gồm:

- Điều tra thu thập thông tin, cập nhật tài liệu cấp xã, phường, thị trấn: tại 107 xã/phường/thị trấn trên toàn tỉnh.

- Điều tra thu thập thông tin, cập nhật tài liệu cấp huyện: tại 08 huyện, thị xã, thành phố.

- Điều tra thu thập thông tin, cập nhật tài liệu cấp tỉnh: 16 sở, ngành đã hỗ trợ cung cấp thông tin.

Hệ thống các thông tin, tài liệu, số liệu điều tra thu thập được là cơ sở quan trọng để đơn vị Tư vấn tổng hợp, phân tích, đánh giá, sử dụng để xây dựng Kế hoạch PCTT và TKCN giai đoạn 2021-2025 của tỉnh.

Trên cơ sở các tài liệu thu thập, cập nhật, đơn vị Tư vấn đã tập trung phân tích đánh giá các vấn đề, gồm đặc điểm điều kiện tự nhiên, đặc điểm dân sinh – kinh tế xã hội tỉnh, đặc điểm kết cấu hạ tầng.

Kế hoạch đã tổng hợp, phân tích, đánh giá được hiện trạng công tác phòng chống thiên tai và TKCN tỉnh Vĩnh Long, gồm hiện trạng về thiên tai, năng lực PCTT của địa phương.

Từ diễn biến về thiên tai, thiệt hại do thiên tai gây ra, hiện trạng hạ tầng PCTT, đơn vị Tư vấn đã tiến hành đánh giá rủi ro thiên tai, gồm đánh giá độ lớn của thiên tai, đánh giá tính dễ bị tổn thương đối với con người, cơ sở hạ tầng, kinh tế do từng loại thiên tai gây ra; đánh giá năng lực PCTT cho từng đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn. Trên cơ sở đó, tiến hành đánh giá rủi ro thiên tai theo khu vực hành chính.

Căn cứ vào đặc điểm của từng loại hình thiên tai, cấp độ rủi ro thiên tai đã xác định, đơn vị Tư vấn đã xây dựng được các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu; biện pháp ứng phó cho từng loại hình thiên tai thường xuyên xảy ra trên địa bàn tỉnh. Song song đó là kế hoạch tổ chức tìm kiếm cứu nạn và khắc phục hậu quả, tái thiết sau thiên tai. Đề xuất biện pháp phòng, chống thiên tai liên vùng.

Nhằm giảm thiểu rủi ro do thiên tai gây ra đối với con người, kinh tế xã hội và hệ thống cơ sở hạ tầng, Kế hoạch đã đề xuất các nhiệm vụ lồng ghép giảm thiểu rủi ro thiên tai cho một số ngành chính, như ngành: Nông nghiệp và PTNT, Công thương, Y tế, Xây dựng, Giáo dục, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ, Lao động, Thương binh và Xã hội.

Từ thực tiễn về năng lực PCTT, các biện pháp PCTT đề xuất, xác định danh mục các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư phục vụ công tác PCTT&TKCN tỉnh Vĩnh Long

giai đoạn 2021-2025. Các chương trình, dự án, gồm: nhóm chương trình dự án về Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng; Chương trình kế hoạch tập huấn, nâng cao nhận thức; Kế hoạch truyền thông về PCTT; Nhóm công trình hạ tầng phục vụ PCTT và phát triển kinh tế xã hội (hạ tầng giao thông, thủy lợi, nước sạch, ...); Kế hoạch đầu tư mua sắm, dự trữ các loại phương tiện, trang thiết bị, vật tư, nhu yếu phẩm và nhiên liệu, vật liệu.

Tổng kinh phí thực hiện Kế hoạch PCTT&TKCN tỉnh giai đoạn 2021-2025 là 16.967.754 triệu đồng.

Về mặt tổ chức thực hiện, Kế hoạch xác định nhiệm vụ cụ thể cho 23 cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện có liên quan trực tiếp đến công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Để đảm bảo thực hiện Kế hoạch, công tác về chế độ thông tin, báo cáo giám sát thực hiện Kế hoạch phải được thực hiện đầy đủ, định kỳ./.



## TÀI LIỆU THAM KHẢO

Trong quá trình thực hiện xây dựng Kế hoạch PCTT và TKCN này, đơn vị Tư vấn đã tham khảo một số thông tin, số liệu, trích dẫn từ các tài liệu sau:

- Sổ tay xây dựng Kế hoạch phòng chống thiên tai tại các cấp địa phương – Tập 2 (Tổng cục Phòng, chống thiên tai – Bộ NN&PTNT);
- Điều chỉnh Quy hoạch thủy lợi tỉnh Vĩnh Long đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (Sở NN&PTNT tỉnh Vĩnh Long);
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, “Tài liệu tập huấn Thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm thiểu rủi ro thiên tai”, 2012.
- Niên giám thống kê tỉnh Vĩnh Long năm 2020.
- Các tài liệu khác có liên quan.



## **PHỤ LỤC**





TT	Đối tượng	Đơn vị	Tổng cộng	Huyện Long Hồ	Huyện Tam Bình	Huyện Bình Tân	Huyện Vũng Liêm	Huyện Trà Ôn	Huyện Mang Thít	Tx. Bình Minh	Tp. Vĩnh Long
6	Loa cầm tay	cái	506	72	118		124	107	26	36	23
7	Dây thừng	m	122.803	100	100.400		4.748	15.000		1.450	1.105
8	Các trang thiết bị khác	cái	-								
<b>III</b>	<b>Vật tư dự trữ</b>										
1	Đá hộc	m <sup>3</sup>	51.150	890	2.345		4.160	540	43.000	50	165
2	Đá dăm, sỏi	m <sup>3</sup>	52.026	3.050	4.488	130	9.813	4.930	28.000	305	1.310
3	Cát	m <sup>3</sup>	143.762	26.671	24.131	190	16.265	11.105	13.850	350	51.200
4	Đất	m <sup>3</sup>	424.716	565	283.630		128.705	10.326		240	1.250
5	Rọ thép	cái	1.126	16	3		177	100		650	180
6	Bao tải	chiếc	414.834	15.080	274.900	2.000	57.181	27.260	13.850	4.600	19.963
7	Vải bạt	m <sup>2</sup>	151.320	1.070	52.150		18.599	10.611	56.100	460	12.330
8	Tôn lợp	m <sup>2</sup>	2.933.207	9.700	21.040	1.500	19.920	4.650	2.865.000	1.660	9.737

Nguồn: Văn phòng thường trực Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Vĩnh Long, năm 2020

**Phụ lục 02: Hiện trạng các tuyến đường giao thông phục vụ công tác PCTT&TKCN tỉnh Vĩnh Long**

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Chiều rộng (m)		Kết cấu mặt đường (km)		
					Nền	Mặt	BTN	Đá dăm nhựa	Loại khác
<b>I</b>	<b>QUỐC LỘ</b>								
1	QL.1	Cầu Mỹ Thuận	Cầu Cần Thơ	32			32		
2	QL. 53	Km 2033 + 800 QL 1, P9, TP. Vĩnh Long	Cầu Mây Tứ	47			47		
3	QL. 54	Cầu Xã Hời	Cầu Trà Mệt	49				49	
4	QL. 57	Ngã tư QL.53-QL,57-đường Phạm Thái Bường (Ngã tư Đồng Quê)	Cầu Đập Ông Chối	7,5				7,5	
5	QL. 80	Cầu Mỹ Thuận	Cầu Cái Gia Nhỏ	3,7			3,7		
<b>II</b>	<b>ĐƯỜNG TỈNH</b>								
1	ĐT. 901	UBND xã Tích Thiện	Km 25 + 150 ĐT 902	50	6,5	5,2		<b>50</b>	
2	ĐT. 902	Cầu Thiêng Đức	Trường tiểu học Trung Thành Tây	33	6,5 ÷ 13	5,2 ÷ 9		<b>33</b>	
		Đoạn từ km 0+000 – km 2+686		2,686	12 – 13	6 – 7		2,686	
		Đoạn từ km 2+686 – km 8+923		6,237	12	9		6,237	
		Đoạn từ km 8+923 – km 33+000		24,077	6,5	5,2		24,077	
3	ĐT. 903	Km 11 + 289 QL53	Km 19 + 670 ĐT 902	12	6,5	5,2		<b>12</b>	
4	ĐT. 904	Km 13+ 568 QL 53	Km 65+450 QL.54	26,9	6,5	5,2		<b>26,9</b>	
5	ĐT. 905	Km 2054 + 911 QL 1	Km 13+200-ĐT904	15	6,5	5,2		<b>15</b>	
6	ĐT. 906	Km 26 +584 QL 53	Km 83 + 700 QL 54	17	6,5	5,2		<b>17</b>	
7	ĐT. 907	Km 70 + 968 QL..54	Km 2 + 500 ĐT.909	63,906	5 – 7	3,5 – 5,5		<b>63,906</b>	
		Đoạn từ km 0+000 – km 6+000		6	7	5,5		6	

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Chiều rộng (m)		Kết cấu mặt đường (km)		
					Nền	Mặt	BTN	Đá dăm nhựa	Loại khác
		Đoạn từ km 6+000 – km 21+000		12	7	5,5		12	
		Đoạn từ km 21+000 – km 42+969		22	5	3,5		22	
		Đoạn từ km 44+868 – km 68+774		23,906	7	5,5		23,906	
8	ĐT. 908	Km 2049 + 200 QL 1	Km 33 + 295 QL 54	29	9	7	<b>29</b>		
9	ĐT. 909	ĐT.902	QL 54	38,868	6,5 – 7,5	5,2– 5,5		<b>38,868</b>	
		Km 0+000 - Km 5 +818		5,818	7	5,5		5,818	
		Km 5+818 – Km 6+916		1,098	6,5	5,2		1,098	
		Km 7+118 - Km 26+352		19,234	7	5,5		19,234	
		Km 26+352 - Km 30+867		4,515	6,5	5,5		4,515	
		Km 30+867 - Km 38+868		8,001	7,5	5,5		8,001	
10	ĐT. 910	Km 2063+525 QL.1	Km 14+307 ĐT 908	9,6	5 – 6,5	3		<b>9,6</b>	
<b>III</b>	<b>ĐƯỜNG HUYỆN</b>								
	<b>TP. Vĩnh Long</b>			<b><u>11,9</u></b>				<b><u>11,9</u></b>	
1	Hương lộ 15 (ĐH.10)	Km 0 + 470 đoạn tuyến tránh QL.1	Cầu Rạch Ranh	5	6,5	3,5		5	
2	Hương lộ Trường An (ĐH.11)	Km 2033 + 050 – QL.1	Km 02 + 700 - ĐH.10	4,4	6,5	3,5		4,4	
3	Hương lộ 18 (ĐH.12)	Km 1 + 600 - QL80	Cầu Bà Thành	2,5	6,5	3,5		2,5	
	<b>Huyện Long Hồ</b>			<b><u>69,81</u></b>				<b><u>69,81</u></b>	
1	Đường Cái Chuối (ĐH.20)	Cầu Long Thanh	Cầu Cái Chuối ( giáp ranh xã Long Mỹ-H.Mang Thít)	1,8	6,5	5,2		1,8	
2	Đường từ QL57 - Đồng Phú (ĐH.21)	Km05+007 QL. 57	UBND xã Đồng Phú	5,1	6,5	3,5		5,1	



TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Chiều rộng (m)		Kết cấu mặt đường (km)		
					Nền	Mặt	BTN	Đá dăm nhựa	Loại khác
3	Đường Bình Hòa Phước (ĐH.21B)	Km06+650 -QL57	Vàm Cái Muối	2,8	6,5	3,5		2,8	
4	Đường Bà Kiến-Vành Đai (ĐH.22)	Km2043+150 QL.1	Km11+200 - ĐT909	5,25	6,5	3,5		5,25	
5	Đường Lộc Hòa-Phú Quới (ĐH.22B)	Cách QL.1 200 m phía bên phải, tại Km2042+400	Km03+500 - ĐH.23	7	6,5	3,5		7	
6	Đường Phú Thạnh (ĐH.23)	Km2047+300 QL.1	Cây Sao (xã Thạnh Quới)	3,86	6,5	3,5		3,86	
7	Đường Hòa Phú (ĐH.23B)	Km2047+300 QL.1	UBND xã Hòa Phú	2,88	6,5	3,5		2,88	
8	Đường Phú Thạnh II (ĐH.24)	UBND Xã Thạnh Quới	Kinh Cườm Nga	6,3	6,5	3,5		6,3	
9	Đường Tân Hạnh (ĐH.25)	Km02+300 - QL53 nối dài	Cầu Rạch Ranh	3,5	6,5	3,5		3,5	
10	Đường Long Phước-Đĩa Chuối (ĐH.29)	Km04+108 QL53	Cầu Đĩa Chuối	3,43	6,5	3,5		3,43	
11	Đường Phước Thạnh (ĐH.26)	UBND Xã Hòa Phú	Cầu Chữ Y	5,44	6,5	3,5		5,44	
12	Đường Phước Hậu (ĐH.27)	Cổng Tư Bái ( ranh xã Phước Hậu và P.3-TXVL)	Cầu Đĩa Chuối	2,1	6,5	3,5		2,1	
13	Đường An Bình - Hòa Ninh (ĐH.28)	Bến đò An Bình	UBND xã Hòa Ninh	6,4	6,5	3,5		6,4	
14	Đường An Bình (ĐH.28B)	Km 0+900 - ĐH.28	UBND xã An Bình	0,9	6,5	3,5		0,9	
15	Đường Long Phước - Bà Kiến (ĐH.25B)	UBND xã Long Phước	ĐH.22	7,85	6,5	3,5		7,85	
16	Đường Long Phước -Bờ Lộ mới (ĐH.25C)	ĐH.29	Bờ Lộ mới	2	6,5	3,5		2	
17	Đường từ cầu Kho QL.1 đến khu dân cư Tân Hạnh (ĐH.27B)	Cầu Kho QL.1	Khu dân cư vùng lũ Tân Hạnh	3,2	6,5	3,5		3,2	
	<b>Huyện Mang Thít</b>			<b><u>53,4</u></b>				<b><u>53,4</u></b>	
1	Cầu Hòa Tịnh - Long Mỹ (ĐH.30)	Cầu Hòa Tịnh	Cầu Cái Chuối	3,2	6,5	5,2		3,2	

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Chiều rộng (m)		Kết cấu mặt đường (km)		
					Nền	Mặt	BTN	Đá dăm nhựa	Loại khác
2	Số 2 - Bình Phước (ĐH.31)	Km2+300 - ĐT903	UBND Xã Bình Phước	2,2	6,5	3,5		2,2	
3	Đường 26/3 (H.31B)	Km4+800 - ĐT903	Km14+100 - ĐT902	10,2	6,5	3,5		10,2	
4	Cầu số 6 - Tân Qui (ĐH.32)	Km6+600 - ĐT903	Km7+300 - ĐH.35	5	6,5	3,5		5	
5	Đường 30/4 (H.32B)	Km9+900 - ĐT903	Km6+200 - ĐH.31B	4,5	6,5 -7	3,5 -5		4,5	
6	Hương Lộ 8 - Chánh An (ĐH.33)	Km10+700 - ĐT903	Km24+500 - ĐT902	4,8	5	2,5 – 3,5		4,8	
7	Đìa Môn - Sông Lưu (ĐH.33B)	Km11+800 - ĐT903	Km8+300 - ĐH.31B	5	6,5	3,5		5	
8	ĐT.902 - Kinh Thầy Cai (ĐH.34)	Km11+000 - ĐT902	Giáp rạch Cái Nhum	2,3	6,5	3,5		2,3	
9	ĐT.902 - Cầu Tràm (ĐH.34B)	Km17+200 - ĐT902	Km2+800 - ĐH.33B	2,2	6,5	3,5		2,2	
10	Số 8 - Tân Long Hội (ĐH.35)	Km20+913 - QL53	Km9+100 - ĐT903	10	6,5	3,5		10	
11	Số 3 - Tân Long (ĐH.36)	Km15+287 - QL53	Km3+900 - ĐT903	3,5	6,5	3,5		3,5	
12	Đường từ cầu xã Hoà Tịnh đến UBND xã Hoà Tịnh (ĐH.37)	Cầu xã Hoà Tịnh	UBND xã Hoà Tịnh	0,5	6,5	5,2		0,5	
	<b>Huyện Tam Bình</b>			<b><u>91,662</u></b>				<b><u>81,662</u></b>	<b><u>10</u></b>
1	Đường Phú Lộc - Bàu Góc (ĐH.40)	Km2048+749 QL.1	Km08+900 - ĐH.40B	6,8	6,5	5,2		6,8	
2	Đường Cái Ngang (ĐH.40B)	Km2053+060 QL.1	Km08+800 - ĐT904	15	6,5	3,5		15	
3	Đường Phú Thịnh (ĐH.41)	Km2053+753 QL.1	Km04+306 - ĐT908	5,2	6,5	5,2		3,2	2
4	Đường Phú Thuận (ĐH.41B)	Km2054+911 - QL.1	Khu dân cư Phú Thịnh 2	1,1	12	7		1,1	

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Chiều rộng (m)		Kết cấu mặt đường (km)		
					Nền	Mặt	BTN	Đá dăm nhựa	Loại khác
5	Đường Hòa Thạnh (ĐH.42)	Km15+389 QL53	Cầu Hòa Thạnh	2,42	6,5	3,5 - 4,5		2,42	
6	Đường Hòa Hiệp - Hòa Thạnh (ĐH.42B)	Km21+230 - QL53	UBND Xã Hòa Hiệp	7,5	6,5	3,5		4,5	3
7	Đường Hậu Lộc - Hòa Lộc (ĐH.43)	Km5+450 - ĐT904	UBND Xã Hậu Lộc	6,6	6,5	5,2		6,6	
8	Đường Hòa Hiệp (ĐH.43B)	Km06+350 - ĐT904	Km04+500 - ĐH.53	2	6,5	5,2		2	
9	ĐT.904 - Loan Mỹ (ĐH.44)	Km17+025 - ĐT904	UBND Xã Loan Mỹ	3	6,5	3,5		3	
10	Đường 26/3 (ĐH.45)	Km06+040 - ĐT905	Km24+010 - ĐT904	12	6,5	3,5		12	
11	Đường Mỹ Thạnh Trung (ĐH.45B)	km12+000 - ĐT905	Giáp N.Trường M.T.Trung	1,2	6,5	3,5		1,2	
12	ĐT.905 - Loan Mỹ (ĐH.46)	Km12+300 - ĐT905	UBND Xã Loan Mỹ	3,2	6,5	3		3,2	
13	Đường Tường Lộc - Hòa Hiệp (ĐH.47)	Cầu 3/2	UBND Xã Hòa Hiệp	5	6,5	5,2		5	
14	Đường Kênh Sau (ĐH.47B)	Bến đò Tam Bình	Cầu Kênh Sau	0,66	9	4		0,66	
15	Đường Loan Mỹ - Ngãi Tứ (ĐH.48)	UBND Xã Loan Mỹ	UBND Xã Ngãi Tứ	5,5	6,5	3,5		5,5	
16	Đường Loan Mỹ - Tổng Hưng (ĐH.48B)	UBND Xã Loan Mỹ	Cầu Tổng Hưng	5,082	5	3		5,082	
17	Đường Tân Lộc - Hòa Phú (ĐH.49)	UBND Xã Tân Lộc	Cầu Còng Cọc	2,3	6,5 - 12	5,2 - 7		2,3	
18	Đường An Thạnh -An Hòa, xã Bình Ninh (ĐH.44B)	Giao ĐT.904	Giao ĐH.48	5	6,5	3,5			5
19	Đường Cái Sơn - Cái Bân, xã Mỹ Lộc (ĐH.46B)	Giao ĐT.909		2,1	6,5	3,5		2,1	
	<b>Thị xã Bình Minh</b>			<b><u>9,52</u></b>				<b><u>9,52</u></b>	

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Chiều rộng (m)		Kết cấu mặt đường (km)		
					Nền	Mặt	BTN	Đá dăm nhựa	Loại khác
1	Đường Thuận An – Rạch Sậy (ĐH.50)	Km2060+000 QL1	Cầu Khoán Tiết	2,86	6,5	5,2		2,86	
2	Đường Đông Bình – Đông Thạnh (ĐH.54)	Km53+980-QL54	UBND xã Đông Thạnh	3,86	7,5	5,5		3,86	
3	Đường từ QL 54 – Khu công nghiệp Bình Minh (ĐH.55)	Km56+154-QL54	UBND xã Mỹ Hòa	2,8	7,5	5,5		2,8	
	<b>Huyện Vũng Liêm</b>			<b><u>53,2</u></b>				<b><u>53,2</u></b>	
1	Quang Phú - Trung Chánh (ĐH.60)	Km23+761 - QL53	UBND Xã T.Chánh	8	7,5	5,2		8	
2	Cầu Đá - Trung Hiệp (ĐH.61)	Km28+630 - QL53	Chợ Trung Hiệp	1,4	6,5 – 7,5	3,5- 5,2		1,4	
3	Cầu Sẹo - Bình Thành (ĐH.61B)	Km30+635 - QL53	Km02+600 - ĐH.61	5,9	7,5	5,2		5,9	
4	Trung Hiếu - Trung An (ĐH.62)	Km31+900 - QL53	Km08+700 - ĐH.63	6	6,5	3,5		6	
5	Trung Thành - Trung.Th.Đông (ĐH.62B)	Km36+349 - QL53	UBND Xã T.T.Đông	4,7	6,5	3,5		4,7	
6	Đình Đôi - Rạch Tòng (ĐH.66)	Km09+600 - ĐT 906	Cầu Hiếu Thọ (Rạch Tòng)-Giáp ranh Tr.Ôn	2,2	6,5	3,5		2,2	
7	Thanh Bình - Quới Thiện (ĐH.67)	Phà Vũng Liêm (bờ xã Thanh Bình)	UBND Xã Q.Thiện	7,2	6,5	3,5		7,2	
8	Vàm An – Phú Thới (ĐH.67B)	Km 25 + 300 ĐT 902	Km 6+000 ĐH.67	3,96	6,5	3,5		3,96	
9	Trung Thành Tây – Tân Quới Trung (ĐH.69)	Km 31 + 150 ĐT 902	Km 41+000 ĐT 901	9,17	6,5	3,5		9,17	
10	Trung Thành Tây – Bến Phà (ĐH.65B)	Tại vị trí cách cầu Vũng Liêm 200 m về hướng Trung Thành Tây	Bến phà Trung Thành Tây	3,85	6,5	5		3,85	
11	Đường Thanh Bình – Quới Thiện (đoạn nhánh	Giáp ĐH.67	Khu hành chính xã Thanh Bình	0,827	6,5	3,5		0,827	

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Chiều rộng (m)		Kết cấu mặt đường (km)		
					Nền	Mặt	BTN	Đá dăm nhựa	Loại khác
	áp Lãng đến KHC xã Thanh Bình) (ĐH.67C)								
	<b>Huyện Trà Ôn</b>			<b><u>55,56</u></b>				<b><u>55,56</u></b>	
1	Thị trấn – Tích Thiện (ĐH.70)	Giáp với đường Trung Trắc, Thị trấn Trà Ôn	ĐT.901 (km 0+100)	8,21	6,5	3,5		8,21	
2	Nhà Thí - Trà Côn (ĐH.71)	Km 74+350 QL54	Giáp ĐT 907	6,6	6,5	3,5		6,6	
3	Cổng đá – Vàm Vòng (ĐH.72)	Km 82+00 QL54	ĐT.901 (km 10+700)	6,78	6,5	3,5		6,78	
4	Cầu Bò - Rạch Tòng (ĐH.73)	Km18+046-ĐT901	Cầu Rạch Tòng	2	6,5	3,5		2	
5	Đường Hòa Bình - Nhơn Bình (ĐH.74)	Km 21+586 ĐT901	Cầu Kinh Sau - Huyện Tam Bình	5,68	6,5	3,5		5,68	
6	Lục Sĩ Thành - Phú Thành (ĐH.75)	Bến phà Lục Sĩ Thành	Cầu Thuộc Nhân	5,51	6,5	3,5		5,51	
7	Đường 19/5 (ĐH.76)	QL.54 cũ	QL 54 mới	0,65	11	5		0,65	
8	Đường Xuân Hiệp – Thới Hòa (ĐH.77)	Chợ cầu Bò, xã Thới Hòa	ĐT.901 (km 25+000)	12,36	6,5	3,5		12,36	
9	Đường Xuân Hiệp – Hiếu Thuận (ĐH.78)	ĐT.901 (km 26+000)	Xã Hiếu Thuận	7,77	6,5	3,5		7,77	
	<b>Huyện Bình Tân</b>			<b><u>56,01</u></b>				<b><u>56,01</u></b>	
1	Thành Đông – Thành Trung (ĐH.80)	Km 0+000 tại km 40+922 QL 54	UBND xã Thành Đông	6,85	6,5	5,2		6,85	
2	Thuận An - Rạch Sậy (ĐH.81)	Km 2+860 ĐH.50	Km10+400 ĐT.908	<b>6,75</b>	6,5	5,2		<b>6,75</b>	
3	Mỹ Thuận-Nguyễn Văn Thành (ĐH.82)	Cầu xã Mỹ Thuận	ĐT.908	5,25	6,5	3,5		5,25	
4	Đường từ QL 54 – cầu Ba Phòng (ĐH 83)	QL 54	Cầu Ba Phòng	2,54	6,5	3,5		2,54	

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Chiều rộng (m)		Kết cấu mặt đường (km)		
					Nền	Mặt	BTN	Đá dăm nhựa	Loại khác
5	Đường trung tâm xã Thành Đông - Tân Thành (ĐH.84)	Km 2+700 ĐH.80	Cầu Tân Thành ĐT.908	<b>5,75</b>	6,5	3,5		<b>5,75</b>	
6	Đường từ UBND huyện – Chợ Bà Đồng – Rạch Súc ra QL.54 (ĐH.85)	Chợ Tân Quới	Cầu Rạch Súc QL.54	<b>6,5</b>	6,5	3,5		<b>6,5</b>	
7	Đường Thành Quý- Thành Giang (ĐH.86)	Cầu Ban Soạn (chợ Thành Trung)	Giáp đường xã Mỹ Thuận-Thành Đông	2,22	6,5	3,5		2,22	
8	Đường Xèo Nga - ĐT910 (ĐH.87)	Rạch Xèo Nga	ĐT.910	4,15	6,5	3,5		4,15	
9	Đường từ QL.54 – ĐT.908 (ĐH 88)	QL.54	ĐT.908	<b>9</b>	6,5	3,5		<b>9</b>	
10	Đường từ ĐT.908 – ĐT.910 (ĐH 89)	ĐT.908 (cầu 26/3), Nguyễn văn Thảnh	ĐH.81 (cầu Rạch Ông Bảy), xã Mỹ Thuận	<b>7</b>	6,5	3,5		<b>7</b>	

Nguồn: Sở Giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long, tháng 9/2021

**Phụ lục 03: Dự kiến nguồn nhân lực huy động phục vụ công tác PCTT&TKCN tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021-2025**

TT	Tỉnh/Huyện/Xã	Quân đội	Công an	Dân quân tự vệ	Lực lượng xung kích	Ngành giao thông	Y tế	Ngành nông nghiệp	Hội Chữ thập đỏ	Hội Nông dân	Điện lực	Mặt trận Tổ quốc
	<b>Cấp tỉnh</b>	<b>60</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>20</b>	<b>30</b>	<b>30</b>	<b>20</b>	<b>10</b>	<b>20</b>	<b>20</b>
	<b>Cấp huyện/thị/thành phố</b>	<b>401</b>	<b>294</b>	<b>3.430</b>	<b>2.190</b>	<b>77</b>	<b>147</b>	<b>64</b>	<b>235</b>	<b>238</b>	<b>191</b>	<b>133</b>
<b>1</b>	<b>Tp. Vĩnh Long</b>	<b>43</b>	<b>32</b>	<b>360</b>	<b>130</b>	<b>10</b>	<b>16</b>	<b>10</b>	<b>24</b>	<b>25</b>	<b>21</b>	<b>14</b>
	Cấp thành phố	10	10	30	20	10	5	10	2	3	10	3
	Cấp xã/phường	33	22	330	110	-	11	-	22	22	11	11
<b>2</b>	<b>Thị xã Bình Minh</b>	<b>34</b>	<b>26</b>	<b>270</b>	<b>180</b>	<b>20</b>	<b>13</b>	<b>6</b>	<b>18</b>	<b>19</b>	<b>18</b>	<b>11</b>
	Cấp huyện	10	10	30	20	20	5	6	2	3	10	3
	Cấp xã/phường	24	16	240	160	-	8	-	16	16	8	8
<b>3</b>	<b>Huyện Long Hồ</b>	<b>55</b>	<b>40</b>	<b>480</b>	<b>320</b>	<b>20</b>	<b>20</b>	<b>6</b>	<b>33</b>	<b>33</b>	<b>32</b>	<b>18</b>
	Cấp huyện	10	10	30	20	20	5	6	3	3	17	3
	Cấp xã/phường	45	30	450	300	-	15	-	30	30	15	15
<b>4</b>	<b>Huyện Tam Bình</b>	<b>61</b>	<b>44</b>	<b>540</b>	<b>360</b>	<b>-</b>	<b>22</b>	<b>15</b>	<b>36</b>	<b>37</b>	<b>27</b>	<b>21</b>
	Cấp huyện	10	10	30	20	-	5	15	2	3	10	4
	Cấp xã/phường	51	34	510	340	-	17	-	34	34	17	17
<b>5</b>	<b>Huyện Mang Thít</b>	<b>46</b>	<b>34</b>	<b>390</b>	<b>260</b>	<b>5</b>	<b>17</b>	<b>8</b>	<b>26</b>	<b>27</b>	<b>22</b>	<b>16</b>
	Cấp huyện	10	10	30	20	5	5	8	2	3	10	4
	Cấp xã/phường	36	24	360	240	-	12	-	24	24	12	12
<b>6</b>	<b>Huyện Bình Tân</b>	<b>40</b>	<b>30</b>	<b>330</b>	<b>220</b>	<b>2</b>	<b>15</b>	<b>4</b>	<b>22</b>	<b>23</b>	<b>12</b>	<b>13</b>
	Cấp huyện	10	10	30	20	2	5	4	2	3	2	3

TT	Tỉnh/Huyện/Xã	Quân đội	Công an	Dân quân tự vệ	Lực lượng xung kích	Ngành giao thông	Y tế	Ngành nông nghiệp	Hội Chữ thập đỏ	Hội Nông dân	Điện lực	Mặt trận Tổ quốc
	Cấp xã/phường	30	20	300	200	-	10	-	20	20	10	10
<b>7</b>	<b>Huyện Trà Ôn</b>	<b>52</b>	<b>38</b>	<b>430</b>	<b>300</b>	<b>10</b>	<b>19</b>	<b>5</b>	<b>31</b>	<b>31</b>	<b>29</b>	<b>17</b>
	Cấp huyện	10	10	10	20	10	5	5	3	3	15	3
	Cấp xã/phường	42	28	420	280	-	14	-	28	28	14	14
<b>8</b>	<b>Huyện Vũng Liêm</b>	<b>70</b>	<b>50</b>	<b>630</b>	<b>420</b>	<b>10</b>	<b>25</b>	<b>10</b>	<b>45</b>	<b>43</b>	<b>30</b>	<b>23</b>
	Cấp huyện	10	10	30	20	10	5	10	5	3	10	3
	Cấp xã/phường	60	40	600	400	-	20	-	40	40	20	20



**Phụ lục 04: Tiêu chuẩn, định mức sử dụng vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai của các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long – Theo Quyết định số 20/2021/QĐ-TTg ngày 03/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Danh mục và quy định về việc quản lý, sử dụng vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng chống thiên tai**

TT	Tên vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng	Tên đơn vị được trang bị	Đơn vị tính	Số lượng trang bị tối đa	Giá tối đa mua xe ô tô, vật tư, thiết bị (Triệu đồng)	Mục đích trang bị	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
<b>A</b>	<b>PHƯƠNG TIỆN CHUYÊN DÙNG PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI</b>						
<b>I</b>	<b>XE PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO VÀ ĐẢM BẢO AN TOÀN TẠI HIỆN TRƯỜNG</b>						
	Xe ô tô 7 chỗ ngồi có gắn thiết bị phòng, chống thiên tai (còi, cờ ưu tiên, đèn báo hiệu...), biển hiệu nhận biết theo Quy định số 55/QyĐ-UBQGTKCN ngày 13/02/2018 của Ủy ban quốc gia ứng phó sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.	1. Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh ( <i>Ủy ban nhân dân tỉnh</i> ).	Chiếc	01	1.200	Chỉ đạo, chỉ huy trực tiếp tại hiện trường, đảm bảo an toàn khi thiên tai bão, lũ, lũ quét, sạt lở đất đá, đang xảy ra.	Giá mua xe đã bao gồm các loại thuế phải nộp theo quy định của pháp luật; chưa bao gồm: Lệ phí trước bạ, lệ phí cấp biển số xe, phí bảo hiểm, phí
		2. Cơ quan thường trực Tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ tỉnh ( <i>Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh</i> ).	Chiếc	01	1.200		
<b>II</b>	<b>XE PHỤC VỤ THÔNG TIN, TRUYỀN THÔNG</b>						
	Xe ô tô 7 chỗ ngồi có gắn thiết bị phòng, chống thiên tai (còi, cờ ưu tiên, đèn báo hiệu...), biển hiệu nhận biết theo Quy định số 55/QyĐ-UBQGTKCN ngày 13/02/2018 của Ủy ban quốc gia	Cơ quan thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh.	Chiếc	01	1.200	Đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ chỉ đạo, chỉ huy điều hành ứng phó và đảm bảo an toàn trong điều kiện thiên tai bão, lũ, lũ quét sạt lở đất đá, đang diễn ra.	

TT	Tên vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng	Tên đơn vị được trang bị	Đơn vị tính	Số lượng trang bị tối đa	Giá tối đa mua xe ô tô, vật tư, thiết bị (Triệu đồng)	Mục đích trang bị	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
	ứng phó sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.						đăng kiểm, phí bảo trì đường bộ liên quan đến việc sử dụng xe.
<b>B</b>	<b>TRANG THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI</b>						
<b>I</b>	<b>Trang thiết bị giám sát, phân tích tình huống thiên tai</b>						
1	Thiết bị đo độ sâu khu vực xảy ra lũ, ngập lụt.	1.1. Cơ quan thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh.	bộ	01		Giám sát, phân tích tình huống thiên tai.	
		1.2. Cơ quan thường trực Tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ tỉnh ( <i>Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh</i> ).	bộ	01			
2	Thiết bị đo xác định khoảng cách từ xa.	2.1. Cơ quan thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh.	cái	01		Giám sát, phân tích tình huống thiên tai.	
		2.2. Cơ quan thường trực Tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ tỉnh ( <i>Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh</i> ).	cái	01			
3	Trạm đo mưa, mực nước, độ mặn, lưu lượng, gió, nhiệt độ (cố định).	Cơ quan thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh.	trạm	11		Giám sát, phân tích tình huống thiên tai.	

TT	Tên vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng	Tên đơn vị được trang bị	Đơn vị tính	Số lượng trang bị tối đa	Giá tối đa mua xe ô tô, vật tư, thiết bị (Triệu đồng)	Mục đích trang bị	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
4	Trạm cảnh báo dông, lốc, sét.	Cơ quan thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh.	trạm	08		Giám sát, phân tích tình huống thiên tai.	
5	Máy đo độ mặn cầm tay.	5.1. Cơ quan thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh.	cái	02		Giám sát, phân tích tình huống thiên tai.	
		5.2. Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các huyện Long Hồ, Mang Thít, Vũng Liêm, Tam Bình, Trà Ôn, Bình Tân, Thị xã Bình Minh và Thành phố Vĩnh Long.	cái	02 x 8 = 16			
<b>II</b>	<b>Trang thiết bị phục vụ chỉ đạo điều hành tại cơ quan, đơn vị</b>						
1	Thiết bị truyền hình trực tuyến, truyền hình, âm thanh phục vụ chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống thiên tai.	Cơ quan thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh.	bộ	01		Phục vụ chỉ đạo, điều hành tại cơ quan.	
2	Thiết bị nguồn, lưu điện.	Cơ quan thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh.	bộ	01		Đảm bảo nguồn điện phục vụ chỉ đạo, điều hành công tác phòng, chống thiên tai.	
3	Máy phát điện công suất lớn.	3.1. Cơ quan thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh.	cái	01		Đảm bảo duy trì nguồn điện phục vụ công tác phòng, chống thiên tai tại cơ quan.	

TT	Tên vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng	Tên đơn vị được trang bị	Đơn vị tính	Số lượng trang bị tối đa	Giá tối đa mua xe ô tô, vật tư, thiết bị (Triệu đồng)	Mục đích trang bị	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
		3.2. Cơ quan thường trực Tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ tỉnh ( <i>Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh</i> ).	cái	01			
		3.3. Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các huyện Long Hồ, Mang Thít, Vũng Liêm, Tam Bình, Trà Ôn, Bình Tân, Thị xã Bình Minh và Thành phố Vĩnh Long.	cái	01 x 8 = 08			
4	Máy chủ lưu trữ thông tin phòng, chống thiên tai.	4.1. Cơ quan thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh.	cái	01		Lưu trữ thông tin phòng, chống thiên tai phục vụ chỉ đạo điều hành.	
		4.2. Cơ quan thường trực Tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ tỉnh ( <i>Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh</i> ).	cái	01			
		4.3. Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các huyện Long Hồ, Mang Thít, Vũng Liêm, Tam Bình, Trà Ôn, Bình Tân, Thị xã Bình Minh và Thành phố Vĩnh Long.	cái	01 x 8 = 08			
5	Máy tính để bàn cấu hình cao.	5.1. Cơ quan thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh.	bộ	01		Cài đặt các phần mềm chuyên dùng phòng, chống thiên	

TT	Tên vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng	Tên đơn vị được trang bị	Đơn vị tính	Số lượng trang bị tối đa	Giá tối đa mua xe ô tô, vật tư, thiết bị (Triệu đồng)	Mục đích trang bị	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
		5.2. Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các huyện Long Hồ, Mang Thít, Vũng Liêm, Tam Bình, Trà Ôn, Bình Tân, Thị xã Bình Minh và Thành phố Vĩnh Long.	bộ	01 x 8 = 08		taiphục vụ chỉ đạo điều hành tại cơ quan, đơn vị.	
6	Điện thoại vệ tinh phục vụ liên lạc khẩn cấp.	6.1. Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh ( <i>Ủy ban nhân dân tỉnh</i> ).	cái	02		Liên lạc khẩn cấp trong tình huống thiên tai phục vụ chỉ đạo, điều hành.	
		6.2. Cơ quan thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh.	cái	02			
		6.3. Cơ quan thường trực Tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ tỉnh ( <i>Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh</i> ).	cái	02			
		6.4. Công An tỉnh Vĩnh Long.	cái	02			
		6.5. Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các huyện Long Hồ, Mang Thít, Vũng Liêm, Tam Bình, Trà Ôn, Bình Tân, Thị xã Bình Minh và Thành phố Vĩnh Long.	cái	01 x 8 = 08			

TT	Tên vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng	Tên đơn vị được trang bị	Đơn vị tính	Số lượng trang bị tối đa	Giá tối đa mua xe ô tô, vật tư, thiết bị (Triệu đồng)	Mục đích trang bị	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
7	Smart tivi theo dõi thông tin phòng chống thiên tai.	7.1. Cơ quan thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh.	cái	01		Theo dõi thông tin phòng, chống thiên tai phục vụ chỉ đạo, điều hành.	
		7.2. Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các huyện Long Hồ, Mang Thít, Vũng Liêm, Tam Bình, Trà Ôn, Bình Tân, Thị xã Bình Minh và Thành phố Vĩnh Long.	cái	01 x 8 = 08			
8	Phần mềm, cơ sở dữ liệu chuyên dùng phòng, chống thiên tai.	8.1. Cơ quan thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh.	Phần mềm	02		Phục vụ công tác chỉ đạo điều hành tại cơ quan, đơn vị.	
		8.2. Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các huyện Long Hồ, Mang Thít, Vũng Liêm, Tam Bình, Trà Ôn, Bình Tân, Thị xã Bình Minh và Thành phố Vĩnh Long.	cái	02 x 8 = 16			
<b>III</b>	<b>Trang thiết bị phục vụ chỉ đạo và đảm bảo an toàn tại hiện trường</b>						
1	Thiết bị Flycam.	1.1. Cơ quan thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh.	bộ	01		Thu thập hình ảnh, tìm kiếm thông tin tiếp cận nơi đã, đang	

TT	Tên vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng	Tên đơn vị được trang bị	Đơn vị tính	Số lượng trang bị tối đa	Giá tối đa mua xe ô tô, vật tư, thiết bị (Triệu đồng)	Mục đích trang bị	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
		1.2. Cơ quan thường trực Tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ tỉnh (Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh).	bộ	01		xảy ra thiên tai, phục vụ chỉ đạo và đảm bảo an toàn tại hiện trường.	
		1.3. Công An tỉnh Vĩnh Long.	bộ	01			
2	Máy cưa đa năng.	2.1. Cơ quan thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh.	cái	02		Xử lý cây đổ và các chướng ngại vật trên đường tiếp cận khu vực xảy ra thiên tai.	
		2.2. Cơ quan thường trực Tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ tỉnh (Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh).	cái	05			
		2.3. Công An tỉnh Vĩnh Long	cái	05			
		2.4. Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các huyện Long Hồ, Mang Thít, Vũng Liêm, Tam Bình, Trà Ôn, Bình Tân, Thị xã Bình Minh và Thành phố Vĩnh Long.	cái	03 x 8 = 24			
3	Máy đo hồi âm.	Cơ quan thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh.	cái	01		Kiểm tra công trình phòng, chống thiên tai	
4	Máy định vị vệ tinh, la bàn.	4.1. Cơ quan thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh.	cái	01			

TT	Tên vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng	Tên đơn vị được trang bị	Đơn vị tính	Số lượng trang bị tối đa	Giá tối đa mua xe ô tô, vật tư, thiết bị (Triệu đồng)	Mục đích trang bị	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
		4.2. Cơ quan thường trực Tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ tỉnh ( <i>Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh</i> )	cái	01		Để định vị, định hướng tại các khu vực thiên tai, công trình phòng, chống thiên tai	
		4.3. Công An tỉnh Vĩnh Long	cái	01			
5	Ông nhóm quan sát trong đêm tối và trong điều kiện thiên tai.	5.1. Cơ quan thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh.	bộ	02		Quan sát tại hiện trường trong điều kiện đêm tối và khi thiên tai, bão, lũ đã, đang xảy ra.	
		5.2. Cơ quan thường trực Tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ tỉnh ( <i>Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh</i> ).	bộ	05			
		5.3. Công An tỉnh Vĩnh Long.	bộ	05			
		5.4. Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các huyện Long Hồ, Mang Thít, Vũng Liêm, Tam Bình, Trà Ôn, Bình Tân, Thị xã Bình Minh và Thành phố Vĩnh Long.	bộ	03 x 8 = 24			
6	Thiết bị lọc nước sạch.	Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các huyện Long Hồ, Mang Thít, Vũng Liêm, Tam Bình, Trà Ôn, Bình Tân, Thị xã Bình Minh và Thành phố Vĩnh Long.	bộ	01 x 8 = 08		Lọc nước sạch đáp ứng yêu cầu cung cấp nước sạch cho lực lượng phòng, chống thiên tai và người dân trong điều kiện thiên tai, bão, lũ, hạn hán đã, đang xảy ra.	



TT	Tên vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng	Tên đơn vị được trang bị	Đơn vị tính	Số lượng trang bị tối đa	Giá tối đa mua xe ô tô, vật tư, thiết bị (Triệu đồng)	Mục đích trang bị	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
7	Thiết bị chuyên dùng phóng thang dây, dây môi, phao cứu sinh.	7.1. Cơ quan thường trực Tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ tỉnh ( <i>Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh</i> ).	bộ	05		Cứu hộ, cứu nạn khi thiên tai đã, đang xảy ra.	
		7.2. Công An tỉnh Vĩnh Long.	bộ	05			
8	Thiết bị y tế chuyên dùng sơ cấp cứu, vận chuyển người bị nạn.	Cơ quan thường trực Tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ tỉnh ( <i>Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh</i> )	bộ	50		Sơ cấp cứu, di chuyển người bị nạn ra khỏi khu vực bị ảnh hưởng trong điều kiện thiên tai, bão, lũ, hạn hán đã, đang xảy ra.	
9	Áo phao cứu sinh chuyên dùng.	Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các huyện Long Hồ, Mang Thít, Vũng Liêm, Tam Bình, Trà Ôn, Bình Tân, Thị xã Bình Minh và Thành phố Vĩnh Long.	cái	100 x 8 = 800		Cứu hộ, cứu nạn người an toàn khi thiên tai đã, đang xảy ra.	
10	Máy bộ đàm chuyên dùng chống nước (01 bộ gồm: máy chủ và các máy cầm tay).	10.1. Cơ quan thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh.	bộ	01 (01 máy chủ, 10 máy cầm tay).		Đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, chỉ huy tại hiện trường trong tình huống mưa lớn, ngập lụt.	
		10.2. Cơ quan thường trực Tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ tỉnh ( <i>Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh</i> ).	bộ	02 (02 máy chủ, 10 máy cầm tay).			

TT	Tên vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng	Tên đơn vị được trang bị	Đơn vị tính	Số lượng trang bị tối đa	Giá tối đa mua xe ô tô, vật tư, thiết bị (Triệu đồng)	Mục đích trang bị	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
		10.3. Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các huyện Long Hồ, Mang Thít, Vũng Liêm, Tam Bình, Trà Ôn, Bình Tân, Thị xã Bình Minh và Thành phố Vĩnh Long.	bộ	01 x 8 = 08 (08 máy chủ, 40 máy cầm tay).			
11	Súng bắn đạn tín hiệu chuyên dùng cảnh báo thiên tai.	Cơ quan thường trực Tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ tỉnh ( <i>Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh</i> ).	bộ	01		Dùng cảnh báo thiên tai đáp ứng yêu cầu hoạt động an toàn khi thiên tai đã, đang xảy ra.	
12	Máy ảnh hoặc máy quay phim chuyên dùng.	12.1. Cơ quan thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh.	cái	01		Dùng để quay phim, chụp hình ảnh đáp ứng yêu cầu hoạt động an toàn tại hiện trường khi thiên tai đã, đang xảy ra.	
		12.2. Cơ quan thường trực Tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ tỉnh ( <i>Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh</i> ).	cái	01			
13	Máy tính xách tay.	Cơ quan thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh.	cái	01		Đảm bảo hoạt động tại hiện trường trong điều kiện thiên tai.	
14	Bộ phát wifi di động chuyên dùng.	Cơ quan thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh.	bộ	01		Phục vụ cán bộ công tác tại hiện trường đáp ứng yêu cầu an toàn khi thiên tai đang xảy ra.	
<b>C</b>	<b>VẬT TƯ CHUYÊN DỤNG PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI</b>						

TT	Tên vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng	Tên đơn vị được trang bị	Đơn vị tính	Số lượng trang bị tối đa	Giá tối đa mua xe ô tô, vật tư, thiết bị (Triệu đồng)	Mục đích trang bị	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
	Bộ dụng cụ chuyên dùng gồm: Ba lô chống nước, túi ngủ, quần áo chuyên dùng, mũ, giày, đèn pin, túi cấp cứu lưu động,...	1. Cơ quan thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh.	bộ	10		Phục vụ cán bộ làm công tác tại hiện trường đáp ứng yêu cầu hoạt động an toàn khi thiên tai đã, đang xảy ra.	
		2. Cơ quan thường trực Tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ tỉnh ( <i>Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh</i> ).	bộ	100			
		3. Công An tỉnh Vĩnh Long.	bộ	50			
		4. Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các huyện Long Hồ, Mang Thít, Vũng Liêm, Tam Bình, Trà Ôn, Bình Tân, Thị xã Bình Minh và Thành phố Vĩnh Long.	bộ	50 x 8 = 400			



**Phụ lục 05: Dự kiến kế hoạch dự trữ lương thực, thực phẩm, nhiên liệu-vật liệu phục vụ PCTT giai đoạn 2021-2025**

TT	Số lượng theo từng năm	LƯƠNG THỰC, THỰC PHẨM				NHIÊN LIỆU			VẬT LIỆU					
		Mì ăn liền	Lương khô	Gạo	Nước uống đóng chai	Xăng	Dầu Diezen	Dầu hỏa	Tôn lợp	Sắt các loại	Cát	Xi măng	Đá	Gạch
	Đơn vị	Thùng	Kg	tấn	Bình 20 lít	lít	lít	lít	tấn	tấn	m3	bao	m3	1000 viên
<b>I</b>	<b>H. BÌNH TÂN</b>	<b>4.800</b>	<b>-</b>	<b>600</b>	<b>120.000</b>	<b>100.000</b>	<b>100.000</b>	<b>40.000</b>	<b>4.000</b>	<b>40</b>	<b>2.000</b>	<b>20.000</b>	<b>2.000</b>	<b>400</b>
1	Năm 2022	1.200		150	30.000	25.000	25.000	10.000	1.000	10	500	5.000	500	100
2	Năm 2023	1.200		150	30.000	25.000	25.000	10.000	1.000	10	500	5.000	500	100
3	Năm 2024	1.200		150	30.000	25.000	25.000	10.000	1.000	10	500	5.000	500	100
4	Năm 2025	1.200		150	30.000	25.000	25.000	10.000	1.000	10	500	5.000	500	100
<b>II</b>	<b>H. LONG HỒ</b>	<b>13.530</b>	<b>4.000</b>	<b>391</b>	<b>7.300</b>	<b>45.420</b>	<b>44.540</b>	<b>44.120</b>	<b>9.090</b>	<b>118</b>	<b>1.990</b>	<b>3.400</b>	<b>1.740</b>	<b>278</b>
1	Năm 2022	3.350	1.000	97	1.750	11.350	11.130	11.030	2.250	29	480	800	430	69
2	Năm 2023	3.370	1.000	97	1.800	11.355	11.135	11.030	2.270	30	500	850	435	69
3	Năm 2024	3.390	1.000	98	1.850	11.355	11.135	11.030	2.270	30	500	850	435	70
4	Năm 2025	3.420	1.000	99	1.900	11.360	11.140	11.030	2.300	30	510	900	440	70
<b>III</b>	<b>H. MANG THÍT</b>	<b>6.605</b>	<b>8.820</b>	<b>222</b>	<b>11.040</b>	<b>885</b>	<b>445</b>	<b>38</b>	<b>21.025</b>	<b>1.271</b>	<b>6.280</b>	<b>84.270</b>	<b>3.748</b>	<b>126.080</b>
1	Năm 2022	1.610	2.150	54	2.690	215	108	9	5.125	310	1.530	20.500	920	30.750
2	Năm 2023	1.640	2.190	55	2.740	220	110	10	5.220	316	1.560	20.910	930	31.300
3	Năm 2024	1.665	2.220	56	2.780	223	112	10	5.290	320	1.580	21.220	940	31.700
4	Năm 2025	1.690	2.260	57	2.830	227	115	10	5.390	325	1.610	21.640	958	32.330
<b>IV</b>	<b>H. TAM BÌNH</b>	<b>42.108</b>	<b>800</b>	<b>1.108</b>	<b>38.708</b>	<b>148.000</b>	<b>90.520</b>	<b>24.400</b>	<b>12.620</b>	<b>842</b>	<b>24.448</b>	<b>23.600</b>	<b>17.926</b>	<b>4.001.980</b>

TT	Số lượng theo từng năm	LƯƠNG THỰC, THỰC PHẨM				NHIÊN LIỆU			VẬT LIỆU					
		Mì ăn liền	Lương khô	Gạo	Nước uống đóng chai	Xăng	Dầu Diezen	Dầu hỏa	Tôn lợp	Sắt các loại	Cát	Xi măng	Đá	Gạch
	Đơn vị	Thùng	Kg	tấn	Bình 20 lít	lít	lít	lít	tấn	tấn	m3	bao	m3	1000 viên
1	Năm 2022	10.102	200	275	9.552	37.000	22.630	6.100	3.000	208	5.872	5.750	4.254	1.000.320
2	Năm 2023	10.402	200	276	9.602	37.000	22.630	6.100	3.110	210	6.012	5.850	4.414	1.000.420
3	Năm 2024	10.702	200	277	9.702	37.000	22.630	6.100	3.210	210	6.202	5.900	4.554	1.000.470
4	Năm 2025	10.902	200	279	9.852	37.000	22.630	6.100	3.300	214	6.362	6.100	4.704	1.000.770
<b>V</b>	<b>H. TRÀ ÔN</b>	<b>4.000</b>	<b>800</b>	<b>400</b>	<b>32.000</b>	<b>24.400</b>	<b>10.400</b>	<b>10.400</b>	<b>800</b>	<b>20</b>	<b>800</b>	<b>2.000</b>	<b>800</b>	<b>40.000</b>
1	Năm 2022	1.000	200	100	8.000	6.100	2.600	2.600	200	5	200	500	200	10.000
2	Năm 2023	1.000	200	100	8.000	6.100	2.600	2.600	200	5	200	500	200	10.000
3	Năm 2024	1.000	200	100	8.000	6.100	2.600	2.600	200	5	200	500	200	10.000
4	Năm 2025	1.000	200	100	8.000	6.100	2.600	2.600	200	5	200	500	200	10.000
<b>VI</b>	<b>H. VŨNG LIÊM</b>	<b>15.875</b>	<b>10.080</b>	<b>8.290</b>	<b>18.910</b>	<b>13.100</b>	<b>28.700</b>	<b>5.100</b>	<b>7.500</b>	<b>1.690</b>	<b>98.750</b>	<b>15.850</b>	<b>50.750</b>	<b>64.423</b>
1	Năm 2022	3.870	2.490	2.064	4.650	4.700	8.600	1.300	1.800	415	24.600	3.850	12.600	16.103
2	Năm 2023	3.925	2.510	2.071	4.710	2.750	6.650	1.250	1.850	420	24.650	3.900	12.650	16.105
3	Năm 2024	3.980	2.530	2.075	4.750	2.800	6.700	1.250	1.900	425	24.700	3.950	12.700	16.107
4	Năm 2025	4.100	2.550	2.080	4.800	2.850	6.750	1.300	1.950	430	24.800	4.150	12.800	16.108
<b>VII</b>	<b>TX. BÌNH MINH</b>	<b>2.400</b>	<b>4.400</b>	<b>2.003</b>	<b>4.200</b>	<b>3.200</b>	<b>2.400</b>	<b>1.200</b>	<b>8.200</b>	<b>8</b>	<b>4.080</b>	<b>2.320</b>	<b>4.020</b>	<b>24.000</b>
1	Năm 2022	600	1.100	501	1.050	800	600	300	2.050	2	1.020	580	1.005	6.000
2	Năm 2023	600	1.100	501	1.050	800	600	300	2.050	2	1.020	580	1.005	6.000

TT	Số lượng theo từng năm	LƯƠNG THỰC, THỰC PHẨM				NHIÊN LIỆU			VẬT LIỆU					
		Mì ăn liền	Lương khô	Gạo	Nước uống đóng chai	Xăng	Dầu Diezen	Dầu hỏa	Tôn lợp	Sắt các loại	Cát	Xi măng	Đá	Gạch
	Đơn vị	Thùng	Kg	tấn	Bình 20 lít	lít	lít	lít	tấn	tấn	m3	bao	m3	1000 viên
3	Năm 2024	600	1.100	501	1.050	800	600	300	2.050	2	1.020	580	1.005	6.000
4	Năm 2025	600	1.100	501	1.050	800	600	300	2.050	2	1.020	580	1.005	6.000
<b>VIII</b>	<b>TP. VĨNH LONG</b>	<b>66.600</b>	<b>26.140</b>	<b>1.300</b>	<b>630.000</b>	<b>290.000</b>	<b>266.000</b>	<b>232.000</b>	<b>192.000</b>	<b>4.000</b>	<b>8.000.000</b>	<b>4.000.000</b>	<b>4.000</b>	<b>20.000.000</b>
1	Năm 2022	15.600	6.340	200	156.000	71.000	66.500	58.000	48.000	1.000	2.000.000	1.000.000	1.000	5.000.000
2	Năm 2023	16.000	6.400	300	157.000	72.000	66.500	58.000	48.000	1.000	2.000.000	1.000.000	1.000	5.000.000
3	Năm 2024	17.000	6.600	400	158.000	73.000	66.500	58.000	48.000	1.000	2.000.000	1.000.000	1.000	5.000.000
4	Năm 2025	18.000	6.800	400	159.000	74.000	66.500	58.000	48.000	1.000	2.000.000	1.000.000	1.000	5.000.000
	Nơi dự trữ	Cửa hàng tạp hóa				Cửa hàng xăng dầu			Cửa hàng vật liệu xây dựng					





**Phụ lục 06: Các hoạt động phi công trình trong Kế hoạch PCTT&TKCN tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021-2025**

T T	Nội dung cần đào tạo, tập huấn	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025	
				Kết quả dự kiến	Kinh phí (triệu đồng)	Kết quả dự kiến	Kinh phí (triệu đồng)	Kết quả dự kiến	Kinh phí (triệu đồng)	Kết quả dự kiến	Kinh phí (triệu đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Nâng cao nhận thức, kiến thức cho CBCS về PCTT&TKCN	Công an tỉnh Vĩnh Long (Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH )	Công an các đơn vị, địa phương	09 lớp (500 cán bộ chiến sỹ)	300,0	09 lớp (500 cán bộ chiến sỹ)	300,0	09 lớp (500 cán bộ chiến sỹ)	300,0	09 lớp (500 cán bộ chiến sỹ)	300,0
2	Hướng dẫn quy trình, thao tác sử dụng, bảo quản các trang thiết bị, phương tiện sử dụng trong công tác PCTT&TKCN										
3	Chiến thuật, kỹ thuật trong PCTT&TKCN: + CNCH sự cố cháy, nổ; + CNCH sự cố, tai nạn trên sông nước. + CNCH trên cao. + CNCH sự cố nhà ở, công trình. CNCH sự cố, tai nạn giao thông. + Kỹ thuật sơ cấp cứu.										
4	Tập huấn, huấn luyện Đội xung kích PCTT cấp xã.	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	VP.Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh; UBND và Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp huyện, xã	400 đội viên (50 ĐV/huyện)	500,0	400 đội viên (50 ĐV/huyện)	500,0	400 đội viên (50 ĐV/huyện )	500,0	400 đội viên (50 ĐV/huyện )	500,0
5	Đào tạo báo viên cấp huyện về Quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng	VP.Ban Chỉ huy	Hội Chữ thập đỏ tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND	150 người	150,0	150 người	150,0	150 người	150,0	150 người	150,0

T T	Nội dung cần đào tạo, tập huấn	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025	
				Kết quả dự kiến	Kinh phí (triệu đồng)	Kết quả dự kiến	Kinh phí (triệu đồng)	Kết quả dự kiến	Kinh phí (triệu đồng)	Kết quả dự kiến	Kinh phí (triệu đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
	và thích ứng biến đổi khí hậu; Nâng cao nhận thức về PCTT&TKCN cho cán bộ quản lý và giáo viên.	PCTT&TKCN tỉnh	và Ban Chi huy PCTT&TKCN cấp huyện								
6	Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng (thực hiện Đề án 553).	VP.Ban Chi huy PCTT&TKCN tỉnh	Đơn vị tham gia tập huấn; Ban Chi huy PCTT&TKCN, UBND cấp huyện, xã	1.600 người	1.000,0	1.600 người	1.000,0	1.600 người	1.000,0	1.600 người	1.000,0
7	Tổ chức dạy bơi cho học sinh Tiểu học và THCS trên địa bàn tỉnh.	VP.Ban Chi huy PCTT&TKCN tỉnh	Sở GD&ĐT; Sở LĐTBXH; UBND cấp huyện, xã	1.100 em	300,0	1.100 em	300,0	1.100 em	300,0	1.100 em	300,0
8	Tổ chức diễn tập PCTT&TKCN.	UBND cấp huyện, xã	Ban Chi huy PCTT&TKCN cấp huyện, xã và các ngành, phòng, ban, đơn vị trên địa bàn	01 cuộc cấp huyện và lồng ghép cấp xã	700,0 (chỉ tính phần vận hành cơ chế)	01 cuộc cấp huyện và lồng ghép cấp xã	700,0 (chỉ tính phần vận hành cơ chế)	01 cuộc cấp huyện và lồng ghép cấp xã	700,0 (chỉ tính phần vận hành cơ chế)	01 cuộc cấp huyện và lồng ghép cấp xã	700,0 (chỉ tính phần vận hành cơ chế)
9	Xây dựng chương trình, kế hoạch truyền thông, tuyên truyền, giáo dục, cung cấp kiến thức về phòng, chống thiên tai và tác động của thiên tai đến an toàn tính mạng và tài sản của người dân: Bộ tài liệu truyền thông về	Ban Chi huy PCTT&TKCN tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông; Đài Phát thanh và Truyền hình Vĩnh Long; Báo Vĩnh Long; UBND và Ban Chi huy PCTT&TKCN cấp huyện, xã và các cơ	Tờ roi, tranh ảnh, video clip, bản tin phát thanh, bài hát cổ động, kệp	300,0	Tờ roi, tranh ảnh, video clip, bản tin phát thanh, bài hát cổ động, kệp	300,0	Tờ roi, tranh ảnh, video clip, bản tin phát thanh, bài hát cổ động, kệp	300,0	Tờ roi, tranh ảnh, video clip, bản tin phát thanh, bài hát cổ động, kệp	300

T T	Nội dung cần đào tạo, tập huấn	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025	
				Kết quả dự kiến	Kinh phí (triệu đồng)	Kết quả dự kiến	Kinh phí (triệu đồng)	Kết quả dự kiến	Kinh phí (triệu đồng)	Kết quả dự kiến	Kinh phí (triệu đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
	các biện pháp giảm nhẹ rủi ro thiên tai tại gia đình và cộng đồng phù hợp cho địa phương; Bộ tài liệu truyền thông nghe nhìn ngắn gọn, dễ hiểu phổ biến tuyên truyền về các hành vi khuyến cáo cho người dân nhằm giảm nhẹ rủi ro thiên tai; Bộ tài liệu truyền thông hỗ trợ khác như kẹp file, sách mỏng, thông tin hỏi đáp và các tờ rơi phù hợp, hấp dẫn, bắt mắt để giới thiệu và phát cho các bên quan tâm đến công tác PCTT, GNRRTT, giới truyền thông, công chúng quan tâm và liên quan.		quan, đơn vị liên quan	file, sách mỏng,...		file, sách mỏng,...		file, sách mỏng,...		file, sách mỏng,...	
10	Tổ chức hội thi báo cáo viên; Hội thi về kiến thức kỹ năng trong hoạt động phòng, chống, ứng phó thiên tai, thảm họa; tham gia các cuộc thi do Trung ương phát động.	Ban Chi huy PCTT&TKCN tỉnh	Hội Chữ thập đỏ tỉnh; Đài Phát thanh và Truyền hình Vĩnh Long; Báo Vĩnh Long; UBND và Ban Chi huy PCTT&TKCN cấp huyện, xã và	-	-	Các cuộc thi, hội thi	200,0	Các cuộc thi, hội thi	200,0	Các cuộc thi, hội thi	200,0

T T	Nội dung cần đào tạo, tập huấn	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025	
				Kết quả dự kiến	Kinh phí (triệu đồng)	Kết quả dự kiến	Kinh phí (triệu đồng)	Kết quả dự kiến	Kinh phí (triệu đồng)	Kết quả dự kiến	Kinh phí (triệu đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
			các cơ quan, đơn vị liên quan								
	<b>Tổng cộng từng năm:</b>				<b>3.250</b>		<b>3.450</b>		<b>3.450</b>		<b>3.450</b>
	<b>Tổng cộng cả giai đoạn:</b>			<b>13.600</b>							

**Phụ lục 07: Danh mục các chương trình, dự án xây dựng mới, nâng cấp phục vụ công tác PCTT giai đoạn 2021-2025**  
**(Nguồn vốn Trung ương-đã được phê duyệt dự án và được ghi trong danh mục đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025)**

ĐVT: triệu đồng

TT	Danh mục dự án/Công trình	Địa điểm	Quy mô	Phân kỳ đầu tư					Tổng mức đầu tư cả giai đoạn	Ghi chú
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025		
<b>I</b>	<b>Ngành Giao thông</b>								<b>3.093.991</b>	
1	Đường từ Quốc lộ 53 - Khu công nghiệp Hòa Phú (ĐT909B) - Đường Phú Lộc Bàu Góc - Quốc lộ 1 tỉnh Vĩnh Long	Huyện Tam Bình, Long Hồ, TP Vĩnh Long	14,76km và 11 cầu	x	x	x	x	x	1.492.000	Kinh phí thực hiện hàng năm được cân đối từ Nguồn ngân sách Trung ương
2	Dự án Cầu và đường đến trung tâm xã Nhơn Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long	Huyện Trà Ôn	10,816 km và 4 cầu	x	x	x	x	x	114.037	
3	Dự án Cầu và đường đến trung tâm xã Thành Trung, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long	Huyện Bình Tân	6,103 km và 3 cầu	x	x	x	x	x	132.454	
4	Dự án Đường từ QL54 đến Khu công nghiệp Bình Minh, thị xã Bình Minh	Thị xã Bình Minh	2,120 km	x	x	x	x	x	187.706	
5	Dự án Đường từ ngã ba QL54 và ĐT907 đến sông Hậu (ĐT907 nối dài)	Huyện Trà Ôn	3,016 km và 01 cầu dài 0,025 km	x	x	x	x	x	124.958	
6	Đường từ Quốc lộ 54 đến xã Mỹ Hòa, thị xã Bình Minh	Thị xã Bình Minh	2,6 km và 01 cầu dài 150 m	x	x	x	x	x	350.000	

TT	Danh mục dự án/Công trình	Địa điểm	Quy mô	Phân kỳ đầu tư					Tổng mức đầu tư cả giai đoạn	Ghi chú
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025		
7	Dự án cầu Tam Bình và đường kết nối từ ĐT905 đến ĐT901	Huyện Tam Bình và Trà Ôn	Giai đoạn 1: 01 cầu dài 0,342 km và đường vào cầu dài 0,2 km; Giai đoạn 2: Đường dài 6,250 km và 03 cầu	x	x	x	x	x	534.841	
8	Dự án Cải tạo, nâng cấp ĐT910B tỉnh Vĩnh Long	Thị xã Bình Minh, huyện Bình Tân	Đường dài 9,6 km mở rộng mặt cầu 08 cầu	x	x	x	x	x	157.995	
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản</b>								<b>1.708.830</b>	
1	Kè chống sạt lở bờ sông Cổ Chiên (đoạn từ đầu cù lao An Bình đến phà An Bình), xã An bình, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long	Huyện Long Hồ	Kè dài 4.300m	x	x	x	x	x	256.771	Kinh phí thực hiện hàng năm được cân đối từ Nguồn ngân sách Trung ương
2	Kè chống sạt lở bờ sông Tiền (đoạn từ sông Cái Đôi đến bến phà Mỹ Thuận cũ), phường Tân Hòa, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	Thành phố Vĩnh Long	Kè dài 2.000m	x	x	x	x	x	292.004	
3	Kè chống sạt lở bờ sông Rạch Vồn (Đoạn từ cầu Huyện Đội đến Rạch Chùa) thuộc khu vực phường Cái Vồn và phường Thành Phước, thị xã Bình Minh	Thị xã Bình Minh	Kè dài 675 m	x	x	x	x	x	279.999	
4	Hệ thống thủy lợi Cồn Lục Sỹ, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long (giai đoạn 2)	Huyện Trà Ôn	Phục vụ tưới tiêu 2.000 ha, gồm: Đê bao dài 35 km, cống hờ: 05 cống, kè chống sạt lở bờ sông 700 m	x	x	x	x	x	309.730	

TT	Danh mục dự án/Công trình	Địa điểm	Quy mô	Phân kỳ đầu tư					Tổng mức đầu tư cả giai đoạn	Ghi chú
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025		
5	Nâng cấp hệ thống thủy lợi Mỹ Lộc - Mỹ Thạnh Trung - Long Phú - Song Phú, huyện Tam Bình	Huyện Tam Bình	Phục vụ tưới tiêu 10.000 ha; bao gồm: nạo vét kết hợp đắp đê bao: 67 km, công hồ: 08 công	x	x	x	x	x	294.912	
6	Hệ thống thủy lợi Thanh Đức - Long Mỹ, huyện Long Hồ và huyện Mang Thít	Huyện Long Hồ, Mang Thít	Đê bao 12,8 km, đê bao kết hợp đường trục nội đồng 15km, công hồ: 05 công, bến trung chuyển hàng hóa: 02 bến	x	x	x	x	x	275.414	
<b>TỔNG CỘNG:</b>									<b>4.802.821</b>	





**Phụ lục 08: Danh mục các chương trình, dự án xây dựng mới, nâng cấp phục vụ công tác PCTT giai đoạn 2021-2025  
(Nguồn vốn Tỉnh- đã được phê duyệt dự án và được ghi trong danh mục đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025)**

DVT: triệu đồng

TT	Danh mục dự án/Công trình	Địa điểm	Quy mô	Phân kỳ đầu tư					Tổng mức đầu tư cả giai đoạn (Triệu đồng)	Ghi chú
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025		
<b>I</b>	<b>Ngành Giao thông</b>								<b>7.942.499</b>	
1	Cải tạo hệ thống công thoát nước kết hợp đường giao thông Rạch Gai (đoạn từ đường 3 tháng 2 đến đường Lê Văn Việt)	Phường Cái Vồn, thị xã Bình Minh	0,48km	x	x	x	x	x	8.033	Kinh phí thực hiện hàng năm được cân đối từ tổng mức đầu tư được duyệt.
2	Đường nối từ đường Phạm Hùng đến đường Võ Văn Kiệt	Phường 9, thành phố Vĩnh Long	0,6km	x	x	x	x	x	56.067	
3	Đường từ Quốc lộ 54 đến Khu công nghiệp Bình Minh, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long	Thị xã Bình Minh	2,120km	x	x	x	x	x	187.706	
4	Đường từ ngã ba QL.54 và Đường tỉnh 907 đến sông Hậu huyện Trà Ôn tỉnh Vĩnh Long (ĐT.907 nối dài).	Xã Thiện Mỹ, huyện Trà Ôn	3,016km và 01 cầu dài 0,025km	x	x	x	x	x	124.958	
5	Đường từ Quốc lộ 54 đến xã Mỹ Hòa, thị xã Bình Minh	Xã Mỹ Hòa - Phường Đông Thuận, thị xã Bình Minh	2,6 km và 01 cầu dài 150 m	x	x	x	x	x	350.000	
6	Cầu Tam Bình và đường kết nối từ ĐT.905 đến ĐT.901	Huyện Tam Bình và Trà Ôn	Giai đoạn 1 : 01 cầu dài 0,342km và đường vào cầu dài 0,2km; Giai đoạn 2: Đường dài 6,250km và 03 cầu	x	x	x	x	x	534.841	
7	Đường tỉnh 907 tỉnh Vĩnh Long (giai đoạn 2)	Huyện Vũng Liêm và Mang Thít	37,4km và 16 cầu		x	x	x	x	892.000	

TT	Danh mục dự án/Công trình	Địa điểm	Quy mô	Phân kỳ đầu tư					Tổng mức đầu tư cả giai đoạn (Triệu đồng)	Ghi chú
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025		
8	Cải tạo, nâng cấp ĐT.910B tỉnh Vĩnh Long	Thị xã Bình Minh, huyện Bình Tân	Đường dài 9,6km mở rộng mặt cầu 08 cầu	x	x	x	x	x	157.995	
9	Đường từ cầu Ngã Tư đến đường tỉnh 910, xã Thuận An, thị xã Bình Minh	Xã Thuận An, thị xã Bình Minh	1,98km	x	x	x	x	x	52.000	
10	Cầu xã Đông Thạnh, thị xã Bình Minh	Xã Đông Thạnh, thị xã Bình Minh	45,9m	x	x	x	x	x	14.000	
11	Đường cạp kênh Phong Thới, thị trấn Vũng Liêm	Thị trấn Vũng Liêm, huyện Vũng Liêm.	1,64km	x	x	x	x	x	134.200	
12	Đường vành đai 1, huyện Vũng Liêm	Xã Trung Thành - Trung Thành Đông, huyện Vũng Liêm	4.300m	x	x	x	x	x	492.400	
13	Đường D1, thị trấn Long Hồ, huyện Long Hồ	Thị trấn Long Hồ, huyện Long Hồ	2,83km	x	x	x	x	x	159.039	
14	Dự án Đường từ Quốc lộ 53 - Khu công nghiệp Hòa Phú (ĐT.909B) - Đường Phú Lộc Bàu Gốc - Quốc lộ 1 tỉnh Vĩnh Long	Thành phố Vĩnh Long, huyện Long Hồ và Tam Bình	14,76km và 11 cầu	x	x	x	x	x	1.493.000	
15	Dự án Đường từ Quốc lộ 53 - Khu công nghiệp Hòa Phú (ĐT.909B) - Đường Phú Lộc Bàu Gốc - Quốc lộ 1 tỉnh Vĩnh Long	Thành phố Vĩnh Long, huyện Long Hồ và Tam Bình	14,76km và 11 cầu	x	x	x	x	x	1.493.000	
16	Dự án Cầu và đường đến trung tâm xã Nhon Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long	Xã Nhon Bình, huyện Trà Ôn	6,772 km và 3 cầu	x	x	x	x	x	114.037	
17	Dự án Cầu và đường đến trung tâm xã Thành Trung, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long	Xã Thành Trung, huyện Bình Tân	6,103 km và 3 cầu	x	x	x	x	x	132.454	

TT	Danh mục dự án/Công trình	Địa điểm	Quy mô	Phân kỳ đầu tư					Tổng mức đầu tư cả giai đoạn (Triệu đồng)	Ghi chú
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025		
18	Mở rộng, nâng cấp Cầu Long Phước	Xã Long Phước, huyện Long Hồ	36m	x	x	x	x	x	13.691	
19	Dự án Đường Mương Ngang – Rạch Cùi (giai đoạn 2), xã Thuận An, thị xã Bình Minh	Xã Thuận An, thị xã Bình Minh	3400m	x	x	x	x	x	31.500	
20	Dự án Cầu sông Mỹ Thuận, xã Thuận An, thị xã Bình Minh	Xã Thuận An, thị xã Bình Minh	75m	x	x	x	x	x	28.300	
21	Cầu Vàm Rạch Múc	Xã Thuận An, thị xã Bình Minh	46m	x	x	x	x	x	3.200	
22	Cầu Hòa Phú, xã Hòa Phú, huyện Long Hồ	Xã Hòa Phú, huyện Long Hồ	45m	x	x	x	x	x	7.276	
23	Đường D1, thị trấn Long Hồ, huyện Long Hồ	Thị trấn Long Hồ, huyện Long Hồ	2,83km	x	x	x	x	x	159.039	
24	Đường liên ấp 7 - ấp 8 (Đường Bờ Dầu), xã Trung Ngãi, huyện Vũng Liêm	Xã Trung Ngãi, huyện Vũng Liêm.	1,0 km	x	x	x	x	x	3.949	
25	Đường ấp 1 - ấp 2 - ấp Kinh (giai đoạn 2), xã Trung Ngãi	Xã Trung Ngãi, huyện Vũng Liêm.	1,73 km	x	x	x	x	x	3.498	
26	Đường vào làng nghề ấp Nhà Thờ, xã Tường Lộc, huyện Tam Bình	Xã Tường Lộc, huyện Tam Bình	2,5km	x	x	x	x	x	11.204	
27	Đường Kinh Mới	xã Hòa Bình và xã Hiếu Nhơn, huyện Trà Ôn	1068m	x	x	x	x	x	14.960	
28	Cầu Phước Mỹ, xã Phú Thành, huyện Trà Ôn	Xã Phú Thành, huyện Trà Ôn	18m	x	x	x	x	x	3.977	

TT	Danh mục dự án/Công trình	Địa điểm	Quy mô	Phân kỳ đầu tư					Tổng mức đầu tư cả giai đoạn (Triệu đồng)	Ghi chú
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025		
29	Cải tạo, nâng cấp đường Xuân Hiệp - Thới Hòa, huyện Trà Ôn (Đường huyện 77, đoạn từ xã Xuân Hiệp đến Cầu Tám Sâm)	Các xã: Xuân Hiệp, Thới Hòa, Hòa Bình, huyện Trà Ôn	5,951km	x	x	x	x	x	3.454	
30	Đường vào bia chiến thắng Mương Khai - Hiệp Hòa, xã Hòa Bình, huyện Trà Ôn.	xã Hòa Bình, huyện Trà Ôn	3,6km	x	x	x	x	x	24.684	
31	Cải tạo, nâng cấp đường Cống Đá - Vàm Vòng, huyện Trà Ôn (Đường huyện 72)	Xã Thuận Thới và xã Hựu Thành, huyện Trà Ôn	6,91km	x	x	x	x	x	2.741	
32	Đường Kênh Lung Cái, xã Tân Hưng, huyện Bình Tân	Xã Tân Hưng, huyện Bình Tân	0,87km	x	x	x	x	x	5.167	
33	Đường từ đường tỉnh 908 - cây xăng Ngã Năm, xã Tân Thành, huyện Bình Tân	Xã Tân Thành, huyện Bình Tân	1,63km	x	x	x	x	x	14.371	
34	Đường D4, thị trấn Tân Quới, huyện Bình Tân	Thị trấn Tân Quới, huyện Bình Tân	270m	x	x	x	x	x	16.465	
35	Dự án Đường liên xã Phú Quới - Thạnh Quới	Xã Phú Quới và Thạnh Quới, huyện Long Hồ	5,88km	x	x	x	x	x	199.195	
36	Cầu Đường Cái, phường Tân Hòa, thành phố Vĩnh Long	Phường Tân Hòa, thành phố Vĩnh Long	30m	x	x	x	x	x	2.744	
37	Dự án Đường Rạch Ngay - Bờ Sao, huyện Vũng Liêm	Xã Trung Hiệp và xã Tân An Luông, huyện Vũng Liêm	1,4km	x	x	x	x	x	51.869	
38	Đường liên ấp từ cầu Cống Ranh đến cầu Ba Tầng, xã Long Phước, huyện Long Hồ	Xã Long Phước, huyện Long Hồ	3,141km	x	x	x	x	x	14.956	

TT	Danh mục dự án/Công trình	Địa điểm	Quy mô	Phân kỳ đầu tư					Tổng mức đầu tư cả giai đoạn (Triệu đồng)	Ghi chú
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025		
39	Đường vành đai 1, huyện Vũng Liêm	Xã Trung Thành - Trung Thành Đông	4.280m	x	x	x	x	x	492.380	
40	Đường Thế Hanh, thị trấn Vũng Liêm	Thị trấn Vũng Liêm	1,64km	x	x	x	x	x	128.400	
41	Nâng cấp Hương lộ Cái Ngang (đoạn từ tỉnh lộ 904 đến chợ Cái Ngang)	xã Hòa Lộc, Mỹ Lộc, huyện Tam Bình	5.200m	x	x	x	x	x	41.603	
42	Nâng cấp Hương lộ Cái Ngang (đoạn từ Quốc lộ 1A đến Cầu Cái Ngang nhỏ)	Xã Song Phú, Phú Lộc, huyện Tam Bình	7.000m	x	x	x	x	x	60.176	
43	Đường nội ô Thị trấn Cái Nhum (tuyến từ đường Hùng Vương đến đường 30/4), huyện Mang Thít.	Thị trấn Cái Nhum, huyện Mang Thít	0,75km	x	x	x	x	x	43.655	
44	Đường liên ấp An Phước - Trung Hòa 1 - Trung Hòa 2 (Đường kinh 3 Tân), xã Trung An, huyện Vũng Liêm	Xã Trung An, huyện Vũng Liêm.	2,16km	x	x	x	x	x	5.276	
45	Đường D1, thị trấn Long Hồ, huyện Long Hồ	Thị trấn Long Hồ, huyện Long Hồ	2,83km	x	x	x	x	x	159.039	
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực Nông nghiệp - Thủy lợi</b>								<b>3.985.883</b>	
1	Đầu tư hoàn chỉnh trạm quan trắc khí tượng thủy văn nội đồng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long	Trên địa bàn tỉnh	11 trạm	x	x	x	x	x	25.100	Kinh phí thực hiện hàng năm được cân đối từ tổng mức đầu tư được duyệt.
2	Kè chống sạt lở bờ sông Cổ Chiên (đoạn từ đầu cù lao An Bình đến phà An Bình), xã An Bình, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long	Xã An Bình, huyện Long Hồ	Kè dài 4.300m	x	x	x	x	x	256.771	

TT	Danh mục dự án/Công trình	Địa điểm	Quy mô	Phân kỳ đầu tư					Tổng mức đầu tư cả giai đoạn (Triệu đồng)	Ghi chú
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025		
3	Kè chống sạt lở bờ sông Tiền (đoạn từ sông Cái Đồi đến bên phà Mỹ Thuận cũ), phường Tân Hòa, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.	Phường Tân Hòa, thành phố Vĩnh Long	Kè dài 2.000m	x	x	x	x	x	292.004	
4	Hệ thống thủy lợi Cồn Lục Sỹ, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long (giai đoạn 2)	Xã Lục Sĩ Thành và xã Phú Thành, huyện Trà Ôn	Phục vụ tưới tiêu 2.000ha, gồm: Đê bao dài 35km, cống hở: 05 cống, kè chống sạt lở bờ sông 700m	x	x	x	x	x	309.730	
5	Nâng cấp hệ thống thủy lợi Mỹ Lộc - Mỹ Thạnh Trung - Long Phú - Song Phú, huyện Tam Bình	Xã Mỹ Lộc - Mỹ Thạnh Trung - Long Phú - Song Phú, huyện Tam Bình	Phục vụ tưới tiêu 10.000ha; bao gồm: nạo vét kết hợp đắp đê bao: 67km, cống hở: 08 cống	x	x	x	x	x	294.912	
6	Hệ thống thủy lợi Thanh Đức - Long Mỹ, huyện Long Hồ và huyện Mang Thít	Xã Thanh Đức, huyện Long Hồ) và xã Long Mỹ, huyện Mang Thít	Đê bao 12,8km, đê bao kết hợp đường trục nội đồng 15km, cống hở: 05 cống, bển trung chuyển hàng hóa: 02 bển	x	x	x	x	x	275.414	
7	Kè chống sạt lở sông Tác Từ Tái, khu vực phường Cái Vồn và phường Thành Phước, thị xã Bình Minh	Phường Thành Phước và phường Cái Vồn, thị xã Bình Minh	3,4km	x	x	x	x	x	799.894	
8	Kè chống sạt lở bờ sông Rạch Vồn (Đoạn từ cầu Huyện Đội đến Rạch Chùa) thuộc khu vực phường Cái Vồn và phường Thành Phước, thị xã Bình Minh	Thị xã Bình Minh	Kè dài 675m	x	x	x	x	x	279.999	

TT	Danh mục dự án/Công trình	Địa điểm	Quy mô	Phân kỳ đầu tư					Tổng mức đầu tư cả giai đoạn (Triệu đồng)	Ghi chú
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025		
9	Kè chống sạt lở bờ sông Tiền (đoạn từ sông Cái Đồi đến bên phà Mỹ Thuận cũ), phường Tân Hòa, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.	Phường Tân Hòa, thành phố Vĩnh Long	Kè dài 2.000m	x	x	x	x	x	292.004	
10	Hệ thống thủy lợi Cồn Lục Sỹ, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long (giai đoạn 2)	Xã Lục Sĩ Thành và xã Phú Thành, huyện Trà Ôn	Phục vụ tưới tiêu 2.000ha, gồm: Đê bao dài 35km, cống hở: 05 cống, kè chống sạt lở bờ sông 700m	x	x	x	x	x	309.730	
11	Nâng cấp hệ thống thủy lợi Mỹ Lộc - Mỹ Thạnh Trung - Long Phú - Song Phú, huyện Tam Bình	Xã Mỹ Lộc - Mỹ Thạnh Trung - Long Phú - Song Phú, huyện Tam Bình	Phục vụ tưới tiêu 10.000ha; bao gồm: nạo vét kết hợp đắp đê bao: 67km, cống hở: 08 cống	x	x	x	x	x	294.912	
12	Hệ thống thủy lợi Thanh Đức - Long Mỹ, huyện Long Hồ và huyện Mang Thít	Xã Thanh Đức, huyện Long Hồ và xã Long Mỹ, huyện Mang Thít	Đê bao 12,8km, đê bao kết hợp đường trục nội đồng 15km, cống hở: 05 cống, bến trung chuyển hàng hóa: 02 bến	x	x	x	x	x	275.414	
13	Kè chống sạt lở bờ sông Rạch Vồn (Đoạn từ cầu Huyện Đội đến Rạch Chùa) thuộc khu vực phường Cái Vồn và phường Thành Phước, thị xã Bình Minh	Thị xã Bình Minh	Kè dài 675m	x	x	x	x	x	279.999	
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực Nước sạch</b>			x	x	x	x	x	<b>222.951</b>	
1	Nâng cấp công suất trạm cấp nước xã Phú Quới, huyện Long Hồ	Xã Phú Quới, huyện Long Hồ	4.000m	x	x	x	x	x	4.239	Kinh phí thực hiện hàng năm

TT	Danh mục dự án/Công trình	Địa điểm	Quy mô	Phân kỳ đầu tư					Tổng mức đầu tư cả giai đoạn (Triệu đồng)	Ghi chú
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025		
2	Nâng cấp công suất trạm cấp nước Tân Hạnh 1 xã Tân Hạnh, huyện Long Hồ	Xã Tân Hạnh, huyện Long Hồ	5.400m	x	x	x	x	x	4.017	được cân đối từ tổng mức đầu tư được duyệt.
3	Hệ thống cấp nước tập trung liên xã Mỹ Hòa 2, thị xã Bình Minh	Xã Mỹ Hòa, thị xã Bình Minh	13.660m	x	x	x	x	x	10.399	
4	Nâng cấp công suất trạm cấp nước xã Thuận An, thị xã Bình Minh	Xã Thuận An, thị xã Bình Minh	6.500m	x	x	x	x	x	5.232	
5	Hệ thống cấp nước tập trung liên xã An Bình 2, huyện Long Hồ	Xã An Bình, huyện Long Hồ	50m <sup>3</sup> /h	x	x	x	x	x	11.400	
6	Nâng cấp công suất trạm cấp nước Hòa Phú 2 xã Hòa Phú, huyện Long Hồ	Xã Hòa Phú, huyện Long Hồ	4.000m	x	x	x	x	x	3.163	
7	Nâng cấp công suất trạm cấp nước Phước Hậu 1 xã Phước Hậu, huyện Long Hồ	Xã Phước Hậu, huyện Long Hồ	3.000m	x	x	x	x	x	4.352	
8	Nâng cấp công suất trạm cấp nước xã Lộc Hòa, huyện Long Hồ	Xã Lộc Hòa, huyện Long Hồ	3.500m	x	x	x	x	x	3.857	
9	Hệ thống cấp nước tập trung liên xã Mỹ An 3, huyện Mang Thít	Xã Mỹ An, Mỹ Phước, An Phước, Chánh An, huyện Mang Thít	80m <sup>3</sup>	x	x	x	x	x	14.967	
10	Nâng cấp công suất trạm cấp nước xã Long Mỹ, huyện Mang Thít	Xã Long Mỹ, huyện Mang Thít	4.500m	x	x	x	x	x	2.382	
11	Nâng cấp công suất trạm cấp nước xã Quới Thiện, huyện Vũng Liêm	Xã Quới Thiện, huyện Vũng Liêm	8.000m	x	x	x	x	x	2.931	
12	Nâng cấp công suất trạm cấp nước xã Thanh Bình, huyện Vũng Liêm	Xã Thanh Bình, huyện Vũng Liêm	11.000m	x	x	x	x	x	3.838	



TT	Danh mục dự án/Công trình	Địa điểm	Quy mô	Phân kỳ đầu tư					Tổng mức đầu tư cả giai đoạn (Triệu đồng)	Ghi chú
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025		
13	Nâng cấp công suất trạm cấp nước Lục Sỹ Thành 1 xã Lục Sỹ Thành, huyện Trà Ôn	Xã Lục Sỹ Thành, huyện Trà Ôn	5.500m	x	x	x	x	x	3.996	Kinh phí thực hiện hàng năm được cân đối từ tổng mức đầu tư được duyệt.
14	Nâng cấp công suất trạm cấp nước xã Phú Thành, huyện Trà Ôn	Xã Phú Thành, huyện Trà Ôn	5.00m	x	x	x	x	x	2.793	
15	Hệ thống cấp nước tập trung liên xã Tân Bình 2, huyện Bình Tân	Xã Tân Bình, huyện Bình Tân	15.100m	x	x	x	x	x	12.700	
16	Nâng cấp công suất trạm cấp nước xã Nguyễn Văn Thành, huyện Bình Tân	Xã Nguyễn Văn Thành, huyện Bình Tân	5.000m	x	x	x	x	x	3.164	
17	Hệ thống cấp nước tập trung liên xã Tân Mỹ 2 huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long (trạm cấp nước xã Tân Mỹ)	Xã Tân Mỹ, huyện Trà Ôn	80m <sup>3</sup> /g; 25.050m	x	x	x	x	x	14.999	
18	Hệ thống cấp nước tập trung liên xã Ngãi Tứ 2, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long (trạm cấp nước xã Ngãi Tứ)	Xã Ngãi Tứ, huyện Tam Bình	50m <sup>3</sup> /g; 96 hộ	x	x	x	x	x	9.794	
19	Nâng cấp công suất cụm xử lý từ 20m <sup>3</sup> /h lên 30m <sup>3</sup> /h - Nâng cấp, mở rộng tuyến ống trạm cấp nước Mỹ Lộc 2, xã Mỹ Lộc	Xã Mỹ Lộc, huyện Tam Bình	30m <sup>3</sup> /g; 15.590m	x	x	x	x	x	3.315	
20	Hệ thống cấp nước tập trung liên xã Xuân Hiệp 2 huyện Trà Ôn (trạm cấp nước xã Xuân Hiệp)	Xã Xuân Hiệp, huyện Trà Ôn	100m <sup>3</sup> /g; 24.950m	x	x	x	x	x	14.995	

TT	Danh mục dự án/Công trình	Địa điểm	Quy mô	Phân kỳ đầu tư					Tổng mức đầu tư cả giai đoạn (Triệu đồng)	Ghi chú
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025		
21	Hệ thống cấp nước tập trung Tân An Hội 2 xã Tân An Hội, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long (trạm cấp nước xã Tân Long Hội)	Xã Tân An Hội, huyện Mang Thít	50m <sup>3</sup> /g; 110 hộ	x	x	x	x	x	10.522	
22	Hệ thống cấp nước tập trung liên xã Hòa Hiệp 2 huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long (trạm cấp nước xã Hòa Hiệp)	Xã Hòa Hiệp, huyện Tam Bình	11.850m	x	x		x	x	8.898	
23	Hệ thống cấp nước tập trung liên xã Song Phú 2 huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long (trạm cấp nước xã Song Phú)	Xã Song Phú, huyện Tam Bình	22.965m; 275 hộ	x	x	x	x	x	12.498	
24	Hệ thống cấp nước tập trung liên xã Tân Mỹ 2 huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long (trạm cấp nước xã Tân Mỹ)	Xã Tân Mỹ, huyện Trà Ôn	80m <sup>3</sup> /g; 25.050m	x	x	x	x	x	11.400	
25	Hệ thống cấp nước tập trung liên xã Ngãi Tứ 2, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long (trạm cấp nước xã Ngãi Tứ)	Xã Ngãi Tứ, huyện Tam Bình	50m <sup>3</sup> /g; 96 hộ	x	x	x	x	x	6.900	
26	Nâng cấp công suất cụm xử lý từ 20m <sup>3</sup> /h lên 30m <sup>3</sup> /h - Nâng cấp, mở rộng tuyến ống trạm cấp nước Mỹ Lộc 2, xã Mỹ Lộc	Xã Mỹ Lộc, huyện Tam Bình	30m <sup>3</sup> /g; 15.590m	x	x	x	x	x	1.800	
27	Hệ thống cấp nước tập trung liên xã Xuân Hiệp 2 huyện Trà Ôn (trạm cấp nước xã Xuân Hiệp)	Xã Xuân Hiệp, huyện Trà Ôn	100m <sup>3</sup> /g; 24.950m	x	x	x	x	x	11.400	

TT	Danh mục dự án/Công trình	Địa điểm	Quy mô	Phân kỳ đầu tư					Tổng mức đầu tư cả giai đoạn (Triệu đồng)	Ghi chú
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025		
28	Hệ thống cấp nước tập trung Tân An Hội 2 xã Tân An Hội, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long (trạm cấp nước xã Tân Long Hội)	Xã Tân An Hội, huyện Mang Thít	50m <sup>3</sup> /g; 110 hộ	x	x	x	x	x	7.500	
29	Hệ thống cấp nước tập trung liên xã Hòa Hiệp 2 huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long (trạm cấp nước xã Hòa Hiệp)	Xã Hòa Hiệp, huyện Tam Bình	11.850m	x	x	x	x	x	6.300	
30	Hệ thống cấp nước tập trung liên xã Song Phú 2 huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long (trạm cấp nước xã Song Phú)	Xã Song Phú, huyện Tam Bình	22.965m; 275 hộ	x	x	x	x	x	9.200	
<b>TỔNG CỘNG:</b>									<b>12.151.333</b>	



## **PHỤ LỤC ATLATS SƠ ĐỒ - BẢN ĐỒ**



**Bảng phân công trách nhiệm ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai**  
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 20... của UBND tỉnh Vĩnh Long)

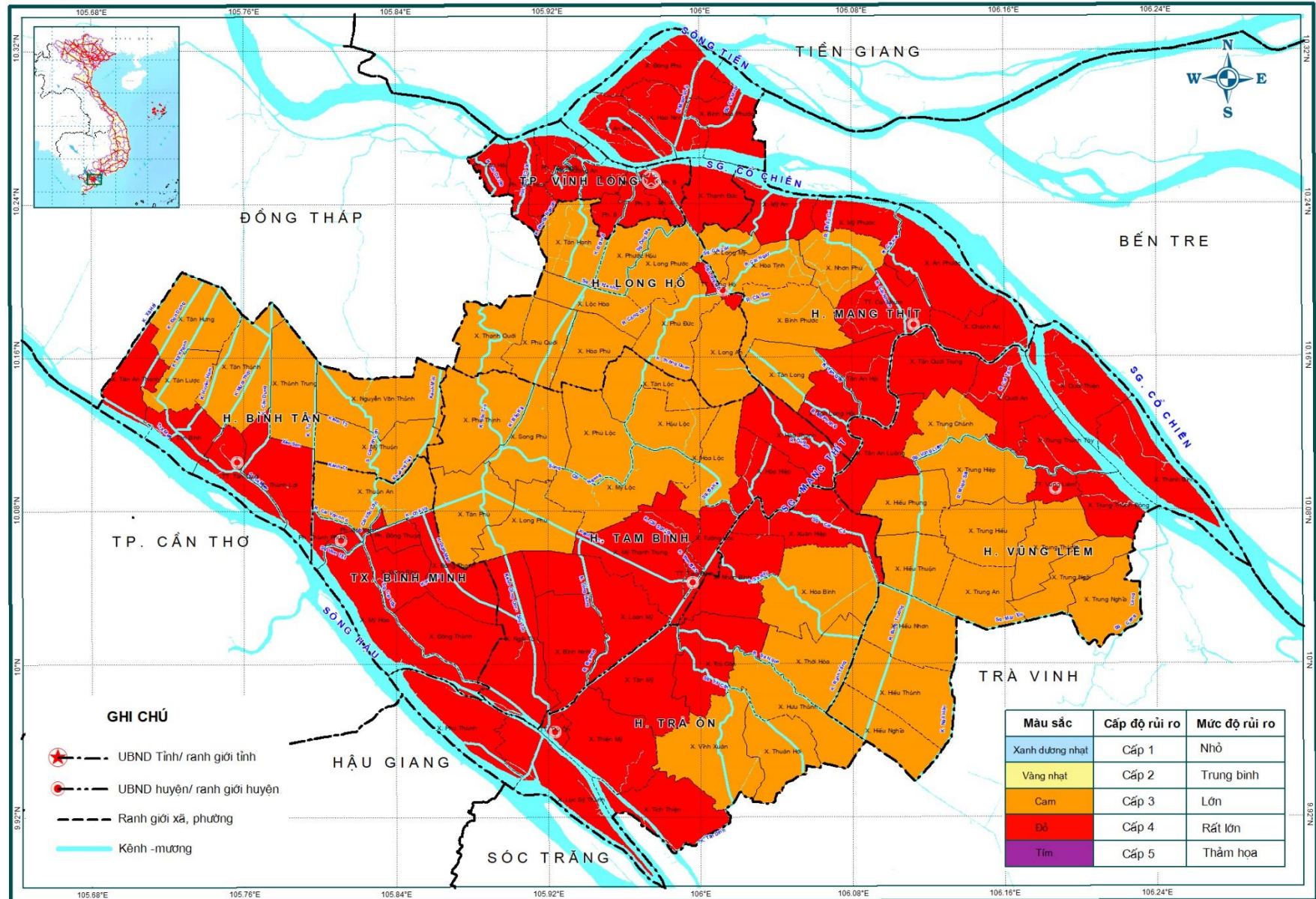
	Ban chỉ huy PCTT&TKCN Cấp Xã	Ban chỉ huy PCTT&TKCN Cấp Huyện	Ban chỉ huy PCTT&TKCN Cấp Tỉnh	Ban Chỉ đạo Quốc gia về PCTT Ủy ban Quốc gia UPSCTT&TKCN	Thủ tướng Chính phủ	Chủ tịch nước
<b>Cấp độ 1</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ huy huy động nguồn lực để ứng phó.</li> <li>- Đề nghị BCH PCTT&amp;TKCN cấp huyện hỗ trợ khi thiên tai vượt quá khả năng ứng phó</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ huy, huy động nguồn lực để ứng phó khi thiên tai xảy ra từ 2 xã trở lên.</li> <li>- Hỗ trợ cấp xã ứng phó khi có yêu cầu</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ban Chỉ huy PCTT&amp;TKCN Cấp Bộ</li> </ul>		
					<p>KÝ HIỆU</p> <p>→ Báo cáo.</p> <p>← Chỉ huy, chỉ đạo.</p>	<p>Ý NGHĨA</p> <p>→ Báo cáo.</p> <p>← Chỉ huy, chỉ đạo.</p>
<b>Cấp độ 2</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện các nội dung như Cấp độ 1.</li> <li>- Hướng dẫn và tổ chức sơ tán</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện các nội dung như Cấp độ 1.</li> <li>- Thực hiện cường chế sơ tán.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ huy, huy động nguồn lực tại địa phương để ứng phó.</li> <li>- Đề nghị Ban chỉ đạo Quốc gia về PCTT, Ủy ban QG PCTT&amp;TKCN hỗ trợ khi thiên tai vượt quá khả năng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Huy động nguồn lực hỗ trợ Cấp tỉnh khi có yêu cầu</li> </ul>		
<b>Cấp độ 3</b>	Thực hiện các nội dung như cấp độ 2	Thực hiện các nội dung như cấp độ 2	Thực hiện các nội dung như cấp độ 2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ đạo Ban chỉ huy PCTT&amp;TKCN các Bộ, các địa phương ứng phó.</li> <li>- Quyết định các biện pháp cấp bách và huy động nguồn lực hỗ trợ các địa phương.</li> <li>- Báo cáo Thủ tướng Chính phủ xin ý kiến chỉ đạo khi thiên tai vượt quá cấp độ 3, hoặc có nguy cơ gây thiệt hại nghiêm trọng.</li> </ul>		
<b>Cấp độ 4</b>	Thực hiện các nội dung như cấp độ 3	Thực hiện các nội dung như cấp độ 3	Thực hiện các nội dung như cấp độ 3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ các biện pháp ứng phó thiên tai.</li> <li>- Thực hiện các nội dung như cấp độ 3.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ đạo các Bộ, địa phương triển khai biện pháp ứng phó.</li> <li>- Đề nghị Chủ tịch nước ban bố tình trạng khẩn cấp về thiên tai.</li> </ul>	
<b>Cấp độ 5</b>	Thực hiện theo quy định của Pháp luật về tình trạng khẩn cấp					





# KẾ HOẠCH PCTT VÀ TKCN TỈNH VĨNH LONG GIAI ĐOẠN 2021-2025

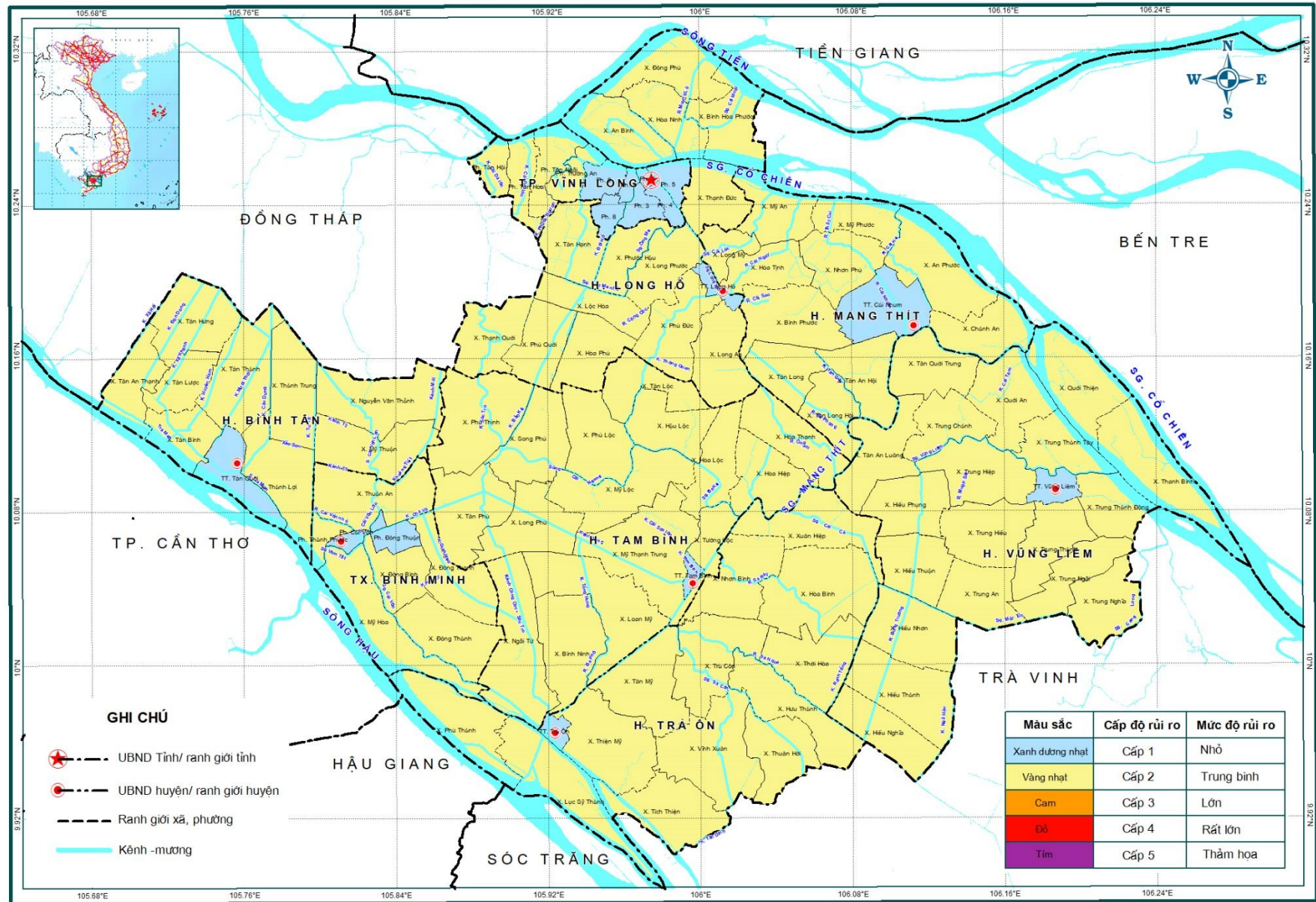
## BẢN ĐỒ RỦI RO THIÊN TAI DO BÃO - ÁP THẤP NHIỆT ĐỚI







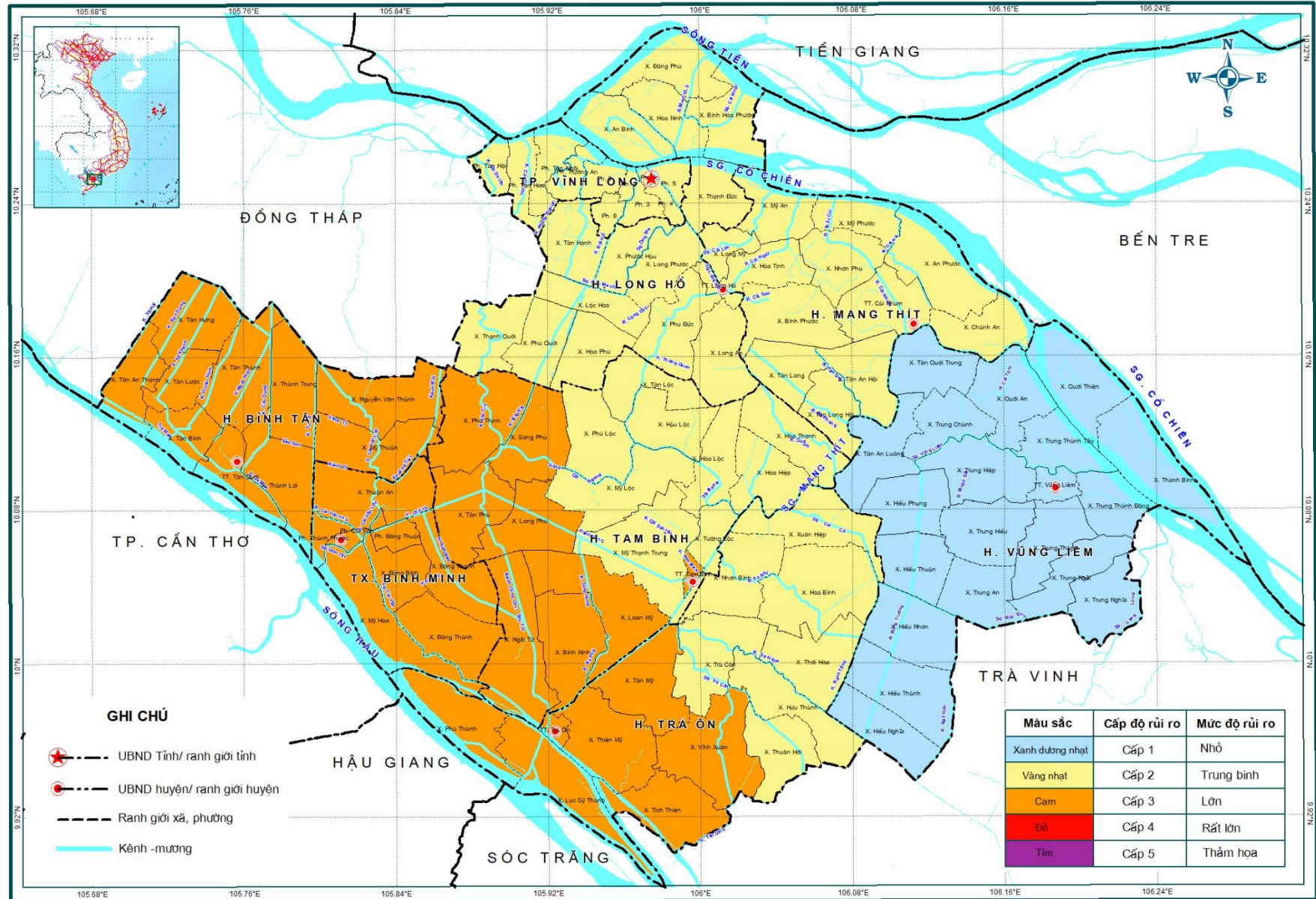
**KẾ HOẠCH PCTT VÀ TKCN TỈNH VĨNH LONG GIAI ĐOẠN 2021-2025**  
**BẢN ĐỒ RỦI RO THIÊN TAI DO LỐC XOÁY, SÉT**







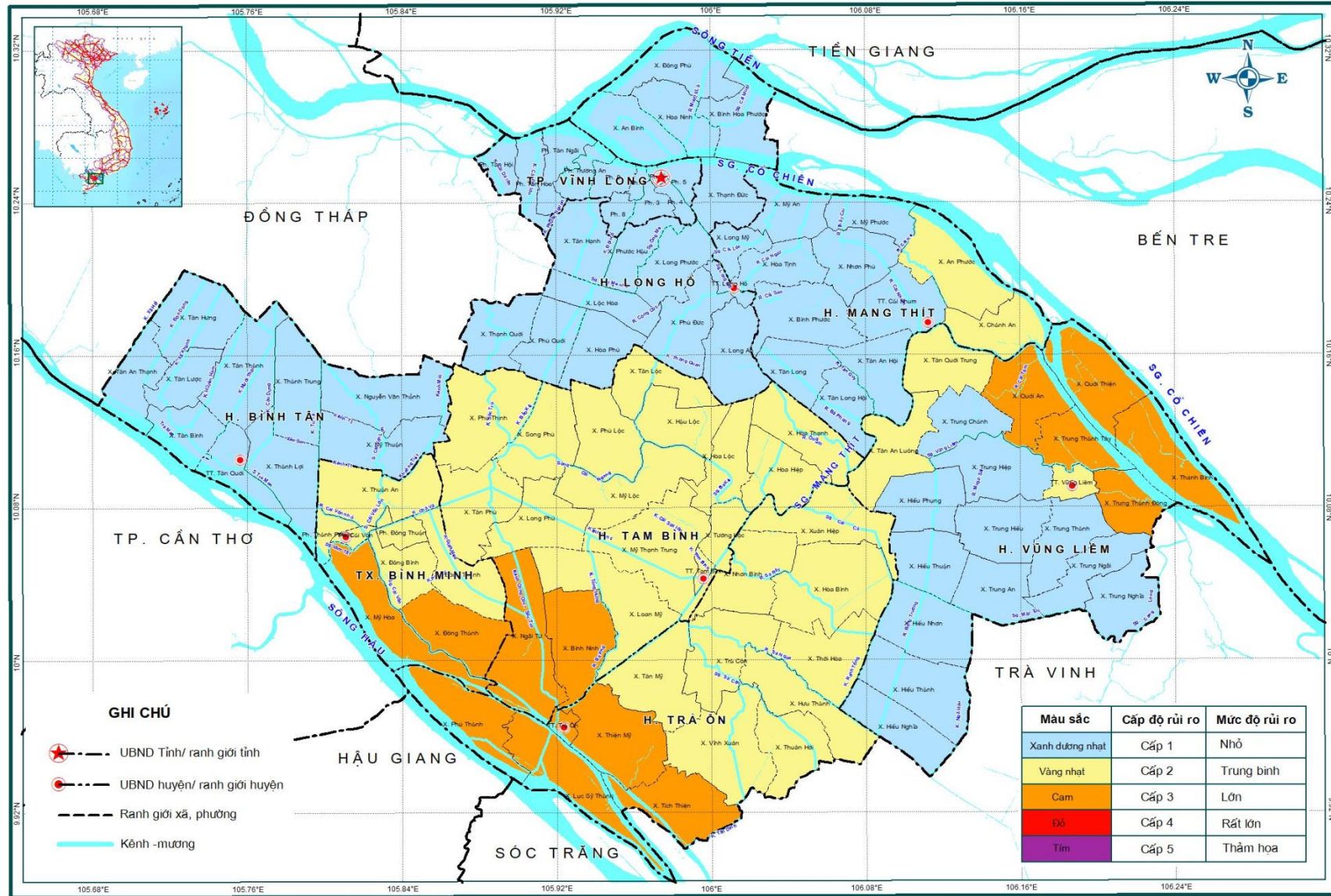
KẾ HOẠCH PCTT VÀ TKCN TỈNH VĨNH LONG GIAI ĐOẠN 2021-2025  
**BẢN ĐỒ RỦI RO THIÊN TAI DO LŨ**







**KẾ HOẠCH PCTT VÀ TKCN TỈNH VĨNH LONG GIAI ĐOẠN 2021-2025**  
**BẢN ĐỒ RỦI RO THIÊN TAI DO HẠN HÁN - XÂM NHẬP MẶN**



**GHI CHÚ**

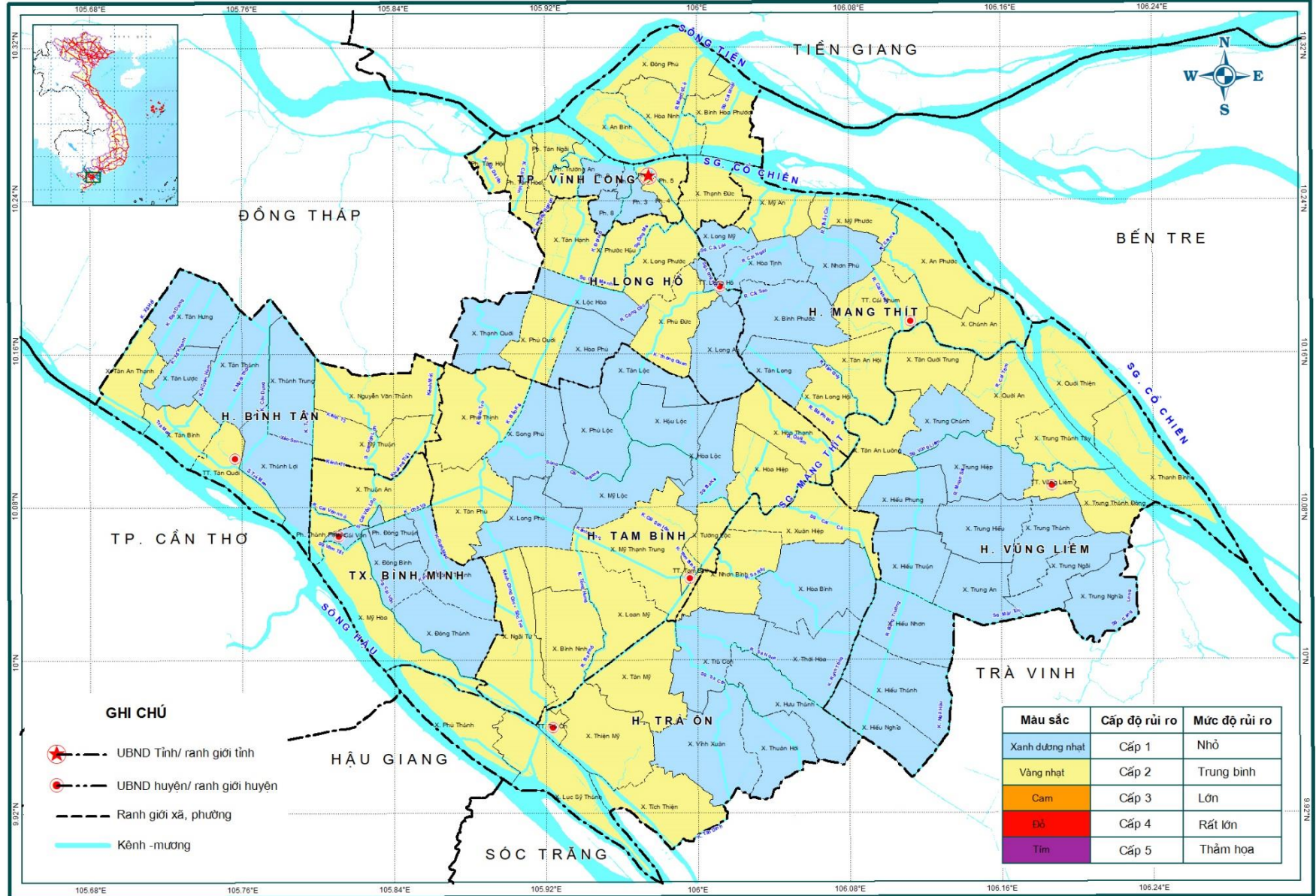
- UBND Tỉnh/ ranh giới tỉnh
- UBND huyện/ ranh giới huyện
- Ranh giới xã, phường
- Kênh -mương

Màu sắc	Cấp độ rủi ro	Mức độ rủi ro
Xanh dương nhạt	Cấp 1	Nhỏ
Vàng nhạt	Cấp 2	Trung bình
Cam	Cấp 3	Lớn
Đỏ	Cấp 4	Rất lớn
Tím	Cấp 5	Thảm họa





**KẾ HOẠCH PCTT VÀ TKCN TỈNH VĨNH LONG GIAI ĐOẠN 2021-2025**  
**BẢN ĐỒ RỦI RO THIÊN TAI DO SẠT LỞ ĐẤT**







# KẾ HOẠCH PCTT VÀ TKCN TỈNH VĨNH LONG GIAI ĐOẠN 2021-2025

## BẢN ĐỒ RỦI RO THIÊN TAI DO TRIỀU CƯỜNG, MƯA LỚN

